

TĐT

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

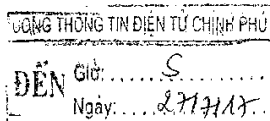
CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số : 1079 /QĐ - TTg

Hà Nội, ngày 26 tháng 7 năm 2017

QUYẾT ĐỊNH

Về việc cấp đổi, cấp lại Bằng "Tổ quốc ghi công"



THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng của Ủy ban Thường vụ Quốc hội số 26/2005/PL-UBTVQH, ngày 29 tháng 6 năm 2005; Pháp lệnh sửa đổi, bổ sung một số điều của Pháp lệnh ưu đãi người có công với cách mạng số 04/2012/UBTVQH13 ngày 16 tháng 7 năm 2012;

Căn cứ Nghị định số 31/2013/NĐ-CP ngày 09 tháng 4 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành một số điều của Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng;

Xét đề nghị của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội tại Tờ trình số 66/TTr-LĐTBXH ngày 19 tháng 7 năm 2017,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp đổi, cấp lại Bằng "Tổ quốc ghi công" cho 1.730 liệt sĩ thuộc thành phố Hà Nội và các tỉnh: Bình Dương, Hà Tĩnh, Bắc Giang, Sóc Trăng, Tây Ninh, Quảng Ngãi, Lâm Đồng, Bắc Ninh, An Giang, Nghệ An, Bình Thuận (có danh sách kèm theo).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

Điều 3. Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận :

- Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội,
- VPCP: BTCN, PCN Nguyễn Văn Tùng, PCN Nguyễn Sỹ Hiệp, TGD Công TTĐT;
- Lưu: Văn thư, TCCV (2b), LHN (b).5

KT. THỦ TƯỚNG
PHÓ THỦ TƯỚNG



Trương Hòa Bình



DANH SÁCH CẤP ĐOÌ, CẤP LẠI BẰNG “TỔ QUỐC GHI CÔNG”

*(Kèm theo Quyết định số: 1079 /QĐ-TTg ngày 26 tháng 7 năm 2017
của Thủ tướng Chính phủ)*

THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- 1 **Liệt sĩ: ĐẶNG VĂN CƯƠNG**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, tp Hà Nội, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 23 tháng 10 năm 1965
Số bằng: AL 075 bm Quyết định số: 75/TTga ngày 01 tháng 4 năm 1971
- 2 **Liệt sĩ: BÙI HỮU NHÂN**
Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thụy Hà, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 20 tháng 4 năm 1952
Số bằng: XH 468 bp Quyết định số: 283/TTg ngày 06 tháng 6 năm 1958
- 3 **Liệt sĩ: NGUYỄN VĂN HỒNG**
Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Đông Yên, huyện Quốc Oai, tp Hà Nội, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 30 tháng 8 năm 1968
Số bằng: CR 195 bm Quyết định số: 349/Ttga ngày 22 tháng 8 năm 1972
- 4 **Liệt sĩ: KIỀU VĂN PHÚC**
Chính trị viên phó Đại đội, Nguyên quán: xã Tuyền Nghĩa, huyện Quốc Oai, tp Hà Nội, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 15 tháng 5 năm 1972
Số bằng: KB 155 bm Quyết định số: 506/Ttga ngày 17 tháng 11 năm 1973
- 5 **Liệt sĩ: NGUYỄN QUẢNG XUÂN**
Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: thị trấn Quốc Oai, huyện Quốc Oai, tp Hà Nội, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 03 tháng 5 năm 1972
Số bằng: OI 963 bm Quyết định số: 10/Ttga ngày 09 tháng 01 năm 1975
- 6 **Liệt sĩ: TRẦN VĂN TIẾN**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Liên Châu, huyện Thanh Oai, tp Hà Nội, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 23 tháng 4 năm 1979
Số bằng: 9T 015 bt Quyết định số: 529/Ttga ngày 01 tháng 8 năm 1980
- 7 **Liệt sĩ: PHẠM SƠ**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Phương Trung, huyện Thanh Oai, tp Hà Nội, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp tháng 4 năm 1953
Số bằng: XQ 714 bp Quyết định số: 176/TTg ngày 04 tháng 5 năm 1959
- 8 **Liệt sĩ: NGUYỄN CAO TÂN**
Trợ lý quan nhu tiểu đoàn, Nguyên quán: xã Cự Khê, huyện Thanh Oai, tp Hà Nội, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 18 tháng 5 năm 1970
Số bằng: BV 422 bm Quyết định số: 106/Ttga ngày 31 tháng 3 năm 1972
- 9 **Liệt sĩ: NGUYỄN VĂN HÓA**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Cự Khê, huyện Thanh Oai, tp Hà Nội, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 18 tháng 7 năm 1972
Số bằng: GH 971 bm Quyết định số: 295/Ttga ngày 12 tháng 7 năm 1973

- 10 Liệt sĩ: **NGUYỄN XUÂN THỰC**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: thị trấn Kim Bài, huyện Thanh Oai, tp Hà Nội, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 24 tháng 12 năm 1951
Số bằng: ZX 619 bp Quyết định số: 314/TTg ngày 13 tháng 12 năm 1960
- 11 Liệt sĩ: **CHU VĂN TỌ**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hoàng Long, huyện Phú Xuyên, tp Hà Nội, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp tháng 10 năm 1952
Số bằng: GI 234 bp Quyết định số: 1270/QĐ-TTg ngày 18 tháng 11 năm 2003
- 12 Liệt sĩ: **CHU HỮU HƯNG**
Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hoàng Long, huyện Phú Xuyên, tp Hà Nội, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 20 tháng 5 năm 1972
Số bằng: LV 983 bm Quyết định số: 277/Ttga ngày 01 tháng 6 năm 1974
- 13 Liệt sĩ: **PHÙNG VĂN DINH**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: thị trấn Tây Đằng, huyện Ba Vì, tp Hà Nội, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 08 tháng 12 năm 1971
Số bằng: GV 863 bm Quyết định số: 382/Ttga ngày 01 tháng 9 năm 1973
- 14 Liệt sĩ: **NGUYỄN QUANG TÍN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Minh Châu, huyện Ba Vì, tp Hà Nội, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 31 tháng 8 năm 1967
Số bằng: EG 371 bm Quyết định số: 86/Ttga ngày 15 tháng 3 năm 1973
- 15 Liệt sĩ: **TRỊNH VĂN HỒNG**
Đại đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Cam Thượng, huyện Ba Vì, tp Hà Nội, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp tháng 11 năm 1951
Số bằng: XQ 3,649 bp Quyết định số: 287/TTg ngày 01 tháng 8 năm 1959
- 16 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN THU**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Phú Phương, huyện Ba Vì, tp Hà Nội, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 07 tháng 5 năm 1970
Số bằng: ĐS 249 bm Quyết định số: 10/Ttga ngày 16 tháng 01 năm 1973
- 17 Liệt sĩ: **NGUYỄN TIẾN HÀNH**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hợp Đồng, huyện Chương Mỹ, tp Hà Nội, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 05 tháng 12 năm 1972
Số bằng: KN 546 bm Quyết định số: 165/Ttga ngày 16 tháng 4 năm 1974
- 18 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN TUẤN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hợp Đồng, huyện Chương Mỹ, tp Hà Nội, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 21 tháng 02 năm 1965
Số bằng: HZ 654 bm Quyết định số: 31/Ttga ngày 07 tháng 4 năm 1966
- 19 Liệt sĩ: **ĐÀO DUY TÂM**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Phụng Châu, huyện Chương Mỹ, tp Hà Nội, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 24 tháng 11 năm 1968
Số bằng: OS 959 bm Quyết định số: 158/Ttga ngày 03 tháng 5 năm 1975
- 20 Liệt sĩ: **PHÙNG THỊ VU**
Dân công, Nguyên quán: xã Hữu Văn, huyện Chương Mỹ, tp Hà Nội, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 19 tháng 12 năm 1951

Số bằng: ZA 5,054 cp Quyết định số: 109/TTg ngày 27 tháng 3 năm 1961

- 21 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN RẤT**
Công nhân cơ khí lắp ráp sửa chữa, Nguyên quán: xã Đông Sơn, huyện Chương Mỹ, tp Hà Nội, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 22 tháng 6 năm 1972
Số bằng: KM 453 cm Quyết định số: 163/Ttga ngày 26 tháng 4 năm 1973
- 22 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN TỎ**
Chi ủy viên Chi bộ xã, Nguyên quán: xã Đông Sơn, huyện Chương Mỹ, tp Hà Nội, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 24 tháng 7 năm 1950
Số bằng: ZA 1,371 cp Quyết định số: 02/TTg ngày 02 tháng 01 năm 1960
- 23 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN CHẠC**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thiệu Hợp, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 20 tháng 11 năm 1952
Số bằng: CZ 371 bp Quyết định số: 481/TTg ngày 13 tháng 12 năm 1961
- 24 Liệt sĩ: **PHẠM NGỌC HỒNG**
Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hồng Hà, huyện Đan Phượng, tp Hà Nội, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 02 tháng 5 năm 1968
Số bằng: SM 592 bm Quyết định số: 231/Ttga ngày 15 tháng 12 năm 1969
- 25 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN CỘNG**
Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Tân Lập, huyện Đan Phượng, tp Hà Nội, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp tháng 12 năm 1949
Số bằng: ZB 2,868 kp Quyết định số: 02/TTg ngày 02 tháng 01 năm 1960
- 26 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN NHÂN**
Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Xuân Thọ, huyện Xuân Trường, tỉnh Nam Định, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 03 tháng 5 năm 1970
Số bằng: AP 556 bm Quyết định số: 148/Ttga ngày 25 tháng 6 năm 1971
- 27 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN TUỆ**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hà Thanh, huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 20 tháng 9 năm 1952
Số bằng: XQ 2,912 bp Quyết định số: 257/TTg ngày 02 tháng 7 năm 1959
- 28 Liệt sĩ: **NGUYỄN XUÂN BÁI**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hồng Sơn, huyện Mỹ Đức, tp Hà Nội, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 13 tháng 3 năm 1968
Số bằng: RM 745 bm Quyết định số: 203/Ttga ngày 23 tháng 12 năm 1969
- 29 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN BÍCH**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Bình Xuyên, huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 17 tháng 3 năm 1968
Số bằng: PM 348 bm Quyết định số: 125/Ttga ngày 08 tháng 8 năm 1969
- 30 Liệt sĩ: **LÊ VĂN SINH**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: thị trấn Đại Nghĩa, huyện Mỹ Đức, tp Hà Nội, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 12 tháng 9 năm 1969
Số bằng: OP 062 bm Quyết định số: 05/TTga ngày 04 tháng 01 năm 1975

- 31 **Liệt sĩ: NGUYỄN VĂN NGUỒM**
 Trung đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: thị trấn Đại Nghĩa, huyện Mỹ Đức, tp Hà Nội, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 07 tháng 11 năm 1965
 Số bằng: BV 329 bm Quyết định số: 108/TTg ngày 31 tháng 3 năm 1972

- 32 **Liệt sĩ: NGUYỄN QUANG BÌNH**
 Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Phùng Xá, huyện Mỹ Đức, tp Hà Nội, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 26 tháng 3 năm 1972
 Số bằng: RA 821 bm Quyết định số: 156/Ttga ngày 30 tháng 4 năm 1976

- 33 **Liệt sĩ: ĐINH LƯU YÊN**
 Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Mỹ Thành, huyện Mỹ Đức, tp Hà Nội, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp tháng 02 năm 1953
 Số bằng: BZ 940 bp Quyết định số: 401/TTg ngày 11 tháng 10 năm 1961

- 34 **Liệt sĩ: LÊ VĂN PHẠO**
 Dân công, Nguyên quán: xã Đại Nghĩa, huyện Mỹ Đức, tp Hà Nội, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp năm 1951
 Số bằng: ZA 5,063 cp Quyết định số: 109/TTg ngày 27 tháng 3 năm 1961

- 35 **Liệt sĩ: NGUYỄN VĂN SỞ**
 Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Phú Yên, huyện Phú Xuyên, tp Hà Nội, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 12 tháng 3 năm 1967
 Số bằng: CR 707 bm Quyết định số: 265/Ttga ngày 01 tháng 7 năm 1972

- 36 **Liệt sĩ: NGÔ NHƯ DÙNG**
 Chi ủy viên Tuyên huấn, Nguyên quán: xã Trầm Lộng, huyện ứng Hòa, tp Hà Nội, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 28 tháng 2 năm 1950
 Số bằng: ZA 1,829 cp Quyết định số: 265/TTg ngày 05 tháng 11 năm 1960

- 37 **Liệt sĩ: VƯƠNG SỸ BÌNH**
 Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Trung Tú, huyện ứng Hòa, tp Hà Nội, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 02 tháng 01 năm 1971
 Số bằng: 1A 230 bp Quyết định số: 585/Ttga ngày 13 tháng 6 năm 1977

- 38 **Liệt sĩ: KIỀU VĂN LẠC**
 Công nhân xã, Nguyên quán: xã Hùng Tiến, huyện Mỹ Đức, tp Hà Nội, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 08 tháng 4 năm 1950
 Số bằng: ZB 238 cp Quyết định số: 401/TTg ngày 11 tháng 10 năm 1961

- 39 **Liệt sĩ: NGUYỄN VIỆT LÝ**
 Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hương Hòa, huyện Hương Khê, tỉnh Hà Tĩnh, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 12 tháng 4 năm 1950
 Số bằng: ZQ 689 bp Quyết định số: 176/TTg ngày 04 tháng 5 năm 1959

- 40 **Liệt sĩ: VŨ VĂN HÓA**
 Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quang Trung, huyện Phú Xuyên, tp Hà Nội, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp năm mất tích
 Số bằng: HC 620 bp Quyết định số: 191/Ttga ngày 20 tháng 5 năm 1972

- 41 **Liệt sĩ: NGUYỄN VĂN LƯU**
 Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Đại Xuyên, huyện Phú Xuyên, tp Hà Nội, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 29 tháng 3 năm 1970

Số bằng: KP 407 bm Quyết định số: 589/TTga ngày 24 tháng 12 năm 1973

- 42 Liệt sĩ: **VŨ VĂN TỊNH**
Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tri Thủy, huyện Phú Xuyên, tp Hà Nội, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 11 tháng 7 năm 1969
Số bằng: GV 908 bm Quyết định số: 382/Ttga ngày 01 tháng 9 năm 1973
- 43 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN LĂNG**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Khắc Niệm, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 28 tháng 7 năm 1973
Số bằng: QO 739 bm Quyết định số: 103/Ttga ngày 30 tháng 8 năm 1976
- 44 Liệt sĩ: **ĐÀM VIỆT THANH**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tân Minh, huyện Thường Tín, tp Hà Nội, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 01 năm 1971
Số bằng: CK 740 bm Quyết định số: 265/TTga ngày 01 tháng 7 năm 1972
- 45 Liệt sĩ: **NGUYỄN ĐỨC NGHĨA**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nghiêm Xuyên, huyện Thường Tín, tp Hà Nội, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 05 tháng 12 năm 1978
Số bằng: 8Q 669 bt Quyết định số: 564/TTg ngày 06 tháng 8 năm 1979
- 46 Liệt sĩ: **DƯƠNG VĂN BÌNH**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nghiêm Xuyên, huyện Thường Tín, tp Hà Nội, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 15 tháng 5 năm 1950
Số bằng: ZK 121 bp Quyết định số: 467/TTg ngày 10 tháng 10 năm 1957
- 47 Liệt sĩ: **NGUYỄN QUỐC HẢI**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Phú Cường, huyện Sóc Sơn, tp Hà Nội, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 05 tháng 9 năm 1950
Số bằng: HX 057 bp Quyết định số: 157/TTg ngày 24 tháng 4 năm 1961
- 48 Liệt sĩ: **BÙI TÁ TÂM**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Đông Hương, huyện Đông Sơn, tỉnh Thanh Hóa, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 19 tháng 10 năm 1972
Số bằng: LS 738 bm Quyết định số: 272/TTga ngày 28 tháng 5 năm 1974
- 49 Liệt sĩ: **NGUYỄN CHUY**
Chính trị viên tiểu đoàn Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Duy Hưng, huyện Duy Xuyên, tỉnh Quảng Nam, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 30 tháng 01 năm 1967
Số bằng: BH 213 bm Quyết định số: 27/Ttga ngày 25 tháng 01 năm 1972
- 50 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN ĐÁP**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Liên Ninh, huyện Thanh Trì, tp Hà Nội, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 15 tháng 8 năm 1949
Số bằng: ZL 753 bp Quyết định số: 328/TTg ngày 07 tháng 01 năm 1958
- 51 Liệt sĩ: **PHAN VĂN XÒE**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Cổ Đô, huyện Ba Vì, tp Hà Nội, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 06 tháng 5 năm 1969
Số bằng: EG 283 bm Quyết định số: 86/TTga ngày 15 tháng 3 năm 1969
- 52 Liệt sĩ: **NGUYỄN HỮU TỬ**

- Đội viên tự vệ, Nguyên quán: phường Phương Canh, quận Nam Từ Liêm, tp Hà Nội, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 01 tháng 01 năm 1947
Số bằng: YZ 284 kp Quyết định số: 171/TTg ngày 23 tháng 4 năm 1957
- 53 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN THỨC**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Mai Đình, huyện Sóc Sơn, tp Hà Nội, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 14 tháng 7 năm 1949
Số bằng: ZK 245 bp Quyết định số: 467/TTg ngày 10 tháng 10 năm 1957
- 54 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN BÔNG**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Lê Thanh, huyện Mỹ Đức, tp Hà Nội, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 12 tháng 10 năm 1974
Số bằng: 1A 318 bm Quyết định số: 585/TTga ngày 13 tháng 6 năm 1977
- 55 Liệt sĩ: **VƯƠNG VĂN ĐÔNG**
Cán sự huyện đội, Nguyên quán: xã Nghĩa Hương, huyện Quốc Oai, tp Hà Nội, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 04 tháng 11 năm 1953
Số bằng: ZG 368 bp Quyết định số: 331/TTg ngày 24 tháng 7 năm 1957
- 56 Liệt sĩ: **NGUYỄN MINH TÂM**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Phú Cát, huyện Quốc Oai, tp Hà Nội, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 06 tháng 4 năm 1971
Số bằng: GO 647 bm Quyết định số: 299/Ttga ngày 14 tháng 7 năm 1973
- 57 Liệt sĩ: **NGUYỄN HỮU MỘC**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Đức Thượng, huyện Hoài Đức, tp Hà Nội, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 27 tháng 12 năm 1966
Số bằng: MT 147 bm Quyết định số: 272/Ttga ngày 14 tháng 11 năm 1970
- 58 Liệt sĩ: **CAO VĂN QUYÊN**
Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã An Khánh, huyện Hoài Đức, tp Hà Nội, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 20 tháng 4 năm 1969
Số bằng: RB 547 bm Quyết định số: 287/Ttga ngày 08 tháng 12 năm 1971
- 59 Liệt sĩ: **TRẦN VIỆT CHƯƠNG**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Đức Thượng, huyện Hoài Đức, tp Hà Nội, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 15 tháng 4 năm 1972
Số bằng: KS 405 bm Quyết định số: 77/Ttga ngày 28 tháng 02 năm 1974
- 60 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN HIỀU**
Chính trị viên phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Dương Hà, huyện Gia Lâm, tp Hà Nội, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 29 tháng 01 năm 1967
Số bằng: 8M 092 bm Quyết định số: 439/Ttga ngày 13 tháng 6 năm 1979
- 61 Liệt sĩ: **VƯƠNG DUY CHÂU**
Đại đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Phương Lâu, huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 21 tháng 8 năm 1968
Số bằng: KO 779 bm Quyết định số: 77/Ttga ngày 25 tháng 02 năm 1974
- 62 Liệt sĩ: **THÀM VĂN VỆO**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: phường Long Biên, quận Long Biên, tp Hà Nội, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 20 tháng 01 năm 1949
Số bằng: HB 365 bp Quyết định số: 741/QĐ-TTg ngày 18 tháng 5 năm 2006

- 63 **Liệt sĩ: LÊ VĂN ANH**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: phường Thụy Phương, quận Bắc Từ Liêm, tp Hà Nội, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 14 tháng 5 năm 1972
Số bằng: ĐP 565 bm Quyết định số: 491/TTga ngày 07 tháng 12 năm 1972
- 64 **Liệt sĩ: NGUYỄN ĐÌNH CÔN**
Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Mỹ Hưng, huyện Thanh Oai, tp Hà Nội, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 25 tháng 01 năm 1968
Số bằng: MR 625 bm Quyết định số: 255/Ttga ngày 27 tháng 10 năm 1970
- 65 **Liệt sĩ: NGUYỄN VĂN SƠ**
Công an viên, Nguyên quán: xã Đỗ Động, huyện Thanh Oai, tp Hà Nội, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 08 tháng 4 năm 1952
Số bằng: ZA 083 cp Quyết định số: 283/TTg ngày 06 tháng 6 năm 1958
- 66 **Liệt sĩ: PHAN HỮU TIỀN**
Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: huyện Đức Thọ, tỉnh Hà Tĩnh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 05 tháng 5 năm 1969
Số bằng: ST 162 bm Quyết định số: 587/Ttga ngày 31 tháng 12 năm 1976
- 67 **Liệt sĩ: NGUYỄN VĂN NGHỊ**
Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hoàng Long, huyện Phú Xuyên, tp Hà Nội, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp tháng 5 năm 1950
Số bằng: ZQ 990 bp Quyết định số: 176/TTg ngày 04 tháng 5 năm 1959
- 68 **Liệt sĩ: DƯƠNG VĂN THỊNH**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Phúc Tiến, huyện Phú Xuyên, tp Hà Nội, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 09 tháng 02 năm 1954
Số bằng: ZQ 3,740 bp Quyết định số: 353/TTg ngày 01 tháng 10 năm 1959
- 69 **Liệt sĩ: HOÀNG TRUNG ĐOÀN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: thị trấn Phú Xuyên, huyện Phú Xuyên, tp Hà Nội, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 20 tháng 01 năm 1971
Số bằng: KP 384 bm Quyết định số: 589/TTga ngày 24 tháng 12 năm 1973
- 70 **Liệt sĩ: TẠ VĂN GIÁP**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nam Triều, huyện Phú Xuyên, tp Hà Nội, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 28 tháng 4 năm 1970
Số bằng: 3N 145 bm Quyết định số: 122/Ttga ngày 15 tháng 02 năm 1978
- 71 **Liệt sĩ: NGUYỄN TRÁC XÊ**
Trung đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nam Triều, huyện Phú Xuyên, tp Hà Nội, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 22 tháng 01 năm 1971
Số bằng: KS 518 bm Quyết định số: 77/TTga ngày 28 tháng 02 năm 1974
- 72 **Liệt sĩ: NGUYỄN VĂN ÁM**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tiền Phong, huyện Mê Linh, tp Hà Nội, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 20 tháng 11 năm 1969
Số bằng: VO 315 bm Quyết định số: 279/Ttga ngày 13 tháng 4 năm 1977
- 73 **Liệt sĩ: BÙI XUÂN HÒA**
Ủy viên ủy ban Kháng chiến Hành chính xã, Nguyên quán: xã Yên Thọ, huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 11 tháng 8 năm 1951

Số bằng: ZB 325 cp Quyết định số: 418/Ttga ngày 31 tháng 10 năm 1961

- 74 Liệt sĩ: **ĐẶNG VĂN ĐỐC**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: phường Minh Khai, quận Bắc Từ Liêm, tp Hà Nội, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 12 tháng 10 năm 1972
Số bằng: HK 336 bm Quyết định số: 415/Ttga ngày 22 tháng 9 năm 1973
- 75 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN GIÓC**
Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Lê Thanh, huyện Mỹ Đức, tp Hà Nội, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 11 tháng 11 năm 1952
Số bằng: ZA 862 bp Quyết định số: 122/Ttg ngày 01 tháng 4 năm 1957
- 76 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN ĐIỀU**
Chính trị viên Đại đội Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Mai Động, huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 11 năm 1969
Số bằng: BV 950 bm Quyết định số: 190/Ttga ngày 20 tháng 5 năm 1972
- 77 Liệt sĩ: **LÊ MINH ĐƯỜNG**
Đại đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hồng Sơn, huyện Mỹ Đức, tp Hà Nội, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 01 tháng 01 năm 1972
Số bằng: KD 743 bm Quyết định số: 117/Ttga ngày 22 tháng 3 năm 1974
- 78 Liệt sĩ: **NGUYỄN TIẾN NHẠC**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Dương Liễu, huyện Hoài Đức, tp Hà Nội, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 22 tháng 02 năm 1979
Số bằng: 9P 349 bt Quyết định số: 340/Ttga ngày 12 tháng 5 năm 1980
- 79 Liệt sĩ: **ĐÀO VĂN TRĨ**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tri Thủy, huyện Phú Xuyên, tp Hà Nội, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 29 tháng 10 năm 1953
Số bằng: ZK 728 bp Quyết định số: 170/TTg ngày 01 tháng 4 năm 1958
- 80 Liệt sĩ: **NGUYỄN XUÂN PHAN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nam Hùng, huyện Nam Trực, tỉnh Nam Định, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp tháng 5 năm 1945
Số bằng: ZF 063 bp Quyết định số: 171/TTg ngày 23 tháng 4 năm 1957
- 81 Liệt sĩ: **PHAN THÀNH QUỲNH**
Xã viên hợp tác xã, Nguyên quán: huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 18 tháng 12 năm 1972
Số bằng: MM 410 cm Quyết định số: 489/TTg ngày 26 tháng 9 năm 1974
- 82 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN NGỌ**
Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Phú Cường, huyện Sóc Sơn, tp Hà Nội, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp tháng 6 năm 1949
Số bằng: XL 446 kp Quyết định số: 157/TTg ngày 24 tháng 4 năm 1961
- 83 Liệt sĩ: **ĐẶNG VĂN LONG**
Trung đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: phường Trung Phụng, quận Đống Đa, tp Hà Nội, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 14 tháng 10 năm 1950
Số bằng: XM 171 bp Quyết định số: 01/TTg ngày 05 tháng 01 năm 1959
- 84 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN MIỄN**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tiên Dương, huyện Đông Anh, tp Hà Nội, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 18 tháng 7 năm 1968
Số bằng: YO 092 bm Quyết định số: 390/Ttga ngày 06 tháng 5 năm 1977

85 Liệt sĩ: **VŨ VĂN SANG**

Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Vân Tảo, huyện Thường Tín, tp Hà Nội, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp tháng 10 năm 1947
Số bằng: DZ 886 bp Quyết định số: 018/Ttga ngày 22 tháng 01 năm 1963

TỈNH BÌNH DƯƠNG

86 Liệt sĩ: **LÊ TẤN THANH**

Chủ tịch ủy ban xã, Nguyên quán: xã Long Phụng, huyện Cần Giuộc, tỉnh Long An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 21 tháng 8 năm 1949
Số bằng: RC 838 cp Quyết định số: 1326/TTga ngày 24 tháng 11 năm 1978

87 Liệt sĩ: **LÊ VĂN MAI**

Trung đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã An Thạnh, huyện Thuận An, tỉnh Sông Bé, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 13 tháng 7 năm 1971
Số bằng: 5T 623 bm Quyết định số: 665/TTga ngày 26 tháng 6 năm 1978

88 Liệt sĩ: **HUỖNH VĂN TÒ**

Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Chánh Phú Hòa, huyện Bến Cát, tỉnh Sông Bé, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 19 tháng 4 năm 1969
Số bằng: EM 836 km Quyết định số: 494/TTga ngày 1 tháng 6 năm 1977

89 Liệt sĩ: **HUỖNH PHƯỚC SANG**

Cán bộ an ninh huyện, Nguyên quán: xã Chánh Phú Hòa, huyện Bến Cát, tỉnh Sông Bé, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 22 tháng 11 năm 1967
Số bằng: 2K 344 cm Quyết định số: 183/TTga ngày 27 tháng 2 năm 1978

90 Liệt sĩ: **PHẠM QUYẾT CHIẾN**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Đức Liên, huyện Đức Thọ, tỉnh Hà Tĩnh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 13 tháng 4 năm 1975
Số bằng: UG 619 bm Quyết định số: 159/TTga ngày 22 tháng 3 năm 1977

91 Liệt sĩ: **ĐẶNG VĂN LỚN**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Định Thành, huyện Bến Cát, tỉnh Sông Bé, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 12 tháng 3 năm 1969
Số bằng: 2P 698 bm Quyết định số: 1256/TTga ngày 19 tháng 10 năm 1977

92 Liệt sĩ: **ĐẶNG VĂN VÔ**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Định Thành, huyện Bến Cát, tỉnh Sông Bé, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 9 tháng 10 năm 1972
Số bằng: 2P 702 bm Quyết định số: 1355/TTga ngày 29 tháng 10 năm 1977

93 Liệt sĩ: **LÊ TRỌNG BÌNH**

Công nhân lái xe bộ túc, Nguyên quán: xã Sơn Trà, huyện Hương Sơn, tỉnh Hà Tĩnh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 17 tháng 5 năm 1967
Số bằng: BM 304 cm Quyết định số: 235/TTga ngày 17 tháng 12 năm 1968

- 94 Liệt sĩ: **TRỊNH VĂN MINH**
Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Tân An, thị xã Thủ Dầu Một, tỉnh Sông Bé, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 8 tháng 2 năm 1968
Số bằng: 1M 141 km Quyết định số: 1314/TTGa ngày 24 tháng 10 năm 1977
- 95 Liệt sĩ: **NGUYỄN TRUNG TIẾN**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Long Nguyên, huyện Bến Cát, tỉnh Sông Bé, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 3 tháng 4 năm 1968
Số bằng: 2P 736 bm Quyết định số: 1355/TTga ngày 29 tháng 10 năm 1977
- 96 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN LỚN**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã An Nhơn Tây, huyện Củ Chi, tỉnh Gia Định, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 16 tháng 10 năm 1974
Số bằng: 7B 461 bm Quyết định số: 1337/TTga ngày 24 tháng 11 năm 1978
- 97 Liệt sĩ: **LÊ VĂN NGỌC**
Đại đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tân Lập, huyện Bến Cát, tỉnh Sông Bé, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 2 tháng 1 năm 1970
Số bằng: 3L 621 bm Quyết định số: 1511/TTga ngày 16 tháng 11 năm 1977
- 98 Liệt sĩ: **TRỊNH KIÊN CƯỜNG**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thanh Kỳ, huyện Như Xuân, tỉnh Thanh Hóa, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 10 tháng 6 năm 1980
Số bằng: 7AA 428 bt Quyết định số: 77/CTKT ngày 4 tháng 11 năm 1981
- 99 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN RỒNG**
Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã An Điền, huyện Bến Cát, tỉnh Sông Bé, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước năm 1969
Số bằng: ĐT 172 bm Quyết định số: 858/QĐ-TTg ngày 22 tháng 9 năm 1998
- 100 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN HÁNH**
Cán bộ an ninh huyện, Nguyên quán: xã Thanh An, huyện Bến Cát, tỉnh Sông Bé, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước năm 1968
Số bằng: 3V 392 cm Quyết định số: 265/TTga ngày 18 tháng 4 năm 1979
- 101 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN THƯƠNG**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Long Nguyên, huyện Bến Cát, tỉnh Sông Bé, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 24 tháng 10 năm 1963
Số bằng: 8A 386 bm Quyết định số: 277/TTga ngày 20 tháng 4 năm 1979
- 102 Liệt sĩ: **BÙI VĂN ĐỆ**
Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Long Nguyên, huyện Bến Cát, tỉnh Sông Bé, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 14 tháng 10 năm 1965
Số bằng: 2A 917 km Quyết định số: 182/TTga ngày 27 tháng 2 năm 1978
- 103 Liệt sĩ: **TÔ VĂN BA**
Cán bộ binh vận xã, Nguyên quán: xã Lai Hưng, huyện Bến Cát, tỉnh Sông Bé, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước tháng 4 năm 1968
Số bằng: K 726 cm Quyết định số: 158/CTKT ngày 4 tháng 5 năm 1983
- 104 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN CHIM**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Long Phước, thị xã Vĩnh Long, tỉnh Cửu

Long, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước tháng 4 năm 1968
Số bằng: 6P 242 bm Quyết định số: 1026/TTga ngày 11 tháng 9 năm 1978

- 105 Liệt sĩ: **LÊ VĂN NGỌT**
Cán bộ an ninh xã, Nguyên quán: xã Chánh Phú Hòa, huyện Bến Cát, tỉnh Sông Bé, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước năm 1969
Số bằng: RM 204 cm Quyết định số: 501/TTga ngày 1 tháng 6 năm 1977
- 106 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN THỜI**
Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Chánh Phú Hòa, huyện Bến Cát, tỉnh Sông Bé, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước tháng 12 năm 1971
Số bằng: U 576 bm Quyết định số: 47/CTKT ngày 29 tháng 2 năm 1984
- 107 Liệt sĩ: **LÊ VĂN ĐẾN**
Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Vĩnh Tân, huyện Tân Uyên, tỉnh Sông Bé, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 25 tháng 11 năm 1949
Số bằng: 1KC 014bp Quyết định số: 1009/TTga ngày 6 tháng 9 năm 1978
- 108 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN BANH**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Chánh Phú Hòa, huyện Bến Cát, tỉnh Sông Bé, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 7 tháng 2 năm 1966.
Số bằng: VO 851 bm Quyết định số: 466/TTga ngày 25 tháng 5 năm 1977
- 109 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN CU**
Du kích xã, Nguyên quán: xã Chánh Phú Hòa, huyện Bến Cát, tỉnh Sông Bé, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước năm 1966
Số bằng: 3R 985 km Quyết định số: 576/TTga ngày 14 tháng 8 năm 1978
- 110 Liệt sĩ: **NGUYỄN HỮU DŨNG**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Bến Tượng, huyện Bến Cát, tỉnh Sông Bé, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 26 tháng 5 năm 1984
Số bằng: AQ 848 bt Quyết định số: 209/CTKT ngày 25 tháng 2 năm 1985
- 111 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN CHÁT**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nam Tân, huyện Nam Sách, tỉnh Hải Hưng, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 1 tháng 12 năm 1968
Số bằng: VI 519 bm Quyết định số: 180/TTga ngày 22 tháng 3 năm 1977
- 112 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN VŨ**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Trường Trung, huyện Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hóa, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 11 tháng 12 năm 1951
Số bằng: ZU 294 bp Quyết định số: 128/TTga ngày 10 tháng 6 năm 1960
- 113 Liệt sĩ: **TRẦN QUỐC KHÁNH**
Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Đại An 1, huyện Long Phú, tỉnh Hậu Giang, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 15 tháng 2 năm 1985
Số bằng: BP 114 bt Quyết định số: 87/CTKT ngày 26 tháng 4 năm 1988
- 114 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN HƯỜNG**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Chánh Phú Hòa, huyện Bến Cát, tỉnh Sông Bé, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 2 tháng 8 năm 1965
Số bằng: 5T 552 bm Quyết định số: 665/TTga ngày 26 tháng 6 năm 1978

- 115 **Liệt sĩ: NGUYỄN VĂN KHÔI**
 Trung đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hòa Lợi, huyện Bến Cát, tỉnh Sông Bé, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 15 tháng 8 năm 1969
 Số bảng: 4P 561 bm Quyết định số: 183/TTga ngày 27 tháng 2 năm 1978
- 116 **Liệt sĩ: ĐẶNG VĂN BỈ**
 Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Vĩnh Phú, huyện Thuận An, tỉnh Sông Bé, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 4 năm 1969
 Số bảng: 6U 322 bm Quyết định số: 1159/TTga ngày 11 tháng 10 năm 1978
- 117 **Liệt sĩ: NGUYỄN VĂN TƯ**
 Trung đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Vĩnh Phú, huyện Thuận An, tỉnh Sông Bé, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 28 tháng 1 năm 1969
 Số bảng: 2O 943 bm Quyết định số: 1336/TTga ngày 28 tháng 10 năm 1977
- 118 **Liệt sĩ: LÊ VĂN PHỤNG**
 Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Lạc An, huyện Tân Uyên, tỉnh Sông Bé, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 10 tháng 2 năm 1984
 Số bảng: AQ 871 bt Quyết định số: 209/CTKT ngày 25 tháng 5 năm 1985
- 119 **Liệt sĩ: TRƯƠNG VĂN RU**
 Chủ tịch ủy ban xã, Nguyên quán: xã Phú Cường, thị xã Thủ Dầu Một, tỉnh Sông Bé, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp năm 1952
 Số bảng: GC 716 cp Quyết định số: 103/TTga ngày 13 tháng 2 năm 1978
- 120 **Liệt sĩ: TRẦN THỊ MAI**
 Cán bộ ban hội đồng cung cấp xã, Nguyên quán: xã Thanh An, huyện Bến Cát, tỉnh Sông Bé, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 24 tháng 6 năm 1967
 Số bảng: 1O 107 cm Quyết định số: 1400/TTga ngày 2 tháng 11 năm 1977
- 121 **Liệt sĩ: NGUYỄN VĂN ĐỨC**
 Bậc phó cán bộ sở công an, Nguyên quán: xã Kiến Điền, huyện Bến Cát, tỉnh Sông Bé, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 21 tháng 4 năm 1969
 Số bảng: 1N 546 cm Quyết định số: 1337/TTga ngày 28 tháng 10 năm 1977
- 122 **Liệt sĩ: PHẠM VĂN PHƯỢNG**
 Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: huyện Mỹ Đức, tỉnh Hà Sơn Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 3 tháng 12 năm 1970
 Số bảng: VO 896 bm Quyết định số: 466/TTga ngày 25 tháng 5 năm 1977
- 123 **Liệt sĩ: NGUYỄN VIỆT NGỌC**
 Chuẩn úy Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Định Thành, huyện Bến Cát, tỉnh Sông Bé, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 3 năm 1971
 Số bảng: YT 471 bm Quyết định số: 508/TTga ngày 3 tháng 6 năm 1977
- 124 **Liệt sĩ: NGUYỄN VĂN HỌ**
 Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tây Nam, huyện Bến Cát, tỉnh Sông Bé, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 2 tháng 5 năm 1968
 Số bảng: 4M 672 bm Quyết định số: 93/TTga ngày 2 tháng 2 năm 1978
- 125 **Liệt sĩ: TRỊNH VĂN SÂU**
 Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Long Nguyên, huyện Bến Cát, tỉnh Sông Bé, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 10 tháng 5 năm 1949

Số bằng: 1HC 255bp Quyết định số: 753/TTga ngày 17 tháng 7 năm 1978

126 Liệt sĩ: **LÊ VĂN THÁI**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thụy Dân, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 27 tháng 4 năm 1975
Số bằng: RV 049 bm Quyết định số: 329/TTga ngày 20 tháng 1 năm 1976

127 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN PHẬN**

Cán bộ bảo vệ Ban Tuyên Giáo tỉnh, Nguyên quán: xã Long Thanh Mỹ, huyện Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 17 tháng 2 năm 1971
Số bằng: 2P 586 cm Quyết định số: 383/TTga ngày 19 tháng 4 năm 1978

128 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN TRẮNG**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Định Hòa, thị xã Thủ Dầu Một, tỉnh Sông Bé, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 7 tháng 3 năm 1975
Số bằng: 2Y 106 bm Quyết định số: 1416/TTga ngày 2 tháng 11 năm 1977

129 Liệt sĩ: **TRẦN THỊ KHINH**

Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Vĩnh Tân, huyện Tân Uyên, tỉnh Sông Bé, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 27 tháng 4 năm 1968
Số bằng: 5A 219 bm Quyết định số: 357/TTga ngày 7 tháng 4 năm 1978

130 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN TRUNG**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Phú Hòa, huyện Châu Thành, tỉnh Sông Bé, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 2 tháng 7 năm 1969
Số bằng: 2P 650 bm Quyết định số: 1256/TTga ngày 19 tháng 10 năm 1977

131 Liệt sĩ: **VÕ VĂN PHÚ**

Nhân viên Công an xã, Nguyên quán: xã Phú Cường, thị xã Thủ Dầu Một, tỉnh Sông Bé, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp năm 1949
Số bằng: U 503 cp Quyết định số: 47/CTKT ngày 29 tháng 2 năm 1984

132 Liệt sĩ: **DƯƠNG VĂN BÉ**

Nhân viên Công an xã, Nguyên quán: xã Tân An, thị xã Thủ Dầu Một, tỉnh Sông Bé, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 9 tháng 1 năm 1949
Số bằng: IC 348 cp Quyết định số: 1233/TTga ngày 17 tháng 10 năm 1977

133 Liệt sĩ: **DƯƠNG NGỌC AN**

Nhân viên cục công trình, Nguyên quán: xã Phú Cường, thị xã Thủ Dầu Một, tỉnh Sông Bé, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 2 tháng 9 năm 1967
Số bằng: HD 075 cm Quyết định số: 1379/QĐ-TTg ngày 20 tháng 10 năm 2006

134 Liệt sĩ: **DƯƠNG NGỌC BỬU**

Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hiệp Thành, thị xã Thủ Dầu Một, tỉnh Sông Bé, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 15 tháng 12 năm 1969
Số bằng: 2P 754 bm Quyết định số: 1355/TTga ngày 29 tháng 10 năm 1977

135 Liệt sĩ: **DƯƠNG VĂN SƠN**

Trưởng Công an thị xã, Nguyên quán: xã Tân An, thị xã Thủ Dầu Một, tỉnh Sông Bé, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp năm 1950
Số bằng: LC 269 cp Quyết định số: 183/TTga ngày 27 tháng 2 năm 1978

136 Liệt sĩ: **ĐỖ VĂN SƠN**

Cán bộ kinh tài, Nguyên quán: xã Phú Cường, thị xã Thủ Dầu Một, tỉnh Sông Bé, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 19 tháng 3 năm 1966
Số bằng: 10 031 cm Quyết định số: 1314/TTGa ngày 24 tháng 10 năm 1977

- 137 Liệt sĩ: **VÕ THÀNH HƯNG**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Chánh Nghĩa, thị xã Thủ Dầu Một, tỉnh Sông Bé, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước năm 1965
Số bằng: DL 861 bm Quyết định số: 73/QĐ-TTg ngày 25 tháng 2 năm 1994
- 138 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN TUÂN**
Xã đội trưởng, Nguyên quán: xã Hưng Định, huyện Thuận An, tỉnh Sông Bé, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 20 tháng 6 năm 1948
Số bằng: QC 318 kp Quyết định số: 265/TTGa ngày 18 tháng 4 năm 1979
- 139 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN SANH**
Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Chánh Nghĩa, thị xã Thủ Dầu Một, tỉnh Sông Bé, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 17 tháng 7 năm 1968
Số bằng: 1L 706 km Quyết định số: 1316/TTGa ngày 24 tháng 10 năm 1977
- 140 Liệt sĩ: **TRƯƠNG VĂN THƠ**
Trưởng ban kinh tài, Nguyên quán: xã Long Trạch, huyện Cần Đức, tỉnh Long An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp tháng 6 năm 1950
Số bằng: EC 761 cp Quyết định số: 1034/Ttga ngày 19 tháng 9 năm 1970
- 141 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN LANH**
Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Long Nguyên, huyện Bến Cát, tỉnh Sông Bé, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 4 tháng 8 năm 1968
Số bằng: 2U 335 km Quyết định số: 666/TTGa ngày 26 tháng 6 năm 1978
- 142 Liệt sĩ: **NGUYỄN QUỐC TÚY**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hồng Phong, huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 14 tháng 9 năm 1971
Số bằng: RN 554 bm Quyết định số: 183/TTga ngày 2 tháng 7 năm 1976
- 143 Liệt sĩ: **HỒ VĂN HƯƠNG**
Đội trưởng đội thanh niên xung phong, Nguyên quán: xã Thanh An, huyện Bến Cát, tỉnh Sông Bé, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 3 tháng 3 năm 1946
Số bằng: BD 720 cp Quyết định số: 208/CTKT ngày 30 tháng 7 năm 1986
- 144 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN TÂM**
Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã An Lộc, huyện Bình Long, tỉnh Sông Bé, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước tháng 10 năm 1969
Số bằng: 4L 341 bm Quyết định số: 92/TTGa ngày 2 tháng 2 năm 1978
- 145 Liệt sĩ: **NGUYỄN TRỌNG TỨC**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hoàng Hà, huyện Hoàng Hóa, tỉnh Thanh Hóa, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 13 tháng 3 năm 1975
Số bằng: QĐ 283 bm Quyết định số: 471/TTga ngày 5 tháng 12 năm 1975
- 146 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN HƯƠNG**
Đại đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Mỹ Lương, huyện Cái Bè, tỉnh Mỹ Tho, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước tháng 7 năm 1967
Số bằng: 2P 281 bm Quyết định số: 1340/TTGa ngày 28 tháng 10 năm 1977

- 147 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN LÀNH**
Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Lương Hòa, huyện Bến Thủ, tỉnh Long An, đã hy sinh trong
sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 10 năm 1971
Số bảng: 3X 081 km Quyết định số: 472/TTGa ngày 4 tháng 7 năm 1980

TỈNH HÀ TĨNH

- 148 Liệt sĩ: **BÙI VĂN DINH**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Vĩnh Lộc, huyện Can Lộc, tỉnh Hà
Tĩnh, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 8 tháng 5 năm 1953
Số bảng: ZQ 2,061 bp Quyết định số: 257/TTGa ngày 2 tháng 7 năm 1959
- 149 Liệt sĩ: **NGUYỄN SỸ THÚ**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt nam, Nguyên quán: xã Phú Lộc, huyện Can Lộc, tỉnh Hà Tĩnh, đã
hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 6 tháng 12 năm 1977
Số bảng: 7Đ 619 bt Quyết định số: 1312/TTGa ngày 20 tháng 11 năm 1978
- 150 Liệt sĩ: **LÊ QUANG VINH**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Phú Lộc, huyện Can Lộc, tỉnh Hà
Tĩnh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 9 tháng 4 năm 1974
Số bảng: QB 102 bm Quyết định số: 454/TTGa ngày 24 tháng 11 năm 1975
- 151 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN THỤ**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt nam, Nguyên quán: xã Phú Lộc, huyện Can Lộc, tỉnh Hà Tĩnh,
đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 14 tháng 7 năm 1970
Số bảng: VT 603 bm Quyết định số: 317/TTGa ngày 20 tháng 4 năm 1977
- 152 Liệt sĩ: **LÊ KHƯƠNG**
Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Phú Lộc, huyện Can Lộc, tỉnh Hà
Tĩnh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 28 tháng 4 năm 1968
Số bảng: 1L 124 bm Quyết định số: 792/TTGa ngày 1 tháng 8 năm 1977
- 153 Liệt sĩ: **NGUYỄN SỸ LUẬT**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Phú Lộc, huyện Can Lộc, tỉnh Hà Tĩnh,
đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 17 tháng 3 năm 1967
Số bảng: Em 337 bm Quyết định số: 921/TTGa ngày 27 tháng 5 năm 1968
- 154 Liệt sĩ: **TRẦN HUY LỤC**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt nam, Nguyên quán: xã Phú Lộc, huyện Can Lộc, tỉnh Hà Tĩnh, đã
hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 8 tháng 8 năm 1964
Số bảng: A1 180 bm Quyết định số: 78/TTGa ngày 2 tháng 4 năm 1971
- 155 Liệt sĩ: **TRẦN THƯ BIÊU**
Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Phú Lộc, huyện Can Lộc, tỉnh
Hà Tĩnh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 23 tháng 6 năm 1972
Số bảng: NG 663 bm Quyết định số: 284/TTGa ngày 2 tháng 6 năm 1974
- 156 Liệt sĩ: **NGUYỄN HỮU DÝ**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Phú Lộc, huyện Can Lộc, tỉnh Hà

Tỉnh, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 6 tháng 12 năm 1977
Số bằng: ĐS 524 bt Quyết định số: 36/TTGa ngày 14 tháng 2 năm 1974

157 Liệt sĩ: **NGUYỄN HỮU HƯU**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt nam, Nguyên quán: xã Phú Lộc, huyện Can Lộc, tỉnh Hà Tĩnh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 2 tháng 12 năm 1968
Số bằng: AL 152 bm Quyết định số: 78/TTGa ngày 2 tháng 4 năm 1971

158 Liệt sĩ: **PHAN HẠNH**

Tiểu đội phó Dân quân, Nguyên quán: xã Thượng Lộc, huyện Can Lộc, tỉnh Hà Tĩnh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 22 tháng 11 năm 1968
Số bằng: AM 983 km Quyết định số: 132/TTGa ngày 1 tháng 6 năm 1970

159 Liệt sĩ: **NGUYỄN ĐÌNH BÁCH**

Binh nhì Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thượng Lộc, huyện Can Lộc, tỉnh Hà Tĩnh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 22 tháng 11 năm 1968
Số bằng: AM 926 bm Quyết định số: 93/TTGa ngày 18 tháng 4 năm 1970

160 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN LAM**

Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thượng Lộc, huyện Can Lộc, tỉnh Hà Tĩnh, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 8 tháng 4 năm 1978
Số bằng: 7A 442 bt Quyết định số: 1312/TTGa ngày 22 tháng 11 năm 1978

161 Liệt sĩ: **BÙI TIẾN PHÚC**

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thượng Lộc, huyện Can Lộc, tỉnh Hà Tĩnh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 15 tháng 9 năm 1971
Số bằng: QB 176 bm Quyết định số: 454/TT ga ngày 24 tháng 11 năm 1975

162 Liệt sĩ: **LA VĂN XUÂN**

Đại đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thượng Lộc, huyện Can Lộc, tỉnh Hà Tĩnh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 3 tháng 5 năm 1969
Số bằng: ĐS 905 bm Quyết định số: 51/TTGa ngày 17 tháng 2 năm 1973

163 Liệt sĩ: **LƯƠNG QUỐC BẢY**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt nam, Nguyên quán: xã Thượng Lộc, huyện Can Lộc, tỉnh Hà Tĩnh, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 25 tháng 5 năm 1978
Số bằng: 8 Q 756 bt Quyết định số: 585/Ttga ngày 14 tháng 8 năm 1979

164 Liệt sĩ: **VÕ CÔNG MINH**

Hạ sĩ y tá Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thượng Lộc, huyện Can Lộc, tỉnh Hà Tĩnh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 19 tháng 8 năm 1970
Số bằng: CĐ 208 bm Quyết định số: 241/Ttga ngày 15 tháng 6 năm 1972

165 Liệt sĩ: **TRẦN CHÍ THANH**

Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thượng Lộc, huyện Can Lộc, tỉnh Hà Tĩnh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 25 tháng 3 năm 1968
Số bằng: 1H 306 bm Quyết định số: 7651/TTGa ngày 27 tháng 7 năm 1977

166 Liệt sĩ: **ĐẶNG VĂN PHÁC**

Trung đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thượng Lộc, huyện Can Lộc, tỉnh Hà Tĩnh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 26 tháng 2 năm 1966
Số bằng: ĐS 725 bm Quyết định số: 50/TTGa ngày 17 tháng 2 năm 1973

- 167 Liệt sĩ: **TRẦN LỘC**
 Chuẩn úy Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thượng Lộc, huyện Can Lộc, tỉnh Hà Tĩnh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 2 tháng 12 năm 1965
 Số bằng: BB 182 bm Quyết định số: 349/TTGa ngày 18 tháng 5 năm 1979
- 168 Liệt sĩ: **PHAN BỘI TÍN**
 Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt nam, Nguyên quán: xã Thượng Lộc, huyện Can Lộc, tỉnh Hà Tĩnh, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 17 tháng 10 năm 1952
 Số bằng: ZQ 2,100bp Quyết định số: 257/TTGa ngày 2 tháng 7 năm 1959
- 169 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN TÍN**
 Cán bộ, Nguyên quán: xã Thượng Lộc, huyện Can Lộc, tỉnh Hà Tĩnh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 17 tháng 7 năm 1966
 Số bằng: LA 626 cm Quyết định số: 208/TTGa ngày 29 tháng 11 năm 1969
- 170 Liệt sĩ: **NGUYỄN THANH TỬ**
 Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt nam, Nguyên quán: xã Quang Lộc, huyện Can Lộc, tỉnh Hà Tĩnh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 6 tháng 2 năm 1968
 Số bằng: UA 571 bm Quyết định số: 172/TTg ngày 22 tháng 3 năm 1977
- 171 Liệt sĩ: **NGÔ ĐỨC SÙNG**
 Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt nam, Nguyên quán: xã Quang Lộc, huyện Can Lộc, tỉnh Hà Tĩnh, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 22 tháng 2 năm 1952
 Số bằng: ZL 717 bp Quyết định số: 328/TTg ngày 2 tháng 7 năm 1958
- 172 Liệt sĩ: **TRẦN NAM THỈNH**
 Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt nam, Nguyên quán: xã Quang Lộc, huyện Can Lộc, tỉnh Hà Tĩnh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 16 tháng 10 năm 1964
 Số bằng: HZ 317 bm Quyết định số: 165/TTGa ngày 2 tháng 12 năm 1965
- 173 Liệt sĩ: **NGUYỄN ĐỨC ĐANG**
 Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt nam, Nguyên quán: xã Tùng Lộc, huyện Can Lộc, tỉnh Hà Tĩnh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 7 tháng 2 năm 1973
 Số bằng: KH 647 bm Quyết định số: 527/TTGa ngày 1 tháng 12 năm 1973
- 174 Liệt sĩ: **NGUYỄN ĐỨC NGUY**
 Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt nam, Nguyên quán: xã Tùng Lộc, huyện Can Lộc, tỉnh Hà Tĩnh, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 14 tháng 3 năm 1978
 Số bằng: 7Đ 475 bt Quyết định số: 1393/TTGa ngày 8 tháng 12 năm 1978
- 175 Liệt sĩ: **NGUYỄN DUY SUẤT**
 Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt nam, Nguyên quán: xã Tùng Lộc, huyện Can Lộc, tỉnh Hà Tĩnh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 6 tháng 3 năm 1973
 Số bằng: HL 756 bm Quyết định số: 598/TTGa ngày 31 tháng 12 năm 1973
- 176 Liệt sĩ: **NGUYỄN ĐỨC ĐỊNH**
 Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt nam, Nguyên quán: xã Tùng Lộc, huyện Can Lộc, tỉnh Hà Tĩnh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 22 tháng 8 năm 1969
 Số bằng: AH 963 bm Quyết định số: 183/TTGa ngày 24 tháng 7 năm 1971
- 177 Liệt sĩ: **HÀ HUY CÚC**
 Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt nam, Nguyên quán: xã Tùng Lộc, huyện Can Lộc, tỉnh Hà Tĩnh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 23 tháng 11 năm 1971

Số bằng: VQ 723 bm Quyết định số: 340/TTGa ngày 22 tháng 4 năm 1977

178 Liệt sĩ: **ĐẶNG HỮU XỨNG**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt nam, Nguyên quán: xã Tùng Lộc, huyện Can Lộc, tỉnh Hà Tĩnh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 19 tháng 10 năm 1969
Số bằng: AS 194 bm Quyết định số: 183/TTGa ngày 24 tháng 7 năm 1971

179 Liệt sĩ: **NGUYỄN ĐÌNH ĐUU**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt nam, Nguyên quán: xã Tùng Lộc, huyện Can Lộc, tỉnh Hà Tĩnh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 5 tháng 2 năm 1968
Số bằng: AK 810 bm Quyết định số: 100/TTGa ngày 29 tháng 4 năm 1971

180 Liệt sĩ: **NGUYỄN ĐỨC SÁNH**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt nam, Nguyên quán: xã Tùng Lộc, huyện Can Lộc, tỉnh Hà Tĩnh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 15 tháng 4 năm 1974
Số bằng: YL 633 bm Quyết định số: 793/TTGa ngày 1 tháng 8 năm 1977

181 Liệt sĩ: **TRẦN ĐỨC BẾN**

Dân công hỏa tuyến, Nguyên quán: xã Tùng Lộc, huyện Can Lộc, tỉnh Hà Tĩnh, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 5 tháng 1 năm 1950
Số bằng: DH 211 cp Quyết định số: 75/TTGa ngày 25 tháng 2 năm 1993

182 Liệt sĩ: **NGUYỄN CHỈ CÀN**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt nam, Nguyên quán: xã Tùng Lộc, huyện Can Lộc, tỉnh Hà Tĩnh, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 3 tháng 7 năm 1954
Số bằng: ZQ 2,054 bp Quyết định số: 257/TTGa ngày 22 tháng 9 năm 1998

183 Liệt sĩ: **NGUYỄN HUY TƯ**

Đại đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Trường Lộc, huyện Can Lộc, tỉnh Hà Tĩnh, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 26 tháng 10 năm 1951
Số bằng: ZZ 497 bp Quyết định số: 109/TTGa ngày 27 tháng 3 năm 1961

184 Liệt sĩ: **PHAN THANH HẢI**

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Trường Lộc, huyện Can Lộc, tỉnh Hà Tĩnh, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 20 tháng 2 năm 1979
Số bằng: 91 624 bt Quyết định số: 07/TTGa ngày 5 tháng 1 năm 1980

185 Liệt sĩ: **HOÀNG XUÂN THỌ**

Can bộ tuyên huấn Ban tuyên huấn TW cục Miền Nam, Nguyên quán: xã Trường Lộc, huyện Can Lộc, tỉnh Hà Tĩnh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 23 tháng 3 năm 1971
Số bằng: ZZ 113 cm Quyết định số: 100/TTGa ngày 2 tháng 2 năm 1978

186 Liệt sĩ: **TRẦN ĐÌNH HÀN**

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Trường Lộc, huyện Can Lộc, tỉnh Hà Tĩnh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 16 tháng 8 năm 1970
Số bằng: TR 801 bm Quyết định số: 179/TTGa ngày 22 tháng 3 năm 1977

187 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN LỤC**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt nam, Nguyên quán: xã Trường Lộc, huyện Can Lộc, tỉnh Hà Tĩnh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 16 tháng 6 năm 1968
Số bằng: UD 955 bm Quyết định số: 149/TTGa ngày 22 tháng 3 năm 1977

188 Liệt sĩ: **NGUYỄN HUY LỢI**

Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Trường Lộc, huyện Can Lộc, tỉnh Hà Tĩnh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 11 tháng 5 năm 1972
Số bảng: NB 167 bm Quyết định số: 297/Ttga ngày 13 tháng 6 năm 1974

189 Liệt sĩ: **LÊ THẾ ANH**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt nam, Nguyên quán: xã Trường Lộc, huyện Can Lộc, tỉnh Hà Tĩnh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 3 tháng 12 năm 1965
Số bảng: AR 215 bm Quyết định số: 49/Ttga ngày 25 tháng 6 năm 1971

190 Liệt sĩ: **NGUYỄN HUY DIỆU**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt nam, Nguyên quán: xã Trường Lộc, huyện Can Lộc, tỉnh Hà Tĩnh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 4 năm 1972
Số bảng: KB 282 bm Quyết định số: 116/Ttga ngày 22 tháng 3 năm 1974

191 Liệt sĩ: **NGUYỄN HUY LỘC**

Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Trường Lộc, huyện Can Lộc, tỉnh Hà Tĩnh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 19 tháng 8 năm 1970
Số bảng: OI 655 bm Quyết định số: 643TTga ngày 21 tháng 12 năm 1974

192 Liệt sĩ: **NGUYỄN HUY THANH**

Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Trường Lộc, huyện Can Lộc, tỉnh Hà Tĩnh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 19 tháng 10 năm 1970
Số bảng: 1H 308 bm Quyết định số: 76/Ttga ngày 27 tháng 7 năm 1977

193 Liệt sĩ: **NGUYỄN HUY TRỊ**

Cán bộ Ngân hàng huyện Nghi Xuân, Nguyên quán: xã Trường Lộc, huyện Can Lộc, tỉnh Hà Tĩnh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 22 tháng 4 năm 1965
Số bảng: AS 928 cm Quyết định số: 266/CTKT ngày 10 tháng 7 năm 1985

194 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN QUẾ**

Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Trường Lộc, huyện Can Lộc, tỉnh Hà Tĩnh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 30 tháng 5 năm 1968
Số bảng: MM 560bm Quyết định số: 30/Ttga ngày 20 tháng 1 năm 2005

195 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN THÌN**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt nam, Nguyên quán: xã Trường Lộc, huyện Can Lộc, tỉnh Hà Tĩnh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 16 tháng 2 năm 1975
Số bảng: SR 642 bm Quyết định số: 577/Ttga ngày 31 tháng 12 năm 1976

196 Liệt sĩ: **TRẦN DUY THÌN**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt nam, Nguyên quán: xã Trường Lộc, huyện Can Lộc, tỉnh Hà Tĩnh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 29 tháng 5 năm 1972
Số bảng: NG 778 bm Quyết định số: 317/TTga ngày 20 tháng 6 năm 1974

197 Liệt sĩ: **NGUYỄN TRỌNG CỬU**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt nam, Nguyên quán: xã Trường Lộc, huyện Can Lộc, tỉnh Hà Tĩnh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 25 tháng 6 năm 1968
Số bảng: QM 156 bm Quyết định số: 156/TTga ngày 26 tháng 6 năm 1969

198 Liệt sĩ: **VÕ TRÍ QUẾ**

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Trường Lộc, huyện Can Lộc, tỉnh Hà Tĩnh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 8 tháng 1 năm 1971
Số bảng: CĐ 312 bm Quyết định số: 241/TTga ngày 15 tháng 6 năm 1972

- 199 Liệt sĩ: **NGUYỄN HỮU ĐOÀI**
 Chính trị viên Tiểu đoàn Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Trường Lộc, huyện Can Lộc, tỉnh Hà Tĩnh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 15 tháng 9 năm 1972
 Số bằng: LB 933 bm Quyết định số: 378/TTGa ngày 19 tháng 7 năm 1974
- 200 Liệt sĩ: **LÊ TÙNG**
 Bí thư chi bộ, Nguyên quán: xã Trường Lộc, huyện Can Lộc, tỉnh Hà Tĩnh, đã hy sinh vì sự nghiệp đấu tranh cách mạng và giải phóng dân tộc, ngày 20 tháng 12 năm 1930
 Số bằng: ZA 5,165 cpQuyết định số: 151/TTGa ngày 19 tháng 4 năm 1961
- 201 Liệt sĩ: **VÕ TÁ LONG**
 Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt nam, Nguyên quán: xã Thiên Lộc, huyện Can Lộc, tỉnh Hà Tĩnh, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 7 tháng 9 năm 1978
 Số bằng: 8Y279 791bt Quyết định số: 791/TTGa ngày 12 tháng 11 năm 1979
- 202 Liệt sĩ: **NGUYỄN QUỐC TAM**
 Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt nam, Nguyên quán: xã Thiên Lộc, huyện Can Lộc, tỉnh Hà Tĩnh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 20 tháng 4 năm 1949
 Số bằng: BK 520 bm Quyết định số: 27/TTGa ngày 25 tháng 1 năm 1972
- 203 Liệt sĩ: **ĐẶNG VĂN THÍCH**
 Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt nam, Nguyên quán: xã Thiên Lộc, huyện Can Lộc, tỉnh Hà Tĩnh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 21 tháng 4 năm 1970
 Số bằng: CS 121 bm Quyết định số: 346/TTGa ngày 22 tháng 3 năm 1972
- 204 Liệt sĩ: **NGUYỄN THỊ XANH**
 Dân công hỏa tuyến, Nguyên quán: xã Thiên Lộc, huyện Can Lộc, tỉnh Hà Tĩnh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 30 tháng 12 năm 1967
 Số bằng: HM 740 cm Quyết định số: 241/TTGa ngày 15 tháng 6 năm 1972
- 205 Liệt sĩ: **TRẦN TỪ**
 Chi ủy viên, Nguyên quán: xã Thiên Lộc, huyện Can Lộc, tỉnh Hà Tĩnh, đã hy sinh vì sự nghiệp đấu tranh cách mạng và giải phóng dân tộc, ngày 20 tháng 10 năm 1930
 Số bằng: JA 1,515cpQuyết định số: 74/TTGa ngày 21 tháng 3 năm 1960
- 206 Liệt sĩ: **LƯƠNG SON BÁ**
 Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt nam, Nguyên quán: xã Thiên Lộc, huyện Can Lộc, tỉnh Hà Tĩnh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 24 tháng 9 năm 1966
 Số bằng: NP 410 bm Quyết định số: 387/TTGa ngày 26 tháng 7 năm 1974
- 207 Liệt sĩ: **TRẦN THIỆN**
 Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt nam, Nguyên quán: xã Thiên Lộc, huyện Can Lộc, tỉnh Hà Tĩnh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 27 tháng 9 năm 1972
 Số bằng: EB 036 bm Quyết định số: 63/TTGa ngày 23 tháng 2 năm 1973
- 208 Liệt sĩ: **TRẦN ĐÌNH HOÀI**
 Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt nam, Nguyên quán: xã Nhân Lộc, huyện Can Lộc, tỉnh Hà Tĩnh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 26 tháng 6 năm 1969
 Số bằng: AR 279 bm Quyết định số: 149/TTGa ngày 25 tháng 6 năm 1971
- 209 Liệt sĩ: **NGUYỄN CÔNG DŨNG**
 Tiểu đoàn trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nga Lộc, huyện Can Lộc, tỉnh Hà

Tỉnh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 8 tháng 2 năm 1972
Số bằng: GP 228 bm Quyết định số: 361/TTga ngày 18 tháng 8 năm 1973

- 210 Liệt sĩ: **NGUYỄN NHẬT LÂM**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt nam, Nguyên quán: xã Nga Lộc, huyện Can Lộc, tỉnh Hà Tĩnh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 25 tháng 3 năm 1966
Số bằng: 1L 134 bm Quyết định số: 792/TTga ngày 1 tháng 8 năm 1977
- 211 Liệt sĩ: **NGUYỄN XUÂN LỘC**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Xuân Song, huyện Nghi Xuân, tỉnh Hà Tĩnh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 25 tháng 5 năm 1969
Số bằng: MO 051 bm Quyết định số: 155/TTga ngày 25 tháng 6 năm 1970
- 212 Liệt sĩ: **HỒ XUÂN QUANG**
Đại đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Xuân Song, huyện Nghi Xuân, tỉnh Hà Tĩnh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 11 năm 1969
Số bằng: NB 206 bm Quyết định số: 318/TTga ngày 20 tháng 6 năm 1974
- 213 Liệt sĩ: **TRƯƠNG VĂN THÔNG**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Xuân Song, huyện Nghi Xuân, tỉnh Hà Tĩnh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 5 tháng 8 năm 1964
Số bằng: GZ 917 bm Quyết định số: 150/TTga ngày 17 tháng 11 năm 1964
- 214 Liệt sĩ: **PHAN VĂN THIÊM**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Xuân Song, huyện Nghi Xuân, tỉnh Hà Tĩnh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 11 năm 1971
Số bằng: QB 226 bm Quyết định số: 454/TTga ngày 24 tháng 11 năm 1975
- 215 Liệt sĩ: **HOÀNG CÔNG ANH**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Xuân Song, huyện Nghi Xuân, tỉnh Hà Tĩnh, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 30 tháng 9 năm 1952
Số bằng: ZT 468 bp Quyết định số: 122/TTga ngày 31 tháng 5 năm 1960
- 216 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN THANH**
Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Xuân Song, huyện Nghi Xuân, tỉnh Hà Tĩnh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 20 tháng 12 năm 1968
Số bằng: AQ 966 bm Quyết định số: 120/TTga ngày 20 tháng 5 năm 1971
- 217 Liệt sĩ: **TRẦN TOÀN**
Chính trị viên phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Xuân Song, huyện Nghi Xuân, tỉnh Hà Tĩnh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 30 tháng 5 năm 1972
Số bằng: LG 567 bm Quyết định số: 378/TTga ngày 19 tháng 9 năm 1974
- 218 Liệt sĩ: **VŨ HIỆT**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Xuân Song, huyện Nghi Xuân, tỉnh Hà Tĩnh, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp năm 1950
Số bằng: ĐC 988 bp Quyết định số: 132/TTga ngày 18 tháng 4 năm 1972
- 219 Liệt sĩ: **BÙI XUÂN THỪA**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Xuân Lam, huyện Nghi Xuân, tỉnh Hà Tĩnh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 18 tháng 2 năm 1972
Số bằng: 2Đ 462 bm Quyết định số: 1312/TTga ngày 24 tháng 10 năm 1977

- 220 Liệt sĩ: **PHẠM HỒNG SƠN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Xuân Lam, huyện Nghi Xuân, tỉnh Hà Tĩnh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 13 tháng 4 năm 1970
Số bằng: LA 517 bm Quyết định số: 82/TTGa ngày 5 tháng 3 năm 1974
- 221 Liệt sĩ: **TRẦN QUANG HIẾN**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Xuân Hoa, huyện Nghi Xuân, tỉnh Hà Tĩnh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 12 tháng 9 năm 1974
Số bằng: PY 853 bm Quyết định số: 443/TTGa ngày 28 tháng 4 năm 1976
- 222 Liệt sĩ: **LÊ SINH**
Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Xuân Hoa, huyện Nghi Xuân, tỉnh Hà Tĩnh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 18 tháng 8 năm 1972
Số bằng: GP 412 bm Quyết định số: 358/TTGa ngày 18 tháng 8 năm 1973
- 223 Liệt sĩ: **PHAN NGỌC CHUÂN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Xuân Hoa, huyện Nghi Xuân, tỉnh Hà Tĩnh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 9 tháng 11 năm 1972
Số bằng: LO 676 bm Quyết định số: 119/TTGa ngày 26 tháng 4 năm 1974
- 224 Liệt sĩ: **ĐINH VĂN NGHĨA**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Xuân Hoa, huyện Nghi Xuân, tỉnh Hà Tĩnh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 2 tháng 9 năm 1972
Số bằng: GP 363 bm Quyết định số: 358/TTGa ngày 18 tháng 8 năm 1973
- 225 Liệt sĩ: **NGUYỄN XUÂN TRINH**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Xuân Hoa, huyện Nghi Xuân, tỉnh Hà Tĩnh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 18 tháng 4 năm 1973
Số bằng: RA 132 bm Quyết định số: 152/TTGa ngày 28 tháng 4 năm 1976
- 226 Liệt sĩ: **PHẠM KHUYỀN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Xuân Hoa, huyện Nghi Xuân, tỉnh Hà Tĩnh, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 5 tháng 4 năm 1954
Số bằng: AZ 235 bp Quyết định số: 212/TTGa ngày 31 tháng 5 năm 1961
- 227 Liệt sĩ: **LÊ CÔNG LÝ**
Tiểu đội trưởng, Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Xuân Hoa, huyện Nghi Xuân, tỉnh Hà Tĩnh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 29 tháng 6 năm 1972
Số bằng: KH 699 bm Quyết định số: 527/TTGa ngày 1 tháng 12 năm 1973
- 228 Liệt sĩ: **LÊ VĂN TÙY**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Xuân Hoa, huyện Nghi Xuân, tỉnh Hà Tĩnh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 3 tháng 2 năm 1973
Số bằng: QĐ 096 bm Quyết định số: 451/TTGa ngày 21 tháng 11 năm 1975
- 229 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN BIỂU**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Xuân Hoa, huyện Nghi Xuân, tỉnh Hà Tĩnh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 28 tháng 10 năm 1972
Số bằng: HL 295 bm Quyết định số: 584/TTGa ngày 24 tháng 12 năm 1973
- 230 Liệt sĩ: **PHAN ĐÌNH PHẨM**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Xuân Hoa, huyện Nghi Xuân, tỉnh Hà Tĩnh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 5 tháng 5 năm 1969

Số bằng: AR 403 bm Quyết định số: 149/TTga ngày 25 tháng 6 năm 1971

- 231 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN THỚI**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Xuân Hoa, huyện Nghi Xuân, tỉnh Hà Tĩnh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 28 tháng 2 năm 1970
Số bằng: BA 007 bm Quyết định số: 244/TTga ngày 8 tháng 10 năm 1971
- 232 Liệt sĩ: **NGUYỄN HỮU QUANG**
Tiểu đội trưởng, Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Xuân Hoa, huyện Nghi Xuân, tỉnh Hà Tĩnh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 3 tháng 4 năm 1972
Số bằng: KR 277 bm Quyết định số: 58/TTga ngày 14 tháng 2 năm 1974
- 233 Liệt sĩ: **NGUYỄN XUÂN ĐỊNH**
Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Xuân Hoa, huyện Nghi Xuân, tỉnh Hà Tĩnh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 18 tháng 8 năm 1972
Số bằng: GP 241 bm Quyết định số: 361/TTga ngày 18 tháng 8 năm 1973
- 234 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN ĐỨC**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Xuân Hoa, huyện Nghi Xuân, tỉnh Hà Tĩnh, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 10 tháng 9 năm 1987
Số bằng: CB 872 bt Quyết định số: 206/CTKT ngày 28 tháng 9 năm 1988
- 235 Liệt sĩ: **PHAN MẠNH ANH**
Tiểu đội trưởng, Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Xuân Hoa, huyện Nghi Xuân, tỉnh Hà Tĩnh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 30 tháng 1 năm 1973
Số bằng: LB 903 bm Quyết định số: 378/TTga ngày 19 tháng 9 năm 1974
- 236 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN BÁO**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Xuân Hoa, huyện Nghi Xuân, tỉnh Hà Tĩnh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 11 tháng 3 năm 1971
Số bằng: BF 982 bm Quyết định số: 64/TTga ngày 22 tháng 2 năm 1972
- 237 Liệt sĩ: **NGUYỄN KHOẢNH**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Xuân Hoa, huyện Nghi Xuân, tỉnh Hà Tĩnh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 15 tháng 12 năm 1964
Số bằng: YH 903 bm Quyết định số: 456/TTga ngày 20 tháng 5 năm 1977
- 238 Liệt sĩ: **NGUYỄN QUANG SÁNG**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Cổ Đạm, huyện Nghi Xuân, tỉnh Hà Tĩnh, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 20 tháng 8 năm 1978
Số bằng: 9Q 632 bt Quyết định số: 463/TTga ngày 25 tháng 6 năm 1980
- 239 Liệt sĩ: **PHAN TRÍ TUỆ**
Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Xuân Hoa, huyện Nghi Xuân, tỉnh Hà Tĩnh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 14 tháng 12 năm 1974
Số bằng: SI 086 bm Quyết định số: 462/TTga ngày 21 tháng 10 năm 1976
- 240 Liệt sĩ: **PHAN ĐÌNH SƠN**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Cổ Đạm, huyện Nghi Xuân, tỉnh Hà Tĩnh, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 25 tháng 2 năm 1995
Số bằng: ĐS 880 bt Quyết định số: 629/TTg ngày 18 tháng 7 năm 1998
- 241 Liệt sĩ: **TRẦN TRUNG THÀNH**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Xuân Hoa, huyện Nghi Xuân, tỉnh Hà Tĩnh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 29 tháng 8 năm 1967
Số bằng: IM 003 bm Quyết định số: 165/TTGa ngày 10 tháng 9 năm 1968

- 242 Liệt sĩ: **PHAN HAI**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Xuân Hoa, huyện Nghi Xuân, tỉnh Hà Tĩnh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 26 tháng 9 năm 1965
Số bằng: HZ 782 bm Quyết định số: 84/TTGa ngày 4 tháng 7 năm 1966
- 243 Liệt sĩ: **TRẦN SỸ LƯU**
Tiểu đoàn phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Xuân Hoa, huyện Nghi Xuân, tỉnh Hà Tĩnh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 11 tháng 4 năm 1975
Số bằng: Sg 167 bm Quyết định số: 465/TTGa ngày 21 tháng 10 năm 1976
- 244 Liệt sĩ: **PHAN THANH CHUÔNG**
Y tá Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Xuân Hoa, huyện Nghi Xuân, tỉnh Hà Tĩnh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 12 tháng 9 năm 1972
Số bằng: GP 217 bm Quyết định số: 361/TTGa ngày 18 tháng 8 năm 1973
- 245 Liệt sĩ: **TRẦN CÔNG HUỖNH**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Cổ Đạm, huyện Nghi Xuân, tỉnh Hà Tĩnh, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 8 tháng 4 năm 1978
Số bằng: 7A 422 bt Quyết định số: 1321/TTGa ngày 22 tháng 11 năm 1978
- 246 Liệt sĩ: **NGUYỄN THẾ TÍNH**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Cổ Đạm, huyện Nghi Xuân, tỉnh Hà Tĩnh, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 8 tháng 4 năm 1978
Số bằng: 7Đ 556 bt Quyết định số: 1393/TTGa ngày 8 tháng 12 năm 1978
- 247 Liệt sĩ: **PHAN THANH MẬU**
Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Xuân Hoa, huyện Nghi Xuân, tỉnh Hà Tĩnh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 19 tháng 9 năm 1969
Số bằng: CĐ 196 bm Quyết định số: 241/TTGa ngày 15 tháng 6 năm 1972
- 248 Liệt sĩ: **PHAN QUANG**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Xuân Hoa, huyện Nghi Xuân, tỉnh Hà Tĩnh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 5 tháng 4 năm 1972
Số bằng: KH 738 bm Quyết định số: 531/TTGa ngày 4 tháng 12 năm 1973
- 249 Liệt sĩ: **DƯƠNG VĂN NHỊ**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Xuân Hoa, huyện Nghi Xuân, tỉnh Hà Tĩnh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 22 tháng 4 năm 1971
Số bằng: SH 764 bm Quyết định số: 487/TTGa ngày 6 tháng 11 năm 1976
- 250 Liệt sĩ: **HOÀNG VĂN HUỖNH**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Xuân Hoa, huyện Nghi Xuân, tỉnh Hà Tĩnh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 4 năm 1972
Số bằng: NB 118 bm Quyết định số: 297/TTGa ngày 13 tháng 6 năm 1974
- 251 Liệt sĩ: **TRẦN NGỌC DỜI**
Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Xuân Hoa, huyện Nghi Xuân, tỉnh Hà Tĩnh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 16 tháng 12 năm 1968
Số bằng: YA 175 bm Quyết định số: 310/TTGa ngày 15 tháng 4 năm 1977

- 252 **Liệt sĩ: PHAN ĐÌNH TOA**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Xuân Hoa, huyện Nghi Xuân, tỉnh Hà Tĩnh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 28 tháng 8 năm 1974
Số bằng: SI 056 bm Quyết định số: 462/TTga ngày 21 tháng 10 năm 1976
- 253 **Liệt sĩ: TRẦN TỶ**
Đại đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Xuân Hoa, huyện Nghi Xuân, tỉnh Hà Tĩnh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 28 tháng 2 năm 1969
Số bằng: Mo 031 bm Quyết định số: 155/TTga ngày 25 tháng 6 năm 1970
- 254 **Liệt sĩ: NGUYỄN VĂN HÀ**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Xuân Hoa, huyện Nghi Xuân, tỉnh Hà Tĩnh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 14 tháng 12 năm 1974
Số bằng: Vy 331 bm Quyết định số: 315/TTga ngày 20 tháng 4 năm 1977
- 255 **Liệt sĩ: PHAN VĂN SÁU**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Xuân Hoa, huyện Nghi Xuân, tỉnh Hà Tĩnh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 8 tháng 11 năm 1972
Số bằng: KR 284 bm Quyết định số: 58/TTga ngày 14 tháng 2 năm 1974
- 256 **Liệt sĩ: TRẦN ĐĂNG KHOA**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Xuân Hoa, huyện Nghi Xuân, tỉnh Hà Tĩnh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 19 tháng 10 năm 1973
Số bằng: OH 377 bm Quyết định số: 567/TTga ngày 11 tháng 11 năm 1974
- 257 **Liệt sĩ: TRẦN ĐÌNH THÌN**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Xuân Hoa, huyện Nghi Xuân, tỉnh Hà Tĩnh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 12 tháng 7 năm 1968
Số bằng: MI 666 bm Quyết định số: 150/TTga ngày 19 tháng 6 năm 1970
- 258 **Liệt sĩ: NGUYỄN VĂN HÒA**
Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tiên Điền, huyện Nghi Xuân, tỉnh Hà Tĩnh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 27 tháng 4 năm 1972
Số bằng: UK 209 bm Quyết định số: 182/TTga ngày 22 tháng 3 năm 1977
- 259 **Liệt sĩ: NGUYỄN NGỌC CHÍNH**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tiên Điền, huyện Nghi Xuân, tỉnh Hà Tĩnh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 18 tháng 12 năm 1972
Số bằng: YB 505 bm Quyết định số: 468/TTga ngày 25 tháng 5 năm 1977
- 260 **Liệt sĩ: TRẦN VĂN ĐĂNG**
Chính trị viên Đại đội Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tiên Điền, huyện Nghi Xuân, tỉnh Hà Tĩnh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 5 tháng 6 năm 1969
Số bằng: OE 925 bm Quyết định số: 18TTga ngày 18 tháng 1 năm 1975
- 261 **Liệt sĩ: NGUYỄN VĂN TÚ**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tiên Điền, huyện Nghi Xuân, tỉnh Hà Tĩnh, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 12 tháng 9 năm 1983
Số bằng: AO 743 bt Quyết định số: 115CT/KT ngày 27 tháng 3 năm 1985
- 262 **Liệt sĩ: PHẠM THỊ HUỆ**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Xuân Mỹ, huyện Nghi Xuân, tỉnh Hà

Tỉnh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 31 tháng 7 năm 1972
Số bằng: BM 296 bm Quyết định số: 161TTga ngày 26 tháng 4 năm 1973

263 Liệt sĩ: **NGUYỄN THẾ DỸ**

Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tiên Điền, huyện Nghi Xuân, tỉnh Hà Tĩnh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 31 tháng 1 năm 1968
Số bằng: EP 026 bm Quyết định số: 148TTga ngày 17 tháng 4 năm 1973

264 Liệt sĩ: **TRẦN ĐÌNH CHÁU**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tiên Điền, huyện Nghi Xuân, tỉnh Hà Tĩnh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 8 tháng 3 năm 1975
Số bằng: QB 186 bm Quyết định số: 454TTga ngày 24 tháng 11 năm 1975

265 Liệt sĩ: **ĐẶNG DUY GIÁP**

Giáo viên cấp 1, Nguyên quán: xã Tiên Điền, huyện Nghi Xuân, tỉnh Hà Tĩnh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 25 tháng 9 năm 1968
Số bằng: Mm 074 cm Quyết định số: 199TTga ngày 26 tháng 4 năm 1974

266 Liệt sĩ: **NGUYỄN MINH HIỀN**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Xuân Liên, huyện Nghi Xuân, tỉnh Hà Tĩnh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 12 tháng 9 năm 1972
Số bằng: GP 275 bm Quyết định số: 361/TTga ngày 18 tháng 8 năm 1973

267 Liệt sĩ: **HÒ XUÂN THỰC**

Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Xuân Liên, huyện Nghi Xuân, tỉnh Hà Tĩnh, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 4 tháng 11 năm 1978
Số bằng: 91 959 bt Quyết định số: 34/TTga ngày 2 tháng 1 năm 1980

268 Liệt sĩ: **PHAN ANH THÂN**

Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Xuân Giang, huyện Nghi Xuân, tỉnh Hà Tĩnh, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 23 tháng 5 năm 1979
Số bằng: 9M 090 bt Quyết định số: 572/TTga ngày 20 tháng 8 năm 1980

269 Liệt sĩ: **LÊ CÔNG HIỀN**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Đại Lộc, huyện Can Lộc, tỉnh Hà Tĩnh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 25 tháng 5 năm 1972
Số bằng: ĐT 890 bm Quyết định số: 100TTga ngày 20 tháng 3 năm 1973

270 Liệt sĩ: **ĐẶNG THÁI HẠNH**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Xuân Giang, huyện Nghi Xuân, tỉnh Hà Tĩnh, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 20 tháng 1 năm 1979
Số bằng: M 755 bt Quyết định số: 262/CTKT ngày 6 tháng 7 năm 1983

271 Liệt sĩ: **NGUYỄN MINH CHÂU**

Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Đức Tùng, huyện Đức Thọ, tỉnh Hà Tĩnh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 11 tháng 5 năm 1967
Số bằng: CM 550 bm Quyết định số: 61/TTga ngày 3 tháng 4 năm 1968

272 Liệt sĩ: **TRƯƠNG MINH TÂN**

Trung đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Xuân Giang, huyện Nghi Xuân, tỉnh Hà Tĩnh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 24 tháng 7 năm 1972
Số bằng: OP 918 bm Quyết định số: 94/TTga ngày 1/ tháng 3 năm 1975

- 273 **Liệt sĩ: BÀNH ĐỨC BÌNH**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Xuân Giang, huyện Nghi Xuân, tỉnh Hà Tĩnh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 5 tháng 1 năm 1968
Số bảng: 2Đ 027 bm Quyết định số: 1128/TTga ngày 7 tháng 10 năm 1977
- 274 **Liệt sĩ: PHAN THƯƠNG**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Xuân Giang, huyện Nghi Xuân, tỉnh Hà Tĩnh, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp tháng 4 năm 1948
Số bảng: Z 306 bp Quyết định số: 212/TTga ngày 31 tháng 5 năm 1961
- 275 **Liệt sĩ: ĐẬU XUÂN PHAI**
Trung sĩ Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Xuân Giang, huyện Nghi Xuân, tỉnh Hà Tĩnh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 7 tháng 4 năm 1972
Số bảng: PL 746 bm Quyết định số: 405/Ttga ngày 9 tháng 10 năm 1975
- 276 **Liệt sĩ: TRẦN THANH SƠN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Xuân Giang, huyện Nghi Xuân, tỉnh Hà Tĩnh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 17 tháng 7 năm 1972
Số bảng: GQ 251 bm Quyết định số: 337/TTga ngày 8 tháng 8 năm 1973
- 277 **Liệt sĩ: ĐINH CÔNG OANH**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Xuân Giang, huyện Nghi Xuân, tỉnh Hà Tĩnh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 12 tháng 7 năm 1972
Số bảng: UB 451 bm Quyết định số: 137/TTga ngày 15 tháng 3 năm 1977
- 278 **Liệt sĩ: HỒ XUÂN KIM**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Xuân Giang, huyện Nghi Xuân, tỉnh Hà Tĩnh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 15 tháng 10 năm 1972
Số bảng: NT 892 bm Quyết định số: 482/TTga ngày 24 tháng 9 năm 1974
- 279 **Liệt sĩ: ĐẬU QUANG THẮNG**
Thủy Thủ, Nguyên quán: xã Xuân Giang, huyện Nghi Xuân, tỉnh Hà Tĩnh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 1 tháng 2 năm 1967
Số bảng: CM 521 cm Quyết định số: 98/TTga ngày 20 tháng 6 năm 1969
- 280 **Liệt sĩ: NGUYỄN HỮU TRUNG**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Xuân Giang, huyện Nghi Xuân, tỉnh Hà Tĩnh, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 8 tháng 1 năm 1979
Số bảng: 9Z 452 bt Quyết định số: 735/TTga ngày 24 tháng 11 năm 1980
- 281 **Liệt sĩ: NGUYỄN VĂN QUANG**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Xuân Giang, huyện Nghi Xuân, tỉnh Hà Tĩnh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 9 tháng 4 năm 1975
Số bảng: UG 536 bm Quyết định số: 159/TTga ngày 22 tháng 3 năm 1977
- 282 **Liệt sĩ: ĐẬU XUÂN NHÂM**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Xuân Giang, huyện Nghi Xuân, tỉnh Hà Tĩnh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 2 tháng 10 năm 1973
Số bảng: LG 536 bm Quyết định số: 387/TTga ngày 19 tháng 7 năm 1975
- 283 **Liệt sĩ: ĐẬU XUÂN DẦN**
Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Xuân Giang, huyện Nghi Xuân,

- tỉnh Hà Tĩnh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 11 tháng 7 năm 1972
Số bằng: GN 832 bm Quyết định số: 334/TTg ngày 8 tháng 8 năm 1973
- 284 Liệt sĩ: **HỒ KIM SƠN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Xuân Giang, huyện Nghi Xuân, tỉnh Hà Tĩnh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 7 tháng 7 năm 1972
Số bằng: KR 293 bm Quyết định số: 58/TTga ngày 14 tháng 2 năm 1974
- 285 Liệt sĩ: **ĐẬU XUÂN CẨM**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Xuân Giang, huyện Nghi Xuân, tỉnh Hà Tĩnh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 7 tháng 2 năm 1971
Số bằng: BF 937 bm Quyết định số: 64/TTga ngày 22 tháng 2 năm 1972
- 286 Liệt sĩ: **ĐOÀN QUANG CHÍ**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Xuân Giang, huyện Nghi Xuân, tỉnh Hà Tĩnh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 18 tháng 10 năm 1966
Số bằng: VY 536 bm Quyết định số: 367/TTga ngày 27 tháng 4 năm 1977
- 287 Liệt sĩ: **ĐOÀN MINH THANH**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Xuân Giang, huyện Nghi Xuân, tỉnh Hà Tĩnh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 22 tháng 12 năm 1972
Số bằng: SS 167 bm Quyết định số: 725/TTga ngày 5 tháng 7 năm 1978
- 288 Liệt sĩ: **LÊ VĂN DƯ**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Xuân Giang, huyện Nghi Xuân, tỉnh Hà Tĩnh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 17 tháng 4 năm 1973
Số bằng: 2Đ 058 bm Quyết định số: 1128/TTga ngày 7 tháng 10 năm 1977
- 289 Liệt sĩ: **LÊ NGỌC CHỮ**
Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Xuân Giang, huyện Nghi Xuân, tỉnh Hà Tĩnh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 28 tháng 8 năm 1973
Số bằng: OE 923 bm Quyết định số: 18/TTga ngày 18 tháng 1 năm 1975
- 290 Liệt sĩ: **LÊ THANH TÂN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Xuân Trường, huyện Nghi Xuân, tỉnh Hà Tĩnh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 6 tháng 10 năm 1972
Số bằng: HL 587 bm Quyết định số: 18/TTga ngày 8 tháng 1 năm 1974
- 291 Liệt sĩ: **HOÀNG VĂN DƯƠNG**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Xuân Giang, huyện Nghi Xuân, tỉnh Hà Tĩnh, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 20 tháng 2 năm 1979
Số bằng: 9T 626 bt Quyết định số: 5578/TTga ngày 15 tháng 8 năm 1980
- 292 Liệt sĩ: **NGUYỄN CHÂN PHƯƠNG**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Xuân Giang, huyện Nghi Xuân, tỉnh Hà Tĩnh, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 24 tháng 4 năm 1954
Số bằng: ZQ 4,709 bp Quyết định số: 424/TTga ngày 1 tháng 12 năm 1959
- 293 Liệt sĩ: **LÊ VĂN MINH**
Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Xuân Giang, huyện Nghi Xuân, tỉnh Hà Tĩnh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 8 tháng 3 năm 1975
Số bằng: QĐ 002 bm Quyết định số: 451/TTga ngày 24 tháng 11 năm 1975

- 294 Liệt sĩ: **QUÁCH SÁU**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Xuân Giang, huyện Nghi Xuân, tỉnh Hà Tĩnh, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp tháng 5 năm 1952
Số bằng: AZ 308 bp Quyết định số: 212/TTGa ngày 31 tháng 5 năm 1961
- 295 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN THÌN**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Xuân Phổ, huyện Nghi Xuân, tỉnh Hà Tĩnh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 11 tháng 7 năm 1972
Số bằng: UH 264 bm Quyết định số: 157/Ttga ngày 22 tháng 3 năm 1977
- 296 Liệt sĩ: **TRẦN XUÂN LƯƠNG**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Xuân Thành, huyện Nghi Xuân, tỉnh Hà Tĩnh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 6 tháng 4 năm 1972
Số bằng: KH 717 bm Quyết định số: 527/TTGa ngày 4 tháng 12 năm 1973
- 297 Liệt sĩ: **TRỊNH ĐÌNH TON**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Xuân Thành, huyện Nghi Xuân, tỉnh Hà Tĩnh, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 29 tháng 10 năm 1983
Số bằng: QA 668 bt Quyết định số: 306/CTKT ngày 7 tháng 8 năm 1985
- 298 Liệt sĩ: **TRỊNH HUY TẢO**
Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Xuân Thành, huyện Nghi Xuân, tỉnh Hà Tĩnh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 15 tháng 8 năm 1974
Số bằng: TY 438 bm Quyết định số: 168/TTGa ngày 23 tháng 3 năm 1977
- 299 Liệt sĩ: **VÕ ĐĂNG TRỊNH**
Trung đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Xuân Thành, huyện Nghi Xuân, tỉnh Hà Tĩnh, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 23 tháng 1 năm 1980
Số bằng: 4AA 371 bt Quyết định số: 233/TTGa ngày 12 tháng 6 năm 1981
- 300 Liệt sĩ: **VÕ HỮU DẦN**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Đức Đồng, huyện Đức Thọ, tỉnh Hà Tĩnh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 24 tháng 3 năm 1967
Số bằng: CM 570 bm Quyết định số: 61/TTGa ngày 2 tháng 3 năm 1977
- 301 Liệt sĩ: **HOÀNG VĂN HẬU**
Trung đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Đức Đồng, huyện Đức Thọ, tỉnh Hà Tĩnh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 23 tháng 2 năm 1969
Số bằng: CT 388 bm Quyết định số: 330/TTGa ngày 15 tháng 8 năm 1974
- 302 Liệt sĩ: **HOÀNG NGHĨA TƯỜNG**
Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Đức Đồng, huyện Đức Thọ, tỉnh Hà Tĩnh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 19 tháng 9 năm 1974
Số bằng: UA 584 bm Quyết định số: 172/TTGa ngày 23 tháng 3 năm 1977
- 303 Liệt sĩ: **PHAN VĂN TAM**
Trung đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Đức Bình, huyện Đức Thọ, tỉnh Hà Tĩnh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 20 tháng 2 năm 1968
Số bằng: ĐK 718 bm Quyết định số: 484/TTGa ngày 2 tháng 12 năm 1972
- 304 Liệt sĩ: **ĐOÀN ĐỨC DỤC**
Hạ sĩ y tá Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Đức Hòa, huyện Đức Thọ, tỉnh Hà Tĩnh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 9 tháng 5 năm 1969

Số bằng: LA 470 bm Quyết định số: 82/TTGa ngày 5 tháng 3 năm 1972

- 305 Liệt sĩ: **NGUYỄN ĐÌNH THẮNG**
Đại đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tùng Ảnh, huyện Đức Thọ, tỉnh Hà Tĩnh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 10 năm 1972
Số bằng: 1L 970 bm Quyết định số: 690/TTGa ngày 4 tháng 7 năm 1988
- 306 Liệt sĩ: **TRẦN NGỌC TUÂN**
Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Đức Yên, huyện Đức Thọ, tỉnh Hà Tĩnh, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 3 tháng 11 năm 1947
Số bằng: ZQ 2,136 bp Quyết định số: 255/TTGa ngày 2 tháng 7 năm 1959
- 307 Liệt sĩ: **TRẦN CÔNG HOAN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Yên Hồ, huyện Đức Thọ, tỉnh Hà Tĩnh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 28 tháng 6 năm 1972
Số bằng: UK 176 bm Quyết định số: 182/TTGa ngày 22 tháng 3 năm 1977
- 308 Liệt sĩ: **ĐỒNG VĂN LUÂN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Đức Tùng, huyện Đức Thọ, tỉnh Hà Tĩnh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 16 tháng 8 năm 1972
Số bằng: KH 712 bm Quyết định số: 527/TTGa ngày 1 tháng 12 năm 1973
- 309 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN THẢO**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hậu Lộc, huyện Can Lộc, tỉnh Hà Tĩnh, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp tháng 12 năm 1953
Số bằng: ZZ 298 bp Quyết định số: 109/TTg ngày 27 tháng 3 năm 1961
- 310 Liệt sĩ: **TRƯƠNG HỮU LIÊU**
Xã viên Hợp tác xã, Nguyên quán: xã Thạch Nam, huyện Thạch Hà, tỉnh Hà Tĩnh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 22 tháng 5 năm 1968
Số bằng: CM 903 cm Quyết định số: 173/TTGa ngày 20 tháng 10 năm 1980
- 311 Liệt sĩ: **LÊ QUANG LIÊN**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt nam, Nguyên quán: xã Thạch Nam, huyện Thạch Hà, tỉnh Hà Tĩnh, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 6 tháng 3 năm 1982
Số bằng: AU 674 bt Quyết định số: 306 CT/KT ngày 7 tháng 8 năm 1987
- 312 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN CẠNH**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt nam, Nguyên quán: xã Thạch Nam, huyện Thạch Hà, tỉnh Hà Tĩnh, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 4 tháng 2 năm 1978
Số bằng: 7AA 287 bt Quyết định số: 1299/TTGa ngày 17 tháng 11 năm 1980
- 313 Liệt sĩ: **NGUYỄN DẠNG**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thạch Nam, huyện Thạch Hà, tỉnh Hà Tĩnh, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 11 tháng 5 năm 1953
Số bằng: BZ 565 bp Quyết định số: 360/TTg ngày 9 tháng 9 năm 1985
- 314 Liệt sĩ: **PHAN ĐÌNH LAN**
Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt nam, Nguyên quán: xã Thạch Nam, huyện Thạch Hà, tỉnh Hà Tĩnh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 1 tháng 6 năm 1972
Số bằng: LB 997 bm Quyết định số: 378/TTGa ngày 19 tháng 7 năm 1992
- 315 Liệt sĩ: **TRƯƠNG VĂN HUÂN**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam , Nguyên quán: xã Thạch Nam, huyện Thạch Hà, tỉnh Hà Tĩnh, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 30 tháng 3 năm 1978
Số bằng: 7A 399 bt Quyết định số: 1321/TTga ngày 22 tháng 11 năm 1981

- 316 Liệt sĩ: **VÕ ĐÌNH DUNG**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam , Nguyên quán: xã Kỳ Bắc, huyện Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh , đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 18 tháng 9 năm 1969
Số bằng: EP 021 bm Quyết định số: 148/TTga ngày 17 tháng 4 năm 1974
- 317 Liệt sĩ: **NGUYỄN TIẾN BÌNH**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam , Nguyên quán: xã Kỳ Bắc, huyện Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh , đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 3 tháng 6 năm 1978
Số bằng: 8B 466 bt Quyết định số: 283/TTga ngày 23 tháng 4 năm 1979
- 318 Liệt sĩ: **PHAN VĂN HỖ**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam , Nguyên quán: xã Thạch Châu, huyện Thạch Hà, tỉnh Hà Tĩnh , đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 1 tháng 6 năm 1969
Số bằng: AH 172 bm Quyết định số: 107/TTga ngày 8 tháng 5 năm 1979
- 319 Liệt sĩ: **VÕ VĂN VỸ**
Tiểu đội phó Quân đội nhân dân VN, Nguyên quán: xã Kỳ Bắc, huyện Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh , đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 20 tháng 11 năm 1967
Số bằng: BS 127 bm Quyết định số: 93/TTga ngày 18 tháng 3 năm 1975
- 320 Liệt sĩ: **HOÀNG CÔNG MẪU**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam , Nguyên quán: xã Kỳ Bắc, huyện Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh , đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 12 tháng 3 năm 1968
Số bằng: MH 296 bm Quyết định số: 93/TTga ngày 18 tháng 4 năm 1973
- 321 Liệt sĩ: **HOÀNG NGUÂN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam , Nguyên quán: xã Kỳ Bắc, huyện Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh , đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 9 tháng 3 năm 1954
Số bằng: ZQ 1,526 bp Quyết định số: 257/TTga ngày 2 tháng 7 năm 1974
- 322 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN NHÂN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam , Nguyên quán: xã Kỳ Bắc, huyện Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh , đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 17 tháng 2 năm 1970
Số bằng: KB 208 bm Quyết định số: 116/TTga ngày 22 tháng 3 năm 1974
- 323 Liệt sĩ: **HỒ VĂN VỸ**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam , Nguyên quán: xã Kỳ Bắc, huyện Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh , đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 30 tháng 10 năm 1967
Số bằng: ĐS 696 bm Quyết định số: 50/TTga ngày 17 tháng 2 năm 1970
- 324 Liệt sĩ: **THÁI VĂN HẢI**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam , Nguyên quán: xã Kỳ Bắc, huyện Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh , đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 19 tháng 11 năm 1972
Số bằng: GN 875 bm Quyết định số: 334/TTga ngày 8 tháng 8 năm 1973
- 325 Liệt sĩ: **LÊ NHIÊN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam , Nguyên quán: xã Kỳ Bắc, huyện Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh , đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp năm 1951
Số bằng: ZQ 1,527 bp Quyết định số: 257/TTga ngày 2 tháng 7 năm 1980

- 326 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN LỘC**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam , Nguyên quán: xã Kỳ Bắc, huyện Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh , đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 15 tháng 4 năm 1970
Số bằng: 1L 513 bm Quyết định số: 807/TTga ngày 3 tháng 8 năm 1970
- 327 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN THI**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam , Nguyên quán: xã Kỳ Bắc, huyện Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh , đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 25 tháng 9 năm 1972
Số bằng: KH 829 bm Quyết định số: 531/TTga ngày 4 tháng 12 năm 1975
- 328 Liệt sĩ: **DƯƠNG HOÀI THANH**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam , Nguyên quán: xã Kỳ Bắc, huyện Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh , đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 18 tháng 11 năm 1972
Số bằng: HL 686 bm Quyết định số: 598/TTga ngày 31 tháng 12 năm 1977
- 329 Liệt sĩ: **NGUYỄN VIỆT LƯỢNG**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam , Nguyên quán: xã Kỳ Bắc, huyện Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh , đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 14 tháng 12 năm 1969
Số bằng: SG 176 bm Quyết định số: 465/TTga ngày 21 tháng 10 năm 1973
- 330 Liệt sĩ: **HOÀNG XUÂN MAI**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam , Nguyên quán: xã Kỳ Bắc, huyện Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh , đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 6 tháng 9 năm 1972
Số bằng: KR 242 bm Quyết định số: 58/TTga ngày 14 tháng 2 năm 1974
- 331 Liệt sĩ: **VÕ MINH OANH**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam , Nguyên quán: xã Cẩm Nhượng, huyện Cẩm Xuyên, tỉnh Hà Tĩnh , đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 9 tháng 3 năm 1967
Số bằng: ĐS 976 bm Quyết định số: 51/TTga ngày 17 tháng 2 năm 1977
- 332 Liệt sĩ: **CAO ĐÌNH XU**
Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Kỳ Thượng, huyện Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh , đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 12 tháng 9 năm 1974
Số bằng: SH 295 bm Quyết định số: 461/TTga ngày 21 tháng 10 năm 1987
- 333 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN HỒNG**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam , Nguyên quán: xã Kỳ Phú, huyện Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh , đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 23 tháng 1 năm 1967
Số bằng: AU 966 bm Quyết định số: 224/TTg ngày 8 tháng 10 năm 1979
- 334 Liệt sĩ: **NGUYỄN TUẤN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam , Nguyên quán: xã Kỳ Phú, huyện Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh , đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 15 tháng 7 năm 1952
Số bằng: ZQ 597 bp Quyết định số: 176/TTga ngày 4 tháng 5 năm 1959
- 335 Liệt sĩ: **LÊ NGỌC SINH**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân VN, Nguyên quán: xã Kỳ Phú, huyện Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh , đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 18 tháng 11 năm 1968
Số bằng: YP 529 bm Quyết định số: 459/TTga ngày 20 tháng 5 năm 1973
- 336 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN KIỀM**
Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam , Nguyên quán: xã Kỳ Phong, huyện Kỳ Anh, tỉnh Hà

Tĩnh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 29 tháng 6 năm 1970
Số bằng: OH 315 bm Quyết định số: 567/TTga ngày 11 tháng 11 năm 1977

- 337 Liệt sĩ: **NGUYỄN BÌNH HOÀN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Kỳ Phong, huyện Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp tháng 11 năm 1952
Số bằng: AZ 115 bp Quyết định số: 212/TTga ngày 31 tháng 5 năm 1969
- 338 Liệt sĩ: **NGUYỄN BÌNH TƯƠNG**
Binh nhất Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Kỳ Phong, huyện Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 2 tháng 12 năm 1961
Số bằng: BS 239 bm Quyết định số: 109/TTga ngày 31 tháng 3 năm 1964
- 339 Liệt sĩ: **NGUYỄN TRỌNG SỬ**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thạch Lưu, huyện Thạch Hà, tỉnh Hà Tĩnh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 21 tháng 3 năm 1967
Số bằng: CV 192 bm Quyết định số: 368/TTga ngày 1 tháng 9 năm 1974
- 340 Liệt sĩ: **NGUYỄN DUY VINH**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thạch Lưu, huyện Thạch Hà, tỉnh Hà Tĩnh, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 27 tháng 7 năm 1983
Số bằng: BC 456 bt Quyết định số: 192/CTKT ngày 10 tháng 7 năm 1986
- 341 Liệt sĩ: **LÊ VĂN CHÂU**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thạch Thanh, huyện Thạch Hà, tỉnh Hà Tĩnh, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 12 tháng 9 năm 1952
Số bằng: BZ 603 bp Quyết định số: 360/TTg ngày 9 tháng 9 năm 1959
- 342 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN CHÁT**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thạch Long, huyện Thạch Hà, tỉnh Hà Tĩnh, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 2 tháng 8 năm 1979
Số bằng: 9X 098 bt Quyết định số: 655/TTga ngày 18 tháng 10 năm 1980
- 343 Liệt sĩ: **TRẦN CÔNG TAM**
Công nhân, Nguyên quán: xã Thạch Long, huyện Thạch Hà, tỉnh Hà Tĩnh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 11 tháng 5 năm 1965
Số bằng: AM 118 cm Quyết định số: 119/TTga ngày 12 tháng 8 năm 1976
- 344 Liệt sĩ: **NGUYỄN TẮT HUỆ**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thạch Thắng - Thạch Hà, tỉnh Hà Tĩnh, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 20 tháng 3 năm 1979
Số bằng: 9I 682 bt Quyết định số: 019/TTga ngày 5 tháng 1 năm 1980
- 345 Liệt sĩ: **NGUYỄN THỊ ĐÀO**
Công nhân, Nguyên quán: xã Thạch Thắng - Thạch Hà, tỉnh Hà Tĩnh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 16 tháng 6 năm 1972
Số bằng: AS 992 cm Quyết định số: 266/CTKT ngày 10 tháng 7 năm 1985
- 346 Liệt sĩ: **TRẦN QUỐC TẤN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thạch Thắng - Thạch Hà, tỉnh Hà Tĩnh, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 11 tháng 7 năm 1976
Số bằng: DD 186 bt Quyết định số: 145/CTKT ngày 17 tháng 7 năm 1992

- 347 Liệt sĩ: **NGUYỄN HỮU ĐỆ**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam , Nguyên quán: xã Thạch Sơn, huyện Thạch Hà, tỉnh Hà Tĩnh, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 14 tháng 5 năm 1979
Số bằng: 4 AA 161 bt Quyết định số: 157/TTGa ngày 6 tháng 5 năm 1981
- 348 Liệt sĩ: **TRẦN HẬU HIỆT**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam , Nguyên quán: xã Thạch Hội, huyện Thạch Hà, tỉnh Hà Tĩnh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 2 tháng 6 năm 1970
Số bằng: KR 185 bm Quyết định số: 049/TTGa ngày 9 tháng 2 năm 1974
- 349 Liệt sĩ: **TRƯƠNG HỒNG PHONG**
Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán xã Thạch Hạ, huyện Thạch Hà, tỉnh Hà Tĩnh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 12 tháng 1 năm 1972
Số bằng: NP 582 bm Quyết định số: 387/TTGa ngày 26 tháng 7 năm 1978
- 350 Liệt sĩ: **TẠ QUANG HẢI**
Hạ sĩ lái xe Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán xã Thạch Hạ, huyện Thạch Hà, tỉnh Hà Tĩnh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 5 năm 1967
Số bằng: 8E 529 bm Quyết định số: 349/TTGa ngày 18 tháng 5 năm 1979
- 351 Liệt sĩ: **NGUYỄN DUY NỤU**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán xã Thạch Bình, huyện Thạch Hà, tỉnh Hà Tĩnh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 23 tháng 9 năm 1965
Số bằng: PY 986 bm Quyết định số: 451/TTGa ngày 21 tháng 11 năm 1977
- 352 Liệt sĩ: **TRẦN ĐỨC TÂM**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán xã Thạch Bình, huyện Thạch Hà, tỉnh Hà Tĩnh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 21 tháng 5 năm 1968
Số bằng: ĐS 775 bm Quyết định số: 50/TTGa ngày 17 tháng 2 năm 1972
- 353 Liệt sĩ: **LÊ VĂN TÍCH**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán xã Thạch Bình, huyện Thạch Hà, tỉnh Hà Tĩnh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 5 tháng 4 năm 1973
Số bằng: NB 264 bm Quyết định số: 318/TTGa ngày 20 tháng 6 năm 1974
- 354 Liệt sĩ: **TRẦN HỮU NHƯ**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán xã Thạch Bình, huyện Thạch Hà, tỉnh Hà Tĩnh, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 10 tháng 4 năm 1952
Số bằng: ZT 584 bp Quyết định số: 122/TTGa ngày 31 tháng 5 năm 1977
- 355 Liệt sĩ: **LÊ HỮU XIN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán xã Thạch Bình, huyện Thạch Hà, tỉnh Hà Tĩnh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 26 tháng 8 năm 1968
Số bằng: ML 652 bm Quyết định số: 150/TTGa ngày 19 tháng 6 năm 1977
- 356 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN TOÀN**
Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt nam, Nguyên quán xã Thạch Linh, huyện Thạch Hà, tỉnh Hà Tĩnh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 1 tháng 9 năm 1972
Số bằng: EB 018 bm Quyết định số: 63/TTGa ngày 23 tháng 2 năm 1973
- 357 Liệt sĩ: **NGUYỄN BÁ NGỌC**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam , Nguyên quán: xã Hương Giang, huyện Hương Khê, tỉnh Hà Tĩnh, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 26 tháng 12 năm 1978

Số bằng: PB 984 bt Quyết định số: 23/TTGa ngày 5 tháng 1 năm 1980

- 358 Liệt sĩ: **NGUYỄN THƯỢNG HIỀN**
Binh nhì Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Phúc Trạch, huyện Hương Khê, tỉnh Hà Tĩnh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 25 tháng 4 năm 1968
Số bằng: ML 603 bm Quyết định số: 150TTGa ngày 19 tháng 6 năm 1972
- 359 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN PHƯỜNG**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Kỳ Trinh, huyện Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 15 tháng 5 năm 1970
Số bằng: QB 183 bm Quyết định số: 454/TTGa ngày 24 tháng 11 năm 1975
- 360 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN PHÀ**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Kỳ Trinh, huyện Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 8 tháng 4 năm 1967
Số bằng: EP 151 bm Quyết định số: 172/TTGa ngày 8 tháng 5 năm 1973
- 361 Liệt sĩ: **NGUYỄN QUỐC TUẤN**
Chiến sĩ Thanh niên xung phong, Nguyên quán: xã Kỳ Trinh, huyện Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 17 tháng 6 năm 1966
Số bằng: BN 025 cm Quyết định số: 193/TTGa ngày 30 tháng 10 năm 1968
- 362 Liệt sĩ: **NGUYỄN QUỐC TRỊ**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Kỳ Trinh, huyện Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 15 tháng 4 năm 1970
Số bằng: LH 407 bm Quyết định số: 807/TTGa ngày 3 tháng 8 năm 1977
- 363 Liệt sĩ: **NGUYỄN DUY TUỔI**
Công nhân, Nguyên quán: xã Kỳ Trinh, huyện Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 14 tháng 6 năm 1968
Số bằng: BN 444 cm Quyết định số: 159/CTKT ngày 15 tháng 7 năm 1987
- 364 Liệt sĩ: **LÊ QUANG DIỆM**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Kỳ Trinh, huyện Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 14 tháng 6 năm 1978
Số bằng: 8Q 789 bt Quyết định số: 585/TTGa ngày 14 tháng 8 năm 1979
- 365 Liệt sĩ: **NGUYỄN HUY MINH**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Kỳ Trinh, huyện Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 25 tháng 1 năm 1952
Số bằng: ZQ 1,521 bp Quyết định số: 257/TTGa ngày 2 tháng 7 năm 1959
- 366 Liệt sĩ: **NGUYỄN TIẾN BANG**
Công nhân, Nguyên quán: xã Kỳ Trinh, huyện Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 24 tháng 7 năm 1967
Số bằng: LA 650 cm Quyết định số: 563/TTGa ngày 13 tháng 12 năm 1973
- 367 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN BƯƠng**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Kỳ Trinh, huyện Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 8 tháng 10 năm 1969
Số bằng: YI 875 bm Quyết định số: 460/TTGa ngày 20 tháng 5 năm 1977
- 368 Liệt sĩ: **NGUYỄN ĐÌNH TRIỂN**

Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Kỳ Trinh, huyện Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 20 tháng 11 năm 1969
Số bằng: CN 517 bm Quyết định số: 76/TTga ngày 4 tháng 7 năm 1972

369 Liệt sĩ: **LÊ THANH VÂN**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Kỳ Trinh, huyện Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 27 tháng 1 năm 1964
Số bằng: GZ 705 bm Quyết định số: 87/TTga ngày 3 tháng 7 năm 1964

370 Liệt sĩ: **TRƯƠNG CÔNG LƠN**

Đại đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Kỳ Trinh, huyện Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 27 tháng 5 năm 1968
Số bằng: OT 657 bm Quyết định số: 643/TTga ngày 21 tháng 12 năm 1974

371 Liệt sĩ: **TRƯƠNG CÔNG VIÊN**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Kỳ Trinh, huyện Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 2 tháng 4 năm 1971
Số bằng: BK 629 bp Quyết định số: 116/TTga ngày 22 tháng 3 năm 1974

372 Liệt sĩ: **HOÀNG ĐÌNH NGUYỄN**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Kỳ Trinh, huyện Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 4 tháng 4 năm 1954
Số bằng: ZQ 1,522 bp Quyết định số: 257/TTga ngày 2 tháng 7 năm 1959

373 Liệt sĩ: **HOÀNG HỊCH**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Kỳ Trinh, huyện Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 28 tháng 1 năm 1952
Số bằng: ZQ 1,513 bp Quyết định số: 257/TTga ngày 2 tháng 7 năm 1959

374 Liệt sĩ: **NGUYỄN HẢI HỐI**

Chính trị viên phó đại đội Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Kỳ Trinh, huyện Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 28 tháng 1 năm 1952
Số bằng: RA 321 bp Quyết định số: 321/TTga ngày 23 tháng 4 năm 1976

375 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN BÔNG**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Kỳ Trinh, huyện Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 20 tháng 5 năm 1950
Số bằng: ZQ 562 bp Quyết định số: 176/TTga ngày 4 tháng 5 năm 1959

376 Liệt sĩ: **TRƯƠNG CÔNG SỞ**

Trung đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Kỳ Trinh, huyện Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 2 tháng 1 năm 1951
Số bằng: ZQ 594 bp Quyết định số: 176/TTga ngày 4 tháng 5 năm 1960

377 Liệt sĩ: **NGUYỄN NGƯU**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Kỳ Trinh, huyện Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 3 tháng 11 năm 1952
Số bằng: ZQ 1,532 bp Quyết định số: 257/TTga ngày 2 tháng 7 năm 1959

378 Liệt sĩ: **NGUYỄN THỊ MƯU**

Đội viên, Nguyên quán: xã Kỳ Trinh, huyện Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 5 tháng 5 năm 1972
Số bằng: NM 197 km Quyết định số: 567/TTga ngày 11 tháng 11 năm 1974

- 379 **Liệt sĩ: NGUYỄN XUÂN HOÀNH**
Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Kỳ Trinh, huyện Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 21 tháng 3 năm 1967
Số bảng: SR 710 bm Quyết định số: 577/TTga ngày 31 tháng 12 năm 1976
- 380 **Liệt sĩ: TRẦN VĂN ĐÌNH**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Kỳ Trinh, huyện Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 2 tháng 3 năm 1978
Số bảng: 7A 347 bt Quyết định số: 1299/TTga ngày 17 tháng 11 năm 1978
- 381 **Liệt sĩ: NGUYỄN ĐÌNH NAM**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Kỳ Trinh, huyện Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 15 tháng 12 năm 1969
Số bảng: VT 353 bm Quyết định số: 350/TTga ngày 25 tháng 4 năm 1977
- 382 **Liệt sĩ: TRẦN VĂN HƯƠNG**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Kỳ Trinh, huyện Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 18 tháng 8 năm 1972
Số bảng: IO 707 bm Quyết định số: 199/TTga ngày 26 tháng 4 năm 1974
- 383 **Liệt sĩ: NGUYỄN THỊ THÁI**
Đại đội trưởng Dân quân, Nguyên quán: xã Kỳ Trinh, huyện Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 15 tháng 8 năm 1968
Số bảng: BM 191 km Quyết định số: 93/TTga ngày 18 tháng 3 năm 1972
- 384 **Liệt sĩ: NGUYỄN VĂN XÂNG**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Kỳ Trinh, huyện Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 11 tháng 5 năm 1972
Số bảng: SR 080 bm Quyết định số: 20/TTga ngày 8 tháng 1 năm 1977
- 385 **Liệt sĩ: ĐẬU TRỌNG LÂM**
Đại đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Kỳ Trinh, huyện Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 12 tháng 10 năm 1972
Số bảng: VS 660 bm Quyết định số: 324/TTga ngày 20 tháng 4 năm 1977
- 386 **Liệt sĩ: NGUYỄN VĂN THÀNH**
Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Kỳ Trinh, huyện Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 16 tháng 12 năm 1971
Số bảng: HL 692 bm Quyết định số: 598/TTga ngày 31 tháng 12 năm 1973
- 387 **Liệt sĩ: NGUYỄN VĂN TÂN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Kỳ Trinh, huyện Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 8 năm 1969
Số bảng: QĐ 056 bm Quyết định số: 451/TTga ngày 21 tháng 11 năm 1975
- 388 **Liệt sĩ: NGUYỄN VĂN DẦU**
Chính trị viên phó đại đội Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Kỳ Trinh, huyện Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 13 tháng 12 năm 1970
Số bảng: BK 498 bm Quyết định số: 150/TTga ngày 1 tháng 10 năm 1972
- 389 **Liệt sĩ: NGUYỄN VĂN SÂM**
Công Nhân, Nguyên quán: xã Kỳ Trinh, huyện Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh, đã hy sinh trong sự nghiệp

chống Mỹ cứu nước, ngày 26 tháng 1 năm 1968

Số bằng: BM 136 cm Quyết định số: 202/TTGa ngày 12 tháng 11 năm 1968

390 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN DUNG**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Kỳ Trinh, huyện Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 24 tháng 12 năm 1952

Số bằng: AZ 105 bp Quyết định số: 212/TTGa ngày 31 tháng 5 năm 1961

391 Liệt sĩ: **NGUYỄN TIẾN HƯƠNG**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Kỳ Trinh, huyện Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 25 tháng 5 năm 1967

Số bằng: BM 841 bm Quyết định số: 048/TTGa ngày 15 tháng 3 năm 1968

392 Liệt sĩ: **TRẦN ĐÌNH TIẾN**

Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Kỳ Trinh, huyện Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 19 tháng 8 năm 1972

Số bằng: PL 705 bm Quyết định số: 405/TTGa ngày 9 tháng 10 năm 1975

393 Liệt sĩ: **NGUYỄN ĐÌNH SONG**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Kỳ Trinh, huyện Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 15 tháng 3 năm 1954

Số bằng: ZQ 595 bp Quyết định số: 176/TTGa ngày 4 tháng 5 năm 1959

394 Liệt sĩ: **NGUYỄN THỊ HƯƠNG**

Trung đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Kỳ Trinh, huyện Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 23 tháng 4 năm 1968

Số bằng: CM 348 bm Quyết định số: 76/TTGa ngày 24 tháng 5 năm 1969

395 Liệt sĩ: **TRẦN MẠNH TRÍ**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Kỳ Trinh, huyện Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 14 tháng 3 năm 1975

Số bằng: UB 989 bm Quyết định số: 167/TTGa ngày 22 tháng 3 năm 1977

396 Liệt sĩ: **CHU VĂN YẾM**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Kỳ Trinh, huyện Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 29 tháng 2 năm 1968

Số bằng: ML 644 bm Quyết định số: 150/TTGa ngày 19 tháng 6 năm 1970

397 Liệt sĩ: **NGUYỄN XUÂN TIẾP**

Trợ lý tác chiến Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Kỳ Lâm, huyện Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 18 tháng 10 năm 1972

Số bằng: TY 444 bm Quyết định số: 168/TTGa ngày 22 tháng 3 năm 1977

398 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN CHOAİ**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Kỳ Trinh, huyện Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 15 tháng 3 năm 1954

Số bằng: AZ 104 bp Quyết định số: 212/TTGa ngày 31 tháng 5 năm 1961

399 Liệt sĩ: **TRẦN MINH ĐỨC**

Đội viên TNXP, Nguyên quán: xã Kỳ Trinh, huyện Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 13 tháng 6 năm 1973

Số bằng: MM 087 cm Quyết định số: 199/TTGa ngày 26 tháng 4 năm 1974

- 400 **Liệt sĩ: NGUYỄN VĂN SƠN**
Đại đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Kỳ Trinh, huyện Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 30 tháng 12 năm 1969
Số bằng: UA 408 bm Quyết định số: 192/TTga ngày 28 tháng 3 năm 1977
- 401 **Liệt sĩ: NGUYỄN VĂN RỜI**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Kỳ Trinh, huyện Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 2 tháng 2 năm 1968
Số bằng: SR 699 bm Quyết định số: 577/TTga ngày 21 tháng 12 năm 1976
- 402 **Liệt sĩ: NGUYỄN KỶ**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Kỳ Trinh, huyện Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 29 tháng 4 năm 1946
Số bằng: AZ 106 bp Quyết định số: 212/TTga ngày 31 tháng 5 năm 1961
- 403 **Liệt sĩ: TRẦN ĐÌNH PHỤ**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Kỳ Trinh, huyện Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 17 tháng 8 năm 1970
Số bằng: YH 996 bm Quyết định số: 456/TTga ngày 20 tháng 5 năm 1977
- 404 **Liệt sĩ: LÊ ĐÌNH LUYẾT**
Công nhân, Nguyên quán: xã Kỳ Lợi, huyện Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 6 năm 1967
Số bằng: LA 612 cm Quyết định số: 563/TTga ngày 13 tháng 12 năm 1973
- 405 **Liệt sĩ: ĐẶNG ĐÌNH BÁT**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Sơn Hà, huyện Hương Sơn, tỉnh Hà Tĩnh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 22 tháng 12 năm 1966
Số bằng: AL 093 bm Quyết định số: 78/TTga ngày 2 tháng 4 năm 1971
- 406 **Liệt sĩ: PHẠM VĂN SƠN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Sơn Hồng, huyện Hương Sơn, tỉnh Hà Tĩnh, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 30 tháng 3 năm 1979
Số bằng: 9I 846 bt Quyết định số: 23/TTga ngày 5 tháng 1 năm 1980
- 407 **Liệt sĩ: TRẦN THẾ VINH**
Tiểu đoàn trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Sơn Phố, huyện Hương Sơn, tỉnh Hà Tĩnh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 22 tháng 6 năm 1972
Số bằng: VS 851 bm Quyết định số: 316/TTga ngày 20 tháng 4 năm 1977
- 408 **Liệt sĩ: BÙI TRỌNG ĐÌNH**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Sơn Hồng, huyện Hương Sơn, tỉnh Hà Tĩnh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 24 tháng 8 năm 1974
Số bằng: RA 396 bm Quyết định số: 132/TTga ngày 23 tháng 4 năm 1975
- 409 **Liệt sĩ: NGUYỄN VĂN HƯỚNG**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Sơn Bằng, huyện Hương Sơn, tỉnh Hà Tĩnh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 8 tháng 2 năm 1972
Số bằng: GN 924 bm Quyết định số: 319/TTga ngày 25 tháng 7 năm 1973
- 410 **Liệt sĩ: ĐINH HỮU YÊM**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Sơn Tân, huyện Hương Sơn, tỉnh Hà Tĩnh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 24 tháng 6 năm 1969

Số bằng: BK 712 bm Quyết định số: 42/TTGa ngày 27 tháng 1 năm 1972

- 411 Liệt sĩ: **TRẦN LÊ LÔ**
Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Sơn Tân, huyện Hương Sơn, tỉnh Hà Tĩnh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 1 tháng 2 năm 1971
Số bằng: HL 500 bm Quyết định số: 18/TTGa ngày 8 tháng 1 năm 1974
- 412 Liệt sĩ: **TRẦN ĐÌNH TỨ**
Công nhân, Nguyên quán: xã Sơn Trường, huyện Hương Sơn, tỉnh Hà Tĩnh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 15 tháng 7 năm 1968
Số bằng: EP 246 cm Quyết định số: 172/TTGa ngày 8 tháng 5 năm 1973
- 413 Liệt sĩ: **NGUYỄN HỮU TÌNH**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Sơn Bằng, huyện Hương Sơn, tỉnh Hà Tĩnh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 20 tháng 10 năm 1965
Số bằng: AP 041 bm Quyết định số: 101/TTGa ngày 29 tháng 4 năm 1971

TỈNH BẮC GIANG

- 414 Liệt sĩ: **DƯƠNG VĂN CHIẾU**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nội Hoàng, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 25 tháng 8 năm 1950
Số bằng: LX 389 bp Quyết định số: 80/Ttga ngày 20 tháng 3 năm 1962
- 415 Liệt sĩ: **DƯƠNG VĂN THÀNH**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nội Hoàng, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 04 tháng 6 năm 1970
Số bằng: GO 274 bm Quyết định số: 284/TTga ngày 06 tháng 7 năm 1973
- 416 Liệt sĩ: **ĐÀO VĂN GIÁP**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: phường Lê Lợi, thị xã Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 19 tháng 02 năm 1968
Số bằng: BH 603 bm Quyết định số: 10/TTGa ngày 06 tháng 01 năm 1972
- 417 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN NGŨ**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Đại Thành, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 11 tháng 10 năm 1966
Số bằng: BN 458 bm Quyết định số: 82/TTGa ngày 07 tháng 3 năm 1972
- 418 Liệt sĩ: **NGÔ QUANG TRUNG**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Đại Thành, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 08 tháng 5 năm 1978
Số bằng: 8E 734 bt Quyết định số: 346/TTGa ngày 18 tháng 5 năm 1979
- 419 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN LONG**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Danh Thắng, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 23 tháng 12 năm 1971
Số bằng: LK 425 bm Quyết định số: 330/TTGa ngày 25 tháng 6 năm 1974
- 420 Liệt sĩ: **NGUYỄN XUÂN TÌNH**

- Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thái Đào, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 12 tháng 6 năm 1969
Số bằng: HS 541 bm Quyết định số: 480/TTga ngày 06 tháng 11 năm 1973
- 421 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN HƯƠNG**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Ngọc Thiện, huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 20 tháng 4 năm 1970
Số bằng: VT 258 bm Quyết định số: 333/TTga ngày 20 tháng 4 năm 1977
- 422 Liệt sĩ: **HOÀNG ĐÌNH NHẬT**
Trung úy Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tân Mỹ, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 16 tháng 01 năm 1968
Số bằng: NM 038 bm Quyết định số: 54/TTga ngày 19 tháng 4 năm 1969
- 423 Liệt sĩ: **TRƯƠNG VĂN TUỆ**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Ngọc Vân, huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 09 tháng 6 năm 1969
Số bằng: QB 561 bm Quyết định số: 456/TTga ngày 28 tháng 11 năm 1975
- 424 Liệt sĩ: **VI VĂN NỢT**
Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Phong Minh, huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp tháng 6 năm 1948
Số bằng: MX 507 kp Quyết định số: 222/TTga ngày 14 tháng 7 năm 1962
- 425 Liệt sĩ: **NGUYỄN CÔNG LAI**
Đại đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hương Lâm, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 05 tháng 7 năm 1946
Số bằng: LK 400 bp Quyết định số: 330/TTga ngày 25 tháng 6 năm 1974
- 426 Liệt sĩ: **ÂU XUÂN VIÊN**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hương Lâm, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 14 tháng 02 năm 1968
Số bằng: OG 356 bm Quyết định số: 564/TTga ngày 11 tháng 11 năm 1974
- 427 Liệt sĩ: **ÂU VĂN THỰC**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hương Lâm, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 20 tháng 6 năm 1970
Số bằng: ET 431 bm Quyết định số: 167/TTga ngày 03 tháng 5 năm 1973
- 428 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN THIÊN**
Dân quân tự vệ, Nguyên quán: xã Thường Thắng, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 25 tháng 9 năm 1966
Số bằng: AM 035 km Quyết định số: 61/TTga ngày 07 tháng 6 năm 1967
- 429 Liệt sĩ: **TRỊNH XUÂN TRƯỜNG**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tân An, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 23 tháng 01 năm 1973
Số bằng: RL 973 bm Quyết định số: 313/TTga ngày 15 tháng 7 năm 1976
- 430 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN KỶ**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Cương Sơn, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 24 tháng 4 năm 1950
Số bằng: XQ 3,943 bp Quyết định số: 287/TTg ngày 01 tháng 8 năm 1959

431 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN KHANG**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nghĩa Phương, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 27 tháng 7 năm 1972
Số bằng: VH 138 bm Quyết định số: 210/TTGa ngày 29 tháng 3 năm 1977

432 Liệt sĩ: **ĐẶNG VĂN TIẾN**

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: thị trấn Lục Nam, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 01 tháng 12 năm 1967
Số bằng: UY 278 bm Quyết định số: 297/TTGa ngày 15 tháng 4 năm 1977

TỈNH SÓC TRĂNG

433 Liệt sĩ: **LÂM TRUNG XIÊM**

Đại đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: Phường Khánh Hòa, thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 16 tháng 11 năm 1977
Số bằng: 4AA 976 bt Quyết định số: 283/TTGa ngày 6 tháng 7 năm 1981

434 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN SÁU**

Xã đội phó, Nguyên quán: xã Vĩnh Tân, thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước năm 1972
Số bằng: 3A 941 km Quyết định số: 972/TTGa ngày 28 tháng 8 năm 1978

435 Liệt sĩ: **HỒ VĂN TƯ**

Đội viên Du kích, Nguyên quán: xã Đại Ngãi, huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 22 tháng 2 năm 1973
Số bằng: 3G 205 km Quyết định số: 1192/TTGa ngày 18 tháng 10 năm 1978

436 Liệt sĩ: **THẠCH BA NAM**

Trưởng Đoàn ca múa, Nguyên quán: xã Vĩnh Phước, thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước tháng 8 năm 1966
Số bằng: 3Z 846 cm Quyết định số: 551/TTGa ngày 27 tháng 7 năm 1979

437 Liệt sĩ: **VÕ VĂN HẠNH**

Đội viên Du kích, Nguyên quán: xã Vĩnh Phước, thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 28 tháng 4 năm 1970
Số bằng: 1K 157 km Quyết định số: 1510/TTGa ngày 16 tháng 11 năm 1977

438 Liệt sĩ: **VÕ VĂN HIỀU**

Cán bộ Ty công an, Nguyên quán: xã Vĩnh Phước, thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 8 tháng 8 năm 1964
Số bằng: 4B 764 cm Quyết định số: 722/TTGa ngày 17 tháng 10 năm 1979

439 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN CHÍN**

Cán bộ, Nguyên quán: xã Vĩnh Phước, thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 19 tháng 2 năm 1974
Số bằng: 4G 174 cm Quyết định số: 47/TTGa ngày 16 tháng 1 năm 1980

440 Liệt sĩ: **VÕ VĂN LÝ**

Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Long Hưng, huyện Mỹ Tú, tỉnh

Sóc Trăng, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 23 tháng 6 năm 1973
Số bằng: 6X 538 bm Quyết định số: 1216/TTga ngày 23 tháng 10 năm 1978

- 441 Liệt sĩ: **TRƯƠNG VĂN LỊCH**
Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Long Hưng, huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 7 tháng 7 năm 1970
Số bằng: 3Z 471 km Quyết định số: 242/TTga ngày 17 tháng 6 năm 1981
- 442 Liệt sĩ: **HUỖNH VĂN HOÀNH**
Đội tuyên truyền xung phong, Nguyên quán: xã Thuận Hưng, huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 15 tháng 10 năm 1963
Số bằng: 3L 932 cm Quyết định số: 1220/TTga ngày 25 tháng 10 năm 1978
- 443 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN ĐƯỢC**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Long Hưng, huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 28 tháng 2 năm 1968
Số bằng: 7I 129 bm Quyết định số: 26/TTga ngày 8 tháng 1 năm 1979
- 444 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN NGỌT**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Long Hưng, huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 11 tháng 1 năm 1962
Số bằng: 9O 852 bm Quyết định số: 308/TTga ngày 2 tháng 5 năm 1980
- 445 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN TIẾNG**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Long Hưng, huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 18 tháng 6 năm 1964
Số bằng: 8R 315 bm Quyết định số: 589/TTga ngày 14 tháng 8 năm 1979
- 446 Liệt sĩ: **VÕ VĂN NGÔI**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Long Hưng, huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 20 tháng 12 năm 1963
Số bằng: 6X 762 bm Quyết định số: 1229/TTga ngày 27 tháng 10 năm 1978
- 447 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN SƠN**
Cán bộ Công an huyện, Nguyên quán: xã Long Hưng, huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 13 tháng 2 năm 1971
Số bằng: 3B 192 cm Quyết định số: 808/TTga ngày 26 tháng 7 năm 1978
- 448 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN BẠCH**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Long Hưng, huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 29 tháng 2 năm 1968
Số bằng: 5Q 951 bm Quyết định số: 597/TTga ngày 7 tháng 6 năm 1978
- 449 Liệt sĩ: **TRƯƠNG VĂN THANH**
Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Long Hưng, huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 13 tháng 5 năm 1972
Số bằng: 2Đ 962 km Quyết định số: 23/TTga ngày 9 tháng 1 năm 1978
- 450 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN TRIỆU**
Trưởng Ban nhân dân ấp, Nguyên quán: xã Long Hưng, huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 27 tháng 7 năm 1970
Số bằng: 4H 427 cm Quyết định số: 101/TTga ngày 7 tháng 2 năm 1980

- 451 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN BẦY**
Cán bộ kinh tài xã, Nguyên quán: xã Mỹ Hương, huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 16 tháng 2 năm 1967
Số bằng: 1Q 304 cm Quyết định số: 1388/TTga ngày 2 tháng 11 năm 1977
- 452 Liệt sĩ: **HUỖNH VĂN KY**
Đội viên Du kích, Nguyên quán: xã Long Hưng, huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 12 tháng 2 năm 1962
Số bằng: 3V 837 km Quyết định số: 346/TTga ngày 12 tháng 5 năm 1980
- 453 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN TƯ**
ấp đội phó, Nguyên quán: xã Long Hưng, huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 11 tháng 11 năm 1973
Số bằng: 2K 567 km Quyết định số: 286/TTga ngày 22 tháng 3 năm 1978
- 454 Liệt sĩ: **BÙI VĂN CHÍNH**
Trung đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Long Hưng, huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 6 tháng 3 năm 1969
Số bằng: 5Q 957 bm Quyết định số: 597/TTga ngày 7 tháng 6 năm 1978
- 455 Liệt sĩ: **BÙI NGỌC TRIỆT**
Đội viên Du kích, Nguyên quán: xã Long Hưng, huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 20 tháng 4 năm 1977
Số bằng: 2T 346 kt Quyết định số: 785/TTga ngày 21 tháng 5 năm 1978
- 456 Liệt sĩ: **HÀ VĂN CHIẾN**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Mỹ Hương, huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 1 tháng 4 năm 1970
Số bằng: 6X 686 bm Quyết định số: 1219/TTga ngày 25 tháng 10 năm 1978
- 457 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN LÁ**
Đội viên, Nguyên quán: xã Thuận Thành, huyện Cần Giuộc, Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 20 tháng 10 năm 1962
Số bằng: 3V 850 km Quyết định số: 346/TTga ngày 12 tháng 5 năm 1980
- 458 Liệt sĩ: **LÊ VĂN LƯU**
Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Mỹ Tú, huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 7 tháng 9 năm 1966
Số bằng: 6X 524 bm Quyết định số: 1216/TTga ngày 25 tháng 10 năm 1978
- 459 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN TỐT**
Xã đội phó, Nguyên quán: xã Long Hưng, huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 9 tháng 7 năm 1972
Số bằng: 2L 966 km Quyết định số: 333/TTga ngày 31 tháng 3 năm 1978
- 460 Liệt sĩ: **CAO VĂN MỚI**
Phó bí thư huyện ủy, Nguyên quán: xã Hưng Phú, huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 25 tháng 11 năm 1963
Số bằng: 3B 168 cm Quyết định số: 808/TTga ngày 26 tháng 7 năm 1978
- 461 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN GẦN**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Mỹ Tú, huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 18 tháng 11 năm 1965

Số bằng: 6X 597 bm Quyết định số: 1216/TTga ngày 25 tháng 10 năm 1978

- 462 Liệt sĩ: **LƯU VĂN OAI**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Kế An, huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 9 tháng 5 năm 1974
Số bằng: 5P 485 bm Quyết định số: 566/TTga ngày 27 tháng 5 năm 1978
- 463 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN NGHĨA**
Tiểu đội trưởng du kích, Nguyên quán: xã Mỹ Thuận, huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 3 năm 1969
Số bằng: 3R 261 km Quyết định số: 542/TTga ngày 25 tháng 7 năm 1979
- 464 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN TẬP**
Xã đội phó, Nguyên quán: xã Ngọc Tố, huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 1 tháng 6 năm 1973
Số bằng: 3Z 657 km Quyết định số: 282/TTga ngày 6 tháng 7 năm 1981
- 465 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN THÀNH**
Trung đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Gia Hòa 2, huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 2 tháng 3 năm 1965
Số bằng: 4AA 030 bm Quyết định số: 168/TTga ngày 19 tháng 5 năm 1981
- 466 Liệt sĩ: **MÃ KIM LÊN**
Xã đội phó, Nguyên quán: xã Thạnh Phú, huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 8 tháng 2 năm 1968
Số bằng: 1K 035 km Quyết định số: 1571/TTga ngày 23 tháng 11 năm 1977
- 467 Liệt sĩ: **THẠCH THỊ BI**
Thanh niên xung phong, Nguyên quán: xã Thạnh Quới, huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 26 tháng 3 năm 1969
Số bằng: 3L 872 cm Quyết định số: 1220/TTga ngày 25 tháng 10 năm 1978
- 468 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN SỬU**
Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Hòa Tú, huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 9 tháng 3 năm 1972
Số bằng: 3R 255 km Quyết định số: 542/TTga ngày 25 tháng 7 năm 1979
- 469 Liệt sĩ: **CHÂU VĂN GIÀNH**
Trưởng ấp, Nguyên quán: xã Vĩnh Phước, thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 25 tháng 1 năm 1948
Số bằng: X 167 cp Quyết định số: 22/CTKT ngày 25 tháng 1 năm 1984
- 470 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN OAI**
Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thạnh Quới, huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 5 tháng 5 năm 1970
Số bằng: 7I 220 bm Quyết định số: 1417/TTga ngày 13 tháng 12 năm 1978
- 471 Liệt sĩ: **VÔ VĂN THIÊN**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hòa Tú, huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 20 tháng 4 năm 1972
Số bằng: 3G 743 bm Quyết định số: 1617/TTga ngày 28 tháng 11 năm 1977
- 472 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN DƯƠNG**

Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hòa Tú 1, huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 23 tháng 2 năm 1968
Số bằng: 3G 723 bm Quyết định số: 1617/TTGa ngày 28 tháng 11 năm 1977

473 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN HÈN**

Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hòa Tú 1, huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 5 tháng 5 năm 1973
Số bằng: 4Y 987 bm Quyết định số: 327/TTGa ngày 29 tháng 3 năm 1978

474 Liệt sĩ: **VĂN CÔNG KỶ**

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hòa Tú 1, huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước tháng 8 năm 1967
Số bằng: 6X 520 bm Quyết định số: 1216/TTGa ngày 25 tháng 10 năm 1978

475 Liệt sĩ: **NGUYỄN HOÀNG KINH**

Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Hòa Tú, huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 27 tháng 7 năm 1961
Số bằng: 3R 302 km Quyết định số: 542/TTGa ngày 27 tháng 7 năm 1979

476 Liệt sĩ: **HÀ VĂN HOA**

Cán bộ kinh tài, Nguyên quán: xã Hòa Tú, huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 7 tháng 10 năm 1971
Số bằng: 2I 906 cm Quyết định số: 201/TTGa ngày 3 tháng 3 năm 1978

477 Liệt sĩ: **LÊ VĂN TIỀN**

Nhân viên công an huyện, Nguyên quán: xã Hòa Tú 1, huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 9 tháng 9 năm 1969
Số bằng: 3M 011 cm Quyết định số: 1227/TTGa ngày 27 tháng 10 năm 1978

478 Liệt sĩ: **GIANG VĂN HÙNG**

Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hòa Tú 1, huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 18 tháng 5 năm 1969
Số bằng: 3G 728 bm Quyết định số: 1617/TTGa ngày 28 tháng 11 năm 1977

479 Liệt sĩ: **LƯƠNG ĐẮC CHÚC**

Áp đội trưởng, Nguyên quán: xã Hòa Tú 1, huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 8 tháng 8 năm 1962
Số bằng: 3G 290 km Quyết định số: 1219/TTGa ngày 25 tháng 10 năm 1978

480 Liệt sĩ: **LÊ HOÀNG MỸ**

Đại đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hòa Tú, huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 26 tháng 1 năm 1974
Số bằng: DA 384 bm Quyết định số: 90/CTKT ngày 27 tháng 4 năm 1992

481 Liệt sĩ: **LÊ ÁNH NGỌC**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hòa Tú, huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 5 tháng 2 năm 1985
Số bằng: BS 570 bt Quyết định số: 155/CTKT ngày 12 tháng 7 năm 1988

482 Liệt sĩ: **LÊ VĂN THÌNH**

Cán bộ binh vận thị xã, Nguyên quán: xã Hòa Tú, huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 16 tháng 8 năm 1971
Số bằng: 3M 113 cm Quyết định số: 1227/TTGa ngày 21 tháng 10 năm 1978

- 483 Liệt sĩ: **LÊ VĂN SÓN**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hòa Tú, huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 16 tháng 4 năm 1970
Số bằng: 9C 174 bm Quyết định số: 47/TTga ngày 16 tháng 1 năm 1980
- 484 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN SĨ**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hòa Tú, huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 14 tháng 4 năm 1972
Số bằng: 3G 784 bm Quyết định số: 1617 /TTga ngày 28 tháng 11 năm 1977
- 485 Liệt sĩ: **NGUYỄN TUẤN CƯỜNG**
Trung đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hòa Tú, huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 19 tháng 11 năm 1987
Số bằng: CE 884 bt Quyết định số: 86/CTKT ngày 10 tháng 5 năm 1989
- 486 Liệt sĩ: **ĐINH VĂN HẢI**
Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Hòa Tú 1, huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 4 tháng 4 năm 1971
Số bằng: CS 816 km Quyết định số: 68/CTKT ngày 12 tháng 3 năm 1991
- 487 Liệt sĩ: **HÀ VĂN LÀI**
ấp đội trưởng, Nguyên quán: xã Hòa Tú 1, huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 27 tháng 10 năm 1971
Số bằng: 3G 399 cm Quyết định số: 1220/TTga ngày 25 tháng 10 năm 1978
- 488 Liệt sĩ: **VĂN NGỌC TÓ**
Cán bộ cơ sở, Nguyên quán: xã Hòa Tú, huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng, đã hy sinh vì sự nghiệp đấu tranh cách mạng và giải phóng dân tộc, ngày 25 tháng 1 năm 1942
Số bằng: KC 388 cp Quyết định số: 1529/TTga ngày 18 tháng 11 năm 1977
- 489 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN HIỀN**
Cán bộ, Nguyên quán: xã Hòa Tú, huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 26 tháng 8 năm 1961
Số bằng: DZ 106 cm Quyết định số: 32/TTg ngày 16 tháng 5 năm 1996
- 490 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN QUÍ**
Phó ban chỉ huy quân sự, Nguyên quán: xã Hòa Tú, huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 20 tháng 10 năm 1972
Số bằng: 3B 183 bm Quyết định số: 808/TTga ngày 26 tháng 7 năm 1978
- 491 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN CHÁNH**
Xã đội phó, Nguyên quán: xã Hòa Tú, huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 24 tháng 12 năm 1973
Số bằng: ET 757 km Quyết định số: 170/QĐ-TTg ngày 26 tháng 2 năm 2002
- 492 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN QUÝT**
Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Thạnh Quới, huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 8 tháng 3 năm 1968
Số bằng: 3R 242 km Quyết định số: 542/TTga ngày 25 tháng 7 năm 1979
- 493 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN ÚT**
Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Hòa Tú, huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng, đã hy sinh trong

sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 22 tháng 9 năm 1963
Số bảng: DZ 108 km Quyết định số: 321/TTga ngày 16 tháng 5 năm 1996

- 494 Liệt sĩ: **BÙI VĂN THU**
Công an huyện, Nguyên quán: xã Hòa Tú, huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 26 tháng 4 năm 1970
Số bảng: 2M 982 cm Quyết định số: 333/TTga ngày 31 tháng 3 năm 1978
- 495 Liệt sĩ: **TRẦN BỬU TRƯỚC**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hòa Tú, huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 25 tháng 7 năm 1973
Số bảng: 4Y 907 bm Quyết định số: 327/TTga ngày 29 tháng 4 năm 1978
- 496 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN THÌNH**
Đại đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hòa Tú, huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 5 tháng 8 năm 1970
Số bảng: 8V 583 bm Quyết định số: 700/TTga ngày 8 tháng 10 năm 1979
- 497 Liệt sĩ: **LÊ VĂN LỰC**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hòa Tú, huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 2 năm 1972
Số bảng: 6X 527 bm Quyết định số: 1216/TTga ngày 25 tháng 10 năm 1978
- 498 Liệt sĩ: **HÒA VĂN SINH**
Cán bộ binh vận, Nguyên quán: xã Hòa Tú, huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 6 tháng 4 năm 1972
Số bảng: 1U 070 cm Quyết định số: 1609/TTga ngày 28 tháng 11 năm 1977
- 499 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN DANH**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tân Long, thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 9 tháng 2 năm 1972
Số bảng: 5AA 034 bm Quyết định số: 242/TTga ngày 17 tháng 6 năm 1981
- 500 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN TRỌNG**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tân Long, thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước tháng 3 năm 1971
Số bảng: 5V 665 bm Quyết định số: 690/TTga ngày 28 tháng 6 năm 1978
- 501 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN XỨNG**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tân Long, thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 26 tháng 7 năm 1966
Số bảng: 4T 473 bm Quyết định số: 186/TTga ngày 27 tháng 2 năm 1978
- 502 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN TRÒN**
Tiểu đội trưởng du kích, Nguyên quán: xã Tân Long, thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 19 tháng 7 năm 1966
Số bảng: 3G 490 km Quyết định số: 1228/TTga ngày 27 tháng 10 năm 1978
- 503 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN ĐO**
Trung đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tân Long, thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 31 tháng 1 năm 1968
Số bảng: 8R 268 bm Quyết định số: 589/TTga ngày 14 tháng 8 năm 1979

- 504 Liệt sĩ: **VÕ VĂN SÙNG**
Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Tân Long, thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 27 tháng 8 năm 1963
Số bằng: 1X 769 km Quyết định số: 1588/TTga ngày 25 tháng 11 năm 1977
- 505 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN CHON**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tân Long, thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 7 tháng 7 năm 1967
Số bằng: 4R 715 bm Quyết định số: 185/TTga ngày 27 tháng 2 năm 1978
- 506 Liệt sĩ: **TRƯƠNG VĂN THẢO**
Xã đội phó, Nguyên quán: xã Long Bình, thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 1 tháng 1 năm 1963
Số bằng: 3G 512 km Quyết định số: 1228/TTga ngày 27 tháng 10 năm 1978
- 507 Liệt sĩ: **TRƯƠNG VĂN SANG**
Xã đội trưởng, Nguyên quán: xã Long Bình, thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 8 tháng 7 năm 1961
Số bằng: P 695 km Quyết định số: 381/CTKT ngày 26 tháng 10 năm 1983
- 508 Liệt sĩ: **LÊ VĂN NĂM**
Đội viên du kích ấp, Nguyên quán: xã Long Bình, huyện Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 2 tháng 1 năm 1975
Số bằng: 2E 062 km Quyết định số: 23/TTga ngày 9 tháng 1 năm 1978
- 509 Liệt sĩ: **MAI VĂN THÊ**
Đội viên du kích ấp, Nguyên quán: xã Long Bình, huyện Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 7 tháng 2 năm 1968
Số bằng: 1K 173 km Quyết định số: 1510/TTga ngày 16 tháng 11 năm 1977
- 510 Liệt sĩ: **HUỖNH VĂN HẾT**
Đội viên du kích, Nguyên quán: xã An Ninh, huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 21 tháng 10 năm 1963
Số bằng: 3D 001 km Quyết định số: 1056/TTga ngày 18 tháng 9 năm 1978
- 511 Liệt sĩ: **DƯƠNG ANH TUẤN**
Đội viên du kích, Nguyên quán: xã An Ninh, huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 30 tháng 6 năm 1968
Số bằng: 2Y 068 km Quyết định số: 863/TTga ngày 7 tháng 8 năm 1978
- 512 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN SÁU**
Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Mỹ Hương, huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 20 tháng 4 năm 1969
Số bằng: 2E 021 km Quyết định số: 23/TTga ngày 9 tháng 1 năm 1978
- 513 Liệt sĩ: **HUỖNH LÊN TAO**
Cán bộ cơ sở thị trấn, Nguyên quán: xã An Ninh, huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 5 tháng 8 năm 1961
Số bằng: 2D 842 cm Quyết định số: 198/TTga ngày 3 tháng 3 năm 1978
- 514 Liệt sĩ: **LÊ VĂN THÀNH**
Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã An Ninh, huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 11 tháng 12 năm 1966

Số bằng: 5R 059 bm Quyết định số: 620/TTGa ngày 12 tháng 6 năm 1978

515 Liệt sĩ: **LÊ VĂN THÀNH**

Xã đội trưởng, Nguyên quán: xã An Ninh, huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 21 tháng 4 năm 1968

Số bằng: 3V 370 km Quyết định số: 171/TTGa ngày 10 tháng 3 năm 1980

516 Liệt sĩ: **PHAN VĂN MINH**

Đội viên du kích, Nguyên quán: xã An Ninh, huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 13 tháng 1 năm 1975

Số bằng: 3Z 215 km Quyết định số: 171/TTGa ngày 19 tháng 5 năm 1981

517 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN ĐEN**

Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hòa Tú, huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 16 tháng 5 năm 1969

Số bằng: 9O 935 bm Quyết định số: 346/TTGa ngày 12 tháng 5 năm 1980

518 Liệt sĩ: **TRẦN HIỆP**

Chi ủy viên xã, Nguyên quán: xã An Ninh, huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 19 tháng 1 năm 1960

Số bằng: 3I 106 cm Quyết định số: 1056/TTGa ngày 18 tháng 9 năm 1978

519 Liệt sĩ: **TẶNG XUÂN KÊ**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Đại Ân 1, huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 31 tháng 11 năm 1968

Số bằng: 4O 416 bm Quyết định số: 110/TTGa ngày 13 tháng 2 năm 1978

520 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN TƯ**

Đội viên du kích xã, Nguyên quán: xã Đại Ân 1, huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 27 tháng 12 năm 1973

Số bằng: 2K 569 km Quyết định số: 286/TTGa ngày 22 tháng 3 năm 1978

521 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN HẠNH**

Công dân, Nguyên quán: xã An Thạnh 3, huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 9 tháng 7 năm 1972

Số bằng: 1Q 298 cm Quyết định số: 1388/TTGa ngày 2 tháng 11 năm 1977

522 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN ĐỆ**

Đội trưởng giao bưu, Nguyên quán: xã An Thạnh 2, huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 15 tháng 2 năm 1969

Số bằng: EE 562 cm Quyết định số: 238/QĐ-TTg ngày 15 tháng 3 năm 2000

523 Liệt sĩ: **MAI VĂN SÊ**

Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tân Thạnh, huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 2 tháng 3 năm 1968

Số bằng: 4O 542 bm Quyết định số: 131/TTGa ngày 20 tháng 2 năm 1978

524 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN VẠNG**

Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Tân Hưng, huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 24 tháng 7 năm 1965

Số bằng: 3G 223 km Quyết định số: 1192/TTGa ngày 18 tháng 10 năm 1978

525 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN NGÀI**

Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã An Thạnh 1, huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 28 tháng 12 năm 1978
Số bằng: 8N 528 bt Quyết định số: 533/TTGa ngày 20 tháng 7 năm 1979

526 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN NHẬT (NHÚT)**

Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Trường Khánh, huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 23 tháng 5 năm 1973
Số bằng: 2U 877 km Quyết định số: 687/TTGa ngày 28 tháng 6 năm 1978

527 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN LỆ**

Xã đội trưởng, Nguyên quán: xã Hậu Thạnh, huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 20 tháng 10 năm 1969
Số bằng: 3K 549 km Quyết định số: 1399/TTGa ngày 8 tháng 12 năm 1978

528 Liệt sĩ: **DƯƠNG VĂN COI**

Trung đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Phong Nắm, huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 9 tháng 12 năm 1974
Số bằng: 6Q 703 bm Quyết định số: 1061/TTGa ngày 18 tháng 9 năm 1978

529 Liệt sĩ: **PHAN VĂN NAM**

Xã đội phó, Nguyên quán: xã Phong Nắm, huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 10 năm 1972
Số bằng: 3S 714 km Quyết định số: 722/TTGa ngày 17 tháng 10 năm 1979

530 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN HỒNG**

Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Tân Thanh, huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 13 tháng 9 năm 1959
Số bằng: BG 548 km Quyết định số: 44/CTKT ngày 4 tháng 3 năm 1987

531 Liệt sĩ: **NGUYỄN CHÍ ĐIỀU**

Tham mưu trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: Cẩm Thanh, Hội An, tỉnh Quảng Nam, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước năm 1968
Số bằng: 5P 753 bm Quyết định số: 533/TTGa ngày 24 tháng 5 năm 1978

532 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN ẬU**

Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Khánh Sơn, huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 15 tháng 6 năm 1973
Số bằng: 6P 506 bm Quyết định số: 1078/TTGa ngày 20 tháng 9 năm 1978

533 Liệt sĩ: **PHAN NGỌC THANH**

Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Khánh Hưng, huyện Trần Văn Thời, tỉnh Minh Hải, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 15 tháng 7 năm 1972
Số bằng: 7Q 676 bm Quyết định số: 32/TTGa ngày 8 tháng 1 năm 1979

534 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN VÂN**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tân Thanh, huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 01 năm 1968
Số bằng: 7I 273 bm Quyết định số: 1417/TTGa ngày 13 tháng 12 năm 1978

535 Liệt sĩ: **DƯƠNG KHÁCH**

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã An Ninh, huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước tháng 11 năm 1986
Số bằng: ET 778 bm Quyết định số: 170/QĐ-TTg ngày 26 tháng 2 năm 2002

- 536 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN DIÊM**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tân thành, huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 5 tháng 7 năm 1984
Số bằng: BG 444 bt Quyết định số: 44/CTKT ngày 4 tháng 3 năm 1987
- 537 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN HÀ**
Trung đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã An Thanh 2, huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 01 tháng 12 năm 1964
Số bằng: 2Y 510 bm Quyết định số: 1449/TTga ngày 9 tháng 11 năm 1977
- 538 Liệt sĩ: **LÊ VĂN BÉ**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Lâm Kiết, huyện Thạnh Trị, tỉnh Sóc Trăng, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 15 tháng 3 năm 1963
Số bằng: 9K 897 cm Quyết định số: 137/TTga ngày 27 tháng 2 năm 1980
- 539 Liệt sĩ: **HUỖNH VĂN HÝ**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Mỹ Quới, huyện Thạnh Trị, tỉnh Sóc Trăng, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 7 tháng 7 năm 1962
Số bằng: 8N 608 bm Quyết định số: 551/TTga ngày 27 tháng 7 năm 1979
- 540 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN THÂN**
Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Vĩnh Lợi, huyện Thạnh Trị, tỉnh Sóc Trăng, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 14 tháng 9 năm 1970
Số bằng: 4S 495 bm Quyết định số: 252/TTga ngày 20 tháng 3 năm 1987
- 541 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN KIẾT**
Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tân Long, huyện Thạnh Trị, tỉnh Sóc Trăng, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 8 năm 1972
Số bằng: 1K 712 bm Quyết định số: 732/TTga ngày 13 tháng 7 năm 1977
- 542 Liệt sĩ: **PHAN VĂN TỶ**
Xã đội trưởng, Nguyên quán: xã Châu Hưng, huyện Thạnh Trị, tỉnh Sóc Trăng, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 24 tháng 4 năm 1968
Số bằng: 1K 063 km Quyết định số: 1571/TTga ngày 23 tháng 11 năm 1977
- 543 Liệt sĩ: **LÊ VĂN THƠM**
Tổ trưởng du kích, Nguyên quán: xã Vĩnh Lợi, huyện Thạnh Trị, tỉnh Sóc Trăng, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 5 tháng 10 năm 1967
Số bằng: 1S 670 km Quyết định số: 1753/TTga ngày 21 tháng 12 năm 1977
- 544 Liệt sĩ: **NGUYỄN BÁ THỜI**
Phó Ty tài chính, Nguyên quán: xã Vĩnh Lợi, huyện Thạnh Trị, tỉnh Sóc Trăng, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 16 tháng 5 năm 1969
Số bằng: 2V 201 cm Quyết định số: 565/TTga ngày 27 tháng 5 năm 1978
- 545 Liệt sĩ: **LÊ VĂN NHỎ**
Đại đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Mỹ Quới, huyện Thạnh Trị, tỉnh Sóc Trăng, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 18 tháng 4 năm 1969
Số bằng: 5V 521 bm Quyết định số: 696/TTga ngày 28 tháng 6 năm 1978
- 546 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN VỆ**
Nhân viên, Nguyên quán: xã Vĩnh Lợi, huyện Thạnh Trị, tỉnh Sóc Trăng, đã hy sinh trong sự

nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 22 tháng 4 năm 1969
Số bằng: 3Z 761 cm Quyết định số: 533/TTGa ngày 20 tháng 7 năm 1979

- 547 Liệt sĩ: **TRẦN QUỐC NGHĨA**
Ủy viên Ban công an xã, Nguyên quán: xã Vĩnh Lợi, huyện Thanh Trị, tỉnh Sóc Trăng, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 6 tháng 12 năm 1972
Số bằng: 4N 646 cm Quyết định số: 283/TTGa ngày 6 tháng 7 năm 1981
- 548 Liệt sĩ: **TRẦN THANH HÙNG**
Xã đội phó, Nguyên quán: thị trấn Phú Lộc, huyện Thanh Trị, tỉnh Sóc Trăng, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 08 tháng 6 năm 1962
Số bằng: 1S 594 km Quyết định số: 1618/TTGa ngày 28 tháng 11 năm 1977
- 549 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN CHÍNH**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Lâm Kiết, huyện Thanh Trị, tỉnh Sóc Trăng, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 21 tháng 3 năm 1966
Số bằng: 5V 528 bm Quyết định số: 696/TTGa ngày 28 tháng 6 năm 1978
- 550 Liệt sĩ: **PHAN VĂN SÁU**
Đại đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Gia Hòa, huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước năm 1962
Số bằng: BS 690 bm Quyết định số: 163/CTKT ngày 20 tháng 7 năm 1988
- 551 Liệt sĩ: **PHAN VĂN LŨY**
Tiểu đội trưởng du kích, Nguyên quán: Gia Hòa Đông, huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 24 tháng 6 năm 1963
Số bằng: DA 315 km Quyết định số: 90/CTKT ngày 27 tháng 4 năm 1992
- 552 Liệt sĩ: **PHAN VĂN TRIỆU**
Cán bộ, Nguyên quán: xã Vĩnh Lợi, huyện Thanh Trị, tỉnh Sóc Trăng, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 5 tháng 5 năm 1966
Số bằng: 3M 102 cm Quyết định số: 1227/TTGa ngày 27 tháng 10 năm 1978
- 553 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN NHU**
Trưởng ban an ninh xã, Nguyên quán: xã Mỹ Phước, huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 21 tháng 12 năm 1962
Số bằng: 2V 165 cm Quyết định số: 565/TTGa ngày 27 tháng 5 năm 1978
- 554 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN THÔNG**
Cán bộ binh vận huyện, Nguyên quán: xã Mỹ Bình, huyện Thanh Trị, tỉnh Sóc Trăng, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 13 tháng 9 năm 1974
Số bằng: 4I 495 cm Quyết định số: 171/TTG ngày 10 tháng 3 năm 1980
- 555 Liệt sĩ: **HUỖNH VĂN LẾP**
Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Mỹ Bình, huyện Thanh Trị, tỉnh Sóc Trăng, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 25 tháng 02 năm 1962
Số bằng: CM 283 km Quyết định số: 235/CTKT ngày 30 tháng 11 năm 1990
- 556 Liệt sĩ: **VÕ VĂN SÁU**
Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Thạnh Điền, thị trấn Phú Lộc, tỉnh Sóc Trăng, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 28 tháng 8 năm 1969
Số bằng: DK 351 km Quyết định số: 449/QĐ-TTg ngày 4 tháng 9 năm 1993

- 557 **Liệt sĩ: VÕ VĂN TÝ**
Cán bộ bí mật, Nguyên quán: TT Phú Lộc, huyện Thanh Trị, tỉnh Sóc Trăng, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 16 tháng 11 năm 1951
Số bằng: 1AC 435cp Quyết định số: 242/TTGa ngày 17 tháng 6 năm 1981
- 558 **Liệt sĩ: NGUYỄN HOÀNG KHÔI**
Xã đội phó, Nguyên quán: TT Phú Lộc, huyện Thanh Trị, tỉnh Sóc Trăng, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 27 tháng 6 năm 1972
Số bằng: DE 373 km Quyết định số: 203/CTKT ngày 28 tháng 9 năm 1992
- 559 **Liệt sĩ: MAI VĂN PHỤNG**
Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Mỹ Phước, huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 24 tháng 2 năm 1972
Số bằng: 2A 698 bm Quyết định số: 99/TTGa ngày 2 tháng 2 năm 1978
- 560 **Liệt sĩ: QUÁCH HẠN**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Lâm Tân, huyện Thanh Trị, tỉnh Sóc Trăng, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 22 tháng 11 năm 1985
Số bằng: BU 832 bt Quyết định số: 17/CTKT ngày 27 tháng 1 năm 1987
- 561 **Liệt sĩ: NGUYỄN THỊ NHÂN**
Giao liên, Nguyên quán: xã Châu Hưng, huyện Vĩnh Lợi, tỉnh Bạc Liêu, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 9 tháng 7 năm 1972
Số bằng: 2A 026 cm Quyết định số: 1678/TTGa ngày 7 tháng 12 năm 1977
- 562 **Liệt sĩ: NGUYỄN VĂN PHI**
Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Vĩnh Lợi, huyện Thanh Trị, tỉnh Sóc Trăng, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 1 tháng 3 năm 1968
Số bằng: 5P 493 bm Quyết định số: 566/TTGa ngày 27 tháng 5 năm 1978

TỈNH TÂY NINH

- 563 **Liệt sĩ: THÁI THỊ BÈ**
Y tá Dân y huyện, Nguyên quán: xã Chà Là, huyện Dương Minh Châu, Tỉnh Tây Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 08 tháng 09 năm 1973
Số bằng: AL 313 cm Quyết định số: 406/CTKT ngày 28 tháng 11 năm 1984
- 564 **Liệt sĩ: MAI VĂN A**
Du kích xã, Nguyên quán: xã Thừa Đức, huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 11 tháng 10 năm 1965
Số bằng: 2Q 508 km Quyết định số: 557/TTGa ngày 27 tháng 05 năm 1978
- 565 **Liệt sĩ: NGUYỄN VĂN ĐĂNG**
Trung đội trưởng An ninh vũ trang, Nguyên quán: Xã An Tịnh, huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 03 tháng 01 năm 1968
Số bằng: 1G 496 cm Quyết định số: 1116/TTGa ngày 03 tháng 10 năm 1977
- 566 **Liệt sĩ: NGUYỄN THỊ HƯƠNG**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: Xã An Tịnh, huyện Trảng Bàng, Tỉnh Tây Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 15 tháng 10 năm 1968
Số bằng: 5Q 510 bm Quyết định số: 550/TTGa ngày 24 tháng 05 năm 1978

- 567 Liệt sĩ: **ĐỖ THANH LIÊM**
 Du kích xã , Nguyên quán: Xã Đôn Thuận, huyện Trảng Bàng, Tỉnh Tây Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 12 tháng 02 năm 1961
 Số bằng: 2E 594 km Quyết định số: 104/TTGa ngày 13 tháng 02 năm 1978
- 568 Liệt sĩ: **ĐINH VĂN Ờ**
 Tiểu đội trưởng Du kích , Nguyên quán: Xã An Hòa, huyện Trảng Bàng, Tỉnh Tây Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 28 tháng 01 năm 1969
 Số bằng: 3E 992 km Quyết định số: 1166/TTGa ngày 11 tháng 10 năm 1978
- 569 Liệt sĩ: **LƯƠNG VĂN CHÀNH**
 Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Lộc Hưng, huyện Trảng Bàng, Tỉnh Tây Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước tháng 12 năm 1965
 Số bằng: CN 414 bm Quyết định số: 100/CTKT ngày 12 tháng 06 năm 1990
- 570 Liệt sĩ: **GIÁP VĂN LONG**
 Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Lộc Hưng, huyện Trảng Bàng, Tỉnh Tây Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước tháng 12 năm 1969
 Số bằng: 2X 426 bm Quyết định số: 1394/TTGa ngày 02 tháng 11 năm 1977
- 571 Liệt sĩ: **VÕ VĂN UỐT**
 Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Lộc Hưng, huyện Trảng Bàng, Tỉnh Tây Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 15 tháng 10 năm 1970
 Số bằng: 9N 566 bm Quyết định số: 242/TTGa ngày 07 tháng 04 năm 1980
- 572 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN HÌNH**
 Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: Xã Lộc Hưng, huyện Trảng Bàng, Tỉnh Tây Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 28 tháng 06 năm 1970
 Số bằng: 2Y 725 bm Quyết định số: 1393/TTGa ngày 02 tháng 11 năm 1977
- 573 Liệt sĩ: **LÊ VĂN TỆP**
 Nhân viên Kinh tài huyện Trảng Bàng , Nguyên quán: xã Lộc Hưng, huyện Trảng Bàng, Tỉnh Tây Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước năm 1968
 Số bằng: 2H 955 cm Quyết định số: 61/TTGa ngày 23 tháng 01 năm 1978
- 574 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN RỠ**
 Cán bộ An ninh xã Lộc Hưng, Nguyên quán: xã Lộc Hưng, huyện Trảng Bàng, Tỉnh Tây Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 01 tháng 08 năm 1971
 Số bằng: 2H 928 cm Quyết định số: 61/TTGa ngày 23 tháng 01 năm 1978
- 575 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN TÙNG**
 Trưởng ban Kinh tài ấp Lộc An, Nguyên quán: xã Lộc Hưng, huyện Trảng Bàng, Tỉnh Tây Ninh, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 06 tháng 10 năm 1951
 Số bằng: AU 841 cp Quyết định số: 351/CTKT ngày 18 tháng 09 năm 1985
- 576 Liệt sĩ: **DƯƠNG VĂN KHÔNG**
 Trưởng ban Nông hội xã , Nguyên quán: xã Lộc Hưng, huyện Trảng Bàng, Tỉnh Tây Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 06 tháng 02 năm 1968
 Số bằng: 3Z 441 cm Quyết định số: 525/TTGa ngày 16 tháng 07 năm 1979

- 577 Liệt sĩ: **ĐẶNG THÀNH TÂM**
 Cơ sở cách mạng, Nguyên quán: xã Lộc Hưng, huyện Trảng Bàng, Tỉnh Tây Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 22 tháng 02 năm 1974
 Số bằng: 2U 494 cm Quyết định số: 507/TTga ngày 17 tháng 05 năm 1978
- 578 Liệt sĩ: **ĐẶNG VĂN CHÂM**
 cán bộ bảo vệ Ban Kinh tài huyện, Nguyên quán: xã Lộc Hưng, huyện Trảng Bàng, Tỉnh Tây Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước năm 1972
 Số bằng: 3M 235 cm Quyết định số: 1218/TTga ngày 25 tháng 10 năm 1978
- 579 Liệt sĩ: **LÊ VĂN HOÀNG**
 Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Lộc Hưng, huyện Trảng Bàng, Tỉnh Tây Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 26 tháng 07 năm 1971
 Số bằng: 4A 949 bm Quyết định số: 10/TTga ngày 02 tháng 01 năm 1978
- 580 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN CHỈA**
 Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Lộc Hưng, huyện Trảng Bàng, Tỉnh Tây Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 14 tháng 12 năm 1968
 Số bằng: 8L 802 bm Quyết định số: 507/TTga ngày 09 tháng 07 năm 1979
- 581 Liệt sĩ: **HỒ VĂN THẠO**
 Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Lộc Hưng, huyện Trảng Bàng, Tỉnh Tây Ninh, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp tháng 12 năm 1952
 Số bằng: YC 496 bp Quyết định số: 08/TTga ngày 02 tháng 01 năm 1978
- 582 Liệt sĩ: **HUỖNH VĂN TRIA**
 Đội viên Du kích xã Lộc Hưng, Nguyên quán: xã Lộc Hưng, huyện Trảng Bàng, Tỉnh Tây Ninh, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 05 tháng 10 năm 1950
 Số bằng: LC 479 kp Quyết định số: 41/TTga ngày 11 tháng 01 năm 1978
- 583 Liệt sĩ: **HUỖNH LONG GIANG**
 Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Lộc Hưng, huyện Trảng Bàng, Tỉnh Tây Ninh, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 29 tháng 12 năm 1949
 Số bằng: 1XC 380 bp Quyết định số: 525/TTga ngày 16 tháng 07 năm 1979
- 584 Liệt sĩ: **ĐỒNG VĂN GIỎI**
 Cán bộ Ban Binh vận tỉnh Tây Ninh, Nguyên quán: Xã Gia Lộc, huyện Trảng Bàng, Tỉnh Tây Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 04 tháng 05 năm 1970
 Số bằng: 3M 241 cm Quyết định số: 1218/TTga ngày 25 tháng 10 năm 1978
- 585 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN SUÔNG**
 Trung đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Lộc Hưng, huyện Trảng Bàng, Tỉnh Tây Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước tháng 08 năm 1970
 Số bằng: 4Đ 016 bm Quyết định số: 41/TTga ngày 11 tháng 01 năm 1978
- 586 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN NHÁNH**
 Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: Xã Lộc Hưng, huyện Trảng Bàng, Tỉnh Tây Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 25 tháng 06 năm 1971
 Số bằng: 4Đ 194 bm Quyết định số: 41/TTga ngày 11 tháng 01 năm 1978
- 587 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN NHUNG**
 Đội viên Du kích xã, Nguyên quán: xã Lộc Hưng, huyện Trảng Bàng, Tỉnh Tây Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước năm 1966

Số bằng: 3V 496 km Quyết định số: 242/TTga ngày 07 tháng 04 năm 1980

588 Liệt sĩ: **MAI VĂN RINH**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Lộc Hưng, huyện Trảng Bàng, Tỉnh Tây Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 05 tháng 08 năm 1965
Số bằng: 2Y 750 bm Quyết định số: 1373/TTga ngày 02 tháng 11 năm 1977

589 Liệt sĩ: **TRƯƠNG VĂN KHIẾN**

Đại đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Lộc Hưng, huyện Trảng Bàng, Tỉnh Tây Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước tháng 06 năm 1971
Số bằng: 8AA 905 bm Quyết định số: 49/CTKT ngày 17 tháng 03 năm 1982

590 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN PHIÊN**

Cán bộ Dân vận Thị xã Tây Ninh, Nguyên quán: xã Lộc Hưng, huyện Trảng Bàng, Tỉnh Tây Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước tháng 10 năm 1964
Số bằng: 1G 459 cm Quyết định số: 1105/TTga ngày 03 tháng 10 năm 1977

591 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN HÙNG**

Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thanh Phước, huyện Gò Dầu, Tỉnh Tây Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 13 tháng 03 năm 1973
Số bằng: 2B 891 bm Quyết định số: 1098/TTga ngày 03 tháng 10 năm 1977

592 Liệt sĩ: **CAO VĂN SOẠN**

Đội phó, Nguyên quán: xã Lộc Hưng, huyện Trảng Bàng, Tỉnh Tây Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 17 tháng 04 năm 1964
Số bằng: 3E 999 km Quyết định số: 1166/TTga ngày 11 tháng 10 năm 1978

593 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN HÒA**

Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Lộc Hưng, huyện Trảng Bàng, Tỉnh Tây Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 07 năm 1961
Số bằng: YL 746 bm Quyết định số: 252/TTga ngày 09 tháng 04 năm 1979

594 Liệt sĩ: **PHÙNG VĂN QUÍ**

Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Định Hiệp, huyện Bến Cát, tỉnh Bình Dương, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước năm 1969
Số bằng: ED 031 bm Quyết định số: 703/QĐ-TTg ngày 09 tháng 07 năm 1999

595 Liệt sĩ: **LÊ VĂN NAY**

Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Gia Bình, huyện Trảng Bàng, Tỉnh Tây Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 14 tháng 06 năm 1969
Số bằng: 2Y 708 bm Quyết định số: 1393/TTga ngày 02 tháng 11 năm 1977

596 Liệt sĩ: **VÕ VĂN XOM**

Tiểu đội trưởng Du kích xã Lộc Hưng, Nguyên quán: xã Lộc Hưng, huyện Trảng Bàng, Tỉnh Tây Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 02 tháng 02 năm 1969
Số bằng: 2E 235 km Quyết định số: 33/TTga ngày 11 tháng 01 năm 1978

597 Liệt sĩ: **HÀ VĂN LIA**

Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Lộc Hưng, huyện Trảng Bàng, Tỉnh Tây Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 09 năm 1969
Số bằng: 6Z 020 bm Quyết định số: 1251/TTga ngày 03 tháng 11 năm 1978

598 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN ĐỨC**

Đại đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Lộc Hưng, huyện Trảng Bàng, Tỉnh Tây Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 15 tháng 01 năm 1969
Số bằng: 2Y 728 bm Quyết định số: 1393/TTga ngày 02 tháng 11 năm 1977

- 599 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN ĐỨC**
Tiểu đội phó Du kích Biệt động Thị trấn Trảng Bàng, Nguyên quán: xã Lộc Hưng, huyện Trảng Bàng, Tỉnh Tây Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước năm 1972
Số bằng: 2H 264 cm Quyết định số: 33/TTga ngày 11 tháng 01 năm 1978
- 600 Liệt sĩ: **LƯƠNG VĂN XIÊM**
Trung đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Lộc Hưng, huyện Trảng Bàng, Tỉnh Tây Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước tháng 10 năm 1963
Số bằng: 2AB 166bm Quyết định số: 206/CTKT ngày 28 tháng 07 năm 1982
- 601 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN HOÀNG**
Y sĩ xã, Nguyên quán: xã Lộc Hưng, huyện Trảng Bàng, Tỉnh Tây Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 11 tháng 07 năm 1969
Số bằng: 2H 410 cm Quyết định số: 33/TTga ngày 11 tháng 01 năm 1978
- 602 Liệt sĩ: **LÊ VĂN THẢ**
Du kích ấp, Nguyên quán: xã Phú Mỹ Hưng, huyện Củ Chi, thành phố Hồ Chí Minh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 16 tháng 07 năm 1961
Số bằng: DT 069 km Quyết định số: 401/TTg ngày 10 tháng 07 năm 1995
- 603 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN MI**
Giao liên ấp, Nguyên quán: xã Lộc Hưng, huyện Trảng Bàng, Tỉnh Tây Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 20 tháng 06 năm 1969
Số bằng: 6N 220 cm Quyết định số: 49/CTKT ngày 17 tháng 03 năm 1982
- 604 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN SÊN**
Du kích xã Lộc Hưng, Nguyên quán: xã Lộc Hưng, huyện Trảng Bàng, Tỉnh Tây Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước năm 1968
Số bằng: 2M 008 km Quyết định số: 507/TTga ngày 17 tháng 05 năm 1978
- 605 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN SƠN**
Du kích xã Lộc Hưng, Nguyên quán: xã Lộc Hưng, huyện Trảng Bàng, Tỉnh Tây Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước năm 1968
Số bằng: 2R 005 km Quyết định số: 507/TTga ngày 17 tháng 05 năm 1978
- 606 Liệt sĩ: **TRƯƠNG VĂN TÔNG**
Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Lộc Hưng, huyện Trảng Bàng, Tỉnh Tây Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 14 tháng 12 năm 1969
Số bằng: 6Z 032 bm Quyết định số: 1251/TTga ngày 03 tháng 11 năm 1978
- 607 Liệt sĩ: **LÊ VĂN CHUỐI**
Y tá Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Lộc Hưng, huyện Trảng Bàng, Tỉnh Tây Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước tháng 12 năm 1969
Số bằng: 2X 436 bm Quyết định số: 1394/TTga ngày 02 tháng 11 năm 1977
- 608 Liệt sĩ: **LÊ VĂN CHẾT**
Du kích xã, Nguyên quán: xã Lộc Hưng, huyện Trảng Bàng, Tỉnh Tây Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước năm 1965
Số bằng: 2Q 956 km Quyết định số: 587/TTga ngày 05 tháng 06 năm 1978

- 609 **Liệt sĩ: TRẦN VĂN RỜI**
 Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Lộc Hưng, huyện Trảng Bàng, Tỉnh Tây Ninh, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 07 tháng 02 năm 1948
 Số bằng: 1EC 583 bp Quyết định số: 587/TTGa ngày 05 tháng 06 năm 1978
- 610 **Liệt sĩ: HUỖNH VĂN ÚT**
 Cán bộ An ninh thành, Nguyên quán: xã Lộc Hưng, huyện Trảng Bàng, Tỉnh Tây Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 16 tháng 03 năm 1970
 Số bằng: 2E 799 cm Quyết định số: 09/TTGa ngày 02 tháng 01 năm 1978
- 611 **Liệt sĩ: NGÔ VĂN DIỆU**
 Đại đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Lộc Hưng, huyện Trảng Bàng, Tỉnh Tây Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 05 tháng 10 năm 1969
 Số bằng: 7Z 903 bm Quyết định số: 248/TTGa ngày 09 tháng 04 năm 1979
- 612 **Liệt sĩ: HỒ VĂN BÂY**
 Cán bộ Binh vận xã Lộc Hưng, Nguyên quán: xã Lộc Hưng, huyện Trảng Bàng, Tỉnh Tây Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước tháng 06 năm 1969
 Số bằng: 2N 529 cm Quyết định số: 339/TTGa ngày 05 tháng 04 năm 1978
- 613 **Liệt sĩ: HUỖNH VĂN LỢP**
 Tiểu đội trưởng Du kích xã, Nguyên quán: xã Lộc Hưng, huyện Trảng Bàng, Tỉnh Tây Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 17 tháng 02 năm 1961
 Số bằng: 2Q 541 km Quyết định số: 557/TTGa ngày 27 tháng 05 năm 1978
- 614 **Liệt sĩ: LÊ VĂN TRIA**
 Xã ủy viên xã Lộc Hưng, Nguyên quán: xã Lộc Hưng, huyện Trảng Bàng, Tỉnh Tây Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 29 tháng 09 năm 1968
 Số bằng: 3Z 460 cm Quyết định số: 525/TTGa ngày 16 tháng 07 năm 1979
- 615 **Liệt sĩ: TRẦN VĂN TÁI**
 Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Lộc Hưng, huyện Trảng Bàng, Tỉnh Tây Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 03 năm 1969
 Số bằng: 6U 955 bm Quyết định số: 1166/TTGa ngày 11 tháng 10 năm 1978
- 616 **Liệt sĩ: PHẠM VĂN SINH**
 Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Lộc Hưng, huyện Trảng Bàng, Tỉnh Tây Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 14 tháng 11 năm 1965
 Số bằng: 4Đ 120 bm Quyết định số: 41/TTGa ngày 11 tháng 01 năm 1978
- 617 **Liệt sĩ: VÕ VĂN TRẠNG**
 Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Lộc Hưng, huyện Trảng Bàng, Tỉnh Tây Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 12 tháng 09 năm 1968
 Số bằng: 8L 857 bm Quyết định số: 507/TTGa ngày 09 tháng 07 năm 1979
- 618 **Liệt sĩ: HUỖNH VĂN NGUỒN**
 Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thanh An, huyện Bến Cát, tỉnh Bình Dương, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 21 tháng 09 năm 1972
 Số bằng: 4P 607 bm Quyết định số: 183/TTGa ngày 27 tháng 02 năm 1978
- 619 **Liệt sĩ: NGUYỄN VĂN DU**
 Xã đội phó, Nguyên quán: xã Lộc Hưng, huyện Trảng Bàng, Tỉnh Tây Ninh, đã hy sinh trong sự

nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 27 tháng 12 năm 1971
Số bằng: 2E 581 km Quyết định số: 104/TTga ngày 13 tháng 02 năm 1978

- 620 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN LÂM**
Cán bộ Ban Tuyên huấn Tây Ninh, Nguyên quán: xã Thanh Điền, huyện Châu Thành, Tỉnh Tây Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 16 tháng 06 năm 1972
Số bằng: 1G 228 cm Quyết định số: 1167/TTga ngày 10 tháng 10 năm 1977
- 621 Liệt sĩ: **ĐINH VĂN SẼN**
Đại đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Lộc Hưng, huyện Trảng Bàng, Tỉnh Tây Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 04 tháng 05 năm 1968
Số bằng: 5Q 591 bm Quyết định số: 550/TTga ngày 24 tháng 05 năm 1978
- 622 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN PHÁCH**
Bí thư Chi bộ ấp, Nguyên quán: xã Lộc Hưng, huyện Trảng Bàng, Tỉnh Tây Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước năm 1969
Số bằng: 2U 452 cm Quyết định số: 507/TTga ngày 17 tháng 05 năm 1978
- 623 Liệt sĩ: **PHAN VĂN MÍA**
Y tá Dân y huyện Trảng Bàng, Nguyên quán: xã Lộc Hưng, huyện Trảng Bàng, Tỉnh Tây Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 20 tháng 03 năm 1969
Số bằng: 3V 232 cm Quyết định số: 286/TTga ngày 23 tháng 04 năm 1979
- 624 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN NHỚ**
Tiểu đội trưởng Du kích xã, Nguyên quán: xã Lộc Hưng, huyện Trảng Bàng, Tỉnh Tây Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước năm 1967
Số bằng: 4A 973 km Quyết định số: 171/CTKT ngày 24 tháng 06 năm 1982
- 625 Liệt sĩ: **LÊ HỮU HUỆ**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thành Long, huyện Châu Thành, Tỉnh Tây Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 25 tháng 10 năm 1977
Số bằng: 7Z 740 bm Quyết định số: 252/TTga ngày 09 tháng 04 năm 1979
- 626 Liệt sĩ: **THÁI THỊ CHON**
Cán bộ giáo dục huyện Trảng Bàng, Nguyên quán: xã Lộc Hưng, huyện Trảng Bàng, Tỉnh Tây Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 21 tháng 01 năm 1969
Số bằng: 2H 411 cm Quyết định số: 33/TTga ngày 11 tháng 01 năm 1978
- 627 Liệt sĩ: **HÀ VĂN TÙNG**
Trung đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Lộc Hưng, huyện Trảng Bàng, Tỉnh Tây Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 20 tháng 09 năm 1969
Số bằng: YR 016 bm Quyết định số: 530/TTga ngày 08 tháng 06 năm 1977
- 628 Liệt sĩ: **HÀ VĂN KHANH**
cán bộ Ban Tuyên huấn Trảng Bàng, Nguyên quán: xã Lộc Hưng, huyện Trảng Bàng, Tỉnh Tây Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 19 tháng 03 năm 1971
Số bằng: UM 096 cm Quyết định số: 631/TTga ngày 22 tháng 06 năm 1977
- 629 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN DỰA**
Bí thư Chi đoàn xã Lộc Hưng, Nguyên quán: xã Lộc Hưng, huyện Trảng Bàng, Tỉnh Tây Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 19 tháng 04 năm 1964
Số bằng: 2H 889 cm Quyết định số: 61/TTga ngày 23 tháng 01 năm 1978

- 630 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN XINH**
Tiểu đội phó Du kích xã Đôn Thuận, Nguyên quán: xã Đôn Thuận, huyện Trảng Bàng, Tỉnh Tây Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước năm 1968
Số bằng: 2Đ 708 km Quyết định số: 10/TTGa ngày 02 tháng 01 năm 1978

TỈNH QUẢNG NGÃI

- 631 Liệt sĩ: **TRẦN NGỌC THANH**
Huyện đội trưởng, Nguyên quán: xã Tịnh Ấn Tây, tp tỉnh Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 29 tháng 8 năm 1967
Số bằng: 5N 029 bm Quyết định số: 499 /TTGa ngày 17 tháng 5 năm 1978
- 632 Liệt sĩ: **NGUYỄN XE**
Xã đội trưởng, Nguyên quán: xã Nghĩa An, tp tỉnh Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước tháng 12 năm 1967
Số bằng: 2Đ 391 km Quyết định số: 1805 /TTGa ngày 30 tháng 12 năm 1977
- 633 Liệt sĩ: **PHẠM NGỌC NY**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tịnh Khê, tp tỉnh Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 6 tháng 3 năm 1988
Số bằng: CX 581 bt Quyết định số: 62 CTKT ngày 18 tháng 4 năm 1992
- 634 Liệt sĩ: **NGUYỄN NHỊ**
Chiến sĩ du kích, Nguyên quán: xã Tịnh Khê, tp tỉnh Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 15 tháng 9 năm 1967
Số bằng: VM 996 km Quyết định số: 947 /TTGa ngày 29 tháng 8 năm 1977
- 635 Liệt sĩ: **ĐOÀN TÍA**
Công dân, Nguyên quán: xã Đức Thạnh, huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 29 tháng 7 năm 1966
Số bằng: DC 094 cm Quyết định số: 59 CTKT ngày 18 tháng 4 năm 1992
- 636 Liệt sĩ: **HUỖNH THANH**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tịnh Bình, huyện Sơn Tịnh, tỉnh Quảng Ngãi, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 27 tháng 6 năm 1970
Số bằng: 6S 559 bm Quyết định số: 1141 /TTGa ngày 6 tháng 10 năm 1978
- 637 Liệt sĩ: **HUỖNH HUY**
Trung đội trưởng du kích, Nguyên quán: xã Tịnh Bình, huyện Sơn Tịnh, tỉnh Quảng Ngãi, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 24 tháng 5 năm 1973
Số bằng: 2H 753 km Quyết định số: 202 /TTGa ngày 3 tháng 3 năm 1978
- 638 Liệt sĩ: **PHẠM THÁI**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tịnh Giang, huyện Sơn Tịnh, tỉnh Quảng Ngãi, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 4 tháng 4 năm 1967
Số bằng: 7K 497 bm Quyết định số: 1414 /TTGa ngày 13 tháng 12 năm 1978
- 639 Liệt sĩ: **THỜI VĂN TÒA**
Thôn đội phó du kích, Nguyên quán: xã Tịnh Giang, huyện Sơn Tịnh, tỉnh Quảng Ngãi, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 6 tháng 6 năm 1968

Số bằng: 2Q 315 km Quyết định số: 478 /TTGa ngày 15 tháng 5 năm 1978

640 Liệt sĩ: **LÊ SANG**

Xã đội phó du kích, Nguyên quán: xã Tịnh Giang, huyện Sơn Tịnh, tỉnh Quảng Ngãi, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước năm 1973

Số bằng: DY 008 km Quyết định số: 101 TTg ngày 10 tháng 2 năm 1992

641 Liệt sĩ: **TRẦN THỊ SÁU**

Y tá du kích, Nguyên quán: xã Đức Chánh, huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước tháng 3 năm 1971

Số bằng: 1N 937 km Quyết định số: 1323 /TTGa ngày 26 tháng 10 năm 1977

642 Liệt sĩ: **TRẦN BÌNH**

Bí thư Nông hội xã, Nguyên quán: xã Đức Phú, huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 25 tháng 6 năm 1974

Số bằng: 1O 654 cm Quyết định số: 1358 /TTGa ngày 26 tháng 10 năm 1977

643 Liệt sĩ: **TRẦN TÂM**

Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Đức Phú, huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 4 tháng 1 năm 1970

Số bằng: 2N 514 km Quyết định số: 371 /TTGa ngày 14 tháng 4 năm 1978

644 Liệt sĩ: **TRẦN DŨNG**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Đức Phú, huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 5 tháng 1 năm 1973

Số bằng: 5Y 746 bm Quyết định số: 774 /TTGa ngày 19 tháng 7 năm 1978

645 Liệt sĩ: **TRẦN TÍNH**

Tiểu đội trưởng du kích xã, Nguyên quán: xã Đức Phú, huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 1 tháng 5 năm 1967

Số bằng: 1N 010 km Quyết định số: 1360 /TTGa ngày 29 tháng 10 năm 1977

646 Liệt sĩ: **NGUYỄN GẦN**

Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Đức Phú, huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 3 tháng 6 năm 1971

Số bằng: 1N 174 km Quyết định số: 1329 /TTGa ngày 28 tháng 10 năm 1977

647 Liệt sĩ: **TẠ LỘC**

Nông hội thôn, Nguyên quán: xã Đức Phú, huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 7 năm 1964

Số bằng: 1P 636 cm Quyết định số: 1358 /TTGa ngày 26 tháng 10 năm 1977

648 Liệt sĩ: **NGUYỄN SÁU**

Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Đức Phong, huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 7 tháng 3 năm 1965

Số bằng: 1S 160 bm Quyết định số: 889 /TTGa ngày 19 tháng 8 năm 1977

649 Liệt sĩ: **TRẦN ĐỨC DŨNG**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Đức Hòa, huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 27 tháng 7 năm 1967

Số bằng: 7B 974 bm Quyết định số: 1351 /TTGa ngày 29 tháng 11 năm 1978

650 Liệt sĩ: **ĐỖ ĐOAN**

Trưởng Ban tự quản thôn, Nguyên quán: xã Đức Hòa, huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 30 tháng 9 năm 1968

Số bằng: YM 760 cm Quyết định số: 785 /TTGa ngày 1 tháng 8 năm 1977

651 Liệt sĩ: **NGUYỄN HIỀN**

Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Đức Hòa, huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 27 tháng 7 năm 1951

Số bằng: 2DC 056bp Quyết định số: 86 CTKT ngày 12 tháng 4 năm 1982

652 Liệt sĩ: **HÒ THANH TIỆM**

Trung đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Đức Hòa, huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 13 tháng 9 năm 1981

Số bằng: P 970 bt Quyết định số: 333 CTKT ngày 28 tháng 9 năm 1977

653 Liệt sĩ: **TRẦN HOÀNG**

Chiến sĩ du kích, Nguyên quán: xã Đức Hòa, huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 13 tháng 7 năm 1973

Số bằng: 1Đ 651 km Quyết định số: 945 /TTGa ngày 29 tháng 8 năm 1977

654 Liệt sĩ: **HUỖNH NHỊ**

Phó Ban An ninh xã, Nguyên quán: xã Đức Hòa, huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 14 tháng 7 năm 1971

Số bằng: 4M 103 cm Quyết định số: 711 /TTGa ngày 14 tháng 11 năm 1980

655 Liệt sĩ: **BÙI KIỆT**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Bình Châu, huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 9 tháng 3 năm 1947

Số bằng: OC 769 bp Quyết định số: 1418 /TTGa ngày 13 tháng 12 năm 1978

656 Liệt sĩ: **PHẠM HỒNG LINH**

Tổ trưởng An ninh xã, Nguyên quán: xã Phổ An, huyện Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 18 tháng 3 năm 1973

Số bằng: 2U 270 cm Quyết định số: 505 /TTGa ngày 17 tháng 5 năm 1978

657 Liệt sĩ: **PHẠM XUÂN MAI**

Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Phổ An, huyện Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 7 tháng 10 năm 1968

Số bằng: 5D 338 bm Quyết định số: 401 /TTGa ngày 21 tháng 4 năm 1978

658 Liệt sĩ: **HUỖNH THANH CHÂU**

Cán bộ binh vận huyện, Nguyên quán: xã Phổ Minh, huyện Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 29 tháng 5 năm 1972

Số bằng: 3H 876 cm Quyết định số: 1039 /TTGa ngày 13 tháng 9 năm 1978

659 Liệt sĩ: **PHẠM NGỌC LUYẾN**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Phổ Thạnh, huyện Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 9 tháng 5 năm 1966

Số bằng: ED 454 bm Quyết định số: 1143 CTKT ngày 8 tháng 12 năm 1999

660 Liệt sĩ: **NGUYỄN ĐỨC TRÍ**

Trung đoàn trưởng, Nguyên quán: xã Phổ Thuận, huyện Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 4 tháng 9 năm 1947

Số bằng: 1LC 258bp Quyết định số: 994 /TTGa ngày 4 tháng 9 năm 1978

- 661 Liệt sĩ: **PHẠM HỘ**
 Trưởng ban thu mua lương thực, Nguyên quán: xã Phổ Thuận, huyện Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 16 tháng 2 năm 1971
 Số bằng: 2K 533 cm Quyết định số: 139 /TTga ngày 20 tháng 2 năm 1978
- 662 Liệt sĩ: **NGUYỄN TÀI HÀO**
 Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Phổ Thuận, huyện Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 3 tháng 9 năm 1968
 Số bằng: 6M 561 bm Quyết định số: 1177 /TTga ngày 13 tháng 10 năm 1978
- 663 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN TRƯỜNG**
 Phó Bí thư xã ủy, Xã đội trưởng du kích, Nguyên quán: xã Phổ Thuận, huyện Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 7 tháng 3 năm 1971
 Số bằng: 1U 853 km Quyết định số: 1556 /TTga ngày 28 tháng 11 năm 1977
- 664 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN HAI**
 Văn thư xã đội du kích, Nguyên quán: xã Phổ Thuận, huyện Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 27 tháng 12 năm 1972
 Số bằng: 1U 852 km Quyết định số: 1556 /TTga ngày 28 tháng 11 năm 1977
- 665 Liệt sĩ: **NGUYỄN TÀI TRUNG**
 Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Phổ Thuận, huyện Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 1 tháng 10 năm 1969
 Số bằng: 9U 772 bm Quyết định số: 598 /TTga ngày 5 tháng 9 năm 1980
- 666 Liệt sĩ: **NGUYỄN ĐỨC NGHỆ**
 Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Phổ Thuận, huyện Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 11 năm 1968
 Số bằng: BE 842 km Quyết định số: 43 CTKT ngày 4 tháng 3 năm 1987
- 667 Liệt sĩ: **ĐOÀN VĂN AN**
 Xã đội phó du kích, Nguyên quán: xã Phổ Thuận, huyện Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 4 tháng 11 năm 1973
 Số bằng: 3X 309 km Quyết định số: 598 /TTga ngày 5 tháng 9 năm 1980
- 668 Liệt sĩ: **LÊ SỬU**
 Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Phổ Thạnh, huyện Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 19 tháng 2 năm 1969
 Số bằng: CN 326 km Quyết định số: 355 CTKT ngày 15 tháng 12 năm 1990
- 669 Liệt sĩ: **TRẦN QUANG CẢNH**
 Đại đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Phổ Thạnh, huyện Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 6 tháng 1 năm 1962
 Số bằng: 5M 656 bm Quyết định số: 513 /TTga ngày 22 tháng 5 năm 1978
- 670 Liệt sĩ: **LÊ VĂN PHÚ**
 Trợ lý tác huấn Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Phổ Thạnh, huyện Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 8 tháng 7 năm 1978
 Số bằng: 9G 627 bt Quyết định số: 913 /TTga ngày 31 tháng 12 năm 1979
- 671 Liệt sĩ: **TẠ THANH TRÀ**
 Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Phổ Thạnh, huyện Đức Phổ, tỉnh

Quảng Ngãi, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 5 tháng 7 năm 1969
Số bằng: 7D 262 bm Quyết định số: 1352//TTga ngày 29 tháng 11 năm 1978

672 Liệt sĩ: **HUỖNH GIẢNG**

Tiểu đội trưởng du kích, Nguyên quán: xã Phổ Thạnh, huyện Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 18 tháng 2 năm 1972
Số bằng: AO 359 km Quyết định số: 114 CTKT ngày 27 tháng 3 năm 1985

673 Liệt sĩ: **TRẦN CHẠY**

Bí thư chi đoàn thôn, Nguyên quán: xã Phổ Thạnh, huyện Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 24 tháng 4 năm 1972
Số bằng: 3Y 332 cm Quyết định số: 356//TTga ngày 12 tháng 5 năm 1979

674 Liệt sĩ: **TRẦN LÊ**

Thôn trưởng, Nguyên quán: xã Phổ Thạnh, huyện Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 12 tháng 4 năm 1952
Số bằng: 1OC 816bp Quyết định số: 1300//TTga ngày 17 tháng 11 năm 1978

675 Liệt sĩ: **LÊ HỒNG TÂM**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Phổ Thạnh, huyện Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 17 tháng 9 năm 1974
Số bằng: 5M 506 bm Quyết định số: 512//TTga ngày 22 tháng 5 năm 1978

676 Liệt sĩ: **NGUYỄN ĐỦ**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Phổ Thạnh, huyện Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 19 tháng 6 năm 1973
Số bằng: 5L 990 bm Quyết định số: 452//TTga ngày 8 tháng 5 năm 1978

677 Liệt sĩ: **TRẦN KHIÊM**

Chiến sĩ du kích, Nguyên quán: xã Phổ Thạnh, huyện Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 16 tháng 12 năm 1968
Số bằng: 1S 045 km Quyết định số: 1546//TTga ngày 23 tháng 11 năm 1977

678 Liệt sĩ: **TRẦN ĐI**

Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Phổ Thạnh, huyện Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 30 tháng 12 năm 1972
Số bằng: 5M 218 bm Quyết định số: 477//TTga ngày 15 tháng 5 năm 1978

679 Liệt sĩ: **NGUYỄN ĐÁ**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Phổ Thạnh, huyện Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 1 tháng 8 năm 1947
Số bằng: 1OC 739bp Quyết định số: 1418//TTga ngày 13 tháng 12 năm 1978

680 Liệt sĩ: **NGUYỄN NỮA**

Chiến sĩ du kích, Nguyên quán: xã Phổ Thạnh, huyện Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 16 tháng 4 năm 1972
Số bằng: 1T 455 km Quyết định số: 1641//TTga ngày 5 tháng 12 năm 1977

681 Liệt sĩ: **TRẦN QÚA**

Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Phổ Thạnh, huyện Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 25 tháng 12 năm 1973
Số bằng: 3M 741 bm Quyết định số: 513//TTga ngày 22 tháng 5 năm 1978

- 682 **Liệt sĩ: NGUYỄN LỤC**
 Trung đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Phổ Thạnh, huyện Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp tháng 7 năm 1951
 Số bằng: IC 769 bp Quyết định số: 1523//TTga ngày 18 tháng 11 năm 1977
- 683 **Liệt sĩ: NGUYỄN SÁU (MÁM)**
 Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Phổ Thạnh, huyện Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 3 tháng 6 năm 1964
 Số bằng: 5M 431 bm Quyết định số: 505//TTga ngày 17 tháng 5 năm 1978
- 684 **Liệt sĩ: PHÙNG ĐÌNH TƯ**
 Chiến sĩ du kích, Nguyên quán: xã Phổ Thạnh, huyện Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 4 tháng 5 năm 1962
 Số bằng: 1S 788 km Quyết định số: 1422//TTga ngày 11 tháng 11 năm 1977
- 685 **Liệt sĩ: VÕ VĂN SÁU**
 Trung đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Phổ Thạnh, huyện Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 6 tháng 3 năm 1968
 Số bằng: 6H 499 bm Quyết định số: 859//TTga ngày 7 tháng 8 năm 1978
- 686 **Liệt sĩ: HUỖNH BÁ THÀNH**
 Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Phổ Thạnh, huyện Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 18 tháng 9 năm 1965
 Số bằng: 5M 052 bm Quyết định số: 462//TTga ngày 10 tháng 5 năm 1978
- 687 **Liệt sĩ: VÕ TẤN NHỢ**
 Tiểu đội trưởng du kích, Nguyên quán: xã Phổ Thạnh, huyện Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 7 tháng 5 năm 1971
 Số bằng: 2N 316 km Quyết định số: 423//TTga ngày 4 tháng 5 năm 1978
- 688 **Liệt sĩ: PHẠM THƯỜNG**
 Nhân dân, Nguyên quán: xã Hành Thịnh, huyện Nghĩa Hành, tỉnh Quảng Ngãi, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 3 năm 1969
 Số bằng: DO 466 cm Quyết định số: 15 TTg ngày 12 tháng 1 năm 1995
- 689 **Liệt sĩ: TRẦN MỊCH**
 Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Hành Thịnh, huyện Nghĩa Hành, tỉnh Quảng Ngãi, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 16 tháng 3 năm 1974
 Số bằng: DY 222 km Quyết định số: 116 /TTga ngày 27 tháng 2 năm 1996
- 690 **Liệt sĩ: NGUYỄN THỊ HẢI**
 Tiểu đội trưởng du kích, Nguyên quán: xã Hành Tín, huyện Nghĩa Hành, tỉnh Quảng Ngãi, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 2 năm 1967
 Số bằng: CN 329 km Quyết định số: 355 CTKT ngày 18 tháng 12 năm 1990
- 691 **Liệt sĩ: HUỖNH CÔNG CƯ**
 Đại úy Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thăng Châu, huyện Thăng Bình, tỉnh Quảng Nam, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 29 tháng 7 năm 1967
 Số bằng: MM 137bm Quyết định số: 157//TTga ngày 4 tháng 2 năm 1969
- 692 **Liệt sĩ: NGUYỄN MẬU NÔ**
 Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hành Thịnh, huyện Nghĩa Hành, tỉnh Quảng Ngãi, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 18 tháng 3 năm 1966

Số bằng: 3Đ 822 bm Quyết định số: 1501 /TTga ngày 16 tháng 11 năm 1977

- 693 Liệt sĩ: **LÊ TẤN NHÂN**
Phụ trách kinh tế xã, Nguyên quán: xã Hành Thịnh, huyện Nghĩa Hành, tỉnh Quảng Ngãi, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 16 tháng 6 năm 1968
Số bằng: DB 863 cm Quyết định số: 63 CTKT ngày 18 tháng 4 năm 1992
- 694 Liệt sĩ: **NGUYỄN SUỐT**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hành Thịnh, huyện Nghĩa Hành, tỉnh Quảng Ngãi, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 30 tháng 8 năm 1978
Số bằng: CD 566 bt Quyết định số: 88 CTKT ngày 10 tháng 5 năm 1989
- 695 Liệt sĩ: **NGUYỄN DĨ**
Trưởng Ban nông hội thôn, Nguyên quán: xã Hành Thịnh, huyện Nghĩa Hành, tỉnh Quảng Ngãi, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 13 tháng 5 năm 1972
Số bằng: ĐA 684 cm Quyết định số: 459 /TTga ngày 9 tháng 7 năm 1966
- 696 Liệt sĩ: **NGUYỄN LUỐT**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hành Thịnh, huyện Nghĩa Hành, tỉnh Quảng Ngãi, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 10 tháng 2 năm 1953 Số bằng: 1QC 417 bp Quyết định số: 1489 /TTga ngày 28 tháng 12 năm 1978
- 697 Liệt sĩ: **LÊ THIỀU**
Nông hội thôn, Nguyên quán: xã Hành Thịnh, huyện Nghĩa Hành, tỉnh Quảng Ngãi, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 6 năm 1970
Số bằng: DO 663 cm Quyết định số: 49 TTg ngày 20 tháng 1 năm 1995
- 698 Liệt sĩ: **NGUYỄN CHÍN**
Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Hành Thịnh, huyện Nghĩa Hành, tỉnh Quảng Ngãi, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 20 tháng 11 năm 1967
Số bằng: 3Y 841 cm Quyết định số: 98 /TTga ngày 25 tháng 3 năm 1981
- 699 Liệt sĩ: **HUỲNH ĐẮC TUỆ**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hành Thịnh, huyện Nghĩa Hành, tỉnh Quảng Ngãi, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 21 tháng 7 năm 1983
Số bằng: AT 469 bt Quyết định số: 329 CTKT ngày 28 tháng 8 năm 1985
- 700 Liệt sĩ: **NGUYỄN THỊ LỘC**
Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Hành Thịnh, huyện Nghĩa Hành, tỉnh Quảng Ngãi, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước tháng 8 năm 1967
Số bằng: 3K 803 km Quyết định số: 1430 /TTga ngày 15 tháng 12 năm 1978
- 701 Liệt sĩ: **PHẠM HẠU**
Tiểu đoàn phó, Nguyên quán: xã Hành Thịnh, huyện Nghĩa Hành, tỉnh Quảng Ngãi, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 22 tháng 8 năm 1970
Số bằng: 4N 092 bm Quyết định số: 173 TTg ngày 27 tháng 2 năm 1978
- 702 Liệt sĩ: **NGUYỄN TẤN MUỖI**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hành Thịnh, huyện Nghĩa Hành, tỉnh Quảng Ngãi, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 23 tháng 9 năm 1969
Số bằng: 7Q 370 bm Quyết định số: 1475 /TTga ngày 25 tháng 12 năm 1978
- 703 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN TỘC**

Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Hành Thịnh, huyện Nghĩa Hành, tỉnh Quảng Ngãi, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 26 tháng 2 năm 1966
Số bằng: Z 366 km Quyết định số: 80 CTKT ngày 28 tháng 3 năm 1984

704 Liệt sĩ: **ĐÀM VỌNG**

Thôn đội trưởng du kích, Nguyên quán: xã Hành Thịnh, huyện Nghĩa Hành, tỉnh Quảng Ngãi, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 7 tháng 6 năm 1968
Số bằng: DO 440 km Quyết định số: 15 TTg ngày 12 tháng 1 năm 1995

705 Liệt sĩ: **LÊ VĂN ĐỨC**

Chính trị viên Đại đội, Nguyên quán: xã Hành Thịnh, huyện Nghĩa Hành, tỉnh Quảng Ngãi, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 26 tháng 3 năm 1969
Số bằng: 2H 594 bm Quyết định số: 89 /TTGa ngày 2 tháng 2 năm 1978

706 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN DIỆN**

Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hành Thịnh, huyện Nghĩa Hành, tỉnh Quảng Ngãi, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 25 tháng 1 năm 1970
Số bằng: 3Đ 729 bm Quyết định số: 1501 /TTGa ngày 16 tháng 11 năm 1977

707 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN HẬU**

Cán bộ giao liên huyện, Nguyên quán: xã Hành Thịnh, huyện Nghĩa Hành, tỉnh Quảng Ngãi, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 19 tháng 6 năm 1971
Số bằng: M 056 cm Quyết định số: 188 CTKT ngày 25 tháng 5 năm 1983

708 Liệt sĩ: **CAO VĂN LỆ**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hành Thịnh, huyện Nghĩa Hành, tỉnh Quảng Ngãi, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 18 tháng 3 năm 1974
Số bằng: 3Đ 730 bm Quyết định số: 1501 /TTGa ngày 16 tháng 11 năm 1977

709 Liệt sĩ: **HUỖNH VĂN THÊU**

Đội viên đội công tác xã, Nguyên quán: xã Hành Thịnh, huyện Nghĩa Hành, tỉnh Quảng Ngãi, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 3 tháng 2 năm 1967
Số bằng: 4G 334 cm Quyết định số: 86 /TTGa ngày 30 tháng 1 năm 1980

710 Liệt sĩ: **CAO VĂN NĂM**

Trưởng Ban an ninh thôn, Nguyên quán: xã Hành Thịnh, huyện Nghĩa Hành, tỉnh Quảng Ngãi, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 20 tháng 10 năm 1970
Số bằng: 4N 045 cm Quyết định số: 98 /TTGa ngày 25 tháng 3 năm 1981

711 Liệt sĩ: **CAO VĂN SÁU**

Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hành Thịnh, huyện Nghĩa Hành, tỉnh Quảng Ngãi, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 27 tháng 12 năm 1968
Số bằng: 6Z 666 bm Quyết định số: 1267 /TTGa ngày 8 tháng 11 năm 1978

712 Liệt sĩ: **ĐINH THỊ THUỘC**

Cán bộ phụ nữ thôn, Nguyên quán: xã Hành Thịnh, huyện Nghĩa Hành, tỉnh Quảng Ngãi, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 20 tháng 6 năm 1967
Số bằng: DB 873 cm Quyết định số: 63 CTKT ngày 18 tháng 4 năm 1992

713 Liệt sĩ: **LÊ VIỆT ĐƯỜNG**

Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Hành Thịnh, huyện Nghĩa Hành, tỉnh Quảng Ngãi, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 21 tháng 1 năm 1971
Số bằng: BX 448 km Quyết định số: 129 CTKT ngày 16 tháng 6 năm 1988

- 714 Liệt sĩ: **ĐINH TẤN TRỊ**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam; Nguyên quán: xã Hành Thịnh, huyện Nghĩa Hành, tỉnh Quảng Ngãi, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 27 tháng 10 năm 1953
Số bằng: 2AC 706 bp Quyết định số: 05 /TTGa ngày 5 tháng 1 năm 1980
- 715 Liệt sĩ: **LÊ VĂN BÌNH**
Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hành Thịnh, huyện Nghĩa Hành, tỉnh Quảng Ngãi, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 9 tháng 9 năm 1966
Số bằng: 3Đ 775 bm Quyết định số: 1501 /TTGa ngày 16 tháng 11 năm 1977
- 716 Liệt sĩ: **TRẦN ĐẢN**
Thôn đội trưởng du kích, Nguyên quán: xã Hành Thịnh, huyện Nghĩa Hành, tỉnh Quảng Ngãi, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 8 năm 1966
Số bằng: ĐO 345 km Quyết định số: 04 TTg ngày 5 tháng 1 năm 1998
- 717 Liệt sĩ: **NGUYỄN THỊ TỰ**
Dân công, Nguyên quán: xã Đức Hiệp, huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 4 tháng 4 năm 1967
Số bằng: GA 859 cm Quyết định số: 1142 TTg ngày 29 tháng 11 năm 2002
- 718 Liệt sĩ: **TRẦN CHÍ**
An ninh thôn, Nguyên quán: xã Hành Thịnh, huyện Nghĩa Hành, tỉnh Quảng Ngãi, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 16 tháng 2 năm 1966
Số bằng: DB 866 cm Quyết định số: 63 CTKT ngày 18 tháng 4 năm 1992
- 719 Liệt sĩ: **NGUYỄN THỊ MÊNH**
Giao liên xã, Nguyên quán: xã Hành Thịnh, huyện Nghĩa Hành, tỉnh Quảng Ngãi, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 2 tháng 9 năm 1972
Số bằng: ĐO 260 cm Quyết định số: 04 TTg ngày 5 tháng 1 năm 1998
- 720 Liệt sĩ: **TRẦN NHÌ**
Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Hành Thịnh, huyện Nghĩa Hành, tỉnh Quảng Ngãi, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 4 tháng 4 năm 1967
Số bằng: AT 361 km Quyết định số: 334 CTKT ngày 28 tháng 8 năm 1985
- 721 Liệt sĩ: **LÊ SẮC**
Cơ sở cách mạng, Nguyên quán: xã Hành Thịnh, huyện Nghĩa Hành, tỉnh Quảng Ngãi, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 12 tháng 4 năm 1969
Số bằng: DM 249 cm Quyết định số: 139 TTg ngày 2 tháng 4 năm 1994
- 722 Liệt sĩ: **TRƯƠNG LOI**
Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Hành Thịnh, huyện Nghĩa Hành, tỉnh Quảng Ngãi, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 5 tháng 7 năm 1970
Số bằng: ĐA 751 km Quyết định số: 459 TTg ngày 9 tháng 7 năm 1996
- 723 Liệt sĩ: **TRƯƠNG VĂN LỘC**
Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Hành Thịnh, huyện Nghĩa Hành, tỉnh Quảng Ngãi, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 9 tháng 9 năm 1967
Số bằng: ĐA 731 km Quyết định số: 459 TTg ngày 9 tháng 7 năm 1996
- 724 Liệt sĩ: **ĐOÀN XUÂN CHÂU**
Đội viên đội công tác, Nguyên quán: xã Hành Thịnh, huyện Nghĩa Hành, tỉnh Quảng Ngãi, đã hy

sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 1 tháng 11 năm 1964
Số bằng: 2B 548 cm Quyết định số: 241 TTg ngày 17 tháng 3 năm 1978

725 Liệt sĩ: **NGUYỄN DUY**

Tổ trưởng Đảng cộng sản Đông Dương, Nguyên quán: xã Hành Thịnh, huyện Nghĩa Hành, tỉnh Quảng Ngãi, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 15 tháng 8 năm 1937
Số bằng: A 691 cp Quyết định số: 280 CTKT ngày 29 tháng 9 năm 1982

726 Liệt sĩ: **NGUYỄN MỆO**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hành Thịnh, huyện Nghĩa Hành, tỉnh Quảng Ngãi, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 10 tháng 12 năm 1947
Số bằng: 1QC 450bp Quyết định số: 1400 TTg ngày 8 tháng 12 năm 1978

727 Liệt sĩ: **VÕ TUYỀN**

Thôn đội trưởng du kích, Nguyên quán: xã Hành Thịnh, huyện Nghĩa Hành, tỉnh Quảng Ngãi, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 16 tháng 6 năm 1966
Số bằng: ĐA 734 km Quyết định số: 459 TTg ngày 9 tháng 7 năm 1996

728 Liệt sĩ: **HUỖNH TẤN MẬT**

Y tá, Nguyên quán: xã Hành Thịnh, huyện Nghĩa Hành, tỉnh Quảng Ngãi, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 10 năm 1971
Số bằng: CD 695 cm Quyết định số: 135 CTKT ngày 12 tháng 7 năm 1989

729 Liệt sĩ: **HUỖNH RÃY**

Ban tự quản thôn, Nguyên quán: xã Hành Thịnh, huyện Nghĩa Hành, tỉnh Quảng Ngãi, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 1 tháng 12 năm 1971
Số bằng: DC 062 cm Quyết định số: 59 CTKT ngày 18 tháng 4 năm 1992

730 Liệt sĩ: **CAO MẠI**

Phó Xưởng Thủy tinh K5, Nguyên quán: xã Hành Thịnh, huyện Nghĩa Hành, tỉnh Quảng Ngãi, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 7 tháng 5 năm 1972
Số bằng: ĐA 820 cm Quyết định số: 459 TTg ngày 9 tháng 7 năm 1996

731 Liệt sĩ: **CAO XUÂN VINH**

Trung đội trưởng du kích xã, Nguyên quán: xã Hành Thịnh, huyện Nghĩa Hành, tỉnh Quảng Ngãi, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 18 tháng 12 năm 1969
Số bằng: 3K 044 km Quyết định số: 1394 TTg ngày 8 tháng 12 năm 1978

732 Liệt sĩ: **BÙI TẠ THANH**

Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Hành Thịnh, huyện Nghĩa Hành, tỉnh Quảng Ngãi, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 18 tháng 12 năm 1969
Số bằng: 3K 817 km Quyết định số: 1430 /TTg ngày 15 tháng 12 năm 1978

733 Liệt sĩ: **CAO PHẢI**

Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Hành Thịnh, huyện Nghĩa Hành, tỉnh Quảng Ngãi, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 6 năm 1968
Số bằng: AO 352 km Quyết định số: 114 CTKT ngày 27 tháng 3 năm 1985

734 Liệt sĩ: **CAO CHỪ**

Trung đội trưởng du kích, Nguyên quán: xã Hành Thịnh, huyện Nghĩa Hành, tỉnh Quảng Ngãi, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 30 tháng 7 năm 1969
Số bằng: CN 331 km Quyết định số: 355 CTKT ngày 18 tháng 12 năm 1990

- 735 Liệt sĩ: **TRẦN HOÀNG**
Thôn đội trưởng du kích, Nguyên quán: xã Hành Thịnh, huyện Nghĩa Hành, tỉnh Quảng Ngãi, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 27 tháng 8 năm 1970
Số bằng: 3I 932 km Quyết định số: 1329 /TTga ngày 24 tháng 11 năm 1978
- 736 Liệt sĩ: **TRẦN THẾ**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hành Thịnh, huyện Nghĩa Hành, tỉnh Quảng Ngãi, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 1 tháng 12 năm 1970
Số bằng: 6Z 463 bm Quyết định số: 1253 /TTga ngày 3 tháng 11 năm 1978
- 737 Liệt sĩ: **HUỖNH HỮU**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hành Thịnh, huyện Nghĩa Hành, tỉnh Quảng Ngãi, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 25 tháng 8 năm 1973
Số bằng: 3Đ 771 bm Quyết định số: 1501 /TTga ngày 16 tháng 11 năm 1977
- 738 Liệt sĩ: **HUỖNH CHỨC**
Phó Bí thư, Chủ tịch xã, Nguyên quán: xã Hành Thịnh, huyện Nghĩa Hành, tỉnh Quảng Ngãi, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 20 tháng 1 năm 1969
Số bằng: 3P 056 cm Quyết định số: 1378 /TTga ngày 6 tháng 12 năm 1978
- 739 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN THẮNG**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hành Thịnh, huyện Nghĩa Hành, tỉnh Quảng Ngãi, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 2 tháng 4 năm 1969
Số bằng: 9U 797 bm Quyết định số: 58 /TTga ngày 5 tháng 9 năm 1980
- 740 Liệt sĩ: **LÊ TUYẾN**
Dân, Nguyên quán: xã Hành Thịnh, huyện Nghĩa Hành, tỉnh Quảng Ngãi, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 5 tháng 11 năm 1964
Số bằng: 4N 060 cm Quyết định số: 98 /TTga ngày 25 tháng 3 năm 1981
- 741 Liệt sĩ: **VÕ CHUNG**
Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Hành Thịnh, huyện Nghĩa Hành, tỉnh Quảng Ngãi, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 25 tháng 5 năm 1974
Số bằng: 3M 247 km Quyết định số: 1424 /TTga ngày 13 tháng 12 năm 1978
- 742 Liệt sĩ: **ĐỖ THANH VĂN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hành Thịnh, huyện Nghĩa Hành, tỉnh Quảng Ngãi, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 12 tháng 10 năm 1947
Số bằng: 1QC 580bp Quyết định số: 1400 /TTga ngày 8 tháng 12 năm 1978
- 743 Liệt sĩ: **NGUYỄN RÊ**
Thôn đội trưởng du kích, Nguyên quán: xã Hành Thịnh, huyện Nghĩa Hành, tỉnh Quảng Ngãi, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 17 tháng 9 năm 1967
Số bằng: L 987 km Quyết định số: 188 CTKT ngày 1 tháng 6 năm 1983
- 744 Liệt sĩ: **NGUYỄN GÀN**
Tiểu đội trưởng du kích, Nguyên quán: xã Hành Thịnh, huyện Nghĩa Hành, tỉnh Quảng Ngãi, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 7 tháng 8 năm 1968
Số bằng: 2H 603 km Quyết định số: 89 /TTga ngày 2 tháng 2 năm 1978
- 745 Liệt sĩ: **ĐỖ MINH CHÂU**
Chính trị viên, Trung Đại đội, Nguyên quán: xã Hành Thịnh, huyện Nghĩa Hành, tỉnh Quảng Ngãi, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 27 tháng 7 năm 1962

Số bằng: 70 969 bm Quyết định số: 1424 /TTGa ngày 13 tháng 12 năm 1978

746 Liệt sĩ: **PHAN VĂN LÂM**

Tiểu đội trưởng du kích, Nguyên quán: xã Tịnh Đông, huyện Sơn Tịnh, tỉnh Quảng Ngãi, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 17 tháng 1 năm 1971

Số bằng: 2H 957 km Quyết định số: 225 /TTGa ngày 10 tháng 3 năm 1978

747 Liệt sĩ: **PHAN THANH SƠN**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tịnh Đông, huyện Sơn Tịnh, tỉnh Quảng Ngãi, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 19 tháng 3 năm 1975

Số bằng: 4N 327 bm Quyết định số: 143 /TTGa ngày 20 tháng 2 năm 1978

748 Liệt sĩ: **NGUYỄN MẬU**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tịnh Khê, tp tỉnh Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 7 tháng 12 năm 1968

Số bằng: 1S 090 bm Quyết định số: 889 /TTGa ngày 19 tháng 8 năm 1977

749 Liệt sĩ: **LÊ BA**

Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Đức Chánh, huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 13 tháng 10 năm 1974

Số bằng: 1N 787 km Quyết định số: 1322 /TTGa ngày 26 tháng 10 năm 1977

750 Liệt sĩ: **LÊ CHÍ**

Trưởng Ban tự quản thôn, Nguyên quán: xã Đức Chánh, huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 9 năm 1965

Số bằng: 1P 222 cm Quyết định số: 1431 /TTGa ngày 2 tháng 11 năm 1977

751 Liệt sĩ: **LÊ VĂN CƯU**

Thường vụ huyện đoàn thanh niên, Nguyên quán: xã Đức Chánh, huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 12 tháng 12 năm 1971

Số bằng: 1P 191 cm Quyết định số: 1431 /TTGa ngày 2 tháng 11 năm 1977

752 Liệt sĩ: **NGUYỄN THỀ**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Đức Lâm, huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 3 tháng 5 năm 1979

Số bằng: 2AA 829 bt Quyết định số: 35 /TTGa ngày 28 tháng 1 năm 1981

753 Liệt sĩ: **NGUYỄN ĐỀ**

Ban tự quản thôn, Nguyên quán: xã Hành Phước, huyện Nghĩa Hành, tỉnh Quảng Ngãi, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước tháng 7 năm 1967

Số bằng: DC 064 cm Quyết định số: 59 CTKT ngày 18 tháng 4 năm 1992

754 Liệt sĩ: **VĂN KIM ĐƯỜNG**

Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hành Phước, huyện Nghĩa Hành, tỉnh Quảng Ngãi, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 5 tháng 7 năm 1964

Số bằng: 70 991 bm Quyết định số: 1424 /TTGa ngày 13 tháng 12 năm 1978

755 Liệt sĩ: **NGUYỄN NGHI**

Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Hành Phước, huyện Nghĩa Hành, tỉnh Quảng Ngãi, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 18 tháng 3 năm 1972

Số bằng: 1Đ 545 km Quyết định số: 1091 /TTGa ngày 30 tháng 9 năm 1977

756 Liệt sĩ: **HUỖNH TƯ**

- Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Hành Phước, huyện Nghĩa Hành, tỉnh Quảng Ngãi, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 18 tháng 4 năm 1972
Số bằng: RM 964 km Quyết định số: 922 /TTga ngày 24 tháng 8 năm 1977
- 757 Liệt sĩ: **VÕ VĂN MỘT**
Xã đội trưởng du kích, Nguyên quán: xã Hành Phước, huyện Nghĩa Hành, tỉnh Quảng Ngãi, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 23 tháng 9 năm 1969
Số bằng: RM 959 km Quyết định số: 922 /TTga ngày 24 tháng 8 năm 1977
- 758 Liệt sĩ: **VÕ NỌ**
Đội viên đội công tác xã, Nguyên quán: xã Hành Phước, huyện Nghĩa Hành, tỉnh Quảng Ngãi, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 24 tháng 4 năm 1967
Số bằng: 11 976 cm Quyết định số: 1033 /TTga ngày 19 tháng 9 năm 1977
- 759 Liệt sĩ: **PHẠM TRƯỜNG SƠN**
Đội viên đội công tác xã, Nguyên quán: xã Điện Bàn, huyện Quảng Nam, Đà Nẵng, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 17 tháng 9 năm 1971
Số bằng: 4G 302 cm Quyết định số: 86 /TTga ngày 30 tháng 1 năm 1980
- 760 Liệt sĩ: **VÕ HÀNH**
Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Đức Thạnh, huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 14 tháng 9 năm 1970
Số bằng: BI 684 km Quyết định số: 65 CTKT ngày 8 tháng 4 năm 1987
- 761 Liệt sĩ: **VÕ HỒNG SƠN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Đức Thạnh, huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 14 tháng 4 năm 1972
Số bằng: 3Đ 847 bm Quyết định số: 1528 /TTga ngày 18 tháng 11 năm 1977
- 762 Liệt sĩ: **TRỊNH GIỚI**
Nhân viên huyện ủy, Nguyên quán: xã Đức Thắng huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước tháng 12 năm 1973
Số bằng: 4G 913 cm Quyết định số: 895 /TTga ngày 19 tháng 12 năm 1979
- 763 Liệt sĩ: **ĐẶNG SƠN**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Đức Thắng huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 1 tháng 10 năm 1953
Số bằng: 1OC 850 bp Quyết định số: 1325 /TTga ngày 24 tháng 11 năm 1978
- 764 Liệt sĩ: **ĐINH TĨA**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Long Môn, huyện Minh Long, tỉnh Quảng Ngãi, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 4 tháng 7 năm 1968
Số bằng: 4M 790 bm Quyết định số: 172 /TTga ngày 27 tháng 2 năm 1978
- 765 Liệt sĩ: **HUỖNH VĂN THIÊN**
Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Hành Thịnh, huyện Nghĩa Hành, tỉnh Quảng Ngãi, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 14 tháng 3 năm 1969
Số bằng: DO 428 km Quyết định số: 15/TTg ngày 12 tháng 1 năm 1995
- 766 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN THUẬT**
Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Hành Thịnh, huyện Nghĩa Hành, tỉnh Quảng Ngãi, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 23 tháng 11 năm 1971
Số bằng: 3H 251 km Quyết định số: 1287 /TTga ngày 15 tháng 11 năm 1978

- 767 **Liệt sĩ: NGUYỄN TẤN NGHỆ**
Thôn đội phó du kích, Nguyên quán: xã Hành Thịnh, huyện Nghĩa Hành, tỉnh Quảng Ngãi, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 15 tháng 10 năm 1970
Số bằng: ĐA 738 km Quyết định số: 459 TTg ngày 9 tháng 7 năm 1996
- 768 **Liệt sĩ: LÊ THỊ PHƯỚC**
Dân công, Nguyên quán: xã Hành Thịnh, huyện Nghĩa Hành, tỉnh Quảng Ngãi, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 15 tháng 10 năm 1969
Số bằng: DO 500 cm Quyết định số: 15 TTg ngày 12 tháng 1 năm 1995
- 769 **Liệt sĩ: TRẦN KHANH**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hành Thịnh, huyện Nghĩa Hành, tỉnh Quảng Ngãi, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 10 năm 1969
Số bằng: 7P 164 bm Quyết định số: 1436 TTg ngày 18 tháng 12 năm 1978
- 770 **Liệt sĩ: HUỖNH THỊ BA**
Hội trưởng phụ nữ, Nguyên quán: xã Đức Phú, huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 5 tháng 8 năm 1971
Số bằng: 1O 668 cm Quyết định số: 1358 /TTga ngày 26 tháng 10 năm 1977
- 771 **Liệt sĩ: TRẦN MINH HÓA**
Cán bộ Công an huyện, Nguyên quán: xã Hành Thịnh, huyện Nghĩa Hành, tỉnh Quảng Ngãi, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước tháng 4 năm 1970
Số bằng: 2L 308 cm Quyết định số: 318 /TTga ngày 29 tháng 3 năm 1978
- 772 **Liệt sĩ: PHAN TỶ**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Vũ Bình, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp tháng 6 năm 1953
Số bằng: BC 051 Quyết định số: 20 /TTga ngày 19 tháng 1 năm 1970
- 773 **Liệt sĩ: NGUYỄN CHỪU**
Ủy viên Ban chấp hành Nông hội, Nguyên quán: xã Bình Trị, huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 24 tháng 6 năm 1967
Số bằng: GĐ 400 cm Quyết định số: 791 TTg ngày 10 tháng 7 năm 2003
- 774 **Liệt sĩ: NGUYỄN XẢO**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Bình Trị, huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 1 tháng 1 năm 1969
Số bằng: 9U 709 bm Quyết định số: 556 /TTga ngày 15 tháng 8 năm 1980
- 775 **Liệt sĩ: NGUYỄN CƯỜNG**
Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Bình Trị, huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước tháng 10 năm 1974
Số bằng: 2Q 436 km Quyết định số: 506 /TTga ngày 17 tháng 5 năm 1978
- 776 **Liệt sĩ: HÒ VẤN ÂY**
Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Trà Trung, huyện Tây Trà, tỉnh Quảng Ngãi, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 13 tháng 3 năm 1975
Số bằng: 7E 724 bm Quyết định số: 1350 /TTga ngày 29 tháng 11 năm 1978
- 777 **Liệt sĩ: LÊ THỊ LÊN**
Hiệu trưởng, Nguyên quán: xã Tịnh Minh, huyện Sơn Tịnh, tỉnh Quảng Ngãi, đã hy sinh trong sự

nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 12 tháng 2 năm 1969
Số bảng: 2K 531 cm Quyết định số: 139 /TTga ngày 20 tháng 2 năm 1978

- 778 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN LỆ**
Cán bộ Thanh niên, Nguyên quán: xã Ba Thành, huyện Ba Tơ, tỉnh Quảng Ngãi, đã hy sinh trong
sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 13 tháng 7 năm 1969
Số bảng: DO 492 cm Quyết định số: 15 TTg ngày 12 tháng 1 năm 1995
- 779 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN THANH**
Cán bộ xã, Nguyên quán: xã Ba Thành, huyện Ba Tơ, tỉnh Quảng Ngãi, đã hy sinh trong sự
nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 20 tháng 1 năm 1964
Số bảng: ĐT 759 cm Quyết định số: 631 /TTga ngày 22 tháng 6 năm 1977
- 780 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN KHÁNH**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Ba Động, huyện Ba Tơ, tỉnh Quảng
Ngãi, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 30 tháng 3 năm 1963
Số bảng: 5H 229 bm Quyết định số: 422 /TTga ngày 4 tháng 5 năm 1978
- 781 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN HUÂN**
Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Ba Thành, huyện Ba Tơ, tỉnh Quảng Ngãi, đã hy sinh trong sự
nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 20 tháng 1 năm 1970
Số bảng: DY 047 km Quyết định số: 101 TTg ngày 10 tháng 2 năm 1996
- 782 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN PHEM**
Cơ sở cách mạng, Nguyên quán: xã Ba Thành, huyện Ba Tơ, tỉnh Quảng Ngãi, đã hy sinh trong
sự nghiệp chống Mỹ cứu nước năm 1962
Số bảng: 2B 814 cm Quyết định số: 202 /TTga ngày 3 tháng 3 năm 1978
- 783 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN LE**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Ba Thành, huyện Ba Tơ, tỉnh
Quảng Ngãi, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 27 tháng 7 năm 1971
Số bảng: 5H 411 bm Quyết định số: 424 /TTga ngày 4 tháng 5 năm 1978
- 784 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN DỪNG**
Tiểu đội trưởng du kích, Nguyên quán: xã Ba Thành, huyện Ba Tơ, tỉnh Quảng Ngãi, đã hy sinh
trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước năm 1972
Số bảng: 3I 888 km Quyết định số: 1329 /TTga ngày 24 tháng 11 năm 1978
- 785 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN DE**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Ba Thành, huyện Ba Tơ, tỉnh Quảng Ngãi,
đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 30 tháng 7 năm 1972
Số bảng: 8G 363 bm Quyết định số: 329 /TTga ngày 12 tháng 5 năm 1979
- 786 Liệt sĩ: **DƯƠNG NGỌC SƠN**
Cán bộ an ninh xã, Nguyên quán: xã Đức Hiệp, huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi, đã hy sinh trong
sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 7 tháng 2 năm 1973
Số bảng: YM 482 cm Quyết định số: 774 /TTga ngày 30 tháng 7 năm 1977
- 787 Liệt sĩ: **ĐINH LẾP**
Chiến sĩ du kích, Nguyên quán: xã Sơn Thủy, huyện Sơn Hà, tỉnh Quảng Ngãi, đã hy sinh trong
sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 11 năm 1966
Số bảng: 1T 122 km Quyết định số: 1504 /TTga ngày 16 tháng 11 năm 1977

- 788 Liệt sĩ: **ĐINH NHÊM**
Cán bộ thôn, Nguyên quán: xã Sơn Thủy, huyện Sơn Hà, tỉnh Quảng Ngãi, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 6 tháng 7 năm 1963
Số bằng: 1T 715 cm Quyết định số: 1672 /TTGa ngày 7 tháng 12 năm 1977
- 789 Liệt sĩ: **ĐINH HÍT**
Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Sơn Thủy, huyện Sơn Hà, tỉnh Quảng Ngãi, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp năm 1952
Số bằng: IC 764 kp Quyết định số: 1523 /TTGa ngày 18 tháng 11 năm 1977
- 790 Liệt sĩ: **ĐINH LÊ**
Tiểu đội trưởng du kích, Nguyên quán: xã Sơn Thủy, huyện Sơn Hà, tỉnh Quảng Ngãi, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 7 tháng 7 năm 1972
Số bằng: 1T 160 km Quyết định số: 1459 /TTGa ngày 9 tháng 11 năm 1977
- 791 Liệt sĩ: **ĐINH NHỚ**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Sơn Thủy, huyện Sơn Hà, tỉnh Quảng Ngãi, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 27 tháng 7 năm 1964
Số bằng: 6H 925 bm Quyết định số: 990 /TTGa ngày 4 tháng 9 năm 1978
- 792 Liệt sĩ: **ĐINH ÉO**
Trung đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Sơn Thủy, huyện Sơn Hà, tỉnh Quảng Ngãi, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 31 tháng 1 năm 1968
Số bằng: 6H 844 bm Quyết định số: 826 /TTGa ngày 11 tháng 8 năm 1978
- 793 Liệt sĩ: **ĐINH HA RÁT**
Trung đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Sơn Thủy, huyện Sơn Hà, tỉnh Quảng Ngãi, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 24 tháng 11 năm 1971
Số bằng: 6Z 906 bm Quyết định số: 1254 /TTGa ngày 3 tháng 11 năm 1978
- 794 Liệt sĩ: **ĐINH HÔN**
Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Sơn Thủy, huyện Sơn Hà, tỉnh Quảng Ngãi, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 23 tháng 1 năm 1963
Số bằng: 6H 863 bm Quyết định số: 826 /TTGa ngày 11 tháng 8 năm 1978
- 795 Liệt sĩ: **ĐINH TIỂU**
Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Sơn Thủy, huyện Sơn Hà, tỉnh Quảng Ngãi, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 10 năm 1963
Số bằng: 6H 970 bm Quyết định số: 990 /TTGa ngày 4 tháng 9 năm 1978
- 796 Liệt sĩ: **ĐINH KIẾN**
Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Sơn Thủy, huyện Sơn Hà, tỉnh Quảng Ngãi, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 1 tháng 2 năm 1962
Số bằng: 6H 875 bm Quyết định số: 826 /TTGa ngày 11 tháng 8 năm 1978
- 797 Liệt sĩ: **ĐINH HEO**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Sơn Thủy, huyện Sơn Hà, tỉnh Quảng Ngãi, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 27 tháng 7 năm 1951
Số bằng: 1KC 205bp Quyết định số: 860 /TTGa ngày 7 tháng 8 năm 1978
- 798 Liệt sĩ: **ĐINH MÍT**
Chính trị viên Đại đội, Nguyên quán: xã Sơn Thủy, huyện Sơn Hà, tỉnh Quảng Ngãi, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 5 tháng 5 năm 1967

Số bằng: 6H 902 bm Quyết định số: 990 /TTGa ngày 4 tháng 9 năm 1978

- 799 Liệt sĩ: **ĐINH ĐỀ**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Sơn Thủy, huyện Sơn Hà, tỉnh Quảng Ngãi, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 25 tháng 5 năm 1968
Số bằng: 6H 812 bm Quyết định số: 826 /TTGa ngày 11 tháng 8 năm 1978
- 800 Liệt sĩ: **ĐINH TỐI**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Sơn Thủy, huyện Sơn Hà, tỉnh Quảng Ngãi, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 29 tháng 9 năm 1973
Số bằng: 6H 967 bm Quyết định số: 990 /TTGa ngày 4 tháng 9 năm 1978
- 801 Liệt sĩ: **ĐINH NHỄ**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Sơn Thủy, huyện Sơn Hà, tỉnh Quảng Ngãi, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 6 tháng 4 năm 1962
Số bằng: 6H 932 bm Quyết định số: 990 /TTGa ngày 4 tháng 9 năm 1978
- 802 Liệt sĩ: **ĐINH ĐỀ**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Sơn Thủy, huyện Sơn Hà, tỉnh Quảng Ngãi, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 12 tháng 12 năm 1966
Số bằng: 6H 813 bm Quyết định số: 826 /TTGa ngày 11 tháng 8 năm 1978
- 803 Liệt sĩ: **ĐINH NHIA**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Sơn Thủy, huyện Sơn Hà, tỉnh Quảng Ngãi, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 27 tháng 7 năm 1961
Số bằng: 6H 928 bm Quyết định số: 990 /TTGa ngày 4 tháng 9 năm 1978
- 804 Liệt sĩ: **ĐINH BỎ RÊ**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Sơn Thủy, huyện Sơn Hà, tỉnh Quảng Ngãi, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 27 tháng 7 năm 1960
Số bằng: 6I 065 bm Quyết định số: 860 /TTGa ngày 7 tháng 8 năm 1978
- 805 Liệt sĩ: **ĐINH HIẾP**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Sơn Thủy, huyện Sơn Hà, tỉnh Quảng Ngãi, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 27 tháng 7 năm 1949
Số bằng: 1KC 204bp Quyết định số: 860 /TTGa ngày 7 tháng 8 năm 1978
- 806 Liệt sĩ: **ĐINH COI**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Sơn Thủy, huyện Sơn Hà, tỉnh Quảng Ngãi, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 27 tháng 8 năm 1973
Số bằng: 6H 796 bm Quyết định số: 826 /TTGa ngày 11 tháng 8 năm 1978
- 807 Liệt sĩ: **TRẦN LÊN**
Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Sơn Thủy, huyện Sơn Hà, tỉnh Quảng Ngãi, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 27 tháng 7 năm 1970
Số bằng: 7G 278 bm Quyết định số: 1377 /TTGa ngày 6 tháng 12 năm 1978
- 808 Liệt sĩ: **ĐINH BÌNH**
Chiến sĩ Thanh niên xung phong, Nguyên quán: xã Sơn Thủy, huyện Sơn Hà, tỉnh Quảng Ngãi, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 9 năm 1968
Số bằng: 3R 823 cm Quyết định số: 1439 /TTGa ngày 18 tháng 12 năm 1978
- 809 Liệt sĩ: **TRƯƠNG QUANG LẠI**

Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hành Minh, huyện Nghĩa Hành, tỉnh Quảng Ngãi, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 2 tháng 10 năm 1949 Số bằng: 1UC 155 bp Quyết định số: 316 /TTga ngày 7 tháng 5 năm 1979

810 Liệt sĩ: **ĐINH TRANH**

Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Sơn Thủy, huyện Sơn Hà, tỉnh Quảng Ngãi, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 9 tháng 6 năm 1965
Số bằng: 8G 390 bm Quyết định số: 329 /TTga ngày 12 tháng 5 năm 1979

811 Liệt sĩ: **NGUYỄN THOANG**

Giáo viên, Nguyên quán: xã Tịnh Ấn, huyện Sơn Tịnh, tỉnh Quảng Ngãi, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 5 năm 1958
Số bằng: 3Y 149 cm Quyết định số: 344 /TTga ngày 18 tháng 5 năm 1979

812 Liệt sĩ: **ĐINH CHÀ**

Cơ sở bí mật, Nguyên quán: xã Sơn Thủy, huyện Sơn Hà, tỉnh Quảng Ngãi, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước tháng 12 năm 1957
Số bằng: 3Y 324 cm Quyết định số: 356 /TTga ngày 21 tháng 5 năm 1979

813 Liệt sĩ: **ĐINH LIÊN**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Sơn Thủy, huyện Sơn Hà, tỉnh Quảng Ngãi, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 12 tháng 5 năm 1947
Số bằng: 1UC 167bp Quyết định số: 321 /TTga ngày 9 tháng 5 năm 1979

814 Liệt sĩ: **TRƯƠNG QUANG MƯỜI**

Đội viên đội công tác, Nguyên quán: xã Hành Tín Tây, huyện Nghĩa Hành, tỉnh Quảng Ngãi, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 27 tháng 3 năm 1964
Số bằng: BQ 502 cm Quyết định số: 42 CTKT ngày 9 tháng 3 năm 1988

815 Liệt sĩ: **ĐINH LÙM**

Nhân dân, Nguyên quán: xã Sơn Thủy, huyện Sơn Hà, tỉnh Quảng Ngãi, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 21 tháng 11 năm 1984
Số bằng: AY 621 ct Quyết định số: 458 CTKT ngày 4 tháng 12 năm 1985

816 Liệt sĩ: **ĐINH PROA**

Cán bộ giao liên xã, Nguyên quán: xã Sơn Thủy, huyện Sơn Hà, tỉnh Quảng Ngãi, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 2 năm 1960
Số bằng: AY 689 cm Quyết định số: 458 CTKT ngày 4 tháng 12 năm 1985

817 Liệt sĩ: **ĐINH ON**

Thượng úy Công an nhân dân, Nguyên quán: xã Sơn Thủy, huyện Sơn Hà, tỉnh Quảng Ngãi, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 27 tháng 7 năm 1967
Số bằng: ĐO 273 cm Quyết định số: 04 TTg ngày 5 tháng 1 năm 1998

818 Liệt sĩ: **ĐINH THỊ HỖ**

Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Sơn Thủy, huyện Sơn Hà, tỉnh Quảng Ngãi, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 21 tháng 7 năm 1969
Số bằng: EL 143 km Quyết định số: 133 TTg ngày 11 tháng 2 năm 2001

819 Liệt sĩ: **ĐINH VĂN THẮY**

Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Sơn Thủy, huyện Sơn Hà, tỉnh Quảng Ngãi, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 12 tháng 3 năm 1967
Số bằng: EL 187 km Quyết định số: 133 TTg ngày 11 tháng 2 năm 2001

- 820 Liệt sĩ: **ĐINH VĂN HỖ**
Chiến sĩ du kích, Nguyên quán: xã Sơn Thủy, huyện Sơn Hà, tỉnh Quảng Ngãi, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 8 tháng 10 năm 1968
Số bằng: EL 165 km Quyết định số: 133 TTg ngày 11 tháng 2 năm 2001
- 821 Liệt sĩ: **NGUYỄN PHAN**
Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Hành Phước, huyện Nghĩa Hành, tỉnh Quảng Ngãi, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 4 tháng 7 năm 1967
Số bằng: DB 807 km Quyết định số: 63 CTKT ngày 18 tháng 4 năm 1992
- 822 Liệt sĩ: **BÙI VĂN PHỤNG**
Trung đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hành Phước, huyện Nghĩa Hành, tỉnh Quảng Ngãi, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 25 tháng 4 năm 1980
Số bằng: 5AA 735 bt Quyết định số: 298 /TTGa ngày 9 tháng 7 năm 1981
- 823 Liệt sĩ: **NGUYỄN HỒ**
Đại đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hành Phước, huyện Nghĩa Hành, tỉnh Quảng Ngãi, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 10 năm 1968
Số bằng: 3Đ 896 bm Quyết định số: 1528 /TTGa ngày 18 tháng 11 năm 1977
- 824 Liệt sĩ: **TRỊNH CỎ**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Đức Thắng, huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước tháng 7 năm 1967
Số bằng: 2O 859 bm Quyết định số: 370/TTGa ngày 14 tháng 4 năm 1978
- 825 Liệt sĩ: **BÙI VĂN MÀU**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hành Thịnh, huyện Nghĩa Hành, tỉnh Quảng Ngãi, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 23 tháng 12 năm 1950
Số bằng: 1OC 090bp Quyết định số: 1237/TTGa ngày 01 tháng 11 năm 1978

TỈNH LÂM ĐỒNG

- 826 Liệt sĩ: **THỊ HOA**
Chiến sĩ giao liên xã, Trú quán: Phường 2, tp Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 12 tháng 8 năm 1967
Số bằng: EE 982 cm Quyết định số: 344/QĐ-TTg ngày 26 tháng 4 năm 2000
- 827 Liệt sĩ: **LÊ NGUYỄN HỮU LUẬN**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hoằng Thái, huyện Hoằng Hóa, tỉnh Thanh Hóa, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 28 tháng 02 năm 1970
Số bằng: HT 213 bm Quyết định số: 445/TTGa ngày 16 tháng 10 năm 1973
- 828 Liệt sĩ: **VŨ DUY LỆ**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Trục Mỹ, huyện Trục Ninh, tỉnh Nam Định, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 6 tháng 6 năm 1971
Số bằng: LV 280 bm Quyết định số: 229/TTGa ngày 01 tháng 5 năm 1974
- 829 Liệt sĩ: **VÕ VĂN THOÁT**
Trung đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng,

đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 17 tháng 6 năm 1971
Số bảng: ND 028 bm Quyết định số: 310/TTGa ngày 20 tháng 6 năm 1974

TỈNH BẮC NINH

- 830 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN NGỌC**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: phường Vạn An, tp Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp tháng 1 năm 1951
Số bảng: NX 995 bp Quyết định số: 144/TTGa ngày 10 tháng 7 năm 1963
- 831 Liệt sĩ: **NGUYỄN HỮU YẾT**
Trung đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã An Thịnh, huyện Lương Tài, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 12 tháng 9 năm 1970
Số bảng: RL 877 bm Quyết định số: 315/TTg ngày 15 tháng 7 năm 1976
- 832 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN PHÙNG**
Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tân Lãng, huyện Lương Tài, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 2 tháng 5 năm 1968
Số bảng: AĐ 672 bm Quyết định số: 43/TTGa ngày 19 tháng 2 năm 1971
- 833 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN ĐẠO**
Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thanh Khương, huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước tháng 3 năm 1969
Số bảng: VD 022 bm Quyết định số: 211/TTGa ngày 29 tháng 3 năm 1977
- 834 Liệt sĩ: **NGUYỄN ĐỨC NĂM**
Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Chi Lăng, huyện Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp tháng 2 năm 1953
Số bảng: XL 132 kp Quyết định số: 53/TTg ngày 8 tháng 2 năm 1961
- 835 Liệt sĩ: **TRẦN ĐỨC TỶ**
Đại đội phó An ninh Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Mộ Đạo, huyện Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 29 tháng 8 năm 1949
Số bảng: LX 919 bp Quyết định số: 193/TTGa ngày 22 tháng 6 năm 1962

TỈNH AN GIANG

- 836 Liệt sĩ: **ĐẶNG VĂN BẢO**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Khánh Hòa, huyện Châu Phú, tỉnh An Giang, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 10 tháng 10 năm 1948
Số bảng: RC 715 bp Quyết định số: 1259/TTGa ngày 19 tháng 10 năm 1977
- 837 Liệt sĩ: **ĐẶNG VĂN NOI**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thường Thới Hậu, huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 28 tháng 5 năm 1968
Số bảng: 1AA 322 bm Quyết định số: 077/TTGa ngày 9 tháng 3 năm 1981
- 838 Liệt sĩ: **ĐÀO VĂN ỒI**
Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thạnh Mỹ Tây, huyện Châu Phú, tỉnh An Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 29 tháng 2 năm 1960
Số bảng: 9R 204 bm Quyết định số: 520/TTGa ngày 25 tháng 7 năm 1980

- 839 **Liệt sĩ: ĐÀO VĂN SẼN (DŨNG)**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã An Phú, huyện Tịnh Biên, tỉnh An Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 31 tháng 1 năm 1968
Số bằng: 5G 605 bm Quyết định số: 432/TTGa ngày 4 tháng 5 năm 1978
- 840 **Liệt sĩ: DƯƠNG THANH HƯƠNG**
Trung đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Khánh An, huyện Phú Châu, tỉnh An Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 20 tháng 3 năm 1969
Số bằng: 3U 999 bm Quyết định số: 1745/TTGa ngày 21 tháng 12 năm 1977
- 841 **Liệt sĩ: DƯƠNG VĂN DŨNG**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Mỹ Phú, huyện Châu Phú, tỉnh An Giang, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 24 tháng 3 năm 1988
Số bằng: CZ 765 bt Quyết định số: 74/CTKT ngày 19 tháng 3 năm 1991
- 842 **Liệt sĩ: DƯƠNG VĂN LỢI**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Khánh Hòa, huyện Châu Phú, tỉnh An Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước năm 1962
Số bằng: AP 771 bm Quyết định số: 140/CTKT ngày 17 tháng 4 năm 1985
- 843 **Liệt sĩ: HỒ THANH CAO**
Liên lạc huyện, Nguyên quán: xã Mỹ Đức, huyện Châu Phú, tỉnh An Giang, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 18 tháng 4 năm 1947
Số bằng: NC 280 cp Quyết định số: 432/TTGa ngày 4 tháng 5 năm 1978
- 844 **Liệt sĩ: HỒ VĂN DIỆU**
Bí thư xã, Nguyên quán: xã Bình Mỹ, huyện Châu Phú, tỉnh An Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 25 tháng 8 năm 1962
Số bằng: 1U 300 km Quyết định số: 1550/TTGa ngày 23 tháng 11 năm 1977
- 845 **Liệt sĩ: HUỖNH BÌNH**
Trung đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Phổ Văn, huyện Đức Phổ, tỉnh Nghĩa Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 30 tháng 6 năm 1968
Số bằng: 5D 144 bm Quyết định số: 481/TTGa ngày 18 tháng 5 năm 1978
- 846 **Liệt sĩ: HUỖNH SÁU**
Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Phổ Văn, huyện Đức Phổ, tỉnh Nghĩa Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 28 tháng 7 năm 1967
Số bằng: 1R 396 km Quyết định số: 1531/TTGa ngày 18 tháng 11 năm 1977
- 847 **Liệt sĩ: HUỖNH TẤN HƯNG**
Cán bộ mặt trận Việt Minh, Nguyên quán: xã Bình Long, huyện Châu Phú, tỉnh An Giang, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 29 tháng 6 năm 1946
Số bằng: 2AC 191cp Quyết định số: 251/CTKT ngày 8 tháng 9 năm 1982
- 848 **Liệt sĩ: HUỖNH VĂN ĐÁNG**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thới Sơn, huyện Bảy Núi, tỉnh An Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước tháng 11 năm 1966
Số bằng: 2Q 103 bm Quyết định số: 1027/TTGa ngày 19 tháng 9 năm 1977
- 849 **Liệt sĩ: HUỖNH VĂN TRUYỀN**
Thông tin viên xã, Nguyên quán: xã Thới Sơn, huyện Tịnh Biên, tỉnh An Giang, đã hy sinh trong

- cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 7 tháng 2 năm 1954
Số bằng: MM 892 kp Quyết định số: 564/TTGa ngày 16 tháng 12 năm 1976
- 850 Liệt sĩ: **HUỖNH VĂN TỶ**
Cán bộ kinh tài xã, Nguyên quán: xã Bình Long, huyện Châu Phú, tỉnh An Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 30 tháng 4 năm 1969
Số bằng: CD 087 km Quyết định số: 165/CTKT ngày 1 tháng 9 năm 1989
- 851 Liệt sĩ: **LÂM TẤN KHÔN (LONG)**
Trưởng Ban sản xuất Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Khánh Hòa, huyện Châu Phú, tỉnh An Giang, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 1 tháng 5 năm 1977
Số bằng: 1AB 768bt Quyết định số: 214/CTKT ngày 7 tháng 8 năm 1982
- 852 Liệt sĩ: **LÂM VĂN TRÌ**
Ban tuyên truyền xã, Nguyên quán: xã Khánh Hòa, huyện Châu Phú, tỉnh An Giang, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp tháng 3 năm 1947
Số bằng: IC 366 cp Quyết định số: 1259/TTGa ngày 19 tháng 10 năm 1977
- 853 Liệt sĩ: **LÂM VĂN TƯ**
Tiểu đội trưởng du kích, Nguyên quán: xã Thạnh Mỹ Tây, huyện Châu Phú, tỉnh An Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 26 tháng 8 năm 1967
Số bằng: PM 516 cm Quyết định số: 769/TTGa ngày 30 tháng 7 năm 1977
- 854 Liệt sĩ: **LÊ BÁ NGHIỆP**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Bình Thạnh Đông, huyện Phú Tân, tỉnh An Giang, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 31 tháng 3 năm 1986
Số bằng: BS 778 bt Quyết định số: 213/CTKT ngày 28 tháng 9 năm 1988
- 855 Liệt sĩ: **LÊ MINH HOÀNG**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thạnh Mỹ Tây, huyện Châu Phú, tỉnh An Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 3 tháng 3 năm 1963
Số bằng: 2A 360 bm Quyết định số: 1074/TTGa ngày 28 tháng 9 năm 1977
- 856 Liệt sĩ: **LÊ VĂN HUNG (HÙNG)**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Bình Mỹ, huyện Châu Phú, tỉnh An Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 24 tháng 10 năm 1965
Số bằng: 3U 989 bm Quyết định số: 1745/TTGa ngày 21 tháng 12 năm 1977
- 857 Liệt sĩ: **LÊ VĂN LẬP**
Trung đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Bình Mỹ, huyện Châu Phú, tỉnh An Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 30 tháng 10 năm 1965
Số bằng: 3U 990 bm Quyết định số: 1745/TTGa ngày 21 tháng 12 năm 1977
- 858 Liệt sĩ: **LÊ VĂN MỠ**
Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Thuận Yên, thị xã Hà Tiên, tỉnh Kiên Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 29 tháng 12 năm 1964
Số bằng: 2B 897 km Quyết định số: 1795/TTGa ngày 30 tháng 12 năm 1977
- 859 Liệt sĩ: **LÊ VĂN XUÂN**
Trung đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thạnh Mỹ Tây, huyện Châu Phú, tỉnh An Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 20 tháng 10 năm 1964
Số bằng: 8U 680 bm Quyết định số: 703/TTGa ngày 8 tháng 10 năm 1979

- 860 Liệt sĩ: **LƯƠNG VĂN HIỀN**
 Áp đội trưởng, Nguyên quán: xã Thạnh Mỹ Tây, huyện Châu Phú, tỉnh An Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 7 tháng 8 năm 1961
 Số bằng: OM 976 km Quyết định số: 738/TTGa ngày 15 tháng 7 năm 1977
- 861 Liệt sĩ: **MAI VĂN RIÀ**
 Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Bình Mỹ, huyện Châu Phú, tỉnh An Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước tháng 2 năm 1968
 Số bằng: 3L 237 bm Quyết định số: 1535/TTGa ngày 18 tháng 11 năm 1977
- 862 Liệt sĩ: **NGUYỄN HỒNG HẢI**
 Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thạnh Mỹ Tây, huyện Châu Phú, tỉnh An Giang, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 25 tháng 10 năm 1986
 Số bằng: CD 099 bt Quyết định số: 87/CTKT ngày 10 tháng 5 năm 1989
- 863 Liệt sĩ: **NGUYỄN NGỌC VÂN**
 Giao liên, Nguyên quán: , Campuchia, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 2 tháng 6 năm 1973
 Số bằng: O 915 cm Quyết định số: 319/CTKT ngày 14 tháng 9 năm 1983
- 864 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN AN**
 Chiến sĩ lực lượng vũ trang, Nguyên quán: xã Mỹ Long, huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước tháng 2 năm 1968
 Số bằng: DQ 377 cm Quyết định số: 205/TTGa ngày 6 tháng 4 năm 1995
- 865 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN BÓN**
 Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: Thị trấn Cái Dầu, huyện Châu Phú, tỉnh An Giang, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 18 tháng 7 năm 1989
 Số bằng: CU 067 bt Quyết định số: 117/CTKT ngày 11 tháng 4 năm 1991
- 866 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN CHÍNH**
 Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Vĩnh Tế, huyện Châu Phú, tỉnh An Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước tháng 2 năm 1967
 Số bằng: 1B 632 bm Quyết định số: 610/TTGa ngày 17 tháng 6 năm 1977
- 867 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN CHÍNH**
 Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Vĩnh tế, thị xã Châu Đốc, tỉnh An Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước tháng 2 năm 1967
 Số bằng: 1B 632 bm Quyết định số: 610/TTGa ngày 17 tháng 6 năm 1977
- 868 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN ĐẠI**
 Cán bộ kinh tài xã, Nguyên quán: xã Vọng Thê, huyện Huệ Đức, tỉnh An Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 19 tháng 3 năm 1965
 Số bằng: YM 180 km Quyết định số: 769/TTGa ngày 30 tháng 7 năm 1977
- 869 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN ĐÔI (BẢY XÍCH)**
 Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Khánh Hòa, huyện Châu Phú, tỉnh An Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 13 tháng 10 năm 1961
 Số bằng: 7V 800 bm Quyết định số: 165/TTGa ngày 28 tháng 2 năm 1979
- 870 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN HIỀN**
 Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Vĩnh Thạnh Trung, huyện Châu Phú, tỉnh An Giang, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 1 tháng 2 năm 1979

Số bảng: 9N 769 bt Quyết định số: 274/TTga ngày 18 tháng 4 năm 1980

- 871 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN HỒNG (TÂM)**
Chiến sĩ công an, Nguyên quán: xã Ba Chúc, huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 19 tháng 2 năm 1973
Số bảng: ĐV 296 cm Quyết định số: 19/TTg ngày 8 tháng 1 năm 1999
- 872 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN KHÁNH**
Trung đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Khánh Hòa, huyện Châu Phú, tỉnh An Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 2 tháng 6 năm 1961
Số bảng: 3P 410 bm Quyết định số: 1590/TTga ngày 25 tháng 11 năm 1977
- 873 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN NGHIỆP**
Thanh niên tiên phong, Nguyên quán: xã Bình Long, huyện Châu Phú, tỉnh An Giang, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 5 tháng 4 năm 1947
Số bảng: AU 438 kp Quyết định số: 331/CTKT ngày 28 tháng 8 năm 1985
- 874 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN RÓP**
Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Vĩnh Thạnh Trung, huyện Châu Phú, tỉnh An Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 8 tháng 8 năm 1965
Số bảng: PM 509 km Quyết định số: 769/TTga ngày 30 tháng 7 năm 1977
- 875 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN SANG**
Cán bộ xã, Nguyên quán: xã Thuận Yên, thị xã Hà Tiên, tỉnh Kiên Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 9 tháng 9 năm 1965
Số bảng: E 027 km Quyết định số: 22/CTKT ngày 20 tháng 1 năm 1983
- 876 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN SỬ**
Bí thư xã, Nguyên quán: xã An Nhơn, huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 14 tháng 9 năm 1964
Số bảng: N 252 km Quyết định số: 218/CTKT ngày 15 tháng 6 năm 1983
- 877 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN THANH**
Hạ sỹ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Khánh Hòa, huyện Châu Phú, tỉnh An Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 20 tháng 2 năm 1968
Số bảng: 2O 886 bm Quyết định số: 1259/TTga ngày 19 tháng 10 năm 1977
- 878 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN THANH**
Phó bí thư xã, Nguyên quán: xã Cô Tô, huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 20 tháng 2 năm 1970
Số bảng: YM 208 km Quyết định số: 769/TTga ngày 30 tháng 7 năm 1977
- 879 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN TIỀM**
Trưởng thông tin xã, Nguyên quán: xã Bình Thủy, huyện Châu Thành, tỉnh An Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước tháng 2 năm 1962
Số bảng: 1H 962 km Quyết định số: 1003/TTga ngày 12 tháng 9 năm 1977
- 880 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN TIỀM**
Bí thư xã, Nguyên quán: xã Vị Thủy, huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước năm 1957
Số bảng: 1Q 320 km
- 881 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN VĨNH**

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Bình Long, huyện Châu Phú, tỉnh An Giang, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 19 tháng 9 năm 1988
Số bằng: CL 752 bt Quyết định số: 41/CTKT ngày 9 tháng 3 năm 1991

- 882 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN SON**
Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã An Nông, huyện Tịnh Biên, tỉnh An Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 27 tháng 3 năm 1975
Số bằng: 2N 818 bm Quyết định số: 1269/TTga ngày 19 tháng 10 năm 1977
- 883 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN SON**
Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã An Nông, huyện Bảy Núi, tỉnh An Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 27 tháng 3 năm 1975
Số bằng: 2N 818 bm Quyết định số: 1269/TTga ngày 19 tháng 10 năm 1977
- 884 Liệt sĩ: **PHAN LÊ TRUNG**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Bình Mỹ, huyện Châu Phú, tỉnh An Giang, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 26 tháng 4 năm 1988
Số bằng: CL 767 bt Quyết định số: 41/CTKT ngày 9 tháng 3 năm 1991
- 885 Liệt sĩ: **PHAN THẾ HÙNG**
Thanh niên tiên phong xã, Nguyên quán: xã Bình Long, huyện Châu Phú, tỉnh An Giang, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 27 tháng 6 năm 1947
Số bằng: DU 522 kp Quyết định số: 463/TTg ngày 11 tháng 8 năm 1995
- 886 Liệt sĩ: **PHAN VĂN PHƯỚC**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Bình Mỹ, huyện Châu Phú, tỉnh An Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 20 tháng 8 năm 1963
Số bằng: 3U 993 bm Quyết định số: 1745/TTga ngày 21 tháng 12 năm 1977
- 887 Liệt sĩ: **TIÊU PHÚ ĐĂNG**
Ủy viên Kinh tế Tài chính tỉnh, Nguyên quán: xã An Phú, huyện Tịnh Biên, tỉnh An Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 18 tháng 8 năm 1970
Số bằng: 1I 479 cm Quyết định số: 1045/TTga ngày 21 tháng 9 năm 1977
- 888 Liệt sĩ: **TRẦN NGỌC CANG**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hưng Thạnh, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 17 tháng 10 năm 1967
Số bằng: 9I 334 bm Quyết định số: 108/TTga ngày 7 tháng 9 năm 1980
- 889 Liệt sĩ: **TRẦN PHÚ QUÝ**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thạnh Mỹ Tây, huyện Châu Phú, tỉnh An Giang, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 9 tháng 1 năm 1988
Số bằng: CP 504 bt Quyết định số: 76/CTKT ngày 19 tháng 3 năm 1991
- 890 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN SANG**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hưng Thạnh, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 3 tháng 6 năm 1968
Số bằng: 6R 177 bm Quyết định số: 1097/TTga ngày 27 tháng 9 năm 1978
- 891 Liệt sĩ: **VÕ TẤN THỰC**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Vĩnh Thạnh Trung, huyện Châu Phú, tỉnh An Giang, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 25 tháng 11 năm 1978
Số bằng: 9N 709 bt Quyết định số: 274/TTga ngày 18 tháng 4 năm 1980

- 892 Liệt sĩ: **VÕ THỊ CẨM HƯƠNG**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Vĩnh Nguơn, thị xã Châu Đốc, tỉnh An Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 9 tháng 11 năm 1971
Số bằng: 6H 014 bm Quyết định số: 870/TTga ngày 7 tháng 8 năm 1978
- 893 Liệt sĩ: **ĐẶNG VĂN RON**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Vĩnh Bình, huyện Châu Thành, tỉnh An Giang, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 9 tháng 4 năm 1986
Số bằng: BS 777 bt Quyết định số: 213/CTKT ngày 28 tháng 9 năm 1988
- 894 Liệt sĩ: **HUỖNH VĂN COI**
Xã đội phó, Nguyên quán: xã Hòa Bình Thạnh, huyện Châu Thành, tỉnh An Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước tháng 11 năm 1963
Số bằng: 1T 780 km Quyết định số: 1550/TTga ngày 23 tháng 11 năm 1977
- 895 Liệt sĩ: **HUỖNH VĂN ĐỆ**
Đội viên du kích, Nguyên quán: , Campuchia, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 26 tháng 10 năm 1968
Số bằng: 1T 772 km Quyết định số: 1550/TTga ngày 23 tháng 11 năm 1977
- 896 Liệt sĩ: **LÊ VĂN DŨNG**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Vĩnh Bình, huyện Châu Thành, tỉnh An Giang, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 30 tháng 7 năm 1987
Số bằng: DA 552 bt Quyết định số: 30/CTKT ngày 27 tháng 3 năm 1992
- 897 Liệt sĩ: **LÊ VĂN HỒNG**
Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Bình Hòa, huyện Châu Thành, tỉnh An Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 5 năm 1962
Số bằng: 1B 461 bm Quyết định số: 573/TTg ngày 13 tháng 6 năm 1977
- 898 Liệt sĩ: **MAI VĂN TIÊU**
Chiến sĩ trinh sát Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Vĩnh Bình, huyện Châu Thành, tỉnh An Giang, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 25 tháng 4 năm 1946
Số bằng: CD 215 bp Quyết định số: 134/CTKT ngày 12 tháng 7 năm 1989
- 899 Liệt sĩ: **NGUYỄN HỮU PHÚC**
Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Vĩnh Trạch, huyện Châu Thành, tỉnh An Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 7 năm 1962
Số bằng: 2M 224 km Quyết định số: 344/TTga ngày 5 tháng 4 năm 1978
- 900 Liệt sĩ: **NGUYỄN NGỌC ĐÌNH**
Đại đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Vĩnh Hanh, huyện Châu Thành, tỉnh An Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 8 tháng 4 năm 1970
Số bằng: 1K 799 bm Quyết định số: 738/TTga ngày 15 tháng 7 năm 1977
- 901 Liệt sĩ: **NGUYỄN NGỌC LƯỢNG**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Vĩnh Bình, huyện Châu Thành, tỉnh An Giang, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 6 tháng 1 năm 1989
Số bằng: CU 071 bt Quyết định số: 117/CTKT ngày 11 tháng 4 năm 1991
- 902 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN AN**
Chiến sĩ Ty công an, Nguyên quán: xã Bình Long, huyện Châu Phú, tỉnh An Giang, đã hy sinh

trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước tháng 10 năm 1966

Số bằng: 2P 656 cm Quyết định số: 432/TTGa ngày 4 tháng 5 năm 1978

903 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN NHÀN**

Bí thư xã, Nguyên quán: xã Bình Mỹ, huyện Châu Phú, tỉnh An Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 20 tháng 2 năm 1967

Số bằng: 1U 355 km Quyết định số: 1535/TTGa ngày 18 tháng 11 năm 1977

904 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN TÂN**

Ủy viên Quân sự liên xã, Nguyên quán: xã Bình Hòa, huyện Châu Thành, tỉnh An Giang, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 10 tháng 3 năm 1947

Số bằng: XM 636 kp Quyết định số: 738/TTGa ngày 15 tháng 7 năm 1977

905 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN THANH**

Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Vĩnh Nhuận, huyện Châu Thành, tỉnh An Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 28 tháng 3 năm 1964

Số bằng: 1A 989 km Quyết định số: 1003/TTGa ngày 12 tháng 9 năm 1977

906 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN VỊNH**

Tiểu đội trưởng du kích, Nguyên quán: xã Nhơn Mỹ, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 3 tháng 3 năm 1946

Số bằng: DU 278 kp Quyết định số: 488/TTg ngày 22 tháng 8 năm 1995

907 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN TAM**

Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Vĩnh Hanh, huyện Châu Thành, tỉnh An Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 9 tháng 8 năm 1971

Số bằng: 1K 820 bm Quyết định số: 738/TTGa ngày 15 tháng 7 năm 1977

908 Liệt sĩ: **PHAN THÀNH PHÁT**

Trung đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Vĩnh Nhuận, huyện Châu Thành, tỉnh An Giang, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 17 tháng 9 năm 1981

Số bằng: BD 369 bt Quyết định số: 64/CTKT ngày 4 tháng 1 năm 1987

909 Liệt sĩ: **PHAN VĂN TÂM**

Nhân viên Tình hội Việt kiều, Nguyên quán: , Campuchia, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 25 tháng 3 năm 1974

Số bằng: 4B 543 cm Quyết định số: 703/TTGa ngày 8 tháng 10 năm 1979

910 Liệt sĩ: **PHAN VĂN THIÊN**

Giao liên tình hội Việt kiều, Nguyên quán: xã Vĩnh Nhuận, huyện Châu Thành, tỉnh An Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 5 tháng 4 năm 1973

Số bằng: ĐR 526 cm Quyết định số: 478/TTg ngày 2 tháng 6 năm 1998

911 Liệt sĩ: **TRẦN THỊ KIM LỆ**

Cán bộ thương nghiệp huyện, Nguyên quán: thị trấn An Châu, huyện Châu Thành, tỉnh An Giang, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 30 tháng 4 năm 1978

Số bằng: AX 751 ct Quyết định số: 428/CTKT ngày 13 tháng 11 năm 1985

912 Liệt sĩ: **TRẦN THỊ MAI (LAN)**

Nhân viên Dân y tỉnh, Nguyên quán: , Campuchia, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 15 tháng 4 năm 1969

Số bằng: DA 550 cm Quyết định số: 30/CTKT ngày 27 tháng 3 năm 1992

- 913 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN DUỜNG**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Vĩnh Hanh, huyện Châu Thành, tỉnh An Giang, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 11 tháng 1 năm 1978
Số bằng: 5P 124 bt Quyết định số: 523/TTGa ngày 22 tháng 5 năm 1978
- 914 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN HOÀNG**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Vọng Thê, huyện Châu Thành, tỉnh An Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 30 tháng 4 năm 1968
Số bằng: 3Y 722 bm Quyết định số: 1782/TTGa ngày 28 tháng 12 năm 1977
- 915 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN KHA**
Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Vĩnh Nhuận, huyện Châu Thành, tỉnh An Giang, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 13 tháng 12 năm 1978
Số bằng: 4A 122 kt Quyết định số: 39/CTKT ngày 17 tháng 3 năm 1982
- 916 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN KHÁ**
Ban tổ chức phòng thương nghiệp huyện, Nguyên quán: xã Đường Đất, huyện Tịnh Biên, tỉnh An Giang, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 30 tháng 4 năm 1978
Số bằng: BE 742 ct Quyết định số: 224/CTKT ngày 8 tháng 3 năm 1986
- 917 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN LẠC**
Cán sự tỉnh hội Việt kiều, Nguyên quán: Kôthom, Kandal, Campuchia, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 25 tháng 11 năm 1973
Số bằng: 3Z 289 cm Quyết định số: 465/TTGa ngày 20 tháng 6 năm 1979
- 918 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN TÂN**
Trưởng trạm Ty tài chính tỉnh, Nguyên quán: xã Kiến An, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 6 năm 1970
Số bằng: 2G 688 cm Quyết định số: 224/TTGa ngày 10 tháng 3 năm 1978
- 919 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN THẮNG**
Đội viên du kích, Nguyên quán: , Campuchia, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 31 tháng 11 năm 1972
Số bằng: 1B 296 km Quyết định số: 1034/TTGa ngày 19 tháng 9 năm 1977
- 920 Liệt sĩ: **VÕ VĂN ĐỀ**
Đại đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Vĩnh Hanh, huyện Châu Thành, tỉnh An Giang, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 20 tháng 7 năm 1953
Số bằng: PC 651 bp Quyết định số: 950/TTGa ngày 29 tháng 8 năm 1977
- 921 Liệt sĩ: **TỪ HỒNG KỲ**
Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã An Phú, huyện Tịnh Biên, tỉnh An Giang, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 14 tháng 7 năm 1949
Số bằng: CD 213 bp Quyết định số: 134/CTKT ngày 12 tháng 7 năm 1989
- 922 Liệt sĩ: **HUỖNH VĂN ĐIỆP**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã An Phú, huyện Tịnh Biên, tỉnh An Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 11 tháng 4 năm 1967
Số bằng: 6U 516 bm Quyết định số: 1169/TTGa ngày 11 tháng 10 năm 1978
- 923 Liệt sĩ: **LÊ TÂN DŨNG**
Binh nhất Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã An Phú, huyện Tịnh Biên, tỉnh An Giang, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 27 tháng 7 năm 1978

Số bằng: 9N 778 bt Quyết định số: 274/TTg ngày 18 tháng 4 năm 1980

924 Liệt sĩ: **LÊ VĂN KHAI**

Đảng viên xã, Nguyên quán: xã An Phú, huyện Tịnh Biên, tỉnh An Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 7 tháng 4 năm 1969

Số bằng: CD 067 km Quyết định số: 165/CTKT ngày 1 tháng 9 năm 1989

925 Liệt sĩ: **LƯƠNG VĂN THỜI**

Cơ sở cách mạng, Nguyên quán: xã An Phú, huyện Tịnh Biên, tỉnh An Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 24 tháng 7 năm 1963

Số bằng: ĐV 286 cm Quyết định số: 19/QĐ-TTg ngày 8 tháng 1 năm 1999

926 Liệt sĩ: **NGUYỄN MINH HÙNG**

Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã An Phú, huyện Tịnh Biên, tỉnh An Giang, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 21 tháng 3 năm 1987

Số bằng: CD 107 bt Quyết định số: 87/CTKT ngày 16 tháng 5 năm 1989

927 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN KHÓA**

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã An Phú, huyện Tịnh Biên, tỉnh An Giang, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 6 tháng 2 năm 1988

Số bằng: C2 575 bt Quyết định số: 210/CTKT ngày 10 tháng 11 năm 1990

928 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN SỸ**

Cán bộ Ban an ninh tỉnh, Nguyên quán: xã An Phú, huyện Tịnh Biên, tỉnh An Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 13 tháng 4 năm 1970

Số bằng: 1M 961 cm Quyết định số: 1268/TTg ngày 19 tháng 10 năm 1977

929 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN TIỀN**

Trung đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã An Phú, huyện Tịnh Biên, tỉnh An Giang, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 19 tháng 1 năm 1980

Số bằng: 9R 222 bt Quyết định số: 520/TTg ngày 25 tháng 7 năm 1980

930 Liệt sĩ: **PHAN VĂN XINH**

Phó bí thư xã, Nguyên quán: xã An Phú, huyện Tịnh Biên, tỉnh An Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 19 tháng 1 năm 1966

Số bằng: 2U 962 km Quyết định số: 549/TTg ngày 24 tháng 5 năm 1978

931 Liệt sĩ: **CAO VĂN CUỘI**

Trưởng Công an xã, Nguyên quán: xã Thới Sơn, huyện Tịnh Biên, tỉnh An Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 15 tháng 2 năm 1966

Số bằng: 1Z 395 km Quyết định số: 1653/TTga ngày 7 tháng 12 năm 1977

932 Liệt sĩ: **CHAU ÂY**

Đội viên du kích, Nguyên quán: xã An Tức, huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 3 năm 1967

Số bằng: 3L 135 km Quyết định số: 296/TTga ngày 22 tháng 3 năm 1978

933 Liệt sĩ: **CHAU GIÀO**

Huyện ủy viên, Nguyên quán: huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 3 tháng 10 năm 1972

Số bằng: 3R 504 cm Quyết định số: 05/TTga ngày 3 tháng 1 năm 1979

934 Liệt sĩ: **CHAU MÔN**

Đội viên du kích , Nguyên quán: xã Vĩnh Trung, huyện Tịnh Biên, tỉnh An Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 15 tháng 9 năm 1967
Số bằng: 3L 885 km Quyết định số: 05/TTGa ngày 3 tháng 1 năm 1979 .

935 Liệt sĩ: **CHAU QUI**

Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã An Cư, huyện Bảy Núi, tỉnh An Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 5 tháng 5 năm 1968
Số bằng: 5G 613 bm Quyết định số: 432/QĐ-TTga ngày 4 tháng 5 năm 1978

936 Liệt sĩ: **CHAU SOIL**

Chiến sỹ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Cô Tô, huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước năm 1970
Số bằng: EE 818 bm Quyết định số: 344/QĐ-TTga ngày 26 tháng 4 năm 2000

937 Liệt sĩ: **CHAU SON**

Tiểu đội trưởng du kích, Nguyên quán: xã An Nông, huyện Tịnh Biên, tỉnh An Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 1 tháng 1 năm 1965
Số bằng: 5P 184 km Quyết định số: 549/QĐ-TTga ngày 24 tháng 5 năm 1978

938 Liệt sĩ: **ĐỖ VĂN SÓ**

Hạ sỹ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã An Phú, huyện Tịnh Biên, tỉnh An Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 17 tháng 12 năm 1969
Số bằng: 2Q 161 bm Quyết định số: 1027/TTga ngày 19 tháng 9 năm 1977

939 Liệt sĩ: **DƯƠNG VĂN CHÓN**

Cán bộ ủy ban nhân dân huyện, Nguyên quán: xã Thới Sơn, huyện Tịnh Biên, tỉnh An Giang, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc tháng 5 năm 1951
Số bằng: MM 870 ct Quyết định số: 564/TTga ngày 16 tháng 12 năm 1976

940 Liệt sĩ: **HÀ XUÂN HUY**

Trung sỹ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã An Phú, huyện Tịnh Biên, tỉnh An Giang, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 18 tháng 8 năm 1979
Số bằng: 1AA 299 bt Quyết định số: 077/TTg ngày 9 tháng 3 năm 1981

941 Liệt sĩ: **HỒ MINH ĐƯỜNG**

Ủy viên thường vụ huyện, Nguyên quán: xã An Phú, huyện Tịnh Biên, tỉnh An Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 17 tháng 9 năm 1957
Số bằng: 3L 567 cm Quyết định số: 1176/TTga ngày 13 tháng 10 năm 1978

942 Liệt sĩ: **HỨA VĂN ĐÚNG**

Trung sỹ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã An Nông, huyện Tịnh Biên, tỉnh An Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 22 tháng 3 năm 1970
Số bằng: 1V 320 bm Quyết định số: 952/TTga ngày 29 tháng 8 năm 1977

943 Liệt sĩ: **HỨA VĂN NÊN**

Đội viên du kích , Nguyên quán: xã An Nông, huyện Tịnh Biên, tỉnh An Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 25 tháng 8 năm 1966
Số bằng: 3R 340 km Quyết định số: 512/TTga ngày 9 tháng 7 năm 1979

944 Liệt sĩ: **HUYỀNH VĂN BE**

Thông tin viên xã, Nguyên quán: xã Kế An, huyện Kế Sách, tỉnh Hậu Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 28 tháng 2 năm 1963
Số bằng: 6N 754 km Quyết định số: 117/CTKT ngày 19 tháng 5 năm 1982

- 945 **Liệt sĩ: HUỖNH VĂN BÊ**
Đại đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã An Phú, huyện Tịnh Biên, tỉnh An Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 7 tháng 5 năm 1972
Số bằng: 1V 302 bm Quyết định số: 152/TTga ngày 29 tháng 8 năm 1977
- 946 **Liệt sĩ: HUỖNH VĂN DỄ**
Xã đội phó, Nguyên quán: xã An Nông, huyện Tịnh Biên, tỉnh An Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 20 tháng 12 năm 1969
Số bằng: 2B 912 km Quyết định số: 1795/TTga ngày 30 tháng 12 năm 1977
- 947 **Liệt sĩ: HUỖNH VĂN LIÊU**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã An Phú, huyện Tịnh Biên, tỉnh An Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 4 tháng 10 năm 1964
Số bằng: 2A 802 bm Quyết định số: 1064/TTg ngày 28 tháng 9 năm 1977
- 948 **Liệt sĩ: HUỖNH VĂN MÁCH**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã An Phú, huyện Tịnh Biên, tỉnh An Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 5 năm 1970
Số bằng: 2Q 145 bm Quyết định số: 1027/TTg ngày 19 tháng 9 năm 1977
- 949 **Liệt sĩ: HUỖNH VĂN NHIÊU**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã An Phú, huyện Tịnh Biên, tỉnh An Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 16 tháng 7 năm 1967
Số bằng: 1B 862 bm Quyết định số: 653/TTg ngày 28 tháng 6 năm 1977
- 950 **Liệt sĩ: HUỖNH VĂN TRƯỜNG**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã An Phú, huyện Tịnh Biên, tỉnh An Giang, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 15 tháng 1 năm 1978
Số bằng: 9N 705 bt Quyết định số: 274/TTga ngày 18 tháng 4 năm 1980
- 951 **Liệt sĩ: LÂM QUANG ĐẠM**
Đội viên du kích, Nguyên quán: xã An Phú, huyện Tịnh Biên, tỉnh An Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 5 tháng 8 năm 1969
Số bằng: 1L 004 km Quyết định số: 1268/TTga ngày 19 tháng 10 năm 1977
- 952 **Liệt sĩ: LÊ CÔNG BỬU**
Trung đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã An Nông, huyện Tịnh Biên, tỉnh An Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 15 tháng 11 năm 1965
Số bằng: 5P 106 bm Quyết định số: 523/TTga ngày 22 tháng 5 năm 1978
- 953 **Liệt sĩ: LÊ MINH MẮN**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã An Phú, huyện Tịnh Biên, tỉnh An Giang, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 11 tháng 4 năm 1986
Số bằng: CD 157 bt Quyết định số: 87/CTKT ngày 10 tháng 5 năm 1989
- 954 **Liệt sĩ: LÊ MINH TÂM**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã An Nông, huyện Tịnh Biên, tỉnh An Giang, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 3 tháng 4 năm 1976
Số bằng: 6H 034 bt Quyết định số: 870/TTga ngày 7 tháng 8 năm 1978
- 955 **Liệt sĩ: LÊ TẤN THÀNH**
Đội viên du kích, Nguyên quán: xã An Nông, huyện Tịnh Biên, tỉnh An Giang, đã hy sinh vì sự

ngành xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 18 tháng 11 năm 1978
Số bằng: 3P 875 kt Quyết định số: 465/TTga ngày 20 tháng 6 năm 1979

- 956 Liệt sĩ: **LÊ VĂN BÀI**
Tự vệ xã, Nguyên quán: xã Thới Sơn, huyện Tịnh Biên, tỉnh An Giang, đã hy sinh trong cuộc
kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 19 tháng 9 năm 1948
Số bằng: BM 872 kp Quyết định số: 564/TTga ngày 16 tháng 12 năm 1976
- 957 Liệt sĩ: **LÊ VĂN BÁNH**
Đội viên du kích, Nguyên quán: xã An Phú, huyện Tịnh Biên, tỉnh An Giang, đã hy sinh trong
sự nghiệp chống Mỹ cứu nước năm 1961
Số bằng: AM 282 km Quyết định số: 53/CTKT ngày 20 tháng 2 năm 1985
- 958 Liệt sĩ: **LÊ VĂN ĐUẢ**
Nhân viên bảo vệ văn phòng huyện ủy, Nguyên quán: xã Thới Sơn, huyện Tịnh Biên, tỉnh An
Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 20 tháng 1 năm 1972
Số bằng: 2A 655 cm Quyết định số: 1782/TTga ngày 28 tháng 12 năm 1977
- 959 Liệt sĩ: **LÊ VĂN HIỆP**
Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thới Sơn, huyện Tịnh Biên,
tỉnh An Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 15 tháng 12 năm 1963
Số bằng: 2N 853 bm Quyết định số: 1269/TTga ngày 19 tháng 10 năm 1977
- 960 Liệt sĩ: **LÊ VĂN HÒA**
Nhân viên bảo vệ Đảng bộ Việt kiều, Nguyên quán: xã Nhơn Hội, huyện Phú Châu, tỉnh An Giang,
đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 15 tháng 4 năm 1971
Số bằng: AI 268 cm Quyết định số: 346/CTKT ngày 17 tháng 10 năm 1984
- 961 Liệt sĩ: **LÊ VĂN LỢI**
Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Vĩnh Trung, huyện Tịnh Biên, tỉnh An Giang, đã hy sinh
trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 12 tháng 12 năm 1967
Số bằng: 1T 835 km Quyết định số: 1535/TTga ngày 18 tháng 11 năm 1977
- 962 Liệt sĩ: **LÊ VĂN PHẤN**
xã ủy Viên, Nguyên quán: xã An Phú, huyện Tịnh Biên, tỉnh An Giang, đã hy sinh trong sự
nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 24 tháng 2 năm 1965
Số bằng: MM 895 km Quyết định số: 564/TTga ngày 16 tháng 12 năm 1976
- 963 Liệt sĩ: **LÊ VĂN PHỤM**
Hội viên Chi hội Việt kiều xã, Nguyên quán: xã Nhơn Hội, huyện Phú Châu, tỉnh An Giang, đã
hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 15 tháng 5 năm 1971
Số bằng: DU 556 km Quyết định số: 463/TTg ngày 11 tháng 8 năm 1995
- 964 Liệt sĩ: **LÊ VĂN PHƯỚC**
Hạ sỹ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã An Hào, huyện Tịnh Biên, tỉnh An Giang, đã
hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 14 tháng 12 năm 1986
Số bằng: CD 190 bt Quyết định số: 87/CTKT ngày 10 tháng 5 năm 1989
- 965 Liệt sĩ: **LÊ VĂN TÙNG**
Ban cán sự xã, Nguyên quán: xã Vĩnh Trung, huyện Tịnh Biên, tỉnh An Giang, đã hy sinh trong
sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 27 tháng 7 năm 1966
Số bằng: BP 177 km Quyết định số: 265/CTKT ngày 4 tháng 10 năm 1987

- 966 Liệt sĩ: **LƯƠNG VĂN THIẾT (TÂM)**
 Trung đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Xuân Tô, huyện Tịnh Biên, tỉnh An Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 11 tháng 4 năm 1970
 Số bằng: 1B 902 bm Quyết định số: 653/TTga ngày 28 tháng 6 năm 1977
- 967 Liệt sĩ: **LƯU VĂN NHI**
 Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thới Sơn, huyện Tịnh Biên, tỉnh An Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 12 tháng 3 năm 1968
 Số bằng: TĐ 465 bm Quyết định số: 564/TTga ngày 13 tháng 12 năm 1976
- 968 Liệt sĩ: **LÝ THỊ NY**
 Y tá xã, Nguyên quán: xã An Phú, huyện Tịnh Biên, tỉnh An Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 8 tháng 9 năm 1969
 Số bằng: E 029 km Quyết định số: 022/CTKT ngày 1 tháng 1 năm 1983
- 969 Liệt sĩ: **MAI VĂN BÉ TƯ**
 Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nhơn Hưng, huyện Tịnh Biên, tỉnh An Giang, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 25 tháng 1 năm 1986
 Số bằng: BS 794 bt Quyết định số: 213/CTKT ngày 28 tháng 9 năm 1988
- 970 Liệt sĩ: **NGÔ VĂN THẾ**
 Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã An Phú, huyện Tịnh Biên, tỉnh An Giang, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 2 tháng 9 năm 1985
 Số bằng: AX 731 bt Quyết định số: 428/CTKT ngày 13 tháng 11 năm 1985
- 971 Liệt sĩ: **NGUYỄN ĐOÀN BỘ**
 Chủ tịch ủy ban hành chính kháng chiến xã, Nguyên quán: xã Cô Tô, huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 22 tháng 1 năm 1946
 Số bằng: AX 740 kp Quyết định số: 428/CTKT ngày 13 tháng 11 năm 1985
- 972 Liệt sĩ: **NGUYỄN THỊ SẾ**
 Cấp dưỡng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã An Nông, huyện Tịnh Biên, tỉnh An Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 13 tháng 10 năm 1971
 Số bằng: CP 665 bm Quyết định số: 55/CTKT ngày 12 tháng 3 năm 1991
- 973 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN BÀNH**
 Xã đội trưởng, Nguyên quán: xã An Nông, huyện Tịnh Biên, tỉnh An Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước tháng 9 năm 1972
 Số bằng: 3L 858 km Quyết định số: 05/TTga ngày 3 tháng 1 năm 1979
- 974 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN ĐƠN**
 Đội viên du kích, Nguyên quán: xã An Nông, huyện Tịnh Biên, tỉnh An Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước tháng 10 năm 1967
 Số bằng: 3L 866 km Quyết định số: 05/TTga ngày 3 tháng 1 năm 1979
- 975 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN DŨNG**
 Xã đội phó, Nguyên quán: xã Nhơn Hội, huyện Phú Châu, tỉnh An Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 24 tháng 12 năm 1969
 Số bằng: DM 701 km Quyết định số: 789/TTg ngày 1 tháng 7 năm 1977
- 976 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN EM**
 Đại đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 21 tháng 10 năm 1973

Số bằng: 2A 782 bm Quyết định số: 1064/TTga ngày 28 tháng 9 năm 1977

977 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN GÁM**

Thượng sỹ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Xuân Tô, huyện Tịnh Biên, tỉnh Bền Tre, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 20 tháng 7 năm 1969
Số bằng: 2A 731 bm Quyết định số: 1064/TTga ngày 28 tháng 9 năm 1977

978 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN HIẾN (HỒ)**

Trung sỹ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: thị trấn Tri Tôn, huyện Bảy Núi, tỉnh An Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 6 tháng 5 năm 1968
Số bằng: 4U 792 bm Quyết định số: 224/TTga ngày 10 tháng 3 năm 1978

979 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN KHAI**

Thượng sỹ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã An Cư, huyện Tịnh Biên, tỉnh An Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 25 tháng 10 năm 1964
Số bằng: 2N 896 bm Quyết định số: 2269/TTga ngày 19 tháng 10 năm 1977

980 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN KIẾN (TIẾN)**

Trung sỹ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã An Nông, huyện Tịnh Biên, tỉnh An Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 5 tháng 10 năm 1972
Số bằng: 1B 473 bm Quyết định số: 573/TTga ngày 13 tháng 6 năm 1977

981 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN LÂM**

Thượng sỹ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã An Phú, huyện Tịnh Biên, tỉnh An Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 11 năm 1969
Số bằng: 1AA 308 bm Quyết định số: 77/TTga ngày 9 tháng 3 năm 1981

982 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN LỘC**

Ủy viên Công An, Nguyên quán: xã Vĩnh Trung, huyện Tịnh Biên, tỉnh An Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 2 tháng 11 năm 1963
Số bằng: 3L 572 cm Quyết định số: 1176/TTga ngày 14 tháng 9 năm 1982

983 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN QUANG (SON)**

Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Thới Sơn, huyện Tịnh Biên, tỉnh An Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 26 tháng 10 năm 1961
Số bằng: BM 876 km Quyết định số: 564/TTga ngày 16 tháng 12 năm 1976

984 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN SÓC**

Đội viên du kích, Nguyên quán: xã An Phú, huyện Tịnh Biên, tỉnh An Giang, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 19 tháng 4 năm 1977
Số bằng: 2G 410 kt Quyết định số: 224/TTga ngày 10 tháng 3 năm 1978

985 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN SƠN**

Hạ sỹ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã An Phú, huyện Tịnh Biên, tỉnh An Giang, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 16 tháng 7 năm 1987
Số bằng: CP 541 bt Quyết định số: 76/CTKT ngày 19 tháng 3 năm 1991

986 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN SỸ**

Xã đội trưởng, Nguyên quán: xã An Phú, huyện Tịnh Biên, tỉnh An Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 30 tháng 6 năm 1969
Số bằng: 3P 862 km Quyết định số: 465/TTga ngày 20 tháng 6 năm 1979

987 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN THẮNG**

- Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Vĩnh Trung, huyện Tịnh Biên, tỉnh An Giang, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 25 tháng 11 năm 1975
Số bằng: 9N 708 bt Quyết định số: 274/TTGa ngày 18 tháng 4 năm 1980
- 988 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN THÀNH**
Trung đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã An Phú, huyện Tịnh Biên, tỉnh An Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 7 tháng 5 năm 1967
Số bằng: 6R 906 bm Quyết định số: 1104/TTGa ngày 30 tháng 9 năm 1978
- 989 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN THẢO**
Trung úy Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã An Phú, huyện Tịnh Biên, tỉnh An Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 23 tháng 8 năm 1967
Số bằng: MM 087bm Quyết định số: 564/TTGa ngày 16 tháng 12 năm 1976
- 990 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN THUỘC**
Nhân viên văn phòng huyện ủy, Nguyên quán: xã An Nông, huyện Tịnh Biên, tỉnh An Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước tháng 3 năm 1971
Số bằng: CU 025 cm Quyết định số: 117/CTKT ngày 11 tháng 4 năm 1991
- 991 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN TỶ**
Đội viên du kích, Nguyên quán: xã An Phú, huyện Tịnh Biên, tỉnh An Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 24 tháng 3 năm 1968
Số bằng: 2N 848 km Quyết định số: 432/TTGa ngày 4 tháng 5 năm 1978
- 992 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN NGƯU**
Chiến sỹ thanh niên tiên phong tinh, Nguyên quán: xã Nhơn Hưng, huyện Tịnh Biên, tỉnh An Giang, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 16 tháng 12 năm 1945
Số bằng: DV 023 cp Quyết định số: 19/TTg ngày 9 tháng 1 năm 1999
- 993 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN SON (SON)**
Trung đội Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: Xã An Phú, huyện Tịnh Biên, tỉnh An Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 7 năm 1969
Số bằng: 1B 576 bm Quyết định số: 610/TTGa ngày 28 tháng 12 năm 1977
- 994 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN XUÂN (S THỢ)**
Thượng sỹ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thới Sơn, huyện Tịnh Biên, tỉnh An Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 9 tháng 10 năm 1964
Số bằng: EC 466 bm Quyết định số: 578/TTGa ngày 13 tháng 6 năm 1977
- 995 Liệt sĩ: **PHAN VĂN TUẤN**
Hạ sỹ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thới Sơn, huyện Tịnh Biên, tỉnh An Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 25 tháng 2 năm 1963
Số bằng: 6V 223 bm Quyết định số: 1176/TTGa ngày 13 tháng 10 năm 1978
- 996 Liệt sĩ: **QUÁCH VĂN AO**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nhơn Hội, huyện Phú Châu, tỉnh An Giang, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 16 tháng 12 năm 1977
Số bằng: 7E 001 bt Quyết định số: 1330/TTGa ngày 24 tháng 11 năm 1978
- 997 Liệt sĩ: **TẶNG VĂN SỚT**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã An Phú, huyện Tịnh Biên, tỉnh An Giang, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 18 tháng 6 năm 1986
Số bằng: CD 123 bt Quyết định số: 87/CTKT ngày 10 tháng 5 năm 1989

- 998 Liệt sĩ: **TRẦN THỊ KIM GIÁC**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: Xã An Phú, huyện Tịnh Biên, tỉnh An Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 12 năm 1965
Số bằng: 1B 837 bm Quyết định số: 653/TTg ngày 28 tháng 6 năm 1977
- 999 Liệt sĩ: **TRẦN THỊ LIÊN**
Trung sỹ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã An Nông, huyện Tịnh Biên, tỉnh An Giang, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 7 tháng 10 năm 1951
Số bằng: PC 654 bp Quyết định số: 950/TTga ngày 29 tháng 8 năm 1977
- 1000 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN ÁT**
Thượng sỹ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Vĩnh Tế, huyện Châu Phú, tỉnh An Giang, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 9 tháng 5 năm 1950
Số bằng: 1RC 123bp Quyết định số: 1465/TTga ngày 22 tháng 12 năm 1978
- 1001 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN LỆ (LÊ)**
Trung đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Vĩnh Trung, huyện Tịnh Biên, tỉnh An Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 9 tháng 9 năm 1964
Số bằng: 5P 154 bm Quyết định số: 523/TTga ngày 22 tháng 5 năm 1978
- 1002 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN MÍT**
Thượng sỹ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Vĩnh Trung, huyện Tịnh Biên, tỉnh An Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 1 tháng 10 năm 1961
Số bằng: 1AA 321 bm Quyết định số: 077/TTga ngày 9 tháng 3 năm 1981
- 1003 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN NGHỆ**
Chiến sỹ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Vĩnh Trung, huyện Tịnh Biên, tỉnh An Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 20 tháng 3 năm 1963
Số bằng: 9E 411 bm Quyết định số: 915/TTga ngày 31 tháng 12 năm 1979
- 1004 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN NHUẬN**
Trung sỹ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã An Phú, huyện Tịnh Biên, tỉnh An Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 4 tháng 5 năm 1968
Số bằng: 2Q 190 bm Quyết định số: 1027/TTga ngày 19 tháng 9 năm 1977
- 1005 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN SIÊU**
Đoàn thanh niên xã, Nguyên quán: xã Vĩnh Trung, huyện Tịnh Biên, tỉnh An Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 4 năm 1975
Số bằng: ĐV 239 km Quyết định số: 19/QĐ-TTg ngày 8 tháng 1 năm 1999
- 1006 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN TOL**
Trình sát Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Vĩnh Trung, huyện Tịnh Biên, tỉnh An Giang, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 18 tháng 1 năm 1986
Số bằng: BS 795 bt Quyết định số: 213/CTKT ngày 28 tháng 9 năm 1988
- 1007 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN TỶ**
Thượng sỹ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Vĩnh Tế, huyện Châu Phú, tỉnh An Giang, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 9 tháng 5 năm 1950
Số bằng: CU 041 bp Quyết định số: 117/CTKT ngày 7 tháng 12 năm 1977
- 1008 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN VINH (KIÊN)**
Thượng sỹ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã An Nông, huyện Tịnh Biên, tỉnh An

Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 16 tháng 4 năm 1964
Số bằng: 7E 050 bm Quyết định số: 1330/TTGa ngày 24 tháng 11 năm 1978

- 1009 Liệt sĩ: **TRINH VĂN BÉ**
Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã An Nông, huyện Tịnh Biên, tỉnh An Giang, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 22 tháng 11 năm 1977
Số bằng: 9N 789 bt Quyết định số: 274/TTGa ngày 18 tháng 4 năm 1980
- 1010 Liệt sĩ: **TRINH VĂN TUỐT**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã An Nông, huyện Tịnh Biên, tỉnh An Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 15 tháng 9 năm 1968
Số bằng: 2A 757 bm Quyết định số: 1064/TTGa ngày 28 tháng 9 năm 1977
- 1011 Liệt sĩ: **TRƯƠNG VĂN BÌNH**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã An Nông, huyện Tịnh Biên, tỉnh An Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 21 tháng 4 năm 1973
Số bằng: 4U 789 bm Quyết định số: 870/TTGa ngày 10 tháng 3 năm 1978
- 1012 Liệt sĩ: **TRƯƠNG VĂN ONG (ÔNG)**
Giao liên xã, Nguyên quán: thị trấn Chi Lăng, huyện Tịnh Biên, tỉnh An Giang, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 12 tháng 3 năm 1947
Số bằng: IC 334 kt Quyết định số: 1270/TTGa ngày 19 tháng 10 năm 1977
- 1013 Liệt sĩ: **TRƯƠNG VĂN TÌNH (VIỆT)**
Cán bộ thông tin khu 2, Nguyên quán: xã An Nông, huyện Tịnh Biên, tỉnh An Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 01 tháng 2 năm 1968
Số bằng: 1Z 938 cm Quyết định số: 1034/TTGa ngày 19 tháng 8 năm 1977
- 1014 Liệt sĩ: **TỪ VĂN TÔN**
Bí thư xã, Nguyên quán: xã An Cư, huyện Tịnh Biên, tỉnh An Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 23 tháng 1 năm 1964
Số bằng: 1M 964 km Quyết định số: 1268/TTGa ngày 19 tháng 10 năm 1977
- 1015 Liệt sĩ: **VÕ VĂN SƯỞNG**
Giao liên xã, Nguyên quán: xã An Phú, huyện Tịnh Biên, tỉnh An Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 2 tháng 2 năm 1970
Số bằng: ĐC 450 km Quyết định số: 784/TTG ngày 30 tháng 7 năm 1977
- 1016 Liệt sĩ: **CHAU PHANE (PHAN)**
Đội viên du kích, Nguyên quán: xã An Tức, huyện Bảy Núi, tỉnh An Giang, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 22 tháng 2 năm 1977
Số bằng: 3H 528 kt Quyết định số: 165/TTGa ngày 28 tháng 2 năm 1979
- 1017 Liệt sĩ: **CHAU BẠC (SANG)**
Bí thư xã, Nguyên quán: xã An Tức, huyện Bảy Núi, tỉnh An Giang, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 22 tháng 2 năm 1977
Số bằng: 3U 454 kt Quyết định số: 165/TTGa ngày 28 tháng 2 năm 1979
- 1018 Liệt sĩ: **CHAU CANH**
Cán bộ xã, Nguyên quán: xã An Ninh, huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 15 tháng 6 năm 1967
Số bằng: 1Z 393 km Quyết định số: 1653/TTGa ngày 7 tháng 12 năm 1977

- 1019 **Liệt sĩ: CHAU CHRÊCH**
 Tiểu đội trưởng du kích, Nguyên quán: xã An Tức, huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 27 tháng 10 năm 1963
 Số bằng: 1L 194 km Quyết định số: 1270/TTGa ngày 19 tháng 10 năm 1977
- 1020 **Liệt sĩ: CHAU CHUNE**
 Cán bộ binh vận xã, Nguyên quán: xã An Ninh, huyện Bảy Núi, tỉnh An Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 6 tháng 7 năm 1970
 Số bằng: BE 730 km Quyết định số: 224/CTKT ngày 13 tháng 8 năm 1986
- 1021 **Liệt sĩ: CHAU DOL**
 Đội viên du kích, Nguyên quán: xã An Ninh, huyện Bảy Núi, tỉnh An Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 28 tháng 12 năm 1960
 Số bằng: 2B 901 km Quyết định số: 1795/TTGa ngày 30 tháng 12 năm 1977
- 1022 **Liệt sĩ: CHAU HÔNE**
 Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Ô Lâm, huyện Bảy Núi, tỉnh An Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước tháng 8 năm 1966
 Số bằng: 8K 150 bm Quyết định số: 397/TTGa ngày 11 tháng 6 năm 1979
- 1023 **Liệt sĩ: CHAU HUỐC**
 Trưởng công an xã, Nguyên quán: thị trấn Ba Chúc, huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 10 tháng 12 năm 1977
 Số bằng: BE 743 kt Quyết định số: 224/CTKT ngày 13 tháng 8 năm 1986
- 1024 **Liệt sĩ: CHAU NGHÉT**
 Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Lương Phi, huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 15 tháng 7 năm 1967
 Số bằng: 7E 029 bm Quyết định số: 1330/TTGa ngày 24 tháng 11 năm 1978
- 1025 **Liệt sĩ: CHAU NGÓK**
 Bí thư xã, Nguyên quán: xã An Tức, huyện Bảy Núi, tỉnh An Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 20 tháng 5 năm 1967
 Số bằng: 1M 891 km Quyết định số: 1268/TTGa ngày 19 tháng 10 năm 1977
- 1026 **Liệt sĩ: CHAU NHƯM**
 Bí thư xã, Nguyên quán: xã An Tức, huyện Bảy Núi, tỉnh An Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 19 tháng 5 năm 1962
 Số bằng: 3O 604 km Quyết định số: 1330/TTGa ngày 24 tháng 11 năm 1978
- 1027 **Liệt sĩ: CHAU RY**
 Đội viên du kích, Nguyên quán: xã An Ninh, huyện Bảy Núi, tỉnh An Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 5 tháng 10 năm 1968
 Số bằng: 1L 023 km Quyết định số: 1268/TTGa ngày 19 tháng 10 năm 1977
- 1028 **Liệt sĩ: CHAU SE**
 Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã An Tức, huyện Bảy Núi, tỉnh An Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 30 tháng 4 năm 1972
 Số bằng: 2L 855 bm Quyết định số: 296/TTGa ngày 22 tháng 3 năm 1978
- 1029 **Liệt sĩ: CHAU SETH**
 Tiểu đội trưởng du kích, Nguyên quán: xã An Tức, huyện Bảy Núi, tỉnh An Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 29 tháng 3 năm 1968

Số bằng: 1L 005 km Quyết định số: 1268/TTGa ngày 19 tháng 10 năm 1977

1030 Liệt sĩ: **CHAU SƯƠNG**

Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Lương Phi, huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 3 tháng 6 năm 1970
Số bằng: 1B 580 bm Quyết định số: 610/TTGa ngày 17 tháng 6 năm 1977

1031 Liệt sĩ: **ĐINH VĂN BA**

Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: thị trấn Ba Chúc, huyện Bảy Núi, tỉnh An Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 20 tháng 8 năm 1971
Số bằng: 2N 814 bm Quyết định số: 1269/TTGa ngày 19 tháng 10 năm 1977

1032 Liệt sĩ: **ĐỒNG VĂN PHẢI**

Phó ban binh vận xã, Nguyên quán: thị trấn Ba Chúc, huyện Bảy Núi, tỉnh An Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 27 tháng 5 năm 1969
Số bằng: 2N 419 km Quyết định số: 344/TTGa ngày 5 tháng 4 năm 1978

1033 Liệt sĩ: **DƯƠNG VĂN LONG**

Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: thị trấn Ba Chúc, huyện Tịnh Biên, tỉnh An Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 25 tháng 10 năm 1965
Số bằng: 5G 637 bm Quyết định số: 432/TTGa ngày 4 tháng 5 năm 1978

1034 Liệt sĩ: **HỒ VĂN MẠNH**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: thị trấn Ba Chúc, huyện Tịnh Biên, tỉnh An Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 12 tháng 3 năm 1968
Số bằng: 1B 853 bm Quyết định số: 653/TTGa ngày 28 tháng 6 năm 1977

1035 Liệt sĩ: **LÂM VĂN THIẾT**

Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Lương Phi, thị trấn Tri Tôn, tỉnh An Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 6 tháng 5 năm 1969
Số bằng: LM 488 km Quyết định số: 559/TTGa ngày 13 tháng 6 năm 1977

1036 Liệt sĩ: **LÊ HOÀNG MAI**

Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Vĩnh Gia, huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 12 tháng 11 năm 1988
Số bằng: CL 577 bt Quyết định số: 210/CTKT ngày 10 tháng 11 năm 1990

1037 Liệt sĩ: **LÊ VĂN BÉ**

Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: thị trấn Ba Chúc, huyện Tịnh Biên, tỉnh An Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 4 tháng 12 năm 1969
Số bằng: 1B 773 bm Quyết định số: 653/TTGa ngày 28 tháng 6 năm 1977

1038 Liệt sĩ: **LÊ VĂN CƯƠNG**

Trung đội phó công an, Nguyên quán: xã Lương Phi, huyện Bảy Núi, tỉnh An Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 25 tháng 1 năm 1968
Số bằng: 2U 928 cm Quyết định số: 549/TTGa ngày 24 tháng 5 năm 1978

1039 Liệt sĩ: **LÊ VĂN DŨNG**

Trung đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Lương Phi, huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 20 tháng 6 năm 1970
Số bằng: 1B 387 bm Quyết định số: 573/TTGa ngày 13 tháng 6 năm 1977

1040 Liệt sĩ: **LÊ VĂN ĐƯỢC**

Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: thị trấn Ba Chúc, huyện Tịnh Biên, tỉnh An Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 31 tháng 1 năm 1968
Số bằng: 2A 781 bm Quyết định số: 1064/TTga ngày 28 tháng 9 năm 1977

1041 Liệt sĩ: **LÊ VĂN KHÓM**

Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: thị trấn Tri Tôn, huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 19 tháng 1 năm 1980
Số bằng: 1AA 307 bt Quyết định số: 77/TTga ngày 9 tháng 3 năm 1981

1042 Liệt sĩ: **LÊ VĂN LỚN**

Dân công hỏa tuyến, Nguyên quán: xã Lương Phi, huyện Bảy Núi, tỉnh An Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 17 tháng 2 năm 1968
Số bằng: 2E 238 cm Quyết định số: 1795/TTga ngày 30 tháng 12 năm 1977

1043 Liệt sĩ: **LÊ VĂN NGÒ**

Xã đội trưởng, Nguyên quán: thị trấn Ba Chúc, huyện Bảy Núi, tỉnh An Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 8 tháng 3 năm 1966
Số bằng: 3P 552 km Quyết định số: 397/TTga ngày 11 tháng 6 năm 1979

1044 Liệt sĩ: **LÊ VĂN TÌNH**

Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Lương Phi, huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 2 tháng 4 năm 1973
Số bằng: 1B 601 bm Quyết định số: 610/TTga ngày 17 tháng 6 năm 1977

1045 Liệt sĩ: **NGUYỄN THỊ PHÚC**

Cán bộ phụ nữ xã, Nguyên quán: thị trấn Ba Chúc, huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 22 tháng 2 năm 1970
Số bằng: AX 750 km Quyết định số: 428/CTKT ngày 13 tháng 11 năm 1985

1046 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN BÁ**

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: , Campuchia, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 20 tháng 8 năm 1972
Số bằng: 9R 248 bm Quyết định số: 520/TTga ngày 25 tháng 7 năm 1980

1047 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN CHỨC**

Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: thị trấn Ba Chúc, huyện Bảy Núi, tỉnh An Giang, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 24 tháng 3 năm 1954
Số bằng: 1TC 072 bp Quyết định số: 165/TTga ngày 28 tháng 2 năm 1979

1048 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN HUẤN**

Đội viên du kích, Nguyên quán: thị trấn Ba Chúc, huyện Bảy Núi, tỉnh An Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 23 tháng 10 năm 1961
Số bằng: 1T 828 km Quyết định số: 1535/TTga ngày 18 tháng 11 năm 1977

1049 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN HÙNG**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã An Phú, huyện Tịnh Biên, tỉnh An Giang, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 20 tháng 8 năm 1983
Số bằng: BĐ 382 bt Quyết định số: 64/CTKT ngày 8 tháng 4 năm 1987

1050 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN HÙNG**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: thị trấn Ba Chúc, huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 30 tháng 11 năm 1987
Số bằng: CP 562 bt Quyết định số: 76/CTKT ngày 19 tháng 3 năm 1991

- 1051 **Liệt sĩ: NGUYỄN VĂN LÀNH**
Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Lê Trì, huyện Bảy Núi, tỉnh An Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 20 tháng 2 năm 1961
Số bảng: 2G 409 km Quyết định số: 224/TTGa ngày 10 tháng 3 năm 1978
- 1052 **Liệt sĩ: NGUYỄN VĂN NON**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Lương Phi, huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 7 năm 1964
Số bảng: 1B 536 bm Quyết định số: 610/TTGa ngày 17 tháng 6 năm 1977
- 1053 **Liệt sĩ: NGUYỄN VĂN PHÁCH**
Cán bộ xã, Nguyên quán: xã Lương Phi, huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 22 tháng 5 năm 1961
Số bảng: UM 087 km Quyết định số: 631/TTGa ngày 22 tháng 6 năm 1977
- 1054 **Liệt sĩ: NGUYỄN VĂN PHÂN**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Lương Phi, huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 21 tháng 5 năm 1972
Số bảng: 1B 541 bm Quyết định số: 610/TTGa ngày 17 tháng 6 năm 1977
- 1055 **Liệt sĩ: NGUYỄN VĂN SÁU**
Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: thị trấn Ba Chúc, huyện Bảy Núi, tỉnh An Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 27 tháng 4 năm 1964
Số bảng: 2N 854 bm Quyết định số: 1269/TTGa ngày 19 tháng 10 năm 1977
- 1056 **Liệt sĩ: NGUYỄN VĂN SƠN**
Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: thị trấn Ba Chúc, huyện Tịnh Biên, tỉnh An Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 28 tháng 10 năm 1968
Số bảng: 2N 877 bm Quyết định số: 1269/TTGa ngày 19 tháng 10 năm 1977
- 1057 **Liệt sĩ: NGUYỄN VĂN THẮNG**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: thị trấn Ba Chúc, huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 12 tháng 1 năm 1988
Số bảng: CP 727 bt Quyết định số: 55/CTKT ngày 12 tháng 3 năm 1991
- 1058 **Liệt sĩ: NGUYỄN VĂN THAO (HẢO)**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: thị trấn Ba Chúc, huyện Bảy Núi, tỉnh An Giang, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 26 tháng 6 năm 1978
Số bảng: 9N 711 bt Quyết định số: 274/TTGa ngày 18 tháng 4 năm 1980
- 1059 **Liệt sĩ: NGUYỄN VĂN TƯ**
Xã đội trưởng, Nguyên quán: thị trấn Ba Chúc, huyện Bảy Núi, tỉnh An Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 13 tháng 4 năm 1965
Số bảng: 3S 496 km Quyết định số: 703/TTGa ngày 8 tháng 10 năm 1979
- 1060 **Liệt sĩ: NGUYỄN VĂN ỨT**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: thị trấn Ba Chúc, huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 5 tháng 10 năm 1983
Số bảng: CU 090 bt Quyết định số: 117/CTKT ngày 11 tháng 4 năm 1991
- 1061 **Liệt sĩ: PHẠM VĂN ĐÉM**
Trung đội phó An Ninh - Vũ Trang, Nguyên quán: thị trấn Ba Chúc, huyện Bảy Núi, tỉnh An

Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 14 tháng 8 năm 1972
Số bằng: 1Z 378 cm Quyết định số: 1653/TTga ngày 7 tháng 12 năm 1977

1062 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN GAO**

Tiểu đội phó du kích, Nguyên quán: xã Lương Phi, thị trấn Tri Tôn, tỉnh An Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 20 tháng 4 năm 1969
Số bằng: LM 444 km Quyết định số: 559/TTg ngày 13 tháng 6 năm 1977

1063 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN HAY**

Ủy viên ban chấp hành chi hội Việt kiều Campuchia, Nguyên quán: , Campuchia, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 25 tháng 6 năm 1974
Số bằng: 4M 423 cm Quyết định số: 77/TTga ngày 9 tháng 3 năm 1981

1064 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN HÙNG**

Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã An Thành, huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 10 năm 1971
Số bằng: D 103 bm Quyết định số: 91/CTKT ngày 26 tháng 3 năm 1983

1065 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN NGÔN**

Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hưng Lộc, huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước tháng 10 năm 1971
Số bằng: 9E 653 bm Quyết định số: 867/Ttga ngày 12 tháng 12 năm 1979

1066 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN SƠN**

Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã An Lạc, huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 5 tháng 3 năm 1989
Số bằng: CL 591 bt Quyết định số: 210/CTKT ngày 10 tháng 11 năm 1990

1067 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN TRUYỀN**

Trung đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Lương Phi, thị trấn Tri Tôn, tỉnh An Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 15 tháng 10 năm 1969
Số bằng: 1B 701 bm Quyết định số: 578/TTga ngày 13 tháng 6 năm 1977

1068 Liệt sĩ: **PHAN VĂN HỒ**

Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã An Thành, huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 15 tháng 6 năm 1964
Số bằng: E 014 bm Quyết định số: 22/CTKT ngày 20 tháng 11 năm 1983

1069 Liệt sĩ: **PHÙNG VĂN THỜI**

Tổng thư ký ủy ban nhân dân xã, Nguyên quán: thị trấn Ba Chúc, huyện Bảy Núi, tỉnh An Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 13 tháng 7 năm 1957
Số bằng: 1Z 390 km Quyết định số: 1653/TTga ngày 7 tháng 12 năm 1977

1070 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN ĐỨC**

Được tá Ban dân y tỉnh, Nguyên quán: , Campuchia, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 9 tháng 10 năm 1970
Số bằng: 2U 930 cm Quyết định số: 549/TTga ngày 24 tháng 5 năm 1978

1071 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN GIA**

Nhân viên Tài chánh huyện, Nguyên quán: xã An Nông, huyện Bảy Núi, tỉnh An Giang, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 10 tháng 5 năm 1947
Số bằng: KC 353 cp Quyết định số: 1550/TTga ngày 23 tháng 11 năm 1977

- 1072 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN LẠC**
Huyện đội trưởng, Nguyên quán: xã Hậu Thành, huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 20 tháng 4 năm 1973
Số bảng: 4U 787 bm Quyết định số: 224/TTGa ngày 10 tháng 3 năm 1978
- 1073 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN LUÔI (OAD)**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Lương Phi, huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 3 tháng 12 năm 1968
Số bảng: 1B 503 bm Quyết định số: 573/TTGa ngày 13 tháng 6 năm 1977
- 1074 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN NHẠM**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: thị trấn Ba Chúc, huyện Bảy Núi, tỉnh An Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 20 tháng 10 năm 1971
Số bảng: 5P 163 bm Quyết định số: 523/TTGa ngày 22 tháng 5 năm 1978
- 1075 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN NHON**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Lương Phi, huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 12 tháng 11 năm 1966
Số bảng: 1B 657 bm Quyết định số: 610/TTGa ngày 17 tháng 6 năm 1977
- 1076 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN NHƯ**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Lương Phi, huyện Bảy Núi, tỉnh An Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước tháng 5 năm 1968
Số bảng: 7V 816 bm Quyết định số: 165/TTGa ngày 28 tháng 2 năm 1979
- 1077 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN QUẢN**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: thị trấn Ba Chúc, huyện Bảy Núi, tỉnh An Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 2 tháng 11 năm 1967
Số bảng: 7E 033 bm Quyết định số: 1330/TTGa ngày 24 tháng 11 năm 1978
- 1078 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN THÀ**
Chiến sĩ ban An ninh tỉnh, Nguyên quán: thị trấn Ba Chúc, huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước tháng 9 năm 1970
Số bảng: BĐ 422 cm Quyết định số: 64/CTKT ngày 8 tháng 4 năm 1987
- 1079 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN TƯỜNG**
Tiểu đội trưởng du kích, Nguyên quán: xã Lương Phi, huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước năm 1963
Số bảng: ĐV 270 km Quyết định số: 19/TTg ngày 8 tháng 1 năm 1999
- 1080 Liệt sĩ: **TRƯƠNG VĂN SƠN**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: Xã Tân Dương, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 20 tháng 10 năm 1963
Số bảng: 5P 183 bm Quyết định số: 549/TTGa ngày 24 tháng 5 năm 1978
- 1081 Liệt sĩ: **VÕ VĂN DUNG**
Đại đội phó phòng An ninh, Nguyên quán: xã Ba Chúc, huyện Bảy Núi, tỉnh An Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 3 năm 1969
Số bảng: 1U 311 cm Quyết định số: 1550/TTGa ngày 23 tháng 11 năm 1977
- 1082 Liệt sĩ: **VÕ VĂN HỘI**
Tiểu đội trưởng du kích, Nguyên quán: thị trấn Ba Chúc, huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 6 tháng 1 năm 1979

Số bằng: DP 644 kt Quyết định số: 145/TTga ngày 10 tháng 3 năm 1995

1083 Liệt sĩ: **VÕ VĂN LỘ**

Tổ trưởng tạm chế mật báo xã, Nguyên quán: thị trấn Ba Chúc, huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp tháng 12 năm 1952
Số bằng: BE 727 kp Quyết định số: 224/CTKT ngày 13 tháng 8 năm 1986

1084 Liệt sĩ: **VÕ VĂN MÀNG**

Cán bộ giao liên xã, Nguyên quán: xã Tri Tôn, huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 23 tháng 8 năm 1972
Số bằng: BP 179 km Quyết định số: 265/CTKT ngày 10 tháng 4 năm 1987

1085 Liệt sĩ: **VÕ VĂN NHỨT (THANH TÙNG)**

Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: thị trấn Ba Chúc, huyện Tịnh Biên, tỉnh An Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 20 tháng 5 năm 1970
Số bằng: 2A 767 bm Quyết định số: 1064/TTga ngày 28 tháng 9 năm 1977

1086 Liệt sĩ: **BÙI VĂN ĐÔNG**

Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Phú An, huyện Phú Tân, tỉnh An Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 16 tháng 06 năm 1962
Số bằng: BS 767 bm Quyết định số: 213/CTKT ngày 28 tháng 9 năm 1988

1087 Liệt sĩ: **BÙI VĂN THANG**

Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Cần Đăng, huyện Châu Thành, tỉnh An Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 15 tháng 7 năm 1961
Số bằng: PM 723 km Quyết định số: 785/TTga ngày 1 tháng 8 năm 1977

1088 Liệt sĩ: **ĐẶNG KIÊM THÂN**

Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Mỹ Thạnh, huyện Tân Trụ, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 16 tháng 1 năm 1971
Số bằng: 3E 209 bm Quyết định số: 1735/Ttga ngày 19 tháng 12 năm 1977

1089 Liệt sĩ: **ĐẶNG VĂN BIÊN**

Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Xuân Tô, huyện Bảy Núi, tỉnh An Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 28 tháng 10 năm 1973
Số bằng: 2N 848 bm Quyết định số: 1269/TTga ngày 19 tháng 10 năm 1977

1090 Liệt sĩ: **ĐẶNG VĂN NGỌC**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Phú Thạnh, huyện Phú Tân, tỉnh An Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 17 tháng 4 năm 1973
Số bằng: EP 058 bm Quyết định số: 916/QĐ-TTg ngày 26 tháng 1 năm 1990

1091 Liệt sĩ: **ĐẶNG VĂN VINH**

Trưởng Ban Kinh tài Quân khu 3, Nguyên quán: xã Mỹ Thạnh, huyện Vàm Cỏ, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 9 tháng 4 năm 1969
Số bằng: 3Y 051 cm Quyết định số: 339/TTga ngày 16 tháng 5 năm 1979

1092 Liệt sĩ: **ĐÀO VĂN BÂY**

Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Phú Thạnh, huyện Phú Tân, tỉnh An Giang, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 21 tháng 10 năm 1985
Số bằng: BP 204 bt Quyết định số: 265/CTKT ngày 4 tháng 10 năm 1987

1093 Liệt sĩ: **ĐINH VĂN KỊCH**

Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Phú Hưng, huyện Phú Tân, tỉnh An Giang, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 12 tháng 11 năm 1987
Số bằng: CP 523 bt Quyết định số: 76/CTKT ngày 19 tháng 3 năm 1991

1094 Liệt sĩ: **DƯƠNG VĂN ÂM**

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hòa Lạc, huyện Phú Tân, tỉnh An Giang, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 20 tháng 05 năm 1986
Số bằng: BL 556 bt Quyết định số: 67/CTKT ngày 6 tháng 4 năm 1988

1095 Liệt sĩ: **DƯƠNG VĂN SIÊN**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Phú Bình, huyện Phú Tân, tỉnh An Giang, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc tháng 8 năm 1978
Số bằng: ĐR 543 bt Quyết định số: 478/TTg ngày 2 tháng 6 năm 1998

1096 Liệt sĩ: **HUỖNH VĂN NGHE**

Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: KanDal, Campuchia, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 20 tháng 4 năm 1953
Số bằng: ĐV 190 bp Quyết định số: 19/TTg ngày 1 tháng 8 năm 1999

1097 Liệt sĩ: **KIẾN VĂN QUÝCH**

Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: Kandal, Campuchia, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 10 tháng 6 năm 1954
Số bằng: IRC 129bp Quyết định số: 1465/TTga ngày 22 tháng 12 năm 1978

1098 Liệt sĩ: **LÂM VĂN THÀNH**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Phú Thạnh, huyện Phú Tân, tỉnh An Giang, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc tháng 11 năm 1982
Số bằng: EO 067 bt Quyết định số: 756/QĐ-TTg ngày 19 tháng 6 năm 2001

1099 Liệt sĩ: **LÊ HOÀNG VIỆT**

Y tá Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 28 tháng 10 năm 1972
Số bằng: YL 070 bm Quyết định số: 392/TTga ngày 9 tháng 5 năm 1977

1100 Liệt sĩ: **LÊ THỊ DIỄN**

Giao liên trung ương cục miền Nam, Nguyên quán: xã Phú Long, huyện Phú Tân, tỉnh An Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước tháng 2 năm 1969
Số bằng: ĐV 287 cm Quyết định số: 19/TTg ngày 1 tháng 8 năm 1999

1101 Liệt sĩ: **LÊ VĂN CUỐL**

Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Long Sơn, huyện Phú Tân, tỉnh An Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 15 tháng 4 năm 1969
Số bằng: 2A 351 bm Quyết định số: 1074/TTga ngày 28 tháng 9 năm 1977

1102 Liệt sĩ: **LÊ VĂN Ê**

Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thường Thới Hậu, huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 29 tháng 11 năm 1965
Số bằng: 3X 856 bm Quyết định số: 1802/TTga ngày 30 tháng 12 năm 1977

1103 Liệt sĩ: **LÊ VĂN KHƯƠNG**

Xã đội phó, Nguyên quán: xã Tân Thuận Đông, huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 28 tháng 11 năm 1967
Số bằng: BV 665 km Quyết định số: 145/CTKT ngày 12 tháng 7 năm 1988

- 1104 **Liệt sĩ: LÊ VĂN LÓT**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Bình Thạnh Đông, huyện Phú Tân, tỉnh An Giang, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 21 tháng 10 năm 1978
Số bằng: 8L 220 bt Quyết định số: 465/TTGa ngày 6 tháng 1 năm 1979
- 1105 **Liệt sĩ: LÊ VĂN LỪNG**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Phú Hưng, huyện Phú Tân, tỉnh An Giang, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 18 tháng 10 năm 1985
Số bằng: CD 120 bt Quyết định số: 87/CTKT ngày 10 tháng 5 năm 1989
- 1106 **Liệt sĩ: LÊ VĂN NHON**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hòa Lạc, huyện Phú Tân, tỉnh An Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 21 tháng 3 năm 1968
Số bằng: 2N 840 bm Quyết định số: 1269/TTGa ngày 19 tháng 10 năm 1977
- 1107 **Liệt sĩ: LÊ VĂN QUÝ**
Trung đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Phú Thạnh, huyện Phú Tân, tỉnh An Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 22 tháng 5 năm 1972
Số bằng: 2O 889 bm Quyết định số: 1259/TTGa ngày 19 tháng 10 năm 1977
- 1108 **Liệt sĩ: LÊ VĂN THÀNH**
Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: thị trấn Phú Lâm, huyện Phú Tân, tỉnh An Giang, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 20 tháng 11 năm 1976
Số bằng: 7V 856 bt Quyết định số: 165/TTGa ngày 28 tháng 2 năm 1979
- 1109 **Liệt sĩ: LÊ VĂN THU**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Phú Lâm, huyện Phú Tân, tỉnh An Giang, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 04 tháng 10 năm 1988
Số bằng: 2O 221 bt Quyết định số: 1270/TTGa ngày 19 tháng 10 năm 1977
- 1110 **Liệt sĩ: LÊ VĂN TRUYỀN**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Phú Lâm, huyện Phú Tân, tỉnh An Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 25 tháng 08 năm 1966
Số bằng: AP 770 bm Quyết định số: 140/CTKT ngày 17 tháng 4 năm 1985
- 1111 **Liệt sĩ: LÊ VĂN XUÂN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Phú Thạnh, huyện Phú Tân, tỉnh An Giang, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp năm 1952
Số bằng: AE 162 bp Quyết định số: 201/CTKT ngày 13 tháng 6 năm 1984
- 1112 **Liệt sĩ: LÝ VĂN CHIẾN**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thường Thới Hậu, huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 23 tháng 4 năm 1966
Số bằng: 2N 842 bm Quyết định số: 1269/TTGa ngày 19 tháng 10 năm 1977
- 1113 **Liệt sĩ: MAI VĂN KHOAI**
Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Hòa Hảo, huyện Phú Tân, tỉnh An Giang, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 10 tháng 8 năm 1947
Số bằng: MC 524 kp Quyết định số: 523/TTGa ngày 22 tháng 5 năm 1978
- 1114 **Liệt sĩ: MAI VĂN TIẾP**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hòa Lạc, huyện Phú Tân, tỉnh An Giang,

đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 12 tháng 7 năm 1985
Số bằng: BE 564 bt Quyết định số: 326/CTKT ngày 12 tháng 3 năm 1986

- 1115 Liệt sĩ: **NGÔ VĂN TÝ**
Xã đội trưởng, Nguyên quán: xã Minh Điền, huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh, đã hy sinh trong
sự nghiệp chống Mỹ cứu nước tháng 11 năm 1969
Số bằng: 3O 325 km Quyết định số: 266/TTga ngày 18 tháng 4 năm 1979
- 1116 Liệt sĩ: **NGUYỄN CÔNG ĐẮC**
Trung úy Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Phú An, huyện Phú Tân, tỉnh An Giang, đã
hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 20 tháng 1 năm 1989
Số bằng: CL 718 bt Quyết định số: 41/CTKT ngày 9 tháng 3 năm 1991
- 1117 Liệt sĩ: **NGUYỄN HỒNG SƠN**
Tiểu đội trưởng du kích, Nguyên quán: xã Phú Hiệp, huyện Phú Tân, tỉnh An Giang, đã hy sinh
trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 12 tháng 5 năm 1955
Số bằng: BS 815 km Quyết định số: 213/CTKT ngày 9 tháng 8 năm 1988
- 1118 Liệt sĩ: **NGUYỄN THANH GIANG**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Phú Hưng, huyện Phú Tân, tỉnh An
Giang, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 2 tháng 6 năm 1986
Số bằng: CD 288 bt Quyết định số: 134/CTKT ngày 12 tháng 7 năm 1989
- 1119 Liệt sĩ: **NGUYỄN THÀNH HUNG**
Cán bộ Việt kiều xã, Nguyên quán: , Campuchia, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước,
ngày 4 tháng 11 năm 1973
Số bằng: BS 845 cm Quyết định số: 213/CTKT ngày 28 tháng 9 năm 1988
- 1120 Liệt sĩ: **NGUYỄN THÀNH NGỌC**
Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: Vĩnh Lợi Trinh, Cao Miên, đã hy sinh
trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp năm 1949
Số bằng: RC 796 bp Quyết định số: 1334/TTga ngày 28 tháng 10 năm 1977
- 1121 Liệt sĩ: **NGUYỄN THÀNH SANG**
Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Phú Hữu, huyện Phú Châu, tỉnh An
Giang, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 21 tháng 12 năm 1984
Số bằng: BE 543 bt Quyết định số: 326/CTKT ngày 3 tháng 12 năm 1986
- 1122 Liệt sĩ: **NGUYỄN THANH TÂN**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Phú Hưng, huyện Phú Tân, tỉnh An Giang,
đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 21 tháng 10 năm 1985
Số bằng: BP 215 bt Quyết định số: 265/CTKT ngày 4 tháng 10 năm 1987
- 1123 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN GHÌ**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Đông Hòa, huyện An Biên, tỉnh Kiên
Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 9 tháng 12 năm 1967
Số bằng: 2X 008 bm Quyết định số: 1420/TTga ngày 2 tháng 11 năm 1977
- 1124 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN HOÀNG**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Phú Hưng, huyện Phú Tân, tỉnh An Giang,
đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 19 tháng 11 năm 1980
Số bằng: 1AA 296 bt Quyết định số: 77/TTga ngày 9 tháng 3 năm 1981

- 1125 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN HOÀNG**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Phú Hưng, huyện Phú Tân, tỉnh An Giang, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 29 tháng 11 năm 1987
Số bằng: CP 558 bt Quyết định số: 76/CTKT ngày 19 tháng 3 năm 1991
- 1126 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN HỢI**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Phú Hưng, huyện Phú Tân, tỉnh An Giang, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 21 tháng 11 năm 1988
Số bằng: CL 775 bt Quyết định số: 41/CTKT ngày 9 tháng 3 năm 1991
- 1127 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN MÀN**
Trưởng ban tiếp tế xã, Nguyên quán: xã Phú Lâm, huyện Phú Tân, tỉnh An Giang, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp tháng 4 năm 1947
Số bằng: BD 406 kp Quyết định số: 64/CTKT ngày 4 tháng 1 năm 1987
- 1128 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN MỸ**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: thị trấn Chợ Vàm, huyện Phú Tân, tỉnh An Giang, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 29 tháng 4 năm 1985
Số bằng: BD 393 bt Quyết định số: 64/CTKT ngày 4 tháng 1 năm 1987
- 1129 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN NGHĨA**
Tiểu đội phó du kích, Nguyên quán: TàBet, Cao Miên, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 3 năm 1973
Số bằng: 2P 073 km Quyết định số: 484/TTga ngày 15 tháng 5 năm 1978
- 1130 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN ÓC**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Long Sơn, huyện Phú Tân, tỉnh An Giang, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 20 tháng 1 năm 1948
Số bằng: 1EC 709 bp Quyết định số: 523/TTga ngày 22 tháng 5 năm 1978
- 1131 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN PHÍCH**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hòa Lạc, huyện Phú Tân, tỉnh An Giang, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc tháng 11 năm 1986
Số bằng: ĐV 318 bt Quyết định số: 19/TTg ngày 8 tháng 1 năm 1999
- 1132 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN PHỬ**
Cán bộ y tế xã, Nguyên quán: xã Hòa Lạc, huyện Phú Tân, tỉnh An Giang, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 23 tháng 4 năm 1978
Số bằng: D 128 kt Quyết định số: 091/CTKT ngày 3 tháng 6 năm 1983
- 1133 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN PHỬ**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Phú Thạnh, huyện Phú Tân, tỉnh An Giang, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 21 tháng 1 năm 1985
Số bằng: BL 588 bt Quyết định số: 67/CTKT ngày 4 tháng 1 năm 1988
- 1134 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN THÀNH**
Trung đội phó công an, Nguyên quán: xã Thường Phước, huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 31 tháng 12 năm 1977
Số bằng: 8K 166 ct Quyết định số: 397/TTga ngày 11 tháng 6 năm 1979
- 1135 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN THÀNH**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Phú Thạnh, huyện Phú Tân, tỉnh An Giang, đã

- hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 20 tháng 11 năm 1985
Số bằng: CD 194 bt Quyết định số: 87/CTKT ngày 10 tháng 5 năm 1989
- 1136 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN THẾP**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Đông Hòa, huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 22 tháng 2 năm 1985
Số bằng: 10 688 bt Quyết định số: 836/TTGa ngày 10 tháng 8 năm 1977
- 1137 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN THOÀN**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Phú Lâm, huyện Phú Tân, tỉnh An Giang, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 9 tháng 7 năm 1949
Số bằng: 1ĐC 096bp Quyết định số: 432/TTGa ngày 4 tháng 5 năm 1978
- 1138 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN THOI**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: thị trấn Chợ Vàm, huyện Phú Tân, tỉnh An Giang, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp năm 1946
Số bằng: U 183 bp Quyết định số: 441/CTKT ngày 7 tháng 12 năm 1983
- 1139 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN TỈNH**
Tinh ủy viên, Nguyên quán: xã Tân Hội, thị xã Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 19 tháng 6 năm 1974
Số bằng: 3L 583 cm Quyết định số: 1176/TTGa ngày 13 tháng 10 năm 1978
- 1140 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN TRI**
Huyện ủy viên, Nguyên quán: xã Tân Quới, huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 12 tháng 7 năm 1963
Số bằng: 3T 952 km Quyết định số: 119/TTGa ngày 12 tháng 2 năm 1979
- 1141 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN TRỌNG**
Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Phú Hưng, huyện Phú Tân, tỉnh An Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 31 tháng 11 năm 1972
Số bằng: 2B 291 km Quyết định số: 1782/TTGa ngày 28 tháng 12 năm 1977
- 1142 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN Ư**
Đội viên du kích, Nguyên quán: Premchor, Preyveng, Campuchia, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 6 tháng 3 năm 1949
Số bằng: DU 512 kp Quyết định số: 463/TTg ngày 11 tháng 8 năm 1995
- 1143 Liệt sĩ: **ÔN KIM THÀNH**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Phú Hưng, huyện Phú Tân, tỉnh An Giang, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 18 tháng 8 năm 1985
Số bằng: BL 533 bt Quyết định số: 67/CTKT ngày 6 tháng 4 năm 1988
- 1144 Liệt sĩ: **PHẠM TÂN TRIỀU**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Phú Thạnh, huyện Phú Tân, tỉnh An Giang, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 24 tháng 9 năm 1983
Số bằng: AU 424 bt Quyết định số: 331/CTKT ngày 28 tháng 8 năm 1985
- 1145 Liệt sĩ: **PHẠM THỊ LÀI**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: Phường 10, Quận 4, thành phố Hồ Chí Minh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 22 tháng 10 năm 1973
Số bằng: 5N 255 bm Quyết định số: 546/TTGa ngày 24 tháng 5 năm 1978

- 1146 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN CHỖ**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Phú Lâm, huyện Phú Tân, tỉnh An Giang, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 10 tháng 08 năm 1979
Số bằng: O 937 bt Quyết định số: 319/CTKT ngày 14 tháng 9 năm 1983
- 1147 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN HẢI**
Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: KanDal, Campuchia, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 20 tháng 10 năm 1974
Số bằng: PC 676 bm Quyết định số: 55/CTKT ngày 3 tháng 12 năm 1991
- 1148 Liệt sĩ: **PHAN TÂN LAI**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Long Sơn, huyện Phú Tân, tỉnh An Giang, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 20 tháng 6 năm 1986
Số bằng: CP 531 bt Quyết định số: 76/CTKT ngày 19 tháng 3 năm 1991
- 1149 Liệt sĩ: **PHAN VĂN BÉ ĐỨC**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Phú Hưng, huyện Phú Tân, tỉnh An Giang, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 9 tháng 9 năm 1998
Số bằng: CL 777 bt Quyết định số: 41/CTKT ngày 9 tháng 3 năm 1991
- 1150 Liệt sĩ: **TÓNG VĂN LONG**
Chuẩn úy ban an ninh khu, Nguyên quán: xã Phú Vĩnh, huyện Phú Châu, tỉnh An Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 5 tháng 4 năm 1973
Số bằng: BE 490 cm Quyết định số: 326/CTKT ngày 3 tháng 12 năm 1986
- 1151 Liệt sĩ: **TRẦN THỊ BÔNG**
Chủ tịch hội phụ nữ huyện, Nguyên quán: xã Mỹ Thạnh, huyện Vàm Cò, tỉnh Long An, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 9 tháng 4 năm 1989
Số bằng: 4A 830 ct Quyết định số: 604/TTGa ngày 22 tháng 8 năm 1979
- 1152 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN ẨM**
Tiểu đội phó du kích, Nguyên quán: xã Phú An, huyện Phú Tân, tỉnh An Giang, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 17 tháng 10 năm 1976
Số bằng: 3G 018 kt Quyết định số: 1176/TTGa ngày 31 tháng 10 năm 1978
- 1153 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN BI**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Phú Thạnh, huyện Phú Tân, tỉnh An Giang, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 22 tháng 1 năm 1984
Số bằng: DG 643 bt Quyết định số: 140/TTg ngày 9 tháng 12 năm 1992
- 1154 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN BÔNG**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Phú Long, huyện Phú Tân, tỉnh An Giang, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 30 tháng 1 năm 1988
Số bằng: CP 544 bt Quyết định số: 76/CTKT ngày 19 tháng 3 năm 1991
- 1155 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN CHƠI**
Ủy viên ban chấp hành chi hội Việt kiều, Nguyên quán: , Campuchia, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước tháng 3 năm 1973
Số bằng: 4H 849 cm Quyết định số: 43/TTGa ngày 16 tháng 1 năm 1980
- 1156 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN MƯỜI**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: , Campuchia, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 27 tháng 2 năm 1971

Số bằng: 5G 623 bm Quyết định số: 432/TTGa ngày 5 tháng 4 năm 1978

- 1157 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN THẨM**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Vĩnh Xương, huyện Phú Châu, tỉnh An Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 5 tháng 5 năm 1968
Số bằng: 6V 230 bm Quyết định số: 1176/TTGa ngày 31 tháng 10 năm 1978
- 1158 Liệt sĩ: **TRỊNH VĂN SÀI**
Đại đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Phú Lâm, huyện Phú Tân, tỉnh An Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 11 tháng 8 năm 1972
Số bằng: 6H 029 bm Quyết định số: 870/TTGa ngày 7 tháng 8 năm 1978
- 1159 Liệt sĩ: **TRƯƠNG VĂN ĐỪNG**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Vĩnh Xương, huyện Phú Châu, tỉnh An Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 5 tháng 4 năm 1968
Số bằng: 8K 145 bm Quyết định số: 397/TTGa ngày 1 tháng 6 năm 1979
- 1160 Liệt sĩ: **TRƯƠNG VĂN NAM**
Trung đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hưng Điền B, huyện Mộc Hóa, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước tháng 6 năm 1973
Số bằng: 6G 011 bm Quyết định số: 855/TTGa ngày 7 tháng 8 năm 1978
- 1161 Liệt sĩ: **TRƯƠNG VĂN TỚI**
Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Phú Hội, huyện An Phú, tỉnh An Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 24 tháng 10 năm 1962
Số bằng: GU 004 km Quyết định số: 350/QĐ-TTg ngày 26 tháng 4 năm 2005
- 1162 Liệt sĩ: **VÕ TẤN PHƯƠNG**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: thị trấn Phú Mỹ, huyện Phú Tân, tỉnh An Giang, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 28 tháng 11 năm 1984
Số bằng: CD 160 bt Quyết định số: 87/CTKT ngày 10 tháng 5 năm 1989
- 1163 Liệt sĩ: **VÕ THỊ BÉ**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: , Campuchia, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 7 năm 1972
Số bằng: 2O 226 bm Quyết định số: 1270/TTGa ngày 19 tháng 10 năm 1977
- 1164 Liệt sĩ: **VÕ VĂN EM**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: thị trấn Chợ Vàm, huyện Phú Tân, tỉnh An Giang, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 5 tháng 7 năm 1985
Số bằng: BĐ 372 bt Quyết định số: 64/CTKT ngày 4 tháng 1 năm 1987
- 1165 Liệt sĩ: **VÕ VĂN THANH**
Trung đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: , Campuchia, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 3 năm 1968
Số bằng: 2O 225 bm Quyết định số: 1270/TTGa ngày 19 tháng 10 năm 1977
- 1166 Liệt sĩ: **VÕ VĂN TRÍ**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: thị trấn Chợ Vàm, huyện Phú Tân, tỉnh An Giang, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 10 tháng 8 năm 1988
Số bằng: CP 585 bt Quyết định số: 76/CTKT ngày 19 tháng 3 năm 1991
- 1167 Liệt sĩ: **CAO VĂN CHỊA**

Đại đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tấn Mỹ, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 20 tháng 1 năm 1969
Số bằng: 1B 790 bm Quyết định số: 653/TTga ngày 28 tháng 6 năm 1977

1168 Liệt sĩ: **HÀ VĂN HỮU**

Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Vọng Thê, huyện Châu Thành, tỉnh An Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 7 tháng 9 năm 1964
Số bằng: 1V 636 bm Quyết định số: 950/TTga ngày 29 tháng 8 năm 1977

1169 Liệt sĩ: **HỒ THỊ PHƯƠNG**

Cán bộ cơ sở xã, Nguyên quán: xã Định Mỹ, huyện Châu Thành, tỉnh An Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 18 tháng 4 năm 1970
Số bằng: 1H 969 km Quyết định số: 1003/TTga ngày 12 tháng 9 năm 1977

1170 Liệt sĩ: **HỒ VĂN TÙNG**

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Cần Đăng, huyện Châu Thành, tỉnh An Giang, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 25 tháng 3 năm 1988
Số bằng: CP 572 bt Quyết định số: 76/TTga ngày 19 tháng 3 năm 1991

1171 Liệt sĩ: **HUỖNH THANH HOÀNG**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: phường An Nhơn, Quận Gò Vấp, thành phố Hồ Chí Minh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 1 năm 1968
Số bằng: E 418 bm Quyết định số: 40/TTga ngày 2 tháng 2 năm 1983

1172 Liệt sĩ: **HUỖNH VĂN BAN**

Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Vọng Thê, huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 1 tháng 5 năm 1961
Số bằng: LM 423 km Quyết định số: 559/TTga ngày 13 tháng 6 năm 1977

1173 Liệt sĩ: **HUỖNH VĂN LONG**

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: , Campuchia, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 25 tháng 1 năm 1968
Số bằng: 1L 478 bm Quyết định số: 785/TTga ngày 20 tháng 6 năm 1979

1174 Liệt sĩ: **HUỖNH VĂN NĂM (TÀI)**

Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã An Thạnh Trung, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 5 tháng 1 năm 1963
Số bằng: 3L 273 bm Quyết định số: 1535/TTga ngày 18 tháng 11 năm 1977

1175 Liệt sĩ: **HUỖNH VĂN THANH**

Đại đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Vọng Thê, huyện Huệ Đức, tỉnh An Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 7 tháng 10 năm 1970
Số bằng: 1M 449 bm Quyết định số: 769/TTga ngày 30 tháng 7 năm 1977

1176 Liệt sĩ: **HUỖNH VĂN THÔI**

Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Vọng Thê, huyện Châu Thành, tỉnh An Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 25 tháng 7 năm 1961
Số bằng: 1K 841 bm Quyết định số: 738/TTga ngày 15 tháng 7 năm 1977

1177 Liệt sĩ: **LÊ QUANG**

Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Vĩnh Trạch, huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước tháng 12 năm 1967
Số bằng: 1K 814 bm Quyết định số: 738/TTga ngày 15 tháng 7 năm 1977

- 1178 **Liệt sĩ: LÊ VĂN PHẠM**
 Nhân viên công an huyện, Nguyên quán: xã Vĩnh Nhuận, huyện Châu Thành, tỉnh An Giang, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 10 tháng 5 năm 1947
 Số bằng: MC 794 cp Quyết định số: 344/TTga ngày 5 tháng 4 năm 1978
- 1179 **Liệt sĩ: LÊ VĂN TÂM**
 Chính trị viên Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Đông Sơn, huyện Châu Thành, tỉnh An Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 7 tháng 1 năm 1968
 Số bằng: 2N 838 bm Quyết định số: 1269/TTga ngày 19 tháng 10 năm 1977
- 1180 **Liệt sĩ: LÊ VĂN THẨM**
 Huyện đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Bình Thủy, huyện Châu Thành, tỉnh An Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 4 tháng 1 năm 1968
 Số bằng: 1Z 340 bm Quyết định số: 1003/TTga ngày 12 tháng 9 năm 1977
- 1181 **Liệt sĩ: MAI VĂN VŨ**
 Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thoại Giang, huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 9 tháng 3 năm 1985
 Số bằng: BE 534 bt Quyết định số: 326/CTKT ngày 12 tháng 3 năm 1986
- 1182 **Liệt sĩ: NGUYỄN THÀNH VIÊN**
 Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Vọng Thê, huyện Châu Thành, tỉnh An Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 21 tháng 12 năm 1967
 Số bằng: 6H 036 bm Quyết định số: 870/TTga ngày 7 tháng 8 năm 1978
- 1183 **Liệt sĩ: NGUYỄN VĂN BE**
 Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Vĩnh Trạch, huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 18 tháng 2 năm 1988
 Số bằng: CL 558 bt Quyết định số: 210/CTKT ngày 10 tháng 11 năm 1990
- 1184 **Liệt sĩ: NGUYỄN VĂN BÉ**
 Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Phong Mỹ, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 23 tháng 5 năm 1960
 Số bằng: ĐR 513 km Quyết định số: 478/TTg. ngày 2 tháng 6 năm 1998
- 1185 **Liệt sĩ: NGUYỄN VĂN DŨ**
 Chuẩn úy Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã An Phú, huyện Tịnh Biên, tỉnh An Giang, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 7 tháng 5 năm 1977
 Số bằng: 4Z 523 bt Quyết định số: 344/TTga ngày 5 tháng 4 năm 1978
- 1186 **Liệt sĩ: NGUYỄN VĂN ĐỨC**
 Trung đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Vọng Thê, huyện Châu Thành, tỉnh An Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 15 tháng 9 năm 1971
 Số bằng: 1L 467 bm Quyết định số: 789/TTga ngày 1 tháng 8 năm 1977
- 1187 **Liệt sĩ: NGUYỄN VĂN NGOẠT**
 Bí thư xã, Nguyên quán: xã Vọng Thê, huyện Châu Thành, tỉnh An Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 13 tháng 3 năm 1963
 Số bằng: 1H 967 km Quyết định số: 1003/TTga ngày 12 tháng 9 năm 1977
- 1188 **Liệt sĩ: NGUYỄN VĂN TRÔI**
 Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hiệp Sương, huyện Phú Tân, tỉnh An

Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 25 tháng 5 năm 1956
Số bằng: 2N 822 bm Quyết định số: 1269/TTGa ngày 19 tháng 10 năm 1977

1189 Liệt sĩ: **PHAN CHÂU MINH**

Tiểu đội trưởng du kích, Nguyên quán: xã Vọng Thê, huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 24 tháng 10 năm 1960
Số bằng: 1T 779 km Quyết định số: 1550/TTGa ngày 23 tháng 11 năm 1977

1190 Liệt sĩ: **TÔNG VĂN HUỖNH**

Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nam Thái Sơn, huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 12 tháng 5 năm 1970
Số bằng: 1T 802 bm Quyết định số: 939/TTGa ngày 26 tháng 8 năm 1977

1191 Liệt sĩ: **TRẦN QUANG LIÊM**

Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 28 tháng 2 năm 1985
Số bằng: BN 880 bt

1192 Liệt sĩ: **TRẦN THỊ HỒNG VU**

Y tá tình, Nguyên quán: thị trấn Ba Chúc, huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước tháng 8 năm 1971
Số bằng: CD 224 cm Quyết định số: 134/CTKT ngày 12 tháng 7 năm 1989

1193 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN CHÍN**

Trưởng ban cán sự ấp, Nguyên quán: xã Thới An, huyện Ô Môn, tỉnh Hậu Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 3 tháng 9 năm 1963
Số bằng: AP 653 km Quyết định số: 127/CTKT ngày 3 tháng 4 năm 1985

1194 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN ĐẶNG**

Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Long Sơn, huyện Phú Tân, tỉnh An Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 25 tháng 11 năm 1962
Số bằng: 1AA 289 bm Quyết định số: 077/TTGa ngày 9 tháng 3 năm 1981

1195 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN LIÊU**

Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Thạnh Thới, huyện Mỏ Cày, tỉnh Bến Tre, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 21 tháng 3 năm 1968
Số bằng: 7T 389 km Quyết định số: 51/TTGa ngày 11 tháng 1 năm 1979

1196 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN NHANH**

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Vĩnh Chánh, huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 14 tháng 5 năm 1970
Số bằng: 5P 126 bm Quyết định số: 523/TTGa ngày 22 tháng 5 năm 1978

1197 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN PHÁT**

Đại đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thoại Sơn, huyện Châu Thành, tỉnh An Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 13 tháng 3 năm 1968
Số bằng: 2N 846 bm Quyết định số: 1269/TTGa ngày 19 tháng 10 năm 1977

1198 Liệt sĩ: **BÙI VĂN THÁI**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: , Campuchia, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 20 tháng 4 năm 1970
Số bằng: 2Q 204 bm Quyết định số: 1027/TTGa ngày 19 tháng 9 năm 1977

- 1199 Liệt sĩ: **CHUNG VĂN TÀNG**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: , Campuchia, đã hy sinh trong sự nghiệp
chống Mỹ cứu nước, ngày 23 tháng 10 năm 1971
Số bằng: 6V 225 bm Quyết định số: 1176/TTga ngày 13 tháng 10 năm 1978
- 1200 Liệt sĩ: **ĐÀO VĂN LIÊM**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tân An, huyện Phú Châu, tỉnh An
Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 19 tháng 7 năm 1963
Số bằng: 1B 487 bm Quyết định số: 573/TTga ngày 19 tháng 7 năm 1963
- 1201 Liệt sĩ: **ĐỖ VĂN MỪNG**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Châu Phong, huyện Phú Châu,
tỉnh An Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 20 tháng 10 năm 1962
Số bằng: 3E 746 bm Quyết định số: 1169/TTga ngày 11 tháng 10 năm 1978
- 1202 Liệt sĩ: **HÀ VĂN CẢNH**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: thị trấn Tân Châu, huyện Phú Châu, tỉnh An
Giang, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 29 tháng 11 năm 1988
Số bằng: CL 758 bt Quyết định số: 41/CTKT ngày 9 tháng 3 năm 1991
- 1203 Liệt sĩ: **HỒ VĂN BÉ**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Vĩnh Xương, thị xã Tân Châu, tỉnh An
Giang, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 20 tháng 5 năm 1977
Số bằng: E 035 bt Quyết định số: 022/CTKT ngày 20 tháng 1 năm 1983
- 1204 Liệt sĩ: **HUỖNH CÔNG THÀNH (HUỖNH THU)**
Cán bộ tài chính xã, Nguyên quán: xã Long Phú, huyện Tân Châu, tỉnh An Giang, đã hy sinh
trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước năm 1972
Số bằng: ĐR 527 km Quyết định số: 478/TTg ngày 2 tháng 6 năm 1998
- 1205 Liệt sĩ: **HUỖNH MINH NỜ**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Vĩnh Lộc, huyện Phú Châu, tỉnh An
Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 30 tháng 4 năm 1974
Số bằng: 5G 615 bm Quyết định số: 432/TTga ngày 4 tháng 5 năm 1978
- 1206 Liệt sĩ: **HUỖNH QUỐC LƯƠNG**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Long Phú, huyện Tân Châu, tỉnh An
Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 7 tháng 11 năm 1973
Số bằng: 1B 500 bm Quyết định số: 573/TTga ngày 13 tháng 6 năm 1977
- 1207 Liệt sĩ: **HUỖNH VĂN ÁI**
Cán bộ Mặt trận tỉnh, Nguyên quán: xã Phú Vĩnh, huyện Phú Châu, tỉnh An Giang, đã hy sinh
trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp tháng 7 năm 1949
Số bằng: NC 285 cp Quyết định số: 432/TTga ngày 4 tháng 5 năm 1978
- 1208 Liệt sĩ: **HUỖNH VĂN HIỆN**
Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: CoThum, CanDal , Campuchia, đã hy
sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 15 tháng 1 năm 1971
Số bằng: 1B 829 bm Quyết định số: 653/TTga ngày 28 tháng 6 năm 1977
- 1209 Liệt sĩ: **HUỖNH VĂN TÂM**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Phú Vĩnh, huyện Phú Châu, tỉnh An Giang, đã
hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 5 tháng 1 năm 1985

Số bằng: BE 511 bt Quyết định số: 326/CTKT ngày 3 tháng 12 năm 1986

1210 Liệt sĩ: **LÂM VĂN BANH**

Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tân An, huyện Phú Châu, tỉnh An Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 8 tháng 9 năm 1964
Số bằng: 1B 359 bm Quyết định số: 573/TTGa ngày 13 tháng 6 năm 1977

1211 Liệt sĩ: **LÂM VĂN SANG**

Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Vĩnh Xương, huyện Tân Châu, tỉnh An Giang, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 15 tháng 11 năm 1977
Số bằng: 2N 868 kt Quyết định số: 432/TTGa ngày 4 tháng 5 năm 1978

1212 Liệt sĩ: **LÊ QUỐC KHÁNH**

Chủ tịch xã, Nguyên quán: xã Vĩnh Hậu, huyện Phú Châu, tỉnh An Giang, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 3 tháng 2 năm 1953
Số bằng: AU 436 kp Quyết định số: 331/CTKT ngày 28 tháng 8 năm 1985

1213 Liệt sĩ: **LÊ VĂN TÂM**

Hạ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Lê Chánh, huyện Phú Châu, tỉnh An Giang, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 31 tháng 10 năm 1985
Số bằng: BL 592 bt Quyết định số: 67/CTKT ngày 6 tháng 4 năm 1988

1214 Liệt sĩ: **LÊ VĂN ỨNG**

Trung đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tân An, huyện Phú Châu, tỉnh An Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 3 tháng 12 năm 1968
Số bằng: 1B 611 bm Quyết định số: 610/TTGa ngày 17 tháng 6 năm 1977

1215 Liệt sĩ: **LƯƠNG VĂN HÙM**

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tân An, huyện Phú Châu, tỉnh An Giang, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp tháng 12 năm 1947
Số bằng: OC 714 bp Quyết định số: 559/TTGa ngày 13 tháng 6 năm 1977

1216 Liệt sĩ: **MAI VĂN HÙNG**

Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: BetChay, Campuchia, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước tháng 8 năm 1965
Số bằng: 2O 234 bm Quyết định số: 1270/TTGa ngày 19 tháng 10 năm 1977

1217 Liệt sĩ: **MAI VĂN NGUỒN**

Tiểu đội trưởng Kinh tài khu 2, Nguyên quán: xã Nhơn Hội, huyện Phú Châu, tỉnh An Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 13 tháng 2 năm 1970
Số bằng: 3L 574 cm Quyết định số: 1270/TTGa ngày 20 tháng 10 năm 1977

1218 Liệt sĩ: **MAI VĂN SÂM (SON)**

Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: RachChay, CoThum, Campuchia, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 11 tháng 4 năm 1970
Số bằng: 2O 233 bm Quyết định số: 1270/TTGa ngày 19 tháng 10 năm 1977

1219 Liệt sĩ: **NGÔ VĂN KHÁCH**

Đảng viên chi ủy xã, Nguyên quán: xã Long Phú, huyện Tân Châu, tỉnh An Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước tháng 4 năm 1962
Số bằng: 1E 126 km Quyết định số: 952/TTGa ngày 29 tháng 8 năm 1977

1220 Liệt sĩ: **NGÔ VĂN PHÁN**

Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Long Phú, huyện Tân Châu, tỉnh An Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 12 tháng 10 năm 1969
Số bằng: 1V 355 bm Quyết định số: 952/TTGa ngày 29 tháng 8 năm 1977

- 1221 Liệt sĩ: **NGUYỄN THÁI HỌC**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Vĩnh Hòa, thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 21 tháng 7 năm 1986
Số bằng: CL 757 bt Quyết định số: 41/CTKT ngày 9 tháng 3 năm 1991
- 1222 Liệt sĩ: **NGUYỄN THANH HỒNG**
Cán bộ ấp, Nguyên quán: xã Vĩnh Hòa, huyện Phú Châu, tỉnh An Giang, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 27 tháng 3 năm 1978
Số bằng: 3N 241 kt Quyết định số: 47/TTGa ngày 11 tháng 1 năm 1978
- 1223 Liệt sĩ: **NGUYỄN THANH NHON**
Cán bộ ban thông tin trung ương cục, Nguyên quán: , Campuchia, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 18 tháng 11 năm 1972
Số bằng: 5N 227 cm Quyết định số: 300/TTGa ngày 9 tháng 7 năm 1981
- 1224 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN DŨNG**
Tiểu đội phó du kích, Nguyên quán: xã Thường Thới Tiền, huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 8 tháng 12 năm 1966
Số bằng: 4X 627 km Quyết định số: 257/TTGa ngày 20 tháng 3 năm 1978
- 1225 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN GẠO**
Tiểu đội trưởng du kích, Nguyên quán: huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 13 tháng 4 năm 1970
Số bằng: 4X 553 km Quyết định số: 256/TTGa ngày 20 tháng 3 năm 1978
- 1226 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN GHI**
Trung đội trưởng giao bưu Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Long Phú, huyện Tân Châu, tỉnh An Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 25 tháng 5 năm 1962
Số bằng: AX7 044 bm Quyết định số: 428/CTKT ngày 13 tháng 11 năm 1985
- 1227 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN GIANG**
Bí thư xã, Nguyên quán: xã Vĩnh Phong, huyện Tân Châu, tỉnh An Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 8 năm 1967
Số bằng: ĐV 294 km Quyết định số: 19/QĐ-TTg ngày 8 tháng 1 năm 1999
- 1228 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN GIÁO**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thường Phước, huyện Hồng Ngự, tỉnh An Giang, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 18 tháng 9 năm 1985
Số bằng: CK 803 bt Quyết định số: 230/CTKT ngày 22 tháng 11 năm 1990
- 1229 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN HẠNH**
Thương sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Long Phú, huyện Tân Châu, tỉnh An Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước tháng 6 năm 1965
Số bằng: 6H 018 bm Quyết định số: 870/TTGa ngày 7 tháng 8 năm 1978
- 1230 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN HÙNG**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Châu Phong, huyện Phú Châu, tỉnh An Giang, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 30 tháng 3 năm 1987
Số bằng: CP 532 bt Quyết định số: 76/CTKT ngày 19 tháng 3 năm 1991

- 1231 **Liệt sĩ: NGUYỄN VĂN HÙNG**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Long Sơn, huyện Phú Tân, tỉnh An Giang, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 24 tháng 10 năm 1986
Số bằng: BS 781 bt Quyết định số: 213/CTKT ngày 28 tháng 9 năm 1988
- 1232 **Liệt sĩ: NGUYỄN VĂN KHÁNG**
Chiến sĩ công an, Nguyên quán: xã Phú Vĩnh, huyện Phú Châu, tỉnh An Giang, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 13 tháng 7 năm 1977
Số bằng: 3K 222 ct Quyết định số: 1795/TTGa ngày 30 tháng 12 năm 1977
- 1233 **Liệt sĩ: NGUYỄN VĂN LẶNG (HÙNG)**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Vĩnh Hòa, huyện Phú Châu, tỉnh An Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 5 năm 1962
Số bằng: 1B 844 bm Quyết định số: 653/TTGa ngày 28 tháng 6 năm 1977
- 1234 **Liệt sĩ: NGUYỄN VĂN LANH**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Long Phú, huyện Tân Châu, tỉnh An Giang, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 28 tháng 3 năm 1988
Số bằng: CL 597 bt Quyết định số: 210/CTKT ngày 10 tháng 11 năm 1990
- 1235 **Liệt sĩ: NGUYỄN VĂN LIỆT**
Cán bộ Kinh tài huyện, Nguyên quán: xã Phú Vĩnh, Phú Châu, tỉnh An Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 9 tháng 5 năm 1970
Số bằng: 2A 649 cm Quyết định số: 1782/TTGa ngày 28 tháng 12 năm 1977
- 1236 **Liệt sĩ: NGUYỄN VĂN MẠN**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thường Thới Tiền, huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 1 tháng 5 năm 1967
Số bằng: 1B 509 bm Quyết định số: 573/TTGa ngày 13 tháng 6 năm 1977
- 1237 **Liệt sĩ: NGUYỄN VĂN MINH**
Cán bộ an ninh huyện, Nguyên quán: , Campuchia, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 20 tháng 3 năm 1977
Số bằng: 1I 500 ct Quyết định số: 1045/TTGa ngày 21 tháng 9 năm 1977
- 1238 **Liệt sĩ: NGUYỄN VĂN MỊNH**
Giao liên xã, Nguyên quán: xã Long Phú, huyện Tân Châu, tỉnh An Giang, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 5 tháng 4 năm 1947
Số bằng: EC 278 kp Quyết định số: 952/TTGa ngày 29 tháng 8 năm 1977
- 1239 **Liệt sĩ: NGUYỄN VĂN NAM**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Long An, huyện Phú Châu, tỉnh An Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 25 tháng 10 năm 1970
Số bằng: 1AB 710bm Quyết định số: 214/CTKT ngày 28 tháng 7 năm 1982
- 1240 **Liệt sĩ: NGUYỄN VĂN NHƯ**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: , Campuchia, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 9 tháng 3 năm 1967
Số bằng: 1Z 948 bm Quyết định số: 1034/TTGa ngày 19 tháng 9 năm 1977
- 1241 **Liệt sĩ: NGUYỄN VĂN NHUẬN**
Đại đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thường Thới Tiền, huyện Hồng Ngự,

tỉnh Đồng Tháp, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 5 tháng 5 năm 1969
Số bằng: 1B 661 bm Quyết định số: 610/TTga ngày 17 tháng 6 năm 1977

- 1242 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN PHƯỚC**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Long Phú, huyện Tân Châu, tỉnh An Giang, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 17 tháng 2 năm 1985
Số bằng: BD 356 bt Quyết định số: 64/CTKT ngày 8 tháng 4 năm 1987
- 1243 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN QUÂN**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tân An, huyện Phú Châu, tỉnh An Giang, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 30 tháng 4 năm 1954
Số bằng: 1DC 107bp Quyết định số: 432/TTga ngày 4 tháng 5 năm 1978
- 1244 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN QUANG**
Đại đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Vĩnh Hòa, Phú Châu, tỉnh An Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 25 tháng 5 năm 1973
Số bằng: 2A 162 bm Quyết định số: 1045/TTga ngày 21 tháng 9 năm 1977
- 1245 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN QUỜN (HOÀNG)**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: , Campuchia, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 14 tháng 6 năm 1974
Số bằng: 1Z 931 bm Quyết định số: 1034/TTga ngày 19 tháng 9 năm 1977
- 1246 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN SÁU (HÙNG)**
Thương sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tân An, Phú Châu, tỉnh An Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 12 năm 1969
Số bằng: 3X 834 bm Quyết định số: 1082/TTga ngày 30 tháng 12 năm 1977
- 1247 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN THÈM**
Cán bộ an ninh huyện, Nguyên quán: , Campuchia, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 24 tháng 5 năm 1968
Số bằng: TM 231 cm Quyết định số: 662/TTga ngày 28 tháng 6 năm 1977
- 1248 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN THƯỜNG**
Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Tân An, huyện Phú Châu, tỉnh An Giang, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 9 tháng 2 năm 1949
Số bằng: U 189 kp Quyết định số: 441/CTKT ngày 12 tháng 7 năm 1987
- 1249 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN TỜ**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tân An, huyện Phú Châu, tỉnh An Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 22 tháng 3 năm 1962
Số bằng: 1B 603 bm Quyết định số: 610/TTga ngày 17 tháng 5 năm 1977
- 1250 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN TOÀN**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Long Sơn, huyện Phú Tân, tỉnh An Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 19 tháng 3 năm 1962
Số bằng: 1K 823 bm Quyết định số: 738/TTga ngày 15 tháng 7 năm 1977
- 1251 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN BÍCH**
Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Phú Vĩnh, huyện Phú Châu, tỉnh An Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 23 tháng 7 năm 1970
Số bằng: AX 743 km Quyết định số: 428/CTKT ngày 13 tháng 11 năm 1985

- 1252 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN HÙNG**
 Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thường Thới Tiền, huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước năm 1963
 Số bằng: 4X 575 cm Quyết định số: 256/TTGa ngày 20 tháng 3 năm 1978
- 1253 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN THƯỜNG**
 Trưởng ban binh vận Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thường Thới Tiền, huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 2 tháng 7 năm 1964 Số bằng: 6N 457 bm Quyết định số: 067/CTKT ngày 26 tháng 3 năm 1982
- 1254 Liệt sĩ: **PHAN VĂN HẢI**
 Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Phú Hưng, huyện Phú Châu, tỉnh An Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 4 tháng 5 năm 1968
 Số bằng: 7E 015 bm Quyết định số: 1330/TTGa ngày 24 tháng 11 năm 1978
- 1255 Liệt sĩ: **PHÚ VĂN MẠNH**
 Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tân An, huyện Phú Châu, tỉnh An Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 3 năm 1971
 Số bằng: 1B 514 bm Quyết định số: 573/TTGa ngày 13 tháng 6 năm 1977
- 1256 Liệt sĩ: **TRẦN TẤN LỢI**
 Cán bộ binh vận xã, Nguyên quán: xã Thường Thới Tiền, huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước tháng 3 năm 1962
 Số bằng: 2M 144 km Quyết định số: 257/TTGa ngày 20 tháng 3 năm 1978
- 1257 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN DŨNG**
 Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thường Thới Tiền, huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 8 tháng 12 năm 1966
 Số bằng: 4X 627 bm Quyết định số: 257/TTGa ngày 20 tháng 3 năm 1978
- 1258 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN PHÒNG**
 Đoàn viên huyện, Nguyên quán: xã Thường Lạc, huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 17 tháng 3 năm 1972
 Số bằng: 4H 597 cm Quyết định số: 64/TTGa ngày 23 tháng 11 năm 1980
- 1259 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN SON**
 Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tân An, huyện Phú Châu, tỉnh An Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 22 tháng 5 năm 1962
 Số bằng: 5G 608 bm Quyết định số: 432/TTGa ngày 4 tháng 5 năm 1978
- 1260 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN THỊNH (GAI)**
 Trung đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tân An, huyện Phú Châu, tỉnh An Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 23 tháng 2 năm 1964
 Số bằng: 1B 678 bm Quyết định số: 578/TTGa ngày 13 tháng 6 năm 1977
- 1261 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN TUỐC (TÈ)**
 Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tân An, huyện Phú Châu, tỉnh An Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước tháng 6 năm 1962
 Số bằng: 1B 609 bm Quyết định số: 610/TTGa ngày 17 tháng 6 năm 1977
- 1262 Liệt sĩ: **TRƯƠNG QUỐC TUẤN**
 Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tân An, huyện Phú Châu, tỉnh An Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước tháng 3 năm 1965

Số bằng: 9G 282 bm Quyết định số: 18/TTGa ngày 5 tháng 1 năm 1980

1263 Liệt sĩ: **TRƯƠNG TẤN ĐẶNG**

Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tân An, huyện Phú Châu, tỉnh An Giang, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 29 tháng 5 năm 1949
Số bằng: 2BC 030bp Quyết định số: 18/TTGa ngày 5 tháng 1 năm 1980

1264 Liệt sĩ: **TRƯƠNG VĂN LĂNG**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thường Thới Tiền, huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 23 tháng 10 năm 1972
Số bằng: OC 724 bm Quyết định số: 662/TTGa ngày 28 tháng 6 năm 1977

1265 Liệt sĩ: **VÕ THỊ BI**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Phú Vĩnh, huyện Phú Châu, tỉnh An Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 14 tháng 3 năm 1968
Số bằng: ĐV 308 bm Quyết định số: 19/QĐ-TTg ngày 8 tháng 1 năm 1999

1266 Liệt sĩ: **VÕ THỊ NHÀN**

Cán bộ huyện ủy, Nguyên quán: xã Long Phú, huyện Phú Châu, tỉnh An Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước năm 1967
Số bằng: AM 290 cm Quyết định số: 53/CTKT ngày 20 tháng 2 năm 1985

1267 Liệt sĩ: **VÕ VĂN ĐÁO**

Cơ sở mật, Nguyên quán: xã Tân An, huyện Phú Châu, tỉnh An Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước tháng 2 năm 1956
Số bằng: 6N 907 cm Quyết định số: 214/CTKT ngày 8 tháng 7 năm 1982

1268 Liệt sĩ: **VÕ VĂN LƯ**

Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Tân An, huyện Phú Châu, tỉnh An Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 5 tháng 5 năm 1955
Số bằng: 2R 398 cm Quyết định số: 549/TTGa ngày 24 tháng 5 năm 1978

1269 Liệt sĩ: **VÕ VĂN RÊ**

Thiếu úy Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Long An, huyện Phú Châu, tỉnh An Giang, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 10 tháng 5 năm 1987
Số bằng: CD 156 bt Quyết định số: 87/CTKT ngày 10 tháng 5 năm 1989

1270 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN TIỀM**

Bí thư chi bộ xã, Nguyên quán: xã Vị Thủy, huyện Long Mỹ, TP Cần Thơ, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước năm 1957
Số bằng: 1Q 320 cm Quyết định số: 1338/TTGa ngày 2 tháng 11 năm 1977

1271 Liệt sĩ: **CHAU CHUÔNG**

Bí thư chi bộ xã, Nguyên quán: xã An Tức, huyện Bảy Núi, tỉnh An Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 5 tháng 9 năm 1968
Số bằng: 4I 452 cm Quyết định số: 207/TTGa ngày 19 tháng 3 năm 1980

1272 Liệt sĩ: **DƯƠNG HOÀI RÔ (ĐỨC)**

Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: Betchay, Campuchia, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 31 tháng 3 năm 1971
Số bằng: 5Z 481 bm Quyết định số: 756/TTGa ngày 17 tháng 7 năm 1978

1273 Liệt sĩ: **HÀ VĂN QUÁCH**

Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: , Campuchia, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 17 tháng 1 năm 1976
Số bằng: HB 165 bm Quyết định số: 741/QĐ-Ttg ngày 18 tháng 5 năm 2006

1274 Liệt sĩ: **LÊ VĂN PHƯƠNG**

Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Long Sơn, huyện Phú Tân, tỉnh An Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 23 tháng 9 năm 1970
Số bằng: 5G 626 bm Quyết định số: 432/TTga ngày 4 tháng 5 năm 1978

1275 Liệt sĩ: **GIANG THỊ CHÚC**

Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Khánh Bình, huyện Phú Châu, tỉnh An Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 13 tháng 2 năm 1969
Số bằng: 2T 929 km Quyết định số: 700/TTga ngày 30 tháng 6 năm 1978

1276 Liệt sĩ: **GIANG VĂN KÊNH**

Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Khánh Bình, huyện Phú Châu, tỉnh An Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 2 năm 1969
Số bằng: 2T 972 km Quyết định số: 700/TTga ngày 30 tháng 6 năm 1978

1277 Liệt sĩ: **GIANG VĂN THIẾT (SĨ)**

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Mỹ Lâm, huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 5 tháng 5 năm 1968
Số bằng: 5S 623 bm Quyết định số: 670/TTga ngày 26 tháng 6 năm 1978

1278 Liệt sĩ: **PHAN VĂN HAI**

Cán bộ xã, Nguyên quán: xã Mỹ Phước, huyện Mỹ Tú, tỉnh Hậu Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 4 năm 1967
Số bằng: X 465 cm Quyết định số: 27/CTKT ngày 2 tháng 8 năm 1984

1279 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN SƠN**

Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Mỹ Phước, huyện Mỹ Tú, tỉnh Hậu Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 5 tháng 5 năm 1972
Số bằng: AK 806 km Quyết định số: 398/CTKT ngày 21 tháng 11 năm 1984

TỈNH NGHỆ AN

1280 Liệt sĩ: **NGUYỄN ĐẠI HÀ**

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quỳnh Bá, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 23 tháng 12 năm 1977
Số bằng: 7A 367 bt Quyết định số: 1299/TTga ngày 17 tháng 11 năm 1978

1281 Liệt sĩ: **PHẠM BỐ HẬU**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: Quỳnh Đôi, Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước năm 1951
Số bằng: EZ 628 bm Quyết định số: 218/TTga ngày 27 tháng 11 năm 1963

1282 Liệt sĩ: **HỒ SĨ THÂN**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: Quỳnh Mỹ, Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 19 tháng 5 năm 1953
Số bằng: EZ 727 bm Quyết định số: 219/TTga ngày 27 tháng 11 năm 1963

- 1283 Liệt sĩ: **ĐẶNG NGỌC DOANH**
 Binh nhất Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quỳnh Ngọc, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 3 tháng 3 năm 1968
 Số bằng: QM 646 bm Quyết định số: 184/TTGa ngày 29 tháng 10 năm 1969
- 1284 Liệt sĩ: **HÒ KHẮC NHÂN**
 Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quỳnh Lâm, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 18 tháng 12 năm 1966
 Số bằng: EZ 669 bm Quyết định số: 219/TTGa ngày 27 tháng 11 năm 1963
- 1285 Liệt sĩ: **ĐÀO NGỌC LIỄN**
 Lái xe vận tải, Nguyên quán: xã Quỳnh Long, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 15 tháng 8 năm 1968
 Số bằng: R 1,524 cm Quyết định số: 124/TTGa ngày 11 tháng 4 năm 1972
- 1286 Liệt sĩ: **NGUYỄN XUÂN THÁI**
 Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quỳnh Lâm, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 14 tháng 3 năm 1969
 Số bằng: MT 534 bm Quyết định số: 290/TTGa ngày 9 tháng 12 năm 1970
- 1287 Liệt sĩ: **HÒ QUANG**
 Chiến sĩ quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: Quỳnh Nghĩa, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 23 tháng 12 năm 1951
 Số bằng: ZK 260 bt Quyết định số: 551/TTg ngày 15 tháng 11 năm 1958
- 1288 Liệt sĩ: **HÒ TRUẬT**
 Công nhân ty Giao thông vận tải tỉnh Nghệ An, Nguyên quán: Quỳnh Nghĩa, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 26 tháng 4 năm 1968
 Số bằng: HM 807 cm Quyết định số: 3547/TTGa ngày 24 tháng 8 năm 1972
- 1289 Liệt sĩ: **HÒ ĐÌNH ĐỒ**
 Chiến sĩ, Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quỳnh Ngọc, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 13 tháng 8 năm 1967
 Số bằng: YZ 555 bm Quyết định số: 1191/TTg ngày 22 tháng 12 năm 1956
- 1290 Liệt sĩ: **HÒ VINH HẢI**
 Thiếu úy Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quỳnh Tam, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 28 tháng 5 năm 1978
 Số bằng: 7A 372 bt Quyết định số: 1299/TTGa ngày 17 tháng 11 năm 1978
- 1291 Liệt sĩ: **NGUYỄN MINH DẦN**
 Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tiến Thủy, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 4 năm 1972
 Số bằng: LA 844 bm Quyết định số: 289/TTGa ngày 8 tháng 6 năm 1974
- 1292 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN THÁI**
 Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quỳnh Ngọc, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 22 tháng 9 năm 1969
 Số bằng: VT 458 Quyết định số: 317/TTga ngày 20 tháng 4 năm 1977
- 1293 Liệt sĩ: **HÒ ĐẠI THANH**
 Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quỳnh Nghĩa, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ

An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 4 tháng 4 năm 1970
Số bằng: BT 263 bm Quyết định số: 100/Ttga ngày 23 tháng 3 năm 1972

1294 Liệt sĩ: **NGUYỄN HỮU ĐIỂM**

Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quỳnh Thịnh, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 20 tháng 2 năm 1971
Số bằng: CR 484 bt Quyết định số: 386/Ttga ngày 19 tháng 9 năm 1972

1295 Liệt sĩ: **NGUYỄN HỮU TUỆ**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quỳnh Hồng, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp tháng 10 năm 1951
Số bằng: GY 416 bp Quyết định số: 10/QĐ-TTg ngày 3 tháng 1 năm 2006

1296 Liệt sĩ: **NGUYỄN XUÂN ĐÀO**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quỳnh Thọ, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 5 tháng 10 năm 1949
Số bằng: ZM 289 bp Quyết định số: 430/TTg ngày 6 tháng 9 năm 1958

1297 Liệt sĩ: **HOÀNG QUỐC TUẤN**

Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quỳnh Thọ, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 24 tháng 3 năm 1971
Số bằng: EK 200 bm Quyết định số: 144/Ttga ngày 14 tháng 4 năm 1973

1298 Liệt sĩ: **NGUYỄN THÁI BÌNH**

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quỳnh Thọ, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 14 tháng 3 năm 1978
Số bằng: 7A 275 bm Quyết định số: 1299/TTga ngày 17 tháng 11 năm 1978

1299 Liệt sĩ: **NGUYỄN NGỌC NGỘI**

Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã An Hòa, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 29 tháng 12 năm 1968
Số bằng: MO 613 bm Quyết định số: 175/Ttga ngày 13 tháng 7 năm 1970

1300 Liệt sĩ: **HỒ ĐÌNH TẠO**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quỳnh Hoan, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 20 tháng 12 năm 1951
Số bằng: ZU 585 bm Quyết định số: 152/TTg ngày 12 tháng 7 năm 1960

1301 Liệt sĩ: **LÊ VIỆT ĐĂNG**

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quỳnh Thuận, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 12 tháng 3 năm 1971
Số bằng: EH 834 bm Quyết định số: 121/Ttga ngày 5 tháng 4 năm 1973

1302 Liệt sĩ: **NGUYỄN BÁ ĐẶNG**

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quỳnh Thuận, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 18 tháng 12 năm 1966
Số bằng: IM 570 bm Quyết định số: 178/Ttga ngày 1 tháng 10 năm 1968

1303 Liệt sĩ: **HỒ VĂN TOÀN**

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quỳnh Hoa, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 10 tháng 9 năm 1952
Số bằng: EZ 710 bp Quyết định số: 219/TTga ngày 11 tháng 27 năm 1963

- 1304 Liệt sĩ: **ĐẶNG QUANG CHÂU**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quỳnh Đôi, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 14 tháng 8 năm 1972
Số bằng: LB 250 bm Quyết định số: 194/Ttga ngày 25 tháng 4 năm 1974
- 1305 Liệt sĩ: **NGUYỄN KHẮC HẠNH**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quỳnh Bảng, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 8 tháng 9 năm 1972
Số bằng: LA 756 bm Quyết định số: 289/TTga ngày 8 tháng 6 năm 1974
- 1306 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN THAO**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quỳnh Tân, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 13 tháng 2 năm 1972
Số bằng: QT 867 bm Quyết định số: 253/Ttga ngày 18 tháng 6 năm 1976
- 1307 Liệt sĩ: **ĐẠU ĐỨC BẢNG**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quỳnh Tùng, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 30 tháng 12 năm 1952
Số bằng: ZK 473 bp Quyết định số: 19/TTg ngày 9 tháng 1 năm 1958
- 1308 Liệt sĩ: **LÊ VĂN NHÃ**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quỳnh Bảng, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 25 tháng 2 năm 1968
Số bằng: QM 537 bm Quyết định số: 184/Ttga ngày 29 tháng 10 năm 1969
- 1309 Liệt sĩ: **NGUYỄN CÔNG HIỆN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quỳnh Xuân, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 23 tháng 5 năm 1966
Số bằng: PM 947 bm Quyết định số: 146/Ttga ngày 15 tháng 9 năm 1969
- 1310 Liệt sĩ: **LÊ TIẾN THỤY**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quỳnh Văn, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 28 tháng 8 năm 1972
Số bằng: HG 726 bm Quyết định số: 1666/QĐ-TTg ngày 19 tháng 12 năm 2006
- 1311 Liệt sĩ: **HỒ MINH QUANG**
Tiểu đội trưởng quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quỳnh Bảng, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 24 tháng 9 năm 1966
Số bằng: BM 305 bm Quyết định số: 235/Ttga ngày 17 tháng 12 năm 1968
- 1312 Liệt sĩ: **LÊ HOÀI VŨ**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quỳnh Yên, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 2 tháng 10 năm 1977
Số bằng: 7Đ 670 bm Quyết định số: 1312/Ttga ngày 20 tháng 11 năm 1978
- 1313 Liệt sĩ: **NGUYỄN ĐỨC CẦU**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nghi Hải- huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp tháng 1 năm 1954
Số bằng: GZ 524 Quyết định số: 75/Ttga ngày 15 tháng 6 năm 1964
- 1314 Liệt sĩ: **PHẠM NGỌC SĨ**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Hoàng, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 23 tháng 2 năm 1968

Số bằng: 4E 711 bm Quyết định số: 410/Ttga ngày 26 tháng 4 năm 1978

- 1315 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN HÙNG**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Hùng, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 28 tháng 2 năm 1969
Số bằng: ND 268 bm Quyết định số: 78/Ttga ngày 2 tháng 4 năm 1970
- 1316 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN BÍCH**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Hoàng, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 24 tháng 10 năm 1965
Số bằng: BT 272 bm
- 1317 Liệt sĩ: **HỒ SĨ KHOA**
Công nhân Quốc phòng, Nguyên quán: xã Diễn Hùng, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 1 tháng 3 năm 1970
Số bằng: NM 765cm Quyết định số: 253/TTga ngày 18 tháng 6 năm 1976
- 1318 Liệt sĩ: **NGUYỄN NHÃ TĂNG**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Minh, huyện Diễn Châu, Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 25 tháng 7 năm 1968
Số bằng: EK 182 bm Quyết định số: 144/TTga ngày 14 tháng 4 năm 1973
- 1319 Liệt sĩ: **NGUYỄN NHƯ AI**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Minh, huyện Diễn Châu, Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 12 tháng 4 năm 1971
Số bằng: ĐQ 513 bm Quyết định số: 494/Ttga ngày 9 tháng 12 năm 1972
- 1320 Liệt sĩ: **NGUYỄN THẾ THÀNH**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Minh, huyện Diễn Châu, Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 12 tháng 12 năm 1974
Số bằng: UH 478 bm Quyết định số: 179/Ttga ngày 22 tháng 3 năm 1977
- 1321 Liệt sĩ: **CAO XUÂN PHỒN**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Minh, huyện Diễn Châu, Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 8 tháng 2 năm 1971
Số bằng: ĐQ 297 bm Quyết định số: 507/Ttga ngày 16 tháng 12 năm 1972
- 1322 Liệt sĩ: **CAO ĐÌNH KIÊU**
Y sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Minh, huyện Diễn Châu, Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 6 tháng 1 năm 1973
Số bằng: OK 592 bm Quyết định số: 15/Ttga ngày 18 tháng 1 năm 1975
- 1323 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN BÀN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Phúc, Huyện Diễn Châu, Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 13 tháng 7 năm 1966
Số bằng: PX 988 bm Quyết định số: 163/TTga ngày 23 tháng 11 năm 1966
- 1324 Liệt sĩ: **PHẠM HỒNG QUYỀN**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Phúc, Huyện Diễn Châu, Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 15 tháng 5 năm 1972
Số bằng: KV 131 bm Quyết định số: 596/Ttga ngày 28 tháng 12 năm 1973
- 1325 Liệt sĩ: **NGUYỄN HÙNG HUÂN**

Cán bộ ban xây dựng Bộ GTVT, Nguyên quán: xã Diễn Phúc, Huyện Diễn Châu, Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 3 tháng 11 năm 1968
Số bằng: ĐM 086 cm Quyết định số: 189/Ttga ngày 5 tháng 11 năm 1969

1326 Liệt sĩ: **NGUYỄN CÔNG SỰ**

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Hải, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 11 tháng 10 năm 1972
Số bằng: LG 214 bm Quyết định số: 218/TTga ngày 4 tháng 5 năm 1974

1327 Liệt sĩ: **HOÀNG VĂN TUẤN**

Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Vạn, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 29 tháng 11 năm 1973
Số bằng: SI 079 bm Quyết định số: 462/TTga ngày 21 tháng 10 năm 1976

1328 Liệt sĩ: **MONG VĂN KHẨM**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: Xã Hồi Kim, huyện Kỳ Sơn, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 27 tháng 10 năm 1972
Số bằng: LB 662 bm Quyết định số: 326/TTga ngày 25 tháng 6 năm 1974

1329 Liệt sĩ: **LÔ QUANG TÌNH**

Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hữu Kiệm, huyện Kỳ Sơn, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 12 tháng 1 năm 1969
Số bằng: CG 487 bm Quyết định số: 243/TTga ngày 20 tháng 6 năm 1972

1330 Liệt sĩ: **VÔ HIỀN HIÊN**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nghi Kiều, huyện Nghi Lộc, Nghệ An, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 18 tháng 9 năm 1978
Số bằng: 9Q 401 bt Quyết định số: 474/TTga ngày 4 tháng 7 năm 1980

1331 Liệt sĩ: **VÔ LONG VÂN**

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nghi Thịnh, huyện Nghi Lộc, Nghệ An, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 10 tháng 7 năm 1980
Số bằng: DL 674 bt Quyết định số: 50/TTg ngày 2 tháng 2 năm 1994

1332 Liệt sĩ: **PHAN MINH HÀ**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã nghi trung, huyện nghi lộc, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 29 tháng 6 năm 1978
Số bằng: 8Q 839 bt Quyết định số: 585/TTga ngày 14 tháng 8 năm 1979

1333 Liệt sĩ: **NGUYỄN SĨ HỢP**

Dân công, Nguyên quán: xã Nghi trung, huyện nghi lộc, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 25 tháng 7 năm 1972
Số bằng: MM 484 bm Quyết định số: 512/TTga ngày 3 tháng 10 năm 1974

1334 Liệt sĩ: **HỒ XUÂN LUẬN**

Trung sĩ công an nhân dân vũ trang, Nguyên quán: xã Nghi Tiến, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 10 năm 1968
Số bằng: VM 002 cm Quyết định số: 221/TTga ngày 11 tháng 12 năm 1969

1335 Liệt sĩ: **VÔ VĂN TÙY**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nghi Mỹ - huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 13 tháng 3 năm 1954
Số bằng: YZ 500 bp Quyết định số: 119/TTg ngày 22 tháng 12 năm 1956

- 1336 Liệt sĩ: **NGUYỄN QUỐC GIẢM**
Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nghi Phong, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 24 tháng 12 năm 1977
Số bằng: 9U 044 bm Quyết định số: 572/Ttga ngày 20 tháng 8 năm 1980
- 1337 Liệt sĩ: **LÊ SỸ NGUYỄN**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nghi Thịnh, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 7 tháng 9 năm 1966
Số bằng: BN 325 bp Quyết định số: 69/Ttga ngày 29 tháng 2 năm 1972
- 1338 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN HUỆ**
Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nghi Liên, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 7 tháng 12 năm 1952
Số bằng: XG 342 bp Quyết định số: 226/TTg ngày 5 tháng 5 năm 1958
- 1339 Liệt sĩ: **LÊ NGỌC HÒA**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nghi Văn, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 13 tháng 11 năm 1965
Số bằng: QX 023 bm Quyết định số: 163/TTga ngày 23 tháng 11 năm 1966
- 1340 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN HÒ**
Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hưng Nhân, huyện Hưng Nguyên, Tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 26 tháng 11 năm 1948
Số bằng: EZ 175 bp Quyết định số: 124/TTga ngày 16 tháng 6 năm 1963
- 1341 Liệt sĩ: **NGUYỄN ĐÌNH LONG**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã La Văn, huyện Nghi Lộc, Tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 13 tháng 11 năm 1972
Số bằng: KV 019 bm Quyết định số: 578/Ttga ngày 19 tháng 12 năm 1973
- 1342 Liệt sĩ: **ĐẬU VĂN THÁI**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nghi Tiến, huyện Nghi Lộc, Tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 15 tháng 12 năm 1974
Số bằng: VT 454 bm Quyết định số: 350/Ttga ngày 25 tháng 4 năm 1977
- 1343 Liệt sĩ: **LÊ VĂN HẬU**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nam Hùng, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 12 tháng 6 năm 1969
Số bằng: MF 987 bm Quyết định số: 117/TTga ngày 11 tháng 5 năm 1970
- 1344 Liệt sĩ: **ĐẶNG HỒNG KỶ**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nghi Thuận, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 16 tháng 2 năm 1971
Số bằng: ĐQ 866 bm Quyết định số: 53/TTga ngày 17 tháng 2 năm 1973
- 1345 Liệt sĩ: **PHẠM ĐÌNH**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nghi Phong, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 2 tháng 12 năm 1953
Số bằng: LC 749 bp Quyết định số: 440/TTga ngày 28 tháng 8 năm 1974
- 1346 Liệt sĩ: **HOÀNG ĐÌNH HÒA**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nghi Phương, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ

An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp tháng 3 năm 1953
Số bằng: GZ 566 bp Quyết định số: 75/TTGa ngày 15 tháng 6 năm 1964

- 1347 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN KHIÊM**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nghi Phương, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp tháng 2 năm 1952
Số bằng: XZ 753 bp Quyết định số: 313/TTg ngày 13 tháng 12 năm 1960
- 1348 Liệt sĩ: **CAO ĐỨC ĐANG**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nghi Phương, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 19 tháng 7 năm 1968
Số bằng: ĐQ 276 bm Quyết định số: 507/TTGa ngày 16 tháng 12 năm 1972
- 1349 Liệt sĩ: **VÕ TRỌNG NHỊ**
Công nhân Ty giao thông, Nguyên quán: xã Hưng Xuân, huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 22 tháng 10 năm 1972
Số bằng: LA 150 cm Quyết định số: 390/TTGa ngày 4 tháng 9 năm 1973
- 1350 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN KIÊN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nghi Mỹ, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 29 tháng 3 năm 1970
Số bằng: BK 495 bm Quyết định số: 38/TTGa ngày 27 tháng 1 năm 72
- 1351 Liệt sĩ: **NGUYỄN MINH BÁN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nam Hùng, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 26 tháng 3 năm 1954
Số bằng: ZK 471 bp Quyết định số: 19/TTg ngày 1 tháng 1 năm 1958
- 1352 Liệt sĩ: **LÊ TRỌNG BỐC**
Đảng viên, Nguyên quán: xã Nghi Tiến, Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 7 tháng 5 năm 1931
Số bằng: ZA 405 cp Quyết định số: 130/TTg ngày 1 tháng 4 năm 1959
- 1353 Liệt sĩ: **NGUYỄN GIÁO TƯƠNG**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nghi Công, huyện Nghi Lộc, Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 27 tháng 10 năm 1972
Số bằng: LR 177 bm Quyết định số: 255/TTGa ngày 21 tháng 5 năm 1974
- 1354 Liệt sĩ: **ĐINH BẠT LÊ**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nghi Công, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 8 tháng 1 năm 1966
Số bằng: BB 219 bm Quyết định số: 278/TTGa ngày 30 tháng 11 năm 1971
- 1355 Liệt sĩ: **PHẠM XUÂN PHONG**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: Nghi Xuân, Nghi Lộc, Nghệ an, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 13 tháng 11 năm 1965
Số bằng: QX 061 bm Quyết định số: 163/TTGa ngày 23 tháng 11 năm 1966
- 1356 Liệt sĩ: **NGUYỄN THANH ĐỊNH**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nghi Thạch, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 23 tháng 12 năm 1978
Số bằng: 9T 642 bt Quyết định số: 588/TTGa ngày 15 tháng 8 năm 1980

- 1357 **Liệt sĩ: VÕ SĨ HÒA**
Thiếu úy Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nghi Xuân, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 5 tháng 2 năm 1968
Số bằng: OM 739 bm Quyết định số: 109/TTGa ngày 14 tháng 7 năm 1969
- 1358 **Liệt sĩ: ĐẬU HỒNG ĐỒ**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nghi Xuân, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 21 tháng 1 năm 1969
Số bằng: ĐK 848 bm Quyết định số: 14/TTGa ngày 20 tháng 1 năm 1973
- 1359 **Liệt sĩ: PHẠM ĐÌNH DIỄN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nghi Xuân, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 29 tháng 6 năm 1972
Số bằng: HV 430 bm Quyết định số: 148/TTGa ngày 9 tháng 4 năm 1974
- 1360 **Liệt sĩ: PHẠM BÁ CHÁU**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: Nghi Xuân, Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 29 tháng 3 năm 1970
Số bằng: BN 281 bm Quyết định số: 69/TTGa ngày 29 tháng 2 năm 1972
- 1361 **Liệt sĩ: TRƯƠNG VĂN TÍNH**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nghi Xuân, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 3 tháng 4 năm 1954
Số bằng: GZ 620 bp Quyết định số: 75/TTGa ngày 6 tháng 5 năm 1964
- 1362 **Liệt sĩ: TRƯƠNG VĂN TRƯỜNG**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: Nghi Xuân, Nghi Lộc, Nghệ An, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 26 tháng 11 năm 1951
Số bằng: GZ 647 bp Quyết định số: 75/TTGa ngày 6 tháng 5 năm 1964
- 1363 **Liệt sĩ: NGUYỄN NGỌC THỦY**
Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nghi Xuân, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 1 tháng 3 năm 1979
Số bằng: 9U 160 bt Quyết định số: 541/TTGa ngày 8 tháng 8 năm 1980
- 1364 **Liệt sĩ: NGUYỄN VĂN XIN**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nghi Xuân, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 13 tháng 5 năm 1968
Số bằng: RB 095 bm Quyết định số: 149/TTGa ngày 28 tháng 4 năm 1976
- 1365 **Liệt sĩ: VI VĂN HỒNG**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nậm Giải, huyện Quế Phong, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 2 tháng 8 năm 1970
Số bằng: R 1,329 bm Quyết định số: 92/TTGa ngày 18 tháng 3 năm 1972
- 1366 **Liệt sĩ: LÊ VĂN HÙNG**
Trung đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nậm Giải, huyện Quế Phong, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 18 tháng 5 năm 1969
Số bằng: ĐK 060 bm Quyết định số: 14/TTGa ngày 20 tháng 1 năm 1973
- 1367 **Liệt sĩ: LỮ VĂN CHÂU**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Mường Nọc, huyện Quế Phong, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 2 tháng 7 năm 1972

Số bằng: LE 060 bm Quyết định số: 161/TTga ngày 13 tháng 4 năm 1974

1368 Liệt sĩ: **LÔ VĂN NHÂN**

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Mùòng Nọc, huyện Quế Phong, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 4 năm 1972
Số bằng: OK 607 bm Quyết định số: 15/TTga ngày 18 tháng 1 năm 1975

1369 Liệt sĩ: **MAC VĂN THẠCH**

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Mùòng Nọc, huyện Quế Phong, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 16 tháng 3 năm 1971
Số bằng: ĐS 340 bm Quyết định số: 27/TTga ngày 7 tháng 2 năm 1973

1370 Liệt sĩ: **VI VĂN THỦY**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Mùòng Nọc, huyện Quế Phong, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 17 tháng 10 năm 1978
Số bằng: 8R 178 bt Quyết định số: 574/TTga ngày 14 tháng 8 năm 1979

1371 Liệt sĩ: **DAM VĂN THIẾT**

Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Cẩm Muộn, huyện Quế Phong, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 16 tháng 5 năm 1969
Số bằng: CR 637 bm Quyết định số: 426/TTga ngày 19 tháng 10 năm 1972

1372 Liệt sĩ: **LÒ VĂN ĐÁO**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Mùòng Hín, huyện Quế Phong, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 2 tháng 10 năm 1966
Số bằng: QI 144 bm Quyết định số: 11/TTga ngày 10 tháng 1 năm 1976

1373 Liệt sĩ: **VY XUÂN BÌNH**

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Mùòng Hín, huyện Quế Phong, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 23 tháng 6 năm 1970
Số bằng: AP 888 bm Quyết định số: 222/TTga ngày 6 tháng 9 năm 1971

1374 Liệt sĩ: **LÒ VĂN QUANG**

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Mùòng Hín, huyện Quế Phong, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 8 tháng 4 năm 1978
Số bằng: 7Đ 504 bt Quyết định số: 1393/TTga ngày 8 tháng 12 năm 1978

1375 Liệt sĩ: **HOÀNG TRUNG THÔNG**

Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Cẩm Thạch, huyện Cẩm Xuyên, tỉnh Hà Tĩnh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 2 tháng 2 năm 1971
Số bằng: PI 078 bm Quyết định số: 290/TTga ngày 28 tháng 7 năm 1975

1376 Liệt sĩ: **LÊ VĂN THỨ**

Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Cẩm Lĩnh, huyện Cẩm Xuyên, tỉnh Hà Tĩnh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 20 tháng 2 năm 1968
Số bằng: 1H 380 bm Quyết định số: 761/TTga ngày 27 tháng 7 năm 1977

1377 Liệt sĩ: **PHAN ĐĂNG HUỲNH**

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nghĩa Đồng, huyện Tân Kỳ, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 20 tháng 11 năm 1966
Số bằng: 1L 331 bm Quyết định số: 791/TTga ngày 1 tháng 8 năm 1977

1378 Liệt sĩ: **HÀ KIM ĐỒNG**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Châu Hùng, huyện Quế Phong, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 27 tháng 1 năm 1964
Số bằng: HZ 325 bm Quyết định số: 113/TTGa ngày 19 tháng 7 năm 1965

1379 Liệt sĩ: **LƯƠNG VĂN SÂM**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Ty Tế, huyện Quế Phong, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 30 tháng 6 năm 1970
Số bằng: BK 461 bm Quyết định số: 38/TTGa ngày 27 tháng 1 năm 1972

1380 Liệt sĩ: **LƯƠNG XUÂN TIẾP**

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Châu Hùng, huyện Quế Phong, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 19 tháng 6 năm 1972
Số bằng: 5S 158 bm Quyết định số: 725/TTGa ngày 5 tháng 7 năm 1978

1381 Liệt sĩ: **QUẢNG ỚT CẦU**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thông Thụ, huyện Quỳnh Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 30 tháng 5 năm 1953
Số bằng: DZ 242 bp Quyết định số: 278/TTGa ngày 10 tháng 8 năm 1962

1382 Liệt sĩ: **SÀM VĂN ĐỊA**

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thông Thụ, huyện Quỳnh Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 12 tháng 5 năm 1972
Số bằng: OI 811 bm Quyết định số: 03/TTGa ngày 3 tháng 1 năm 1975

1383 Liệt sĩ: **LÔ ĐỨC LIÊN**

Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thông Thụ, huyện Quỳnh Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 3 tháng 11 năm 1978
Số bằng: 8Q 935 bt Quyết định số: 575/TTGa ngày 14 tháng 8 năm 1979

1384 Liệt sĩ: **VY VĂN PHIÊNG**

Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thông Thụ, huyện Quỳnh Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 15 tháng 6 năm 1971
Số bằng: CP 234 bm Quyết định số: 298/TTGa ngày 27 tháng 7 năm 1972

1385 Liệt sĩ: **VY VĂN QUYẾT**

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Châu Hạnh, huyện Quỳnh Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 12 năm 1968
Số bằng: YQ 080 bm Quyết định số: 514/TTGa ngày 3 tháng 6 năm 1977

1386 Liệt sĩ: **LÊ VĂN HUYỀN**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Châu Hạnh, huyện Quỳnh Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 14 tháng 10 năm 1966
Số bằng: 8E 365 bm Quyết định số: 349/TTGa ngày 18 tháng 5 năm 1979

1387 Liệt sĩ: **LƯƠNG THANH HẢI**

Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Châu Hạnh, huyện Quỳnh Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 28 tháng 6 năm 1972
Số bằng: LB 267 bm Quyết định số: 194/TTGa ngày 25 tháng 4 năm 1974

1388 Liệt sĩ: **NGUYỄN HUY ĐUỖM**

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quỳnh Văn, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 13 tháng 4 năm 1969
Số bằng: MH 027 bm Quyết định số: 86/TTGa ngày 9 tháng 4 năm 1970

- 1389 **Liệt sĩ: LƯƠNG VĂN HÙNG**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Châu Bình, huyện Quỳnh Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 8 tháng 9 năm 1972
Số bằng: KL 928 bm Quyết định số: 578/TTGa ngày 19 tháng 12 năm 1973
- 1390 **Liệt sĩ: PHẠM THÁI HOÀ**
Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Phúc Thọ, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 24 tháng 5 năm 1978
Số bằng: M 769 bt Quyết định số: 262/CTKT ngày 6 tháng 7 năm 1983
- 1391 **Liệt sĩ: LÃNG VĂN HÙNG**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Châu Hội, huyện Quỳnh Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 22 tháng 2 năm 1969
Số bằng: MH 061 bm Quyết định số: 86/TTGa ngày 9 tháng 4 năm 1970
- 1392 **Liệt sĩ: LANG VĂN TƯỜNG**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Châu Hội, huyện Quỳnh Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 6 tháng 6 năm 1967
Số bằng: KM 438 bm Quyết định số: 203/TTGa ngày 12 tháng 11 năm 1968
- 1393 **Liệt sĩ: LÃNG VĂN TOÀN**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Châu Bình, huyện Quỳnh Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 12 tháng 3 năm 1971
Số bằng: ĐQ 975 bm Quyết định số: 53/TTGa ngày 17 tháng 2 năm 1973
- 1394 **Liệt sĩ: NGUYỄN NGỌC VĂN**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thanh Lĩnh, huyện Thanh Chương, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 9 tháng 5 năm 1970
Số bằng: BT 288 bm Quyết định số: 100/TTGa ngày 23 tháng 3 năm 1972
- 1395 **Liệt sĩ: BÙI XUÂN PHƯỢNG**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hưng Vĩnh, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 19 tháng 12 năm 1972
Số bằng: LA 982 bm Quyết định số: 221/TTGa ngày 7 tháng 5 năm 1974
- 1396 **Liệt sĩ: NGUYỄN HỮU LỆ**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hưng Bình, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 25 tháng 4 năm 1968
Số bằng: 1L 148 bm Quyết định số: 792/TTGa ngày 1 tháng 8 năm 1977
- 1397 **Liệt sĩ: PHAN VĂN NĂM**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Xuân Viên, huyện Nghi Xuân, tỉnh Hà Tĩnh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 9 năm 1968
Số bằng: PI 023 bm Quyết định số: 290/TTGa ngày 28 tháng 7 năm 1975
- 1398 **Liệt sĩ: MAI NGỌC THÂN**
Kỹ sư Cục công trình, Bộ Giao thông Vận tải, Nguyên quán: xã Bắc Sơn, huyện Anh Sơn, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 7 tháng 10 năm 1968
Số bằng: CM 998 bm Quyết định số: 189/TTGa ngày 5 tháng 11 năm 1969
- 1399 **Liệt sĩ: TRẦN PHÚ THÀNH**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nam Phúc, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An,

đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 3 tháng 9 năm 1968
Số bằng: ĐS 022 bm Quyết định số: 25/TTGa ngày 7 tháng 2 năm 1973

1400 Liệt sĩ: **ĐÀO XUÂN CHÁT**

Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Sơn Ninh, huyện Hương Sơn, tỉnh Hà Tĩnh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 30 tháng 1 năm 1973
Số bằng: QB 189 bm Quyết định số: 454/TTGa ngày 24 tháng 11 năm 1975

1401 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN MINH**

Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: Khu phố 2, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 27 tháng 2 năm 1971
Số bằng: 1L 223 bm Quyết định số: 765/TTGa ngày 27 tháng 7 năm 1977

1402 Liệt sĩ: **LÊ CÔNG TỐ**

Chính trị viên phó đại đội Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thanh Bình, huyện Thanh Chương, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 2 tháng 3 năm 1979
Số bằng: 2AA 208 bt Quyết định số: 10/TTGa ngày 9 tháng 1 năm 1981

1403 Liệt sĩ: **DƯƠNG NAM**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, xã Quỳnh Thọ, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp tháng 12 năm 1951
Số bằng: EZ 662 bp Quyết định số: 219/TTGa ngày 29 tháng 11 năm 1963

1404 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN PHÚC**

Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: phường Hưng Dũng, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 8 tháng 7 năm 1972
Số bằng: QN 075 bm Quyết định số: 56/TTGa ngày 19 tháng 2 năm 1976

1405 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN ĐÌNH**

Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, xã Hưng Thái, huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 22 tháng 8 năm 1972
Số bằng: KL 850 bm Quyết định số: 573/TTGa ngày 17 tháng 12 năm 1973

1406 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN THIÊN**

Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: phường Hưng Dũng, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 20 tháng 3 năm 1972
Số bằng: UR 477 bm Quyết định số: 446/TTGa ngày 18 tháng 5 năm 1977

1407 Liệt sĩ: **PHAN TỬ KỶ**

Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quỳnh Đôi, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 3 tháng 8 năm 1972
Số bằng: NK 307 bm Quyết định số: 350/TTGa ngày 5 tháng 7 năm 1974

1408 Liệt sĩ: **NGUYỄN ĐÌNH CƯ**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nghi Đức, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 23 tháng 12 năm 1977
Số bằng: 7A 294 bt Quyết định số: 1299/TTGa ngày 17 tháng 11 năm 1978

1409 Liệt sĩ: **PHAN TRỌNG ĐIỆP**

Chính trị viên phó đại đội Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Trung Lộc, huyện Can Lộc, tỉnh Hà Tĩnh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 9 tháng 9 năm 1970
Số bằng: NP 439 bm Quyết định số: 387/TTGa ngày 26 tháng 7 năm 1974

- 1410 Liệt sĩ: **NGUYỄN XÔ**
Đại đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: thị xã Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 30 tháng 10 năm 1963
Số bằng: 5G 415 bm Quyết định số: 622/TTGa ngày 12 tháng 6 năm 1978
- 1411 Liệt sĩ: **TRẦN PHÚ THÀNH**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nam Phúc, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 3 tháng 9 năm 1968
Số bằng: ĐS 022 bm Quyết định số: 25/TTGa ngày 7 tháng 2 năm 1973
- 1412 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN CHÂU**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Bồi Sơn, huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 20 tháng 9 năm 1953
Số bằng: EZ 795 bp Quyết định số: 225/TTGa ngày 11 tháng 12 năm 1963
- 1413 Liệt sĩ: **LÊ NHƯ QUÁN**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quỳnh Hoa, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 17 tháng 7 năm 1966
Số bằng: NM 355 bm Quyết định số: 66/TTGa ngày 15 tháng 5 năm 1969
- 1414 Liệt sĩ: **LÊ THỊ VANG**
Đội viên dân quân, Nguyên quán: xã Quỳnh Hoa, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 12 tháng 2 năm 66
Số bằng: DM 126 km Quyết định số: 669/TTGa ngày 22 tháng 8 năm 1997
- 1415 Liệt sĩ: **VÕ VĂN LƯỢNG**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Phong Thịnh, huyện Thanh Chương, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 2 tháng 8 năm 1970
Số bằng: BK 334 bm Quyết định số: 38/TTGa ngày 27 tháng 1 năm 1972
- 1416 Liệt sĩ: **ĐẶNG SƠN**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hưng Đông, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 18 tháng 1 năm 1972
Số bằng: YP 551 bm Quyết định số: 459/TTGa ngày 20 tháng 5 năm 1977
- 1417 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN THIÊN**
Chuẩn úy Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nam Thắng, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 11 tháng 6 năm 1970
Số bằng: BL 256 bm Quyết định số: 36/TTGa ngày 27 tháng 1 năm 1972
- 1418 Liệt sĩ: **NGUYỄN THẠCH THANH**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nam Quang, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 8 tháng 10 năm 1966
Số bằng: BM 275 bm Quyết định số: 135/TTGa ngày 2 tháng 8 năm 1967
- 1419 Liệt sĩ: **HOÀNG TRỌNG LỜI**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hưng Lộc, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 30 tháng 3 năm 1966
Số bằng: HT 860 bm Quyết định số: 149/TTGa ngày 9 tháng 4 năm 1974
- 1420 Liệt sĩ: **NGUYỄN THỊ CAM**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: phố Lê Bình, thị xã Hà Tĩnh, tỉnh Hà Tĩnh,

- đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 2 tháng 4 năm 1971
Số bằng: CN 543 bm Quyết định số: 273/TTga ngày 4 tháng 7 năm 1972
- 1421 Liệt sĩ: **LÊ NGỌC GIẢN**
Đội viên dân quân, Nguyên quán: xã Hải Châu, huyện Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hóa, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 4 tháng 4 năm 1965
Số bằng: ZD 723 km Quyết định số: 85/TTga ngày 7 tháng 4 năm 1966
- 1422 Liệt sĩ: **NGUYỄN ĐÌNH LỢI**
Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nam Lĩnh, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 19 tháng 8 năm 1972
Số bằng: LA 911 bm Quyết định số: 213/TTga ngày 4 tháng 5 năm 1974
- 1423 Liệt sĩ: **NGUYỄN HỮU CHU**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: khu phố 4, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 27 tháng 11 năm 1969
Số bằng: 1L 313 bm Quyết định số: 791/TTga ngày 1 tháng 8 năm 1977
- 1424 Liệt sĩ: **NGUYỄN HỮU VINH**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: khu phố 4, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 14 tháng 12 năm 1965
Số bằng: IZ 221 bm Quyết định số: 131/TTga ngày 15 tháng 9 năm 1966
- 1425 Liệt sĩ: **VÕ NINH**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: khu phố 4, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 12 tháng 2 năm 1968
Số bằng: 1L 248 bm Quyết định số: 765/TTga ngày 27 tháng 7 năm 1977
- 1426 Liệt sĩ: **DOÃN HỮU HÒA**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nghi Phong, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 31 tháng 5 năm 1972
Số bằng: QL 418 bm Quyết định số: 52/TTga ngày 17 tháng 2 năm 1976
- 1427 Liệt sĩ: **NGUYỄN XUÂN ĐÔNG**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Xuân Lâm, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 11 tháng 3 năm 1975
Số bằng: YL 785 bm Quyết định số: 808/TTga ngày 3 tháng 8 năm 1977
- 1428 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN ĐỆ**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nam Trung, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 14 tháng 6 năm 1968
Số bằng: LK 179 bm Quyết định số: 331/TTga ngày 25 tháng 6 năm 1974
- 1429 Liệt sĩ: **KIỀU HOẠT**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Đức Hồng, huyện Đức Thọ, tỉnh Hà Tĩnh, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 6 tháng 1 năm 1953
Số bằng: ZQ 151 bp Quyết định số: 130/TTg ngày 1 tháng 4 năm 1959
- 1430 Liệt sĩ: **NGUYỄN THỊ BÓN**
Nhân viên Cục vận tải đường bộ, Bộ Giao thông Vận tải, Nguyên quán: xã Thanh Lĩnh, huyện Thanh Chương, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 25 tháng 5 năm 1968
Số bằng: ĐM 837 cm Quyết định số: 65/TTga ngày 27 tháng 3 năm 1970

- 1431 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN THẬN**
 Chính trị viên đại đội Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nghi Phú, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 28 tháng 10 năm 1972
 Số bằng: OE 865 bm Quyết định số: 17/TTGa ngày 8 tháng 1 năm 1975
- 1432 Liệt sĩ: **NGUYỄN NGỌC THÀNH**
 Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: Campuchia, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 15 tháng 8 năm 1948
 Số bằng: CH 465 bp Quyết định số: 240/CTKT ngày 30 tháng 12 năm 1989
- 1433 Liệt sĩ: **NGUYỄN VIỆT ĐƯỜNG**
 Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Vân Diên, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 16 tháng 3 năm 1975
 Số bằng: SH 670 bm Quyết định số: 398/TTGa ngày 5 tháng 10 năm 1976
- 1434 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN HOA**
 Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Vân Diên, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 21 tháng 5 năm 1969
 Số bằng: BE 462 bm Quyết định số: 286/TTGa ngày 8 tháng 12 năm 1971
- 1435 Liệt sĩ: **NGUYỄN TRỌNG TÂN**
 Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nam Liên, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 11 tháng 5 năm 1972
 Số bằng: RA 538 bm Quyết định số: 168/TTGa ngày 5 tháng 5 năm 1976
- 1436 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN ĐẬU**
 Thanh niên xung phong, Nguyên quán: xã Nam Sơn, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 29 tháng 1 năm 1968
 Số bằng: CM 080 cm Quyết định số: 54/TTGa ngày 19 tháng 4 năm 1969
- 1437 Liệt sĩ: **NGUYỄN HỮU HẢI**
 Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nam Sơn, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 31 tháng 3 năm 1970
 Số bằng: HA 641 bm Quyết định số: 478/TTGa ngày 6 tháng 11 năm 1973
- 1438 Liệt sĩ: **PHẠM XUÂN MINH**
 Hạ sĩ quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nam Kim, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 12 tháng 7 năm 1966
 Số bằng: YG 724 bb Quyết định số: 458/TTGa ngày 20 tháng 5 năm 1977
- 1439 Liệt sĩ: **ĐẶNG QUỐC TIỀN**
 Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nam Sơn, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 22 tháng 7 năm 1972
 Số bằng: PE 130 bm Quyết định số: 193/TTGa ngày 23 tháng 5 năm 1975
- 1440 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN HỒNG**
 Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nam Kim, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 4 năm 1973
 Số bằng: YP 731 bm Quyết định số: 692/TTGa ngày 4 tháng 7 năm 1977
- 1441 Liệt sĩ: **HÀ ĐĂNG CÔNG**
 Thủy thủ Cục vận tải đường sông, Bộ Giao thông Vận tải, Nguyên quán: xã Nam Đông, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 3 tháng 8 năm 1966

Số bằng: CM 192 bm Quyết định số: 71/TTGa ngày 20 tháng 5 năm 1969

1442 Liệt sĩ: **HÀ HUY LAN**

Đại đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Khánh Sơn, huyện Nam Đàn, , tỉnh Nghệ An, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 8 tháng 5 năm 1979
Số bằng: 2AB 792bt Quyết định số: 253/CTKT ngày 8 tháng 9 năm 1982

1443 Liệt sĩ: **TÔ BÁ THỨ**

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Khánh Sơn, huyện Nam Đàn, , tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 12 năm 1974
Số bằng: 4E 529 bm Quyết định số: 291/TT ga ngày 22 tháng 3 năm 1978

1444 Liệt sĩ: **HỒ ĐÌNH DINH**

Dân công hỏa tuyến, Nguyên quán: xã Khánh Sơn, huyện Nam Đàn, , tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 21 tháng 1 năm 1954
Số bằng: 1AC 805cp Quyết định số: 722/TTGa ngày 11 tháng 7 năm 1977

1445 Liệt sĩ: **LÊ XUÂN QUÝ**

Chuẩn úy Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nam Đông, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 2 tháng 1 năm 1968
Số bằng: NV 387 bm Quyết định số: 455/TTGa ngày 9 tháng 9 năm 1974

1446 Liệt sĩ: **HOÀNG VIỆT CẢNH**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nam Hoàn, huyện Nam Đàn, , tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 18 tháng 7 năm 1966
Số bằng: NM 350 bm Quyết định số: 66/TTGa ngày 15 tháng 5 năm 1969

1447 Liệt sĩ: **NGÂN VĂN TƯỜNG**

Ủy viên thư kí Ban hành chính xã, Nguyên quán: xã Na Lợi, huyện Kỳ Sơn, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 8 tháng 2 năm 1964
Số bằng: ZC 671 cm Quyết định số: 131/TTGa ngày 19 tháng 7 năm 1965

1448 Liệt sĩ: **VI TRỌNG HẠNH**

Chuẩn úy công an nhân dân vũ trang, Nguyên quán: xã Mỹ Lý, huyện Kỳ Sơn, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 19 tháng 11 năm 1969
Số bằng: AL 823 cm Quyết định số: 85/TTGa ngày 9 tháng 4 năm 1971

1449 Liệt sĩ: **LƯƠNG VĂN THẨM**

Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Mỹ Lý, huyện Kỳ Sơn, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 12 tháng 7 năm 1974
Số bằng: QL 650 bm Quyết định số: 56/TTGa ngày 19 tháng 2 năm 1976

1450 Liệt sĩ: **VEN VĂN QUANG**

Đội viên dân quân, Nguyên quán: xã Mỹ Lý, huyện Kỳ Sơn, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 4 tháng 1 năm 1964
Số bằng: ZD 671 km Quyết định số: 113/TTGa ngày 19 tháng 7 năm 1965

1451 Liệt sĩ: **CỤT VĂN LỢI**

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Bắc Lý, huyện Kỳ Sơn, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 12 tháng 3 năm 1973
Số bằng: LB 667 bm Quyết định số: 326/TTGa ngày 25 tháng 6 năm 1974

1452 Liệt sĩ: **KHA VĂN CHÁN**

Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Lương Minh, huyện Tương Dương, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 16 tháng 12 năm 1977
Số bằng: 7A 305 bt Quyết định số: 1299/TTg ngày 17 tháng 11 năm 1978

- 1453 Liệt sĩ: **MOONG VĂN ỒN**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tà Cà, huyện Kỳ Sơn, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 20 tháng 4 năm 1975
Số bằng: V 237 bm Quyết định số: 08/CTKT ngày 11 tháng 1 năm 1984
- 1454 Liệt sĩ: **LƯƠNG VĂN CẨM**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Lương Minh, huyện Tương Dương, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 27 tháng 6 năm 1972
Số bằng: 2Đ 030 bm Quyết định số: 1128/Ttga ngày 7 tháng 10 năm 1977
- 1455 Liệt sĩ: **CỤT VĂN THẢO**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Bảo Thắng, huyện Kỳ Sơn, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 8 tháng 1 năm 1970
Số bằng: CG 456 bm Quyết định số: 243/Ttga ngày 20 tháng 6 năm 1972
- 1456 Liệt sĩ: **CHÍCH VĂN MÂY**
Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Bảo Lợi, huyện Kỳ Sơn, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 19 tháng 3 năm 1972
Số bằng: NU 055 bm Quyết định số: 518/Ttga ngày 7 tháng 10 năm 1974
- 1457 Liệt sĩ: **XEO VĂN NAM**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Lương Minh, huyện Tương Dương, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 30 tháng 3 năm 1972
Số bằng: HT 765 bm Quyết định số: 149/Ttga ngày 9 tháng 4 năm 1974
- 1458 Liệt sĩ: **ĐẶNG VĂN**
Chiến sĩ, Nguyên quán: xã Nghi Liên, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 21 tháng 7 năm 1953
Số bằng: ZU 659 Quyết định số: 152/TTg ngày 7 tháng 12 năm 1960
- 1459 Liệt sĩ: **NGUYỄN HUY LAM**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nghi Liên, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 8 tháng 5 năm 1979
Số bằng: 9Q 481 bt Quyết định số: 474/TTg ngày 4 tháng 7 năm 1980
- 1460 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN VINH**
Trung đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nghi Liên, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 4 tháng 4 năm 1966
Số bằng: ON 365 km Quyết định số: 651/TTg ngày 31 tháng 12 năm 1974
- 1461 Liệt sĩ: **LÊ XUÂN CÂN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nghi Liên, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 24 tháng 5 năm 1970
Số bằng: BN 276 bm Quyết định số: 69/TTg ngày 29 tháng 2 năm 1972
- 1462 Liệt sĩ: **LÊ XUÂN KÍNH**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nghi Lâm, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 27 tháng 5 năm 1972
Số bằng: KL 972 bm Quyết định số: 578/TTg ngày 19 tháng 12 năm 1973

- 1463 Liệt sĩ: **LÊ VĂN NAM**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nghi Liên, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 27 tháng 5 năm 1970
Số bằng: BN 322 bm Quyết định số: 69/TTga ngày 29 tháng 2 năm 1972
- 1464 Liệt sĩ: **NGUYỄN HÙNG TIẾN**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nghi Liên, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 10 tháng 3 năm 1975
Số bằng: TY 459 bt Quyết định số: 168/TTga ngày 22 tháng 3 năm 1977
- 1465 Liệt sĩ: **NGUYỄN ĐÌNH DUYỆT**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nghi Liên, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 24 tháng 7 năm 1968
Số bằng: BT 056 bm Quyết định số: 100/TTga ngày 23 tháng 3 năm 1972
- 1466 Liệt sĩ: **HOÀNG VĂN BẢO**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nghi Liên, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 29 tháng 7 năm 1967
Số bằng: KM 386 bm Quyết định số: 203/TTga ngày 12 tháng 11 năm 1968
- 1467 Liệt sĩ: **NGUYỄN HỮU CHÂU**
Trợ lý trình sát tiểu đoàn Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nghi Liên, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 25 tháng 11 năm 1972
Số bằng: KL 943 bm Quyết định số: 578/TTga ngày 19 tháng 12 năm 1973
- 1468 Liệt sĩ: **ĐÌNH HỮU MÀY**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nghi Liên, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 7 tháng 1 năm 1968
Số bằng: MB 548 bm Quyết định số: 58/TTga ngày 16 tháng 3 năm 1970
- 1469 Liệt sĩ: **ĐOÀN XUÂN VẠN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Lộc, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 24 tháng 5 năm 1972
Số bằng: HV 527 bm Quyết định số: 148/Ttga ngày 9 tháng 4 năm 1974
- 1470 Liệt sĩ: **LŨ VĂN THÁI**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Phà Đánh, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 7 tháng 10 năm 1978
Số bằng: 8Y 481 bt Quyết định số: 734/TTga ngày 27 tháng 10 năm 1979
- 1471 Liệt sĩ: **LŨ VĂN TRƯỜNG**
Trung đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Phà Đánh, huyện Kỳ Sơn, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 5 tháng 3 năm 1979
Số bằng: 9U 193 bt Quyết định số: 541/Ttga ngày 8 tháng 8 năm 1980
- 1472 Liệt sĩ: **LÊ ĐÌNH TRIÊM**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hương Thủy, huyện Hương Khê, tỉnh Hà Tĩnh, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 29 tháng 6 năm 1954
Số bằng: CZ 649 bp Quyết định số: 67/TTga ngày 7 tháng 3 năm 1962
- 1473 Liệt sĩ: **ĐÌNH VĂN KIÊN**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nghi Liên, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An,

đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 2 tháng 10 năm 1969
Số bằng: MT 173 bm Quyết định số: 272/TTGa ngày 14 tháng 11 năm 1970

1474 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN THƯỜNG**

Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Đào Xá, huyện Thanh Thủy, tỉnh Vĩnh Phúc, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 22 tháng 11 năm 1970
Số bằng: LP 742 bm Quyết định số: 211/TTGa ngày 4 tháng 5 năm 1974

1475 Liệt sĩ: **LÊ VĂN THẠCH**

Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: 138 Cát Dài, Lê Chân, Hải Phòng, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 26 tháng 6 năm 1954
Số bằng: ZB 287 bp Quyết định số: 137/TTg ngày 4 tháng 4 năm 1957

1476 Liệt sĩ: **ĐỖ VĂN VỊNH**

Thiếu úy Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã An Hòa, huyện Tam Đảo, tỉnh Vĩnh Phúc, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 24 tháng 01 năm 1984
Số bằng: AF 821 bt Quyết định số: 284/CTKT ngày 29 tháng 8 năm 1984

TỈNH BÌNH THUẬN

1477 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN SÀNH**

Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Hàm Hiệp, huyện Hàm Thuận Bắc, tỉnh Bình Thuận, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 6 tháng 1 năm 1954
Số bằng: IC 847 kp Quyết định số: 1570/TTGa ngày 23 tháng 11 năm 1977

1478 Liệt sĩ: **HỒ ĐỨC TRI**

Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Hồng Sơn, huyện Hàm Thuận Bắc, tỉnh Bình Thuận, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 29 tháng 6 năm 1953
Số bằng: OC 827 kp Quyết định số: 1174/TTGa ngày 13 tháng 10 năm 1978

1479 Liệt sĩ: **LÊ NHƯ TÝ**

Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Hồng Sơn, huyện Hàm Thuận Bắc, tỉnh Bình Thuận, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 21 tháng 4 năm 1956
Số bằng: 2T 408 kp Quyết định số: 635/TTGa ngày 14 tháng 6 năm 1979

1480 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN THÀNH**

Chính trị viên phó đại đội Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hồng Sơn, huyện Hàm Thuận Bắc, tỉnh Bình Thuận, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 12 tháng 5 năm 1969
Số bằng: 5Y 105 bm Quyết định số: 745/TTGa ngày 12 tháng 7 năm 1978

1481 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN BẢY**

Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hàm Đức, huyện Hàm Thuận Bắc, tỉnh Bình Thuận, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 22 tháng 2 năm 1964
Số bằng: 8H 972 bm Quyết định số: 394/TTGa ngày 17 tháng 6 năm 1979

1482 Liệt sĩ: **ĐẶNG MINH TIẾN**

Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hàm Liêm, huyện Hàm Thuận Bắc, tỉnh Bình Thuận, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 26 tháng 3 năm 1971
Số bằng: 8H 136 bm Quyết định số: 375/TTGa ngày 25 tháng 5 năm 1979

1483 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN QUẠNH**

Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Hàm Liêm, huyện Hàm Thuận Bắc, tỉnh Bình Thuận, đã hy

sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 29 tháng 6 năm 1970
Số bằng: 3M 154 km Quyết định số: 54/TTGa ngày 11 tháng 1 năm 1979

1484 Liệt sĩ: **LÊ VĂN NHÓT**

Thôn đội trưởng du kích, Nguyên quán: xã Tịnh Ấn, huyện Sơn Tịnh, tỉnh Quảng Ngãi, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 22 tháng 4 năm 1971
Số bằng: 3M 151 km Quyết định số: 54/TTGa ngày 11 tháng 1 năm 1979

1485 Liệt sĩ: **CÙ LONG**

Tổ trưởng dân quân, Nguyên quán: xã Bình Trung, huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 6 tháng 6 năm 1950
Số bằng: ĐB 005 cp Quyết định số: 472/TTg ngày 15 tháng 7 năm 1996

1486 Liệt sĩ: **TRẦN NGỌC ANH**

Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Hàm Liêm, huyện Hàm Thuận Bắc, tỉnh Bình Thuận, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 20 tháng 9 năm 1953
Số bằng: HC 563 kp Quyết định số: 852/TTGa ngày 12 tháng 8 năm 1977

1487 Liệt sĩ: **VÕ THỊ TRANG**

Giao liên, Nguyên quán: xã Hàm Liêm, huyện Hàm Thuận Bắc, tỉnh Bình Thuận, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 1 tháng 9 năm 1969
Số bằng: ĐY 699 cm Quyết định số: 475/QĐ-TTg ngày 28 tháng 4 năm 1999

1488 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN ĐÀO**

Cán bộ công an nhân dân, Nguyên quán: xã Hàm Liêm, huyện Hàm Thuận Bắc, tỉnh Bình Thuận, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước tháng 3 năm 1966
Số bằng: U 252 cm Quyết định số: 441/CTKT ngày 7 tháng 12 năm 1983

1489 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN KHE**

Tiểu đội trưởng du kích, Nguyên quán: xã Hàm Liêm, huyện Hàm Thuận Bắc, tỉnh Bình Thuận, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 23 tháng 9 năm 1953
Số bằng: EC 039 kp Quyết định số: 452/TTGa ngày 20 tháng 5 năm 1977

1490 Liệt sĩ: **LÊ SÓ**

Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Tam Quan, huyện Hoài Nhơn, tỉnh Bình Định, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 4 tháng 9 năm 1967
Số bằng: EC 428 km Quyết định số: 703/QĐ-TTg ngày 9 tháng 7 năm 1999

1491 Liệt sĩ: **LÊ RI**

Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Tam Quan, huyện Hoài Nhơn, tỉnh Bình Định, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 23 tháng 3 năm 1969
Số bằng: EL 006 km Quyết định số: 133/QĐ-TTg ngày 11 tháng 2 năm 2001

1492 Liệt sĩ: **LÊ THỊ NAM**

Đội viên du kích, Nguyên quán: huyện Tây Sơn, tỉnh Bình Định, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 15 tháng 10 năm 1980
Số bằng: EY 225 kt Quyết định số: 687/QĐ-TTg ngày 19 tháng 8 năm 2002

1493 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN MUỘI**

Đội viên du kích, Nguyên quán: huyện Tây Sơn, tỉnh Bình Định, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 15 tháng 10 năm 1950

Số bằng: EY 232 kp Quyết định số: 687/QĐ-TTg ngày 19 tháng 8 năm 2002

- 1494 Liệt sĩ: **LÊ THỊ NHƯ**
Cán bộ phụ nữ, Nguyên quán: xã Hàm Trí, huyện Hàm Thuận Bắc, tỉnh Bình Thuận, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 12 tháng 8 năm 1968
Số bằng: EY 263 cm Quyết định số: 687/QĐ-TTg ngày 19 tháng 8 năm 2002
- 1495 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN THIẾT**
Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Hàm Chính, huyện Hàm Thuận Bắc, tỉnh Bình Thuận, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 6 tháng 8 năm 1964
Số bằng: GZ 117 km Quyết định số: 111/QĐ-TTg ngày 19 tháng 1 năm 2006
- 1496 Liệt sĩ: **LÊ HÙNG VINH**
Xã đội phó, Nguyên quán: xã Hồng Phong, huyện Bắc Bình, tỉnh Bình Thuận, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 31 tháng 3 năm 1970
Số bằng: 2T 422 km Quyết định số: 635/TTGa ngày 14 tháng 6 năm 1978
- 1497 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN THUỘC**
Đội viên du kích, Nguyên quán: phường Phú Trinh, thành phố Phan thiết, tỉnh Bình Thuận, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp năm 1948
Số bằng: HC 060 kp Quyết định số: 806/TTGa ngày 3 tháng 8 năm 1977
- 1498 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN NGƯ**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hàm Chính, huyện Hàm Thuận Bắc, tỉnh Bình Thuận, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 3 tháng 8 năm 1977
Số bằng: 1O 222 bt Quyết định số: 806/TTGa ngày 3 tháng 8 năm 1977
- 1499 Liệt sĩ: **NGUYỄN THỊ NHƠN**
Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: phường Hàm Tiến, thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 12 tháng 8 năm 1967
Số bằng: 3M 680 bm Quyết định số: 1510/TTGa ngày 20 tháng 11 năm 1977
- 1500 Liệt sĩ: **LÊ VĂN NHẢY**
Dân công hỏa tuyến, Nguyên quán: xã Tịnh Ân, huyện Sơn Tịnh, tỉnh Quảng Ngãi, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 2 năm 1966
Số bằng: 2S 021 cm Quyết định số: 635/TTGa ngày 14 tháng 6 năm 1978
- 1501 Liệt sĩ: **PHẠM THANH**
Giao liên, Nguyên quán: xã Hàm Phú, huyện Hàm Thuận Bắc, tỉnh Bình Thuận, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước năm 1969
Số bằng: 2S 873 cm Quyết định số: 652/TTGa ngày 14 tháng 6 năm 1978
- 1502 Liệt sĩ: **NGUYỄN ĐẮC SỸ**
Huyện ủy viên, Nguyên quán: xã Hàm Chính, huyện Hàm Thuận Bắc, tỉnh Bình Thuận, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 24 tháng 9 năm 1971
Số bằng: 1A 187 cm Quyết định số: 823/TTGa ngày 8 tháng 8 năm 1977
- 1503 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN SÓT**
Phó ban kinh tài huyện, Nguyên quán: xã Hàm Liêm, huyện Hàm Thuận Bắc, tỉnh Bình Thuận, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 3 năm 1971
Số bằng: 1A 192 cm Quyết định số: 823/TTGa ngày 8 tháng 8 năm 1977
- 1504 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN CHÍNH**

Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Hàm Chính, huyện Hàm Thuận Bắc, tỉnh Bình Thuận, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 21 tháng 6 năm 1972
Số bằng: TM 454 km Quyết định số: 866/TTga ngày 15 tháng 8 năm 1977

1505 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN PHẢI**

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hàm Chính, huyện Hàm Thuận Bắc, tỉnh Bình Thuận, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 7 tháng 4 năm 1965
Số bằng: 1P 828 bm Quyết định số: 853/TTga ngày 12 tháng 8 năm 1977

1506 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN LÂU**

Trung đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hàm Chính, huyện Hàm Thuận Bắc, tỉnh Bình Thuận, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 25 tháng 10 năm 1967
Số bằng: 1Q 172 bm Quyết định số: 806/TTga ngày 3 tháng 8 năm 1977

1507 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN SANH**

Thôn đội trưởng, Nguyên quán: xã Hàm Hiệp, huyện Hàm Thuận Bắc, tỉnh Bình Thuận, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 4 tháng 12 năm 1967
Số bằng: 2R 530 km Quyết định số: 559/TTga ngày 27 tháng 5 năm 1978

1508 Liệt sĩ: **NGUYỄN THANH HÀ**

Chính trị viên phó đại đội Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hồng Sơn, huyện Hàm Thuận Bắc, tỉnh Bình Thuận, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 17 tháng 5 năm 1972
Số bằng: 5Y 014 bm Quyết định số: 745/TTga ngày 12 tháng 7 năm 1978

1509 Liệt sĩ: **LÊ VĂN TRANH**

Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hồng Sơn, huyện Hàm Thuận Bắc, tỉnh Bình Thuận, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 4 tháng 10 năm 1970
Số bằng: 5Y 121 bm Quyết định số: 745/TTga ngày 12 tháng 7 năm 1978

1510 Liệt sĩ: **NGUYỄN THÁI HIỆP**

Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hàm Liêm, huyện Hàm Thuận Bắc, tỉnh Bình Thuận, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 15 tháng 8 năm 1968
Số bằng: 5S 840 bm Quyết định số: 653/TTga ngày 17 tháng 6 năm 1978

1511 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN BẢY**

Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hàm Liêm, huyện Hàm Thuận Bắc, tỉnh Bình Thuận, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 14 tháng 4 năm 1970
Số bằng: 5I 021 bm Quyết định số: 648/TTga ngày 17 tháng 6 năm 1978

1512 Liệt sĩ: **ĐẶNG NGỌC ANH**

Đội viên đội công tác, Nguyên quán: xã Hàm Phú, huyện Hàm Thuận Bắc, tỉnh Bình Thuận, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước năm 1970
Số bằng: 2S 892 cm Quyết định số: 654/TTga ngày 17 tháng 6 năm 1978

1513 Liệt sĩ: **ĐẶNG VĂN THANH**

Công an vũ trang nhân dân, Nguyên quán: xã Hàm Phú, huyện Hàm Thuận Bắc, tỉnh Bình Thuận, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước năm 1972
Số bằng: 2S 874 cm Quyết định số: 654/TTga ngày 17 tháng 6 năm 1978

1514 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN XÍ**

Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Hàm Đức, huyện Hàm Thuận Bắc, tỉnh Bình Thuận, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước năm 1973
Số bằng: 2T 424 km Quyết định số: 635/TTga ngày 14 tháng 6 năm 1978

- 1515 Liệt sĩ: **NGUYỄN ĐÁ**
Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Hồng Sơn, huyện Hàm Thuận Bắc, tỉnh Bình Thuận, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 12 năm 1970
Số bằng: 2T 367 km Quyết định số: 635/TTGa ngày 14 tháng 6 năm 1978
- 1516 Liệt sĩ: **PHAN VĂN SỸ**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hồng Sơn, huyện Hàm Thuận Bắc, tỉnh Bình Thuận, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 28 tháng 11 năm 1953 Số bằng: 1EC 969 bp Quyết định số: 635/TTGa ngày 14 tháng 6 năm 1978
- 1517 Liệt sĩ: **LÊ NHƯ HIỀN**
Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hồng Sơn, huyện Hàm Thuận Bắc, tỉnh Bình Thuận, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 4 tháng 5 năm 1965
Số bằng: 5R 170 bm Quyết định số: 635/TTGa ngày 14 tháng 6 năm 1978
- 1518 Liệt sĩ: **NGUYỄN ĐỨC LINH**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hàm Chính, huyện Hàm Thuận Bắc, tỉnh Bình Thuận, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước năm 1973
Số bằng: 5S 916 bm Quyết định số: 650/TTGa ngày 14 tháng 6 năm 1978
- 1519 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN CHỨT**
Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Hàm Đức, huyện Hàm Thuận Bắc, tỉnh Bình Thuận, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 22 tháng 6 năm 1968
Số bằng: 2T 361 km Quyết định số: 635/TTGa ngày 14 tháng 6 năm 1978
- 1520 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN CHÍN**
Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Hàm Liêm, huyện Hàm Thuận Bắc, tỉnh Bình Thuận, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 12 tháng 5 năm 1967
Số bằng: 3B 433 km Quyết định số: 1035/TTGa ngày 11 tháng 9 năm 1978
- 1521 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN THƯỜNG**
Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Hàm Chính, huyện Hàm Thuận Bắc, tỉnh Bình Thuận, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 24 tháng 7 năm 1953
Số bằng: 4C 569 kp Quyết định số: 868/TTGa ngày 17 tháng 8 năm 1977
- 1522 Liệt sĩ: **UNG VĂN ĐỨC**
Tiểu đội trưởng du kích, Nguyên quán: xã Hàm Chính, huyện Hàm Thuận Bắc, tỉnh Bình Thuận, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp năm 1954
Số bằng: OC 299 kp Quyết định số: 1035/TTGa ngày 11 tháng 9 năm 1978
- 1523 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN BÌNH**
Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hàm Tiến, huyện Hàm Thuận, tỉnh Bình Thuận, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 7 tháng 10 năm 1947
Số bằng: 1NC 239bp Quyết định số: 1187/TTGa ngày 18 tháng 10 năm 1978
- 1524 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN MỘNG**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hàm Liêm, huyện Hàm Thuận Bắc, tỉnh Bình Thuận, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 7 tháng 9 năm 1969
Số bằng: 8H 166 bm Quyết định số: 375/TTGa ngày 25 tháng 5 năm 1979
- 1525 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN HỨA**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hàm Liêm, huyện Hàm Thuận Bắc,

tỉnh Bình Thuận, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 4 tháng 12 năm 1970
Số bằng: 8H 205 bm Quyết định số: 406/TTGa ngày 1 tháng 6 năm 1979

1526 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN HIỆP**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hàm Thắng, huyện Hàm Thuận Bắc, tỉnh Bình Thuận, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp tháng 8 năm 1948
Số bằng: 2BC 719bp Quyết định số: 448/TTGa ngày 13 tháng 6 năm 1980

1527 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN NGANG**

Cán bộ kinh tài xã, Nguyên quán: thị trấn Chợ Lầu, huyện Bắc Bình, tỉnh Bình Thuận, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước năm 1967
Số bằng: 3X 177 cm Quyết định số: 429/TTGa ngày 13 tháng 6 năm 1979

1528 Liệt sĩ: **NGÔ VĂN THẦU**

Nhân dân, Nguyên quán: xã Hàm Thắng, huyện Hàm Thuận Bắc, tỉnh Bình Thuận, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 12 tháng 12 năm 1946
Số bằng: 4P 040 cp Quyết định số: 112/CTKT ngày 27 tháng 3 năm 1985

1529 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN CHÍNH**

Thôn đội trưởng du kích, Nguyên quán: xã Hàm Chính, huyện Hàm Thuận Bắc, tỉnh Bình Thuận, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 23 tháng 12 năm 1968
Số bằng: TM 438 km Quyết định số: 866/TTGa ngày 15 tháng 8 năm 1977

1530 Liệt sĩ: **HUỖNH MINH CHÂN**

Thiếu úy Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hàm Liêm, huyện Hàm Thuận Bắc, tỉnh Bình Thuận, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 12 tháng 11 năm 1970
Số bằng: 5R 118 bm Quyết định số: 634/TTGa ngày 14 tháng 6 năm 1978

1531 Liệt sĩ: **NGÔ VĂN SƠN (ĐẶNG)**

Đội viên công an huyện, Nguyên quán: xã Hàm Liêm, huyện Hàm Thuận Bắc, tỉnh Bình Thuận, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 19 tháng 11 năm 1949
Số bằng: UC 325 cp Quyết định số: 375/TTGa ngày 25 tháng 5 năm 1979

1532 Liệt sĩ: **NGUYỄN HỮU NGHỊ**

Cán bộ nông hội huyện, Nguyên quán: xã Bình Phú, huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước tháng 12 năm 1971
Số bằng: 5N 204 cm Quyết định số: 299/TTGa ngày 9 tháng 7 năm 1981

1533 Liệt sĩ: **NGUYỄN HOÀNG**

Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hồng Thái, huyện Bắc Bình, tỉnh Bình Thuận, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 4 năm 1970
Số bằng: 1P 744 bm Quyết định số: 846/TTGa ngày 12 tháng 8 năm 1977

1534 Liệt sĩ: **LÊ BỜ**

Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: thị trấn Phan Rí Cửa, huyện Tuy Phong, tỉnh Bình Thuận, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 27 tháng 7 năm 1947
Số bằng: UC 622 bp Quyết định số: 1035/TTGa ngày 11 tháng 9 năm 1978

1535 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN BANH**

Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: thị trấn Lương Sơn, huyện Bắc Bình, tỉnh Bình Thuận, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 31 tháng 1 năm 1966
Số bằng: 6R 415 bm Quyết định số: 1102/TTGa ngày 27 tháng 9 năm 1978

- 1536 **Liệt sĩ: ĐINH CÔNG ĐẠM**
Cán bộ tiếp tế lương thực, Nguyên quán: xã Hồng Thái, huyện Bắc Bình, tỉnh Bình Thuận, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước năm 1961
Số bằng: BT 649 cm Quyết định số: 320/CTKT ngày 30 tháng 12 năm 1987
- 1537 **Liệt sĩ: DƯƠNG MINH HÒA**
Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hòa Thắng, huyện Bắc Bình, tỉnh Bình Thuận, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 19 tháng 9 năm 1969
Số bằng: 6R 474 bm Quyết định số: 1101/TTga ngày 27 tháng 9 năm 1978
- 1538 **Liệt sĩ: NGUYỄN HON**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Bình Tân, huyện Bắc Bình, tỉnh Bình Thuận, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 27 tháng 4 năm 1970
Số bằng: ĐR 640 bm Quyết định số: 478/QĐ-TTg ngày 2 tháng 6 năm 1998
- 1539 **Liệt sĩ: HỒ THỊ TÀN**
Huyện đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Điện Thọ, huyện Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước năm 1969
Số bằng: 4S 406 bm Quyết định số: 229/TTga ngày 13 tháng 3 năm 1978
- 1540 **Liệt sĩ: NGUYỄN VĂN ĐẦU**
Tổ trưởng nông hội, Nguyên quán: xã Hòa Thắng, huyện Bắc Bình, tỉnh Bình Thuận, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 10 năm 1964
Số bằng: EA 030 cm Quyết định số: 674/QĐ-TTg ngày 29 tháng 6 năm 1999
- 1541 **Liệt sĩ: HỒ THỊ TÂM**
Ban chấp hành xã đoàn, Nguyên quán: xã Điện Thọ, huyện Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 3 năm 1968
Số bằng: ĐY 687 cm Quyết định số: 457/QĐ-TTg ngày 28 tháng 4 năm 1999
- 1542 **Liệt sĩ: NGUYỄN BÀNG**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tịnh Hòa, huyện Sơn Tịnh, tỉnh Quảng Ngãi, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 2 tháng 7 năm 1967
Số bằng: 5M 800 bm Quyết định số: 513/TTga ngày 22 tháng 5 năm 1978
- 1543 **Liệt sĩ: LÊ VĂN CHÁNH**
Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Mỹ Tài, huyện Phù Mỹ, tỉnh Nghĩa Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 3 tháng 5 năm 1973
Số bằng: 3T 301 km Quyết định số: 781/TTga ngày 3 tháng 5 năm 1973
- 1544 **Liệt sĩ: VÕ SĨ**
Tiểu đội trưởng du kích, Nguyên quán: xã Hoài Hảo, huyện Hoài Nhơn, tỉnh Bình Định, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 2 tháng 5 năm 1968
Số bằng: 2I 444 km Quyết định số: 158/TTga ngày 22 tháng 2 năm 1978
- 1545 **Liệt sĩ: NGUYỄN HỮU Ý**
Y sĩ, Nguyên quán: xã Phan Rí Thành, huyện Bắc Bình, tỉnh Bình Thuận, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 28 tháng 2 năm 1967
Số bằng: CX 171 cm Quyết định số: 245/CTKT ngày 16 tháng 10 năm 1991
- 1546 **Liệt sĩ: NGUYỄN BÁ SƠN**
Nhân viên kế toán huyện, Nguyên quán: xã Hồng Thái, huyện Bắc Bình, tỉnh Bình Thuận, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 14 tháng 1 năm 1970

Số bằng: 2M 702 cm Quyết định số: 315/TTga ngày 29 tháng 3 năm 1978

- 1547 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN ỚC**
Cơ sở mật, Nguyên quán: thị trấn Chợ Lầu, huyện Bắc Bình, tỉnh Bình Thuận, đã hy sinh trong
sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 16 tháng 9 năm 1960
Số bằng: 2M 703 cm Quyết định số: 315/TTga ngày 29 tháng 3 năm 1978
- 1548 Liệt sĩ: **HUỖNH TRUNG VŨ**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hòa Thắng, huyện Bắc Bình, tỉnh
Bình Thuận, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 29 tháng 5 năm 1967
Số bằng: AP 055 bm Quyết định số: 112/CTKT ngày 27 tháng 3 năm 1985
- 1549 Liệt sĩ: **THÁI HỒNG BÚT**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hồng Thái, huyện Bắc Bình, tỉnh Bình
Thuận, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 24 tháng 11 năm 1949
Số bằng: 1NC 238bp Quyết định số: 1187/TTga ngày 18 tháng 10 năm 1978
- 1550 Liệt sĩ: **TRẦN MẠNH**
Tiểu đội trưởng du kích, Nguyên quán: xã Phan Rí Thành, huyện Bắc Bình, tỉnh Bình Thuận, đã
hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước tháng 11 năm 1972
Số bằng: 3E 930 km Quyết định số: 1187/TTga ngày 18 tháng 10 năm 1978
- 1551 Liệt sĩ: **NGUYỄN THANH XUÂN**
Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thiện Nghiệp, huyện Triệu Phong,
tỉnh Thuận Hải, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 5 tháng 5 năm 1952
Số bằng: IRC 241 bp Quyết định số: 1498/TTga ngày 29 tháng 12 năm 1978
- 1552 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN PHÚC**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hòa Thắng, huyện Bắc Bình, tỉnh
Bình Thuận, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 27 tháng 7 năm 1967
Số bằng: 8H 072 bm Quyết định số: 375/TTga ngày 25 tháng 5 năm 1979
- 1553 Liệt sĩ: **PHẠM THÀNH TRUNG**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Bình Phú, huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng
ngãi, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 30 tháng 11 năm 1967
Số bằng: CV 878 bm Quyết định số: 263/CTKT ngày 14 tháng 11 năm 1991
- 1554 Liệt sĩ: **CHUNG VĂN MÓT**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: thị trấn Lương Sơn, huyện Bắc Bình, tỉnh
Bình Thuận, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 24 tháng 3 năm 1984
Số bằng: AT 553 bt Quyết định số: 285/CTKT ngày 24 tháng 7 năm 1985
- 1555 Liệt sĩ: **NGUYỄN HOÀNG**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hồng Thái, huyện Bắc Bình, tỉnh
Bình Thuận, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 4 năm 1970
Số bằng: 1P 744 bm Quyết định số: 846/TTga ngày 12 tháng 8 năm 1977
- 1556 Liệt sĩ: **LƯƠNG THỊ KIM ANH**
Y tá, Nguyên quán: xã Văn Hóa, huyện Tuyên Hóa, tỉnh Quảng Bình, đã hy sinh trong cuộc kháng
chiến chống thực dân Pháp, ngày 14 tháng 7 năm 1951
Số bằng: UC 460 cp Quyết định số: 394/TTga ngày 1 tháng 6 năm 1976
- 1557 Liệt sĩ: **NGUYỄN THANH TÙNG**

Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hòa Thắng, huyện Bắc Bình, tỉnh Bình Thuận, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 27 tháng 7 năm 1972
Số bằng: 8H 139 bm Quyết định số: 375/CTKT ngày 25 tháng 5 năm 1979

1558 Liệt sĩ: **TRẦN CHÁNH**

Dược tá Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hòa Thắng, huyện Bắc Bình, tỉnh Bình Thuận, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 28 tháng 2 năm 1969
Số bằng: 7U 084 bm Quyết định số: 117/TTGa ngày 9 tháng 2 năm 1979

1559 Liệt sĩ: **NGUYỄN TÂN VIỆT**

Trung đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tuân Giáo, huyện Hòa Đa, tỉnh Bình Thuận, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 27 tháng 3 năm 1969
Số bằng: 7O 252 bm Quyết định số: 09/TTGa ngày 3 tháng 1 năm 1979

1560 Liệt sĩ: **PHẠM THẬP**

Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 30 tháng 3 năm 1968
Số bằng: 6X 068 bm Quyết định số: 1217/TTGa ngày 25 tháng 10 năm 1978

1561 Liệt sĩ: **NGUYỄN NGỌC HỒ**

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Phan Rí Thành, huyện Bắc Bình, tỉnh Bình Thuận, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 20 tháng 7 năm 1966
Số bằng: 6U 783 bm Quyết định số: 1188/TTGa ngày 18 tháng 10 năm 1978

1562 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN ĐÌNH**

Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Phan Rí Thành, huyện Bắc Bình, tỉnh Bình Thuận, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 12 tháng 7 năm 1969
Số bằng: 6U 765 bm Quyết định số: 1188/TTGa ngày 18 tháng 10 năm 1978

1563 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN ĐÔNG**

Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hòa Thắng, huyện Bắc Bình, tỉnh Bình Thuận, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 6 tháng 4 năm 1974
Số bằng: 6R 445 bm Quyết định số: 1102/TTGa ngày 27 tháng 9 năm 1978

1564 Liệt sĩ: **NGÔ VĂN KIM**

Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Cát Tài, huyện Phù Cát, tỉnh Bình Định, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 17 tháng 6 năm 1970
Số bằng: 6R 488 bm Quyết định số: 1102/TTGa ngày 27 tháng 9 năm 1978

1565 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN ÁNH**

Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: thị trấn Liên Hương, huyện Tuy Phong, tỉnh Bình Thuận, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 16 tháng 7 năm 1966
Số bằng: 4Q 498 bm Quyết định số: 191/TTGa ngày 3 tháng 3 năm 1978

1566 Liệt sĩ: **NGUYỄN GIÀU**

Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Chợ Lầu, huyện Hòa Đa, tỉnh Thuận Hải, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 23 tháng 1 năm 1978
Số bằng: PC 217 bt Quyết định số: 842/TTGa ngày 12 tháng 8 năm 1977

1567 Liệt sĩ: **TRẦN THỊ MAI (XÍ)**

Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hồng Sơn, huyện Hàm Thuận Bắc, tỉnh Bình Thuận, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 27 tháng 7 năm 1974
Số bằng: 7O 369 bm Quyết định số: 1462/TTGa ngày 22 tháng 12 năm 1979

- 1568 **Liệt sĩ: HỒNG NGỌC ANH**
Cán bộ cơ sở huyện ủy, Nguyên quán: tỉnh Quảng Ngãi, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 13 tháng 3 năm 1963
Số bằng: AP 066 cm Quyết định số: 112/CTKT ngày 27 tháng 3 năm 1985
- 1569 **Liệt sĩ: NGÔ XUÂN QUANG**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Yên Lợi, huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 18 tháng 11 năm 1972
Số bằng: GB 425 bm Quyết định số: 220/TTga ngày 5 tháng 6 năm 1973
- 1570 **Liệt sĩ: NGUYỄN VĂN CHÂM**
Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hàm Chính, huyện Hàm Thuận Bắc, tỉnh Bình Thuận, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 26 tháng 11 năm 1968
Số bằng: IQ 386 bm Quyết định số: 868/TTga ngày 17 tháng 8 năm 1977
- 1571 **Liệt sĩ: ĐẶNG NGUYỄN CHÍNH**
Trung đội phó du kích, Nguyên quán: phường Hàm Tiến, thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 11 tháng 7 năm 1974
Số bằng: EM 497 km Quyết định số: 542/QĐ-TTg ngày 4 tháng 5 năm 2001
- 1572 **Liệt sĩ: TRƯƠNG NGỌC BẦY**
Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hồng Sơn, huyện Hàm Thuận Bắc, tỉnh Bình Thuận, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 22 tháng 2 năm 1969
Số bằng: 5R 081 bm Quyết định số: 634/TTg ngày 14 tháng 6 năm 1978
- 1573 **Liệt sĩ: TRƯƠNG NGỌC HÙNG**
Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hồng Sơn, huyện Hàm Thuận Bắc, tỉnh Bình Thuận, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 6 tháng 6 năm 1969
Số bằng: 5R 183 bm Quyết định số: 634/TTg ngày 14 tháng 6 năm 1978
- 1574 **Liệt sĩ: LÊ ĐÔNG RUỘNG**
Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hồng Sơn, huyện Hàm Thuận Bắc, tỉnh Bình Thuận, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 7 tháng 10 năm 1973
Số bằng: 5Y 001 bm Quyết định số: 745/TTga ngày 12 tháng 7 năm 1978
- 1575 **Liệt sĩ: LÊ HÙNG TIẾN**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hồng Sơn, huyện Hàm Thuận Bắc, tỉnh Bình Thuận, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 25 tháng 12 năm 1965
Số bằng: 7Y 768 bm Quyết định số: 239/TTga ngày 6 tháng 4 năm 1979
- 1576 **Liệt sĩ: TRẦN THANH CHÂU**
Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hồng Sơn, huyện Hàm Thuận Bắc, tỉnh Bình Thuận, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 9 tháng 9 năm 1969
Số bằng: 5R 115 bm Quyết định số: 643/TTg ngày 14 tháng 6 năm 1978
- 1577 **Liệt sĩ: TRẦN NGỌC THANH**
Cán bộ công an nhân dân, Nguyên quán: xã Hồng Sơn, huyện Hàm Thuận Bắc, tỉnh Bình Thuận, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 19 tháng 12 năm 1974
Số bằng: CX 166 cm Quyết định số: 245/CTKT ngày 16 tháng 10 năm 1991
- 1578 **Liệt sĩ: TRẦN VĂN SƠN**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hàm Liêm, huyện Hàm Thuận Bắc, tỉnh Bình

Thuận, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 24 tháng 8 năm 1970
Số bằng: VO 594 bm Quyết định số: 478/TTga ngày 7 tháng 5 năm 1977

1579 Liệt sĩ: **NGUYỄN THÀNH HUÂN**

Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hàm Liêm, huyện Hàm Thuận Bắc, tỉnh Bình Thuận, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 3 tháng 3 năm 1954
Số bằng: 1TC 563 bp Quyết định số: 257/TTga ngày 13 tháng 4 năm 1979

1580 Liệt sĩ: **LÊ VĂN ANH**

Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Hàm Thắng, huyện Hàm Thuận Bắc, tỉnh Bình Thuận, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 24 tháng 9 năm 1966
Số bằng: HM 002 km Quyết định số: 452/TTga ngày 20 tháng 5 năm 1977

1581 Liệt sĩ: **NGUYỄN THÂN**

Chuẩn úy công an nhân dân, Nguyên quán: xã Hàm Đức, huyện Hàm Thuận Bắc, tỉnh Bình Thuận, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 18 tháng 12 năm 1972
Số bằng: 3L 464 cm Quyết định số: 1188/TTga ngày 18 tháng 10 năm 1998

1582 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN LÂM**

Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hồng Sơn, huyện Hàm Thuận Bắc, tỉnh Bình Thuận, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 22 tháng 6 năm 1972
Số bằng: 5R 195 bm Quyết định số: 634/TTga ngày 14 tháng 16 năm 1978

1583 Liệt sĩ: **TRẦN NGỌC PHƯỚC**

Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Long Thạnh, huyện Hàm Thuận, tỉnh Bình Thuận, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 15 tháng 7 năm 1965
Số bằng: 7Y 870 bm Quyết định số: 239/TTga ngày 6 tháng 4 năm 1979

1584 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN NUÔI**

Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hàm Trí, huyện Hàm Thuận Bắc, tỉnh Bình Thuận, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 15 tháng 4 năm 1954
Số bằng: 1AC 709 bp Quyết định số: 429/TTga ngày 13 tháng 6 năm 1979

1585 Liệt sĩ: **NGUYỄN NGỌC THU**

Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hồng Sơn, huyện Hàm Thuận Bắc, tỉnh Bình Thuận, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 25 tháng 2 năm 1968
Số bằng: 5R 269 bm Quyết định số: 636/TTga ngày 14 tháng 6 năm 1978

1586 Liệt sĩ: **NGUYỄN NGỌC NGỌ**

Trung đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hàm Thắng, huyện Hàm Thuận Bắc, tỉnh Bình Thuận, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 20 tháng 6 năm 1962
Số bằng: 7Q 377 bm Quyết định số: 1462/TTga ngày 22 tháng 12 năm 1978

1587 Liệt sĩ: **K' VĂN ĐA**

Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Đông Tiến, huyện Hàm Thuận Bắc, tỉnh Bình Thuận, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 5 tháng 7 năm 1960
Số bằng: EY 714 km Quyết định số: 871/QĐ-TTg ngày 10 tháng 10 năm 2002

1588 Liệt sĩ: **K' VĂN GIÁ**

Đội viên liên lạc, Nguyên quán: xã Đông Tiến, huyện Hàm Thuận Bắc, tỉnh Bình Thuận, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 15 tháng 9 năm 1947
Số bằng: EH 409 cp Quyết định số: 910/QĐ-TTg ngày 20 tháng 9 năm 2000

- 1589 Liệt sĩ: **PHAN VĂN LÂU**
Đội viên du kích , Nguyên quán: xã Hàm Chính, huyện Hàm Thuận Bắc , tỉnh Bình Thuận, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 27 tháng 7 năm 1968
Số bằng: 2U 165 km Quyết định số: 652/TTGa ngày 27 tháng 6 năm 1978
- 1590 Liệt sĩ: **PHẠM THỊ TRUNG**
Cán bộ phụ nữ xã , Nguyên quán: xã Bình Hòa, huyện Bình Sơn , tỉnh Quảng Ngãi, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 25 tháng 10 năm 1966
Số bằng: 4E 680 cm Quyết định số: 888/TTGa ngày 19 tháng 12 năm 1979
- 1591 Liệt sĩ: **LƯƠNG VĂN SÁU**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hàm Chính, huyện Hàm Thuận Bắc , tỉnh Bình Thuận, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 27 tháng 4 năm 1967
Số bằng: 6O 234 bm Quyết định số: 1005/TTGa ngày 4 tháng 9 năm 1978
- 1592 Liệt sĩ: **LƯƠNG VĂN BẢY**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hàm Chính, huyện Hàm Thuận Bắc , tỉnh Bình Thuận, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 15 tháng 2 năm 1970
Số bằng: 5R 208 bm Quyết định số: 634/TTGa ngày 14 tháng 6 năm 1978
- 1593 Liệt sĩ: **TRƯƠNG THỊ BÌNH**
Đội viên đội công tác , Nguyên quán: xã Hàm Chính, huyện Hàm Thuận Bắc , tỉnh Bình Thuận, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước năm 1972
Số bằng: 2S 884 cm Quyết định số: 654/TTGa ngày 17 tháng 6 năm 1978
- 1594 Liệt sĩ: **TRƯƠNG SANH**
Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam , Nguyên quán: xã Hàm Liêm, huyện Hàm Thuận Bắc , tỉnh Bình Thuận, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 27 tháng 7 năm 1948
Số bằng: 1NC 272 bp Quyết định số: 1174/TTGa ngày 13 tháng 10 năm 1978
- 1595 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN LẮC**
Đội viên du kích , Nguyên quán: xã Hàm Trí, huyện Hàm Thuận Bắc , tỉnh Bình Thuận, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 23 tháng 5 năm 1973
Số bằng: DT 151 km Quyết định số: 420/TTGa ngày 22 tháng 7 năm 1995
- 1596 Liệt sĩ: **NGUYỄN HÙNG SƠN**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam , Nguyên quán: xã Hàm Liêm, huyện Hàm Thuận Bắc , tỉnh Bình Thuận, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 8 tháng 9 năm 1972
Số bằng: VO 595 bm Quyết định số: 46/TTGa ngày 25 tháng 10 năm 1976
- 1597 Liệt sĩ: **NGUYỄN LONG**
Y tá Quân đội nhân dân Việt Nam , Nguyên quán: xã Hàm Liêm, huyện Hàm Thuận Bắc , tỉnh Bình Thuận, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 23 tháng 3 năm 1967
Số bằng: VO 540 bm Quyết định số: 262/TTGa ngày 1 tháng 11 năm 1976
- 1598 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN TRƯỜNG**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam , Nguyên quán: xã Hàm Liêm, huyện Hàm Thuận Bắc , tỉnh Bình Thuận, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 25 tháng 6 năm 1968
Số bằng: VO 663 bm Quyết định số: 448/TTGa ngày 18 tháng 5 năm 1977
- 1599 Liệt sĩ: **TRẦN MINH QÙY**
Đội viên du kích , Nguyên quán: xã Hàm Liêm, huyện Hàm Thuận Bắc , tỉnh Bình Thuận, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 29 tháng 2 năm 1968

- Số bằng: HM 035 km Quyết định số: 452/TTGa ngày 20 tháng 5 năm 1977
- 1600 Liệt sĩ: **NGUYỄN THỊ THẨM**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam , Nguyên quán: xã Hàm Liêm, huyện Hàm Thuận Bắc , tỉnh Bình Thuận, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 2 năm 1965
Số bằng: VO 688 bm Quyết định số: 448/TTGa ngày 18 tháng 5 năm 1977
- 1601 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN SẴNG**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam , Nguyên quán: xã Hàm Liêm, huyện Hàm Thuận Bắc , tỉnh Bình Thuận, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 30 tháng 8 năm 1968
Số bằng: VO 589 bm Quyết định số: 478/TTGa ngày 27 tháng 5 năm 1977
- 1602 Liệt sĩ: **NGUYỄN THỊ LƯỚI**
Cơ sở mật , Nguyên quán: xã Hàm Liêm, huyện Hàm Thuận Bắc , tỉnh Bình Thuận, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 8 tháng 8 năm 1969
Số bằng: DV 276 cm Quyết định số: 538/TTg ngày 4 tháng 9 năm 1995
- 1603 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN SẦY**
Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam , Nguyên quán: xã Hàm Liêm, huyện Hàm Thuận Bắc , tỉnh Bình Thuận, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 17 tháng 7 năm 1953
Số bằng: 1EC 967 bp Quyết định số: 635/TTGa ngày 14 tháng 6 năm 1978
- 1604 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN NĂM**
Chiến sĩ du kích, Nguyên quán: xã Hàm Liêm, huyện Hàm Thuận Bắc , tỉnh Bình Thuận, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 18 tháng 2 năm 1971
Số bằng: HM 031 km Quyết định số: 452/TTGa ngày 20 tháng 5 năm 1977
- 1605 Liệt sĩ: **NGUYỄN THỊ HẢI**
Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam , Nguyên quán: xã Hàm Liêm, huyện Hàm Thuận Bắc , tỉnh Bình Thuận, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước tháng 2 năm 1966
Số bằng: 7O 396 bm Quyết định số: 1462/TTGa ngày 22 tháng 12 năm 1978
- 1606 Liệt sĩ: **PHAN THÂN**
Phó chủ nhiệm Cục Hậu cần Quân khu 5, Nguyên quán: xã Điện Tín, huyện Điện Bàn , tỉnh Quảng Nam, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 3 tháng 6 năm 1973
Số bằng: 7O 499 bm Quyết định số: 9/TTGa ngày 3 tháng 1 năm 1979
- 1607 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN VỮNG**
Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam , Nguyên quán: xã Phước Thê, huyện Tuy Phong , tỉnh Bình Thuận, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 2 tháng 11 năm 1968
Số bằng: 7S 925 bm Quyết định số: 135/TTGa ngày 14 tháng 2 năm 1979
- 1608 Liệt sĩ: **TRƯƠNG CẬU**
Đội viên du kích , Nguyên quán: xã Tam Quan Nam, huyện Hoài Nhơn, tỉnh Nghĩa Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước năm 1967
Số bằng: BU 975 km Quyết định số: 135/TTGa ngày 27 tháng 2 năm 1980
- 1609 Liệt sĩ: **NGUYỄN THỊ XÍ**
Ủy viên Ban chấp hành phụ nữ xã , Nguyên quán: xã Vĩnh Hảo, huyện Tuy Phong , tỉnh Bình Thuận, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp năm 1950
Số bằng: KC 418 cp Quyết định số: 1570/TTGa ngày 23 tháng 11 năm 1977
- 1610 Liệt sĩ: **NGUYỄN THIÊN**

Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam , Nguyên quán: xã Hàm Mỹ, huyện Hàm Thuận Nam, tỉnh Bình Thuận, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 16 tháng 9 năm 1982
Số bằng: Y 226 bt Quyết định số: 34/CTKT ngày 15 tháng 2 năm 1984

1611 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN HIỆP**

Cán bộ xã , Nguyên quán:, tỉnh Nam Định, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 7 năm 1963
Số bằng: AB 062 cm Quyết định số: 112/CTKT ngày 27 tháng 3 năm 1985

1612 Liệt sĩ: **NGÔ VĂN THỨ**

Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam , Nguyên quán: xã Hàm Mỹ, huyện Hàm Thuận Nam, tỉnh Bình Thuận, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 4 tháng 4 năm 1967
Số bằng: 5S 777 bm Quyết định số: 653/TTGa ngày 17 tháng 6 năm 1978

1613 Liệt sĩ: **TRẦN NGỌC TÂM**

Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam , Nguyên quán: xã Hòa Phú, huyện Tuy Phong , tỉnh Bình Thuận, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 15 tháng 5 năm 1967
Số bằng: 7T 989 bm Quyết định số: 81/TTGa ngày 17 tháng 1 năm 1979

1614 Liệt sĩ: **NGUYỄN KHÁNH**

Đội viên du kích , Nguyên quán: xã Hòa Minh, huyện Tuy Phong , tỉnh Bình Thuận, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước tháng 3 năm 1968
Số bằng: 3Q 728 km Quyết định số: 406/TTGa ngày 1 tháng 6 năm 1979

1615 Liệt sĩ: **NGUYỄN CƯ**

Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam , Nguyên quán: xã Hòa Minh, huyện Tuy Phong , tỉnh Bình Thuận, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 15 tháng 2 năm 1953 Số bằng: 1LC 629 bp Quyết định số: 1035/TTGa ngày 11 tháng 9 năm 1978

1616 Liệt sĩ: **LÊ THANH ĐỀ**

Đại đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam , Nguyên quán: xã Hòa Minh, huyện Tuy Phong , tỉnh Bình Thuận, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 27 tháng 3 năm 1969
Số bằng: 6Q 128 bm Quyết định số: 1020/TTGa ngày 8 tháng 9 năm 1978

1617 Liệt sĩ: **NGUYỄN HOÀI PHONG**

Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam , Nguyên quán: xã Bình Thạnh, huyện Tuy Phong , tỉnh Bình Thuận, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 20 tháng 9 năm 1971
Số bằng: 4Q 299 bm Quyết định số: 189/TTGa ngày 3 tháng 3 năm 1978

1618 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN LIÊM**

Y tá xã , Nguyên quán: huyện Phú Quý, tỉnh Bình Thuận, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 26 tháng 11 năm 1969
Số bằng: 1P 533 cm Quyết định số: 1328/TTGa ngày 28 tháng 10 năm 1977

1619 Liệt sĩ: **NGUYỄN EM**

Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam , Nguyên quán: xã Bình Thạnh, huyện Tuy Phong, tỉnh Bình Thuận, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 23 tháng 4 năm 1969
Số bằng: 2U 868 bm Quyết định số: 1361/TTGa ngày 29 tháng 10 năm 1977

1620 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN CHƯƠNG**

Chủ tịch ủy ban hành chính xã, Nguyên quán: xã Phú Lạc, huyện Tuy Phong, tỉnh Bình Thuận, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 9 tháng 1 năm 1951
Số bằng: LC 347 cp Quyết định số: 135/TTGa ngày 20 tháng 2 năm 1978

- 1621 Liệt sĩ: **ĐẶNG LỊCH**
Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Phú Lạc, huyện Tuy Phong, tỉnh Bình Thuận, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 5 tháng 5 năm 1951
Số bằng: DL 969 kp Quyết định số: 96/TTg ngày 9 tháng 3 năm 1994
- 1622 Liệt sĩ: **HÒ BÔI**
Tiểu đội phó du kích, Nguyên quán: xã Phú Lạc, huyện Tuy Phong, tỉnh Bình Thuận, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 6 tháng 10 năm 1951
Số bằng: DO 753 kp Quyết định số: 150/TTg ngày 10 tháng 3 năm 1995
- 1623 Liệt sĩ: **NGUYỄN THỊ XUÔNG**
Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Phú Lạc, huyện Tuy Phong, tỉnh Bình Thuận, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 6 tháng 5 năm 1947
Số bằng: DO 742 kp Quyết định số: 150/TTg ngày 10 tháng 3 năm 1995
- 1624 Liệt sĩ: **LÊ NGỌC**
Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Phú Lạc, huyện Tuy Phong, tỉnh Bình Thuận, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 20 tháng 12 năm 1949
Số bằng: DO 770 kp Quyết định số: 150/TTg ngày 10 tháng 3 năm 1995
- 1625 Liệt sĩ: **NGUYỄN THỊ MỪNG**
Ban tiếp phẩm, Nguyên quán: xã Phú Lạc, huyện Tuy Phong, tỉnh Bình Thuận, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 19 tháng 5 năm 1950
Số bằng: ĐĐ 514 cp Quyết định số: 279/TTg ngày 29 tháng 4 năm 1997
- 1626 Liệt sĩ: **LÊ SÁNG**
Dân công , Nguyên quán: xã Phú Lạc, huyện Tuy Phong, tỉnh Bình Thuận, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 20 tháng 8 năm 1948
Số bằng: ĐĐ 518 cp Quyết định số: 279/TTg ngày 29 tháng 4 năm 1997
- 1627 Liệt sĩ: **NGUYỄN LONG**
Nhân viên giao liên huyện , Nguyên quán: xã Vĩnh Hảo, huyện Tuy Phong, tỉnh Bình Thuận, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 14 tháng 7 năm 1972
Số bằng: 2D 012 cm Quyết định số: 134/TTga ngày 20 tháng 2 năm 1978
- 1628 Liệt sĩ: **NGUYỄN LÙM**
Đội viên du kích , Nguyên quán: xã Tịnh Khê, huyện Sơn Tịnh , tỉnh Quảng Ngãi, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 4 tháng 12 năm 1967
Số bằng: VM 962 km Quyết định số: 947/TTga ngày 29 tháng 8 năm 1977
- 1629 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN LAI**
Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hàm Tiến, huyện Hàm Thuận, tỉnh Bình Thuận, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước năm 1968
Số bằng: 9AA 863 bm Quyết định số: 74/CTKT ngày 26 tháng 3 năm 1982
- 1630 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN HỮU**
Cán bộ công an nhân dân , Nguyên quán: xã Phong Nẫm, thị xã Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 15 tháng 5 năm 1951
Số bằng: FC 561 cp Quyết định số: 448/TTga ngày 13 tháng 6 năm 1980
- 1631 Liệt sĩ: **NGUYỄN MAO**
Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: phường Hàm Tiến, tp Phan Thiết, tỉnh

Bình Thuận, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp năm 1950
Số bằng: 2BC 571 bp Quyết định số: 298/TTGa ngày 25 tháng 4 năm 1980

1632 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN SÁT**

Cán bộ xã Hồng Hải, Nguyên quán: phường Hàm Tiến, thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 20 tháng 9 năm 1946
Số bằng: 2C 364 cp Quyết định số: 298/TTGa ngày 25 tháng 4 năm 1980

1633 Liệt sĩ: **NGUYỄN BỒ**

Cán bộ công an nhân dân, Nguyên quán: xã Quế Phú, huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 11 tháng 11 năm 1971
Số bằng: 3X 547 cm Quyết định số: 384/TTGa ngày 25 tháng 5 năm 1979

1634 Liệt sĩ: **NGUYỄN THỊ KIM CẢNH**

Kế toán dân y tỉnh, Nguyên quán: Hàm Thắng, Hàm Thuận Bắc, Bình Thuận, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước tháng 12 năm 1967
Số bằng: 3X 547cm, Quyết định 429/TTGa ngày 13 tháng 6 năm 1979

1635 Liệt sĩ: **NGUYỄN THANH XUÂN**

Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: thị trấn Chợ Lầu, huyện Bắc Bình, tỉnh Bình Thuận, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 27 tháng 7 năm 1972
Số bằng: 7U 089 bm Quyết định số: 117/TTGa ngày 9 tháng 2 năm 1979

1636 Liệt sĩ: **VÕ XUÂN ĐĂNG**

Chính trị viên Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hàm Hiệp, huyện Hàm Thuận Bắc, tỉnh Bình Thuận, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 30 tháng 6 năm 1954
Số bằng: 1SC 663 bp Quyết định số: 81/TTGa ngày 17 tháng 1 năm 1979

1637 Liệt sĩ: **TRƯƠNG ĐÌNH TOÀN**

Chủ tịch ủy ban nhân dân xã, Nguyên quán: xã Triệu Phong, huyện Triệu Lương, tỉnh Quảng Trị, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước tháng 2 năm 1956
Số bằng: 3R 699 cm Quyết định số: 09/TTGa ngày 3 tháng 1 năm 1979

1638 Liệt sĩ: **PHẠM GIỎI**

Liên lạc viên, Nguyên quán: phường Lạc Đạo, tp Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp tháng 7 năm 1947
Số bằng: 3C 604 cp Quyết định số: 54/TTGa ngày 11 tháng 1 năm 1979

1639 Liệt sĩ: **VÕ VĂN SƠN**

Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: phường Phú Trinh, tp Phan thiết, tỉnh Bình Thuận, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 2 tháng 2 năm 1968
Số bằng: 6U 859 bm Quyết định số: 1187/TTGa ngày 18 tháng 10 năm 1978

1640 Liệt sĩ: **MAI XUÂN HƯƠNG**

Trạm phó ngành giao bưu, Nguyên quán: xã Điện Dương, huyện Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 5 tháng 8 năm 1971
Số bằng: 3L 418 cm Quyết định số: 1188/TTGa ngày 18 tháng 10 năm 1978

1641 Liệt sĩ: **TRẦN THỊ TRỰC**

Xã đội phó, Nguyên quán: xã Hoài Châu, huyện Hoài Nhơn, tỉnh Nghĩa Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 27 tháng 10 năm 1970
Số bằng: 3B 744 km Quyết định số: 1029/Ttga ngày 11 tháng 9 năm 1978

- 1642 **Liệt sĩ: LÊ VĂN SỸ**
Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thăng Triều, huyện Thăng Bình, tỉnh Quảng Nam, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp tháng 7 năm 1954
Số bằng: 1LC 678 bp Quyết định số: 1005/TTGa ngày 4 tháng 9 năm 1978
- 1643 **Liệt sĩ: HUỖNH LỰC**
Đội viên du kích, Nguyên quán: thị trấn Phú Long, huyện Hàm Thuận Bắc, tỉnh Bình Thuận, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 1 tháng 10 năm 1954
Số bằng: MC 643 km Quyết định số: 635/TTGa ngày 14 tháng 6 năm 1978
- 1644 **Liệt sĩ: BÙI VĂN LU**
Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hàm Liêm, huyện Hàm Thuận Bắc, tỉnh Bình Thuận, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 5 tháng 6 năm 1970
Số bằng: 5R 183 bm Quyết định số: 634/TTGa ngày 14 tháng 6 năm 1978
- 1645 **Liệt sĩ: PHÙNG VĂN ĐẦY**
Kế toán- Tài chính, Nguyên quán: xã Hàm Hiệp, huyện Hàm Thuận Bắc, tỉnh Bình Thuận, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 25 tháng 7 năm 1970
Số bằng: 3N 392 cm Quyết định số: 135/TTGa ngày 14 tháng 2 năm 1979
- 1646 **Liệt sĩ: NGUYỄN THÁI HOÀNG**
Cán bộ đội công tác xã, Nguyên quán: xã Hàm Tiến, huyện Hàm Thuận, tỉnh Bình Thuận, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 22 tháng 6 năm 1968
Số bằng: 2K 953 cm Quyết định số: 135/TTGa ngày 20 tháng 2 năm 1978
- 1647 **Liệt sĩ: BÙI VĂN CÚT**
Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hàm Liêm, huyện Hàm Thuận Bắc, tỉnh Bình Thuận, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 21 tháng 3 năm 1969
Số bằng: 3M 714 bm Quyết định số: 1570/TTGa ngày 23 tháng 11 năm 1977
- 1648 **Liệt sĩ: PHAN THÀNH ĐA**
Đại đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hồng Chính, huyện Bắc Bình, tỉnh Bình Thuận, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 19 tháng 4 năm 1968
Số bằng: 2U 121 bm Quyết định số: 1399/TTGa ngày 2 tháng 11 năm 1977
- 1649 **Liệt sĩ: BÙI VĂN HAI**
Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hàm Liêm, huyện Hàm Thuận Bắc, tỉnh Bình Thuận, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 6 tháng 1 năm 1970
Số bằng: 3M 715 bm Quyết định số: 1570/TTGa ngày 23 tháng 11 năm 1977
- 1650 **Liệt sĩ: NGÔ NHUNG**
Nhân viên đội thuế, Nguyên quán: phường Phú Trinh, tp Phan thiết, tỉnh Bình Thuận, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 10 tháng 6 năm 1948
Số bằng: 1C 771 cp Quyết định số: 1399/TTGa ngày 2 tháng 11 năm 1977
- 1651 **Liệt sĩ: ĐINH NGỌC SÂM**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: phường Đức Long, tp Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 30 tháng 12 năm 1951
Số bằng: SC 188 bp Quyết định số: 1326/TTGa ngày 26 tháng 10 năm 1977
- 1652 **Liệt sĩ: TRẦN MINH CHÂU**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Bình Giang, huyện Thăng Bình, tỉnh Quảng Nam, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 14 tháng 11 năm 1966

Số bằng: 2U 136 bm Quyết định số: 1399/TTga ngày 2 tháng 11 năm 1977

1653 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN CANG**

Cán bộ ủy ban kháng chiến, Nguyên quán: phường Đức Long, tp Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp năm 1952

Số bằng: IC 784 cp Quyết định số: 1399/TTga ngày 2 tháng 4 năm 1977

1654 Liệt sĩ: **NGUYỄN THƯỜNG**

Ủy viên ủy ban kháng chiến, Nguyên quán: phường Đức Long, tp Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp năm 1954

Số bằng: HC 946 cp Quyết định số: 1236/TTga ngày 17 tháng 10 năm 1977

1655 Liệt sĩ: **NGUYỄN ĐỨC LÂM**

Cán bộ công đoàn thị xã, Nguyên quán: huyện Hương Thủy, tỉnh Thừa Thiên, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 9 tháng 1 năm 1951

Số bằng: IC 349 cp Quyết định số: 1441/TTga ngày 4 tháng 11 năm 1977

1656 Liệt sĩ: **NGUYỄN ĐỨC TRƯỜNG**

Nhân viên thường vụ thị ủy, Nguyên quán: phường Lạc Đạo, tp Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 7 tháng 12 năm 1965

Số bằng: 1N 285 cm Quyết định số: 1441/TTga ngày 4 tháng 11 năm 1977

1657 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN LỘC**

Đại đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Kim Bình, huyện Hàm Thuận, tỉnh Bình Thuận, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 17 tháng 4 năm 1969

Số bằng: 2BC 200bm Quyết định số: 1081/TTga ngày 30 tháng 9 năm 1977

1658 Liệt sĩ: **NGUYỄN THỊ CÔI**

Cán bộ phụ nữ xã, Nguyên quán: xã Kim Bình, huyện Hàm Thuận, tỉnh Bình Thuận, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 23 tháng 1 năm 1966

Số bằng: 1K 507 cm Quyết định số: 1081/TTga ngày 30 tháng 9 năm 1977

1659 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN CHÈO**

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã An Ninh, huyện Tuy An, tỉnh Phú Khánh, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp năm 1949

Số bằng: QC 302 bp Quyết định số: 1081/TTga ngày 30 tháng 9 năm 1977

1660 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN CƯ**

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: phường Phú Trinh, tp Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 24 tháng 4 năm 1968

Số bằng: 2B 273 bm Quyết định số: 1081/TTga ngày 30 tháng 9 năm 1977

1661 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN SƠN**

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: phường Phú Trinh, tp Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp năm 1949

Số bằng: QC 288 bp Quyết định số: 1081/TTga ngày 30 tháng 9 năm 1977

1662 Liệt sĩ: **LÊ QUANG HỒNG**

Tiểu đoàn trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hàm Chính, huyện Hàm Thuận Bắc, tỉnh Bình Thuận, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 31 tháng 3 năm 1970

Số bằng: 1P 747 bm Quyết định số: 846/TTga ngày 12 tháng 8 năm 1977

1663 Liệt sĩ: **NGÔ THỜI ĐẠI**

- Quản lý đoàn tuyên truyền Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thù Lê, huyện Quảng Điền, tỉnh Thừa Thiên Huế, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 20 tháng 3 năm 1949 Số bằng: PC 010 bp Quyết định số: 837/TTGa ngày 12 tháng 8 năm 1977
- 1664 Liệt sĩ: **VĂN CÔNG TÂM**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Phú Hải, huyện Hàm Thuận, tỉnh Bình Thuận, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước tháng 1 năm 1969
Số bằng: 1Q 199 bm Quyết định số: 806/TTGa ngày 3 tháng 8 năm 1977
- 1665 Liệt sĩ: **LÊ VĂN ĐÔNG**
Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Cẩm Thạch, thị xã Hội An, tỉnh Quảng Nam, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 3 tháng 8 năm 1968
Số bằng: 7S 919 bm Quyết định số: 135/TTGa ngày 14 tháng 2 năm 1972
- 1666 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN TÁNH**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hàm Liêm, huyện Hàm Thuận Bắc, tỉnh Bình Thuận, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 21 tháng 4 năm 1962
Số bằng: VO 614 bm Quyết định số: 448/TTGa ngày 18 tháng 5 năm 1977
- 1667 Liệt sĩ: **CHÂU THỊ TRÂN**
Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Hải Khê, huyện Hải Lăng, tỉnh Quảng Trị, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 18 tháng 7 năm 1968
Số bằng: AK 236 km Quyết định số: 1365/TTGa ngày 1 tháng 7 năm 1977
- 1668 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN BẢY**
Cơ sở cách mạng, Nguyên quán: phường Phú Trinh, thành phố Phan thiết, tỉnh Bình Thuận, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 3 tháng 3 năm 1949
Số bằng: DY 556 cp Quyết định số: 214/TTg ngày 12 tháng 4 năm 1996
- 1669 Liệt sĩ: **HUỲNH PHỐ**
Đội viên đội vũ trang thị xã, Nguyên quán: phường Phú Trinh, tp Phan thiết, tỉnh Bình Thuận, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 4 tháng 4 năm 1969
Số bằng: CD 256 cp Quyết định số: 176/CTKT ngày 14 tháng 9 năm 1989
- 1670 Liệt sĩ: **TRẦN ĐÌNH ĐỨC**
Tiểu đội trưởng quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hàm Tiến, huyện Hàm Thuận, tỉnh Bình Thuận, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 9 tháng 10 năm 1982
Số bằng: AA 291 bt Quyết định số: 147/CTKT ngày 16 tháng 5 năm 1984
- 1671 Liệt sĩ: **TRẦN HỮU CHÍ**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Phong Nẫm, thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 1 tháng 5 năm 1983
Số bằng: AA 289 bt Quyết định số: 147/CTKT ngày 16 tháng 5 năm 1984
- 1672 Liệt sĩ: **LA MINH DUY**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Phú Lâm, huyện Hàm Tân, tỉnh Bình Thuận, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 5 tháng 3 năm 1984
Số bằng: AI 541 bt Quyết định số: 382/CTKT ngày 7 tháng 11 năm 1984
- 1673 Liệt sĩ: **NGUYỄN QUYÊN**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: tỉnh Quảng Nam-Đà Nẵng, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 23 tháng 4 năm 1985
Số bằng: BH 759 bt Quyết định số: 113/CTKT ngày 3 tháng 6 năm 1987

- 1674 Liệt sĩ: **TRỊNH PHẠM**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Đức Thạnh, huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 10 tháng 7 năm 1947
Số bằng: 1OC 141bp Quyết định số: 1237/TTGa ngày 1 tháng 11 năm 1978
- 1675 Liệt sĩ: **LÂM TÙNG**
Trung đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Điện Quang, huyện Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 9 tháng 7 năm 1963
Số bằng: 4Q 294 bm Quyết định số: 190/TTGa ngày 3 tháng 3 năm 1978
- 1676 Liệt sĩ: **ĐẶNG VĂN THANH**
Trợ lý tác huấn Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hàm Mỹ, huyện Hàm Thuận, tỉnh Bình Thuận, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 30 tháng 12 năm 1974
Số bằng: 5S 803 bm Quyết định số: 653/TTGa ngày 17 tháng 6 năm 1978
- 1677 Liệt sĩ: **PHẠM THÀNH TÂM**
Chính trị viên xã đội, Nguyên quán: xã Hàm Tiến, huyện Hàm Thuận, tỉnh Bình Thuận, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 25 tháng 5 năm 1965
Số bằng: 1K 772 km Quyết định số: 1719/TTGa ngày 14 tháng 12 năm 1977
- 1678 Liệt sĩ: **ĐẶNG VĂN MỘI**
Thôn đội trưởng, Nguyên quán: xã Hàm Hiệp, huyện Hàm Thuận, tỉnh Bình Thuận, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 5 tháng 2 năm 1967
Số bằng: 1U 194 km Quyết định số: 1611/TTGa ngày 28 tháng 11 năm 1977
- 1679 Liệt sĩ: **LÊ CÁI**
Dân công, Nguyên quán: xã Hàm Hiệp, huyện Hàm Thuận, tỉnh Bình Thuận, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 5 tháng 4 năm 1954
Số bằng: KC 619 cp Quyết định số: 1611/TTGa ngày 28 tháng 11 năm 1977
- 1680 Liệt sĩ: **LÊ TIẾN DŨNG**
Nhân viên truyền tin, Nguyên quán: xã Hàm Chính, huyện Hàm Thuận Bắc, tỉnh Bình Thuận, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 20 tháng 9 năm 1967
Số bằng: Y 217 cm Quyết định số: 846/TTGa ngày 12 tháng 8 năm 1977
- 1681 Liệt sĩ: **LÊ TẤN THÀNH**
Thiếu úy Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hàm Chính, huyện Hàm Thuận Bắc, tỉnh Bình Thuận, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 25 tháng 1 năm 1972
Số bằng: IQ 426 bm Quyết định số: 686/TTGa ngày 17 tháng 8 năm 1977
- 1682 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN HỨA**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Bình Lý, huyện Bình Lục, tỉnh Hà Nam, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 7 tháng 6 năm 1967
Số bằng: AĐ 905 bm Quyết định số: 45/TTGa ngày 23 tháng 2 năm 1971
- 1683 Liệt sĩ: **PHAN VĂN TIỀN**
Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Hàm Tiến, huyện Hàm Thuận, tỉnh Bình Thuận, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 20 tháng 6 năm 1966
Số bằng: 2I 884 km Quyết định số: 136/TTGa ngày 20 tháng 2 năm 1978
- 1684 Liệt sĩ: **NGUYỄN XUÂN NGỌ**
Cán bộ, Nguyên quán: thị trấn Chợ Lầu, huyện Bắc Bình, tỉnh Bình Thuận, đã hy sinh trong cuộc

kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 7 tháng 7 năm 1946
Số bằng: DY 570 cp Quyết định số: 214/TTg ngày 12 tháng 4 năm 1996

- 1685 Liệt sĩ: **TRẦN KHÁNH HUỆ**
Thôn trưởng, Nguyên quán: xã Triệu Lăng, huyện Triệu Phong, tỉnh Quảng Trị, đã hy sinh trong
sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 1 tháng 8 năm 1969
Số bằng: 1Q 864 cm Quyết định số: 1326/TTga ngày 26 tháng 10 năm 1977
- 1686 Liệt sĩ: **NGUYỄN PHÓ**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tịnh Thiện, huyện Sơn Tịnh, tỉnh Quảng
Ngãi, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 11 tháng 5 năm 1968
Số bằng: 1Q 651 bm Quyết định số: 864/TTga ngày 15 tháng 8 năm 1977
- 1687 Liệt sĩ: **HUỖNH NGỌC THẬN**
Trung đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: Phú Long, Hàm Thuận Bắc, Bình Thuận,
đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 20 tháng 6 năm 1950
Số bằng: 1SC 678 bp Quyết định số: 81/TTga ngày 17 tháng 1 năm 1979
- 1688 Liệt sĩ: **PHẠM HỮU SÁU**
Chuẩn úy Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hàm Liêm, huyện Hàm Thuận Bắc, tỉnh
Bình Thuận, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 13 tháng 4 năm 1970
Số bằng: VO 584 bm Quyết định số: 478/TTga ngày 27 tháng 5 năm 1977
- 1689 Liệt sĩ: **PHẠM HỮU BẦY**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hàm Liêm, huyện Hàm Thuận Bắc, tỉnh
Bình Thuận, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 28 tháng 10 năm 1972
Số bằng: VO 445 bm Quyết định số: 478/TTga ngày 27 tháng 5 năm 1977
- 1690 Liệt sĩ: **PHẠM HỮU NON**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hàm Liêm, huyện Hàm Thuận Bắc, tỉnh
Bình Thuận, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước tháng 3 năm 1964
Số bằng: VO 573 bm Quyết định số: 478/TTga ngày 27 tháng 5 năm 1977
- 1691 Liệt sĩ: **PHẠM HỮU CHIẾN**
Cán bộ công an nhân dân, Nguyên quán: xã Hàm Liêm, huyện Hàm Thuận Bắc, tỉnh Bình Thuận,
đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 9 tháng 4 năm 1968
Số bằng: CM 621 cm Quyết định số: 55/CTKT ngày 23 tháng 4 năm 1990
- 1692 Liệt sĩ: **LÊ VĂN SƠN**
Huyện đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hàm Đức, huyện Hàm Thuận Bắc,
tỉnh Bình Thuận, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 18 tháng 4 năm 1968
Số bằng: 6U 861 bm Quyết định số: 1187/TTga ngày 18 tháng 10 năm 1978
- 1693 Liệt sĩ: **ĐẶNG THỊ XÍ**
Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hồng Sơn, huyện Hàm Thuận Bắc,
tỉnh Bình Thuận, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước tháng 12 năm 1968
Số bằng: B 518 bm Quyết định số: 284/CTKT ngày 29 tháng 9 năm 1982
- 1694 Liệt sĩ: **HỒ HỮU BÀI**
Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hàm Chính, huyện Hàm Thuận Bắc,
tỉnh Bình Thuận, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 6 tháng 7 năm 1967
Số bằng: 5T 024 bm Quyết định số: 648/TTga ngày 17 tháng 6 năm 1978

- 1695 **Liệt sĩ: NGUYỄN VĂN TRONG**
Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: Phú Long, Hàm Thuận Bắc, Bình Thuận, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 21 tháng 5 năm 1967
Số bằng: 5R 290 bm Quyết định số: 636/TTGa ngày 14 tháng 6 năm 1978
- 1696 **Liệt sĩ: VĂN CÔNG BÓN**
Chuẩn úy Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hàm Liêm huyện Hàm Thuận Bắc, tỉnh Bình Thuận, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp năm 1950
Số bằng: 1BC 259bp Quyết định số: 276/TTGa ngày 22 tháng 3 năm 1978
- 1697 **Liệt sĩ: NGUYỄN NGỌC SANG**
Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hồng Sơn, huyện Hàm Thuận Bắc, tỉnh Bình Thuận, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 12 tháng 4 năm 1948 Số bằng: DY 507 bp Quyết định số: 214/TTg ngày 12 tháng 4 năm 1996
- 1698 **Liệt sĩ: HỒ VĂN THỂ**
Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hàm Chính, huyện Hàm Thuận Bắc, tỉnh Bình Thuận, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 23 tháng 3 năm 1970
Số bằng: 5S 787 bm Quyết định số: 653/TTGa ngày 17 tháng 6 năm 1978
- 1699 **Liệt sĩ: NGUYỄN THANH HỒNG**
Trung đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hồng Sơn, huyện Hàm Thuận Bắc, tỉnh Bình Thuận, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 25 tháng 3 năm 1967
Số bằng: 8K 017 bm Quyết định số: 384/TTGa ngày 28 tháng 9 năm 1979
- 1700 **Liệt sĩ: NGUYỄN VĂN NHÌ**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hồng Sơn, huyện Hàm Thuận Bắc, tỉnh Bình Thuận, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 15 tháng 9 năm 1972
Số bằng: 9Z 672 bm Quyết định số: 766/TTGa ngày 15 tháng 12 năm 1980
- 1701 **Liệt sĩ: PHẠM VĂN MINH**
Xã đội trưởng, Nguyên quán: thị trấn Liên Hương, huyện Tuy Phong, tỉnh Bình Thuận, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 26 tháng 1 năm 1982
Số bằng: CQ 042 ct Quyết định số: 38/CTKT ngày 9 tháng 3 năm 1991
- 1702 **Liệt sĩ: TRẦN KHÁNG**
Chi ủy xã Hồng Chính, Nguyên quán: xã Hồng Chính, huyện Bắc Bình, tỉnh Bình Thuận, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 1 tháng 4 năm 1965
Số bằng: 4G 433 cm Quyết định số: 870/TTGa ngày 12 tháng 12 năm 1979
- 1703 **Liệt sĩ: NGUYỄN HỮU XUÂN**
Đội viên an ninh xã, Nguyên quán: xã Bình Thạnh, huyện Tuy Phong, tỉnh Bình Thuận, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 7 tháng 1 năm 1971
Số bằng: 2D 016 cm Quyết định số: 134/TTGa ngày 20 tháng 2 năm 1978
- 1704 **Liệt sĩ: LỤC BỬA**
Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: thị trấn Liên Hương, huyện Tuy Phong, tỉnh Bình Thuận, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 17 tháng 6 năm 1966
Số bằng: 4Q 475 bm Quyết định số: 191/TTGa ngày 3 tháng 3 năm 1978
- 1705 **Liệt sĩ: PHẠM ĐÌNH ĐÀO**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Vĩnh Hào, huyện Tuy Phong, tỉnh

- Bình Thuận, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 21 tháng 6 năm 1948
Số bằng: IAC 596 bp Quyết định số: 190/TTGa ngày 3 tháng 3 năm 1978
- 1706 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN LỘC**
Thương binh hạng I, Nguyên quán: thị trấn Phan-Rí Cửa, huyện Tuy Phong, tỉnh Bình Thuận, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 4 tháng 4 năm 1989
Số bằng: CQ 045 vt Quyết định số: 38/CTKT ngày 9 tháng 3 năm 1991
- 1707 Liệt sĩ: **VÕ VĂN THỂ**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Bình Triều, huyện Thăng Bình, tỉnh Quảng Nam, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 17 tháng 1 năm 1967
Số bằng: 1Đ 872 bm Quyết định số: 654/TTGa ngày 28 tháng 6 năm 1977
- 1708 Liệt sĩ: **TRƯƠNG BỘ**
Hội trưởng hội liên việt nông dân xã, Nguyên quán: xã Phong Phú, huyện Tuy Phong, tỉnh Bình Thuận, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 7 tháng 2 năm 1949
Số bằng: DT 122 cp Quyết định số: 420/TTg ngày 22 tháng 7 năm 1995
- 1709 Liệt sĩ: **NGUYỄN NHƯ KÍNH**
Trưởng ban tuyên giáo xã, Nguyên quán: xã Vĩnh Hảo, huyện Tuy Phong, tỉnh Bình Thuận, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp tháng 2 năm 1949
Số bằng: ĐI 517 cp Quyết định số: 279/TTga ngày 29 tháng 4 năm 1979
- 1710 Liệt sĩ: **HUỖNH NGỌC ĐÔNG**
Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Bình Thạnh, huyện Tuy Phong, tỉnh Bình Thuận, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 6 tháng 3 năm 1973
Số bằng: 4Q 422 bm Quyết định số: 191/TTGa ngày 3 tháng 3 năm 1978
- 1711 Liệt sĩ: **HUỖNH CỬ**
Cán bộ huyện, Nguyên quán: xã Bình Thạnh, huyện Tuy Phong, tỉnh Bình Thuận, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước tháng 10 năm 1969
Số bằng: U 253 cm Quyết định số: 441/CTKT ngày 7 tháng 12 năm 1983
- 1712 Liệt sĩ: **NGUYỄN TRƯỚC**
Tiểu đội phó du kích, Nguyên quán: thị trấn Liên Hương, huyện Tuy Phong, tỉnh Bình Thuận, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 20 tháng 9 năm 1948
Số bằng: LC 954 kp Quyết định số: 150/TTga ngày 22 tháng 2 năm 1978
- 1713 Liệt sĩ: **NGUYỄN BÓN**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Vĩnh Hảo, huyện Tuy Phong, tỉnh Bình Thuận, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 12 tháng 8 năm 1968
Số bằng: HQ 476 bm Quyết định số: 191/TTga ngày 3 tháng 3 năm 1978
- 1714 Liệt sĩ: **KIỀU HỒNG**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Mỹ Sơn, huyện Ninh Sơn, tỉnh Ninh Thuận, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 20 tháng 1 năm 1986
Số bằng: BH 766 bt Quyết định số: 113/CTKT ngày 3 tháng 6 năm 1987
- 1715 Liệt sĩ: **NGUYỄN HUỖNH THU**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Vĩnh Hảo, huyện Tuy Phong, tỉnh Bình Thuận, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 19 tháng 9 năm 1970
Số bằng: 4Q 229 bm Quyết định số: 190/TTGa ngày 3 tháng 3 năm 1978

- 1716 Liệt sĩ: **NGUYỄN THỊ LÊ**
 Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Vĩnh Hảo, huyện Tuy Phong, tỉnh Bình Thuận, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 28 tháng 11 năm 1971
 Số bằng: HQ 353 bm Quyết định số: 189/TTGa ngày 3 tháng 3 năm 1978
- 1717 Liệt sĩ: **NGUYỄN THỊ LIÊN**
 Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Vĩnh Hảo, huyện Tuy Phong, tỉnh Bình Thuận, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 4 năm 1971
 Số bằng: HQ 347 bm Quyết định số: 189/TTGa ngày 3 tháng 3 năm 1978
- 1718 Liệt sĩ: **ĐẶNG THIÊN THÂN**
 Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: thị trấn Phan Rí Cửa, huyện Tuy Phong, tỉnh Bình Thuận, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 30 tháng 8 năm 1980
 Số bằng: 6AA 864 bt Quyết định số: 310/CTKT ngày 9 tháng 7 năm 1981
- 1719 Liệt sĩ: **LƯƠNG SƠN TÁM**
 Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Phước Thê, huyện Tuy Phong, tỉnh Bình Thuận, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 13 tháng 6 năm 1969
 Số bằng: 8H 087 bm Quyết định số: 375/TTGa ngày 25 tháng 5 năm 1979
- 1720 Liệt sĩ: **ĐỖ VĂN NON**
 Cơ sở, Nguyên quán: xã Hàm Đức, huyện Hàm Thuận Bắc, tỉnh Bình Thuận, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 4 tháng 2 năm 1968
 Số bằng: 4B 368 cm Quyết định số: 697/TTGa ngày 8 tháng 10 năm 1979
- 1721 Liệt sĩ: **BÙI THỊ NĂM**
 Dân công hỏa tuyến, Nguyên quán: xã Hàm Thắng, huyện Hàm Thuận Bắc, tỉnh Bình Thuận, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 26 tháng 11 năm 1967
 Số bằng: ĐY 686 cm Quyết định số: 457/Ttga ngày 28 tháng 4 năm 1999
- 1722 Liệt sĩ: **PHẠM THANH HOA**
 Nhân viên huyện đoàn thanh niên, Nguyên quán: xã Hàm Trí, huyện Hàm Thuận Bắc, tỉnh Bình Thuận, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 4 tháng 6 năm 1962
 Số bằng: 4B 378 cm Quyết định số: 697/TTGa ngày 8 tháng 10 năm 1979
- 1723 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN TÂN**
 Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hàm Chính, huyện Hàm Thuận Bắc, tỉnh Bình Thuận, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 13 tháng 7 năm 1971
 Số bằng: 1Q 358 bm Quyết định số: 868/TTGa ngày 17 tháng 8 năm 1977
- 1724 Liệt sĩ: **LÊ THỊ HUỆ**
 Cán bộ phụ nữ, Nguyên quán: xã Mỹ Hiệp, huyện Phù Mỹ, tỉnh Bình Định, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 18 tháng 5 năm 1967
 Số bằng: DY 611 cm Quyết định số: 214/TTg ngày 12 tháng 4 năm 1996
- 1725 Liệt sĩ: **NGUYỄN TÌNH**
 Ý tá đội công tác, Nguyên quán: xã Phan Rí, huyện Hòa Đa, tỉnh Bình Thuận, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 3 tháng 7 năm 1968
 Số bằng: 2M 700 cm Quyết định số: 315/TTGa ngày 29 tháng 3 năm 1978
- 1726 Liệt sĩ: **VÕ VĂN ĐĂNG**
 Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Tân Thành, huyện Hàm Thuận Nam, tỉnh Bình Thuận, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 30 tháng 8 năm 1962

Số bằng: ĐR 677 km Quyết định số: 178/QĐ-TTg ngày 2 tháng 6 năm 1998

1727 Liệt sĩ: **VÕ THỪA KHIÊM**

Phó Chủ tịch mặt trận xã, Nguyên quán: xã Tân Thành, huyện Hàm Thuận Nam, tỉnh Bình Thuận, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 1 tháng 11 năm 1967
Số bằng: ĐI 594 cm Quyết định số: 279/TTg ngày 29 tháng 4 năm 1997

1728 Liệt sĩ: **NGUYỄN QUANG MINH**

Đại đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tân Thành, huyện Hàm Thuận Nam, tỉnh Bình Thuận, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 15 tháng 8 năm 1969
Số bằng: ED 557 bm Quyết định số: 122/QĐ-TTg ngày 15 tháng 2 năm 2000

1729 Liệt sĩ: **LƯỢNG XUÂN TƯỜNG**

Trưởng ban Nông hội xã, Nguyên quán: xã Tân Thành, huyện Hàm Thuận Nam, tỉnh Bình Thuận, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 30 tháng 10 năm 1964
Số bằng: 1A 974 cm Quyết định số: 853/TTga ngày 12 tháng 8 năm 1977

1730 Liệt sĩ: **NGUYỄN XUÂN QUÊ**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Dân Quyền, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 11 tháng 9 năm 1973
Số bằng: LD 815 bm Quyết định số: 141/TTga ngày 4 tháng 4 năm 1974